English Section Page 45

NĂM THỨ SÁU • # 68 • DECEMBER 1994

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

BẠCH YẾN PHÚT NÓI THẬT

Phỏng Vấn của **NGUYỄN NAM ANH**

Lịch Sử: HAI LẦN HỘI KIẾN ÔNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

Hướng Thượng LÊ ĐÌNH DUYÊN

Du Lịch: MỸ CẢNH LỘ CALIFORNIA

Nhiếp Ảnh Gia **NGÔ THANH TÙNG**

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Triển Lãm • Hội Thảo • Ra Mắt Sách

Nhạc Thính Phòng • Văn Nghệ Thân Hữu • Câu Lạc Bộ

Quán Sách Báo Băng và Mỹ Nghệ Phẩm...

11022 ACACIA PKWY # A, GARDEN GROVE CA 92640 USA

TEL (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944

Hằng triệu khán thính giả trong và ngoài nước đã yêu thích:

VIDEO PARIS BY NIGHT 22

LAM PHƯƠNG 1

Nhạc LAM PHƯƠNG thật đại chúng, mang nhiều sắc thái quê hương dân tộc, dạt dào tình cảm lãng mạn, là một thứ ngôn ngữ diễn tả tình yêu tuyệt vời (Bài Tango Cho Em, Chỉ Có Em, Thiên Đàng Ái Ân, Duyên Kiếp, Em Đi Rồi, Em Là Tất Cả, Tình Như Mây Khói, Thành Phố Buồn...)

VIDEO

PARIS BY NIGHT 28

SACRÉE SOIRÉE 3

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN

CHỦ ĐỀ: *Dòng Nhạc Tiếp Nối*

LAM PHƯƠNG 2

Giá 25$ / 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860
Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry
75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd.
Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA
Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Ái Vân - Thanh Lan
Ý Lan - Hương Lan - Dalena
Phi Khanh - Phương Hồng Quế
Diễm Liên - Trang Thanh Lan
Mỹ Lan - Phương Loan - Bảo Hân
Jenny Loan - Ngọc Thúy - Elvis
Phương - Anh Khoa - Duy
Quang - Don Hồ - Quang Bình
Henri Chúc - Nguyễn Hưng
Chí Tài - Chí Thiện...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

LIÊN HIỆP TỊ NẠN QUẬN CAM (OCRC, Orange County Refugee Coalition),
một nhóm các tổ chức bất vụ lợi giới thiệu:

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VẬN ĐỘNG NHẬP QUỐC TỊCH

(PARTNERSHIP FOR CITIZENSHIP)

- Khóa học nhập tịch MIỄN PHÍ để GIÚP NGƯỜI TỊ NẠN chuẩn bị thi nhập quốc tịch Hoa Kỳ, gồm 25 giờ học dạy các môn về LỊCH SỬ và CƠ CẤU CHÍNH QUYỀN HOA KỲ, và luyện tập để trả lời những câu phỏng vấn của nhân viên sở di trú và nhập tịch (INS).
- Điều kiện theo học: bạn phải ở Mỹ hợp pháp bốn (4) năm trở lên.
- Chương trình MIỄN PHÍ này được chính phủ liên bang chuẩn chi và chấp nhận bởi Sở Định Cư Người Tị Nạn, và được các cơ quan Thiện Nguyện địa phương, các Hội Tương Trợ, cùng ty Xã Hội hạt Orange bảo trợ.
- Các lớp học sẽ được tổ chức vào các buổi

CHIỀU và TỐI MỖI NGÀY TRONG TUẦN và SÁNG THỨ BẢY

tại các địa điểm sau:

- *Garden Grove (4 trung tâm)*
- *Westminster (4 trung tâm)*
- *Santa Ana (2 trung tâm)*
- *Anaheim (2 trung tâm)*

Ngoài ra chúng tôi còn có các bài học và các lớp **ESL MIỄN PHÍ*.**

THỜI GIAN GHI DANH: BẮT ĐẦU TỪ NGÀY 3 THÁNG MƯỜI 1994

XIN GỌI SỐ

CITIZENSHIP HOT-LINES
(714) 444-0400 hoặc (714) 558-3097

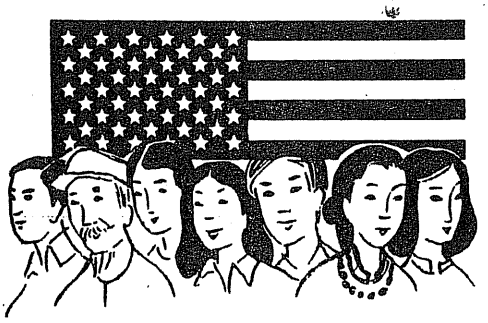

Các Cơ Quan và Hội Đoàn đồng bảo trợ chương trình:

Catholic Charities of Orange County/USCC
County of Orange/Social Service Agency
Episcopal Migration Ministries/ESA
International Rescue Committee, Inc.
Jewish Family Services of Orange County
Laotian American Organized Support
Lutheran Social Services of Southern California
St.Anselm's Cross-Cultural Center/Church World Services
The Cambodian Family, Inc.
Vietnamese American Arts and Letters Association
Vietnamese Community of Orange County, Inc.
World Relief

** Chúng tôi có lớp dạy đặc biệt MIỄN PHÍ cho những thường trú nhân không phải tị nạn ở Mỹ năm năm trở lên, xin gọi lấy hẹn riêng.*

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove. CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

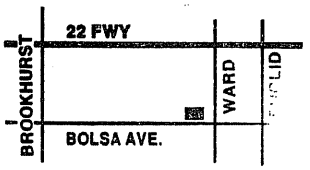

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

The Company You Keep®

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

DỰ ÁN 20:

Chuẩn bị
kỷ niệm 20 năm
sống xa
quê cha đất tổ

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / Issues (US$17.10) ☐12 số / Issues (US$32.40) ☐24 số / Issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Tranh bìa: *Nguyễn Đồng*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng* và *Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Vũ Thái Hoà*
Hí hoạ: *Vẹt*
Ảnh: *Danchi Nguyễn, Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca*

MỤC LỤC
Số 68 - Tháng Mười Hai 1994

CHÍNH TRỊ

10 Tị nạn: 5,000 người đi bộ cho quyền tị nạn (*Hà Tường Cát*)
11 Pháp trị xưa và nay (*Trần Thanh Hiệp*)
16 Từ vô sản chuyên chế đến pháp trị, pháp quyền (*Từ Thức* ghi)
18 Hai ông tổng lãnh sự Anh ở Saigon (*Nguyễn Anh Tuấn*)

KÝ - PHỎNG VẤN

31 Chuyện trò với Võ Phiến (*Hoàng Khởi Phong*)
41 Phút nói thật của Bạch Yến (*Nguyễn Nam Anh*)
53 Tiếng thơ trong dương cầm: nghe đàn Đặng Thái Sơn (*Quỳnh Giao*)
55 Ý Nhi (*Lê Đại Lãng*)

KHOA HỌC - DU LỊCH

22 Du lịch: Mỹ cảnh lộ -- bờ biển Cali (*Ngô Thanh Tùng*)
27 Khoa học: Hạt cơ bản và vi hạt Quác (*Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh*)

TRUYỆN

59 Biển (*Miêng*)
61 Không đi xa nữa (*Nguyễn Chí Kham*)
71 Noel và kỷ niệm (***Vi Khuê***)
79 Giọt trầm (*Song Thao*)

THƠ

33 Anh mãi là chim của tháng, năm (*Nguyễn Văn Cường*)
35 Hoa trà *(Trần Mộng Tú)*
44 Thơ từ một chỗ lạ (*Nguyễn Mạnh Trinh*)
60 Nối thêm âm động (*Phan Nhật Nam*)
63 Thu 94 (*Phạm Quốc Bảo*)
67 Sống khép (*Lê Giang Trần*)
73 Như dao (*Hoàng Xuân Sơn*)
76 Soi gương nói chuyện một mình (*Minh Hân*)
77 Vì sao (*Nhất Tuấn*)

MỤC THƯỜNG LỆ

6 Thư Toà soạn
7 Bạn đọc viết
8 Toà soạn và bạn đọc
85 Vòng chân trời văn học nghệ thuật
90 Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

45 Dang Thai Son (*Danchi Nguyen*)
46 Vietnam's port -- toward 2000
48 Stance (*Ruth Talovich*)

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944

P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Báo tháng trước vừa ra, họa sĩ Khánh Trường, nhân đến dự buổi ra mắt sách của Trần Mộng Tú tại Hội VAALA, cũng là trụ sở "báo nhà," nhắc tòa soạn: "Mùng Một Tết năm nay là ngày 31 tháng Giêng Tây các ông ạ. Các ông ra báo Tết vào tháng Hai thì là Tết nào thế nhỉ?" Thế là tòa soạn triệu tập ngay cuộc họp... hai người (vì chỉ có hai người tại chỗ!) và "nói lại cho rõ": Số Tết *Thế Kỷ 21* sẽ ra vào tháng Giêng 1995, tức số 69, tức ngay sau số này. Xin hải nội chư quân tử và anh thư gửi bài về ngay cho!

Ngày 19 vừa qua, hai tạp chí *Văn Học* và *Thế Kỷ 21*, được sự hỗ trợ của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, và hưởng ứng phong trào "Dự Án 20" (kỷ niệm 20 năm người Việt định cư tại Mỹ), đã bắt đầu loạt hội luận với chủ đề "Nhìn lại 20 năm văn học Việt Nam hải ngoại." Đây là một loại "bàn tròn văn học dài hơi" — nghĩa là hội luận sẽ kéo dài nhiều kỳ họp, và ở nhiều nơi. Ban tổ chức dự trù ba tháng họp một lần, mỗi lần cử ra một số người đặt vấn đề, để mọi người cùng góp ý, và ban tổ chức đúc kết ý kiến. Mọi người ở đây có nghĩa là những người hiện diện trong các buổi họp, và các văn hữu ở xa viết tham luận, bất kể ngắn dài, gửi về đóng góp. Vậy xin thông báo để "bà con cô bác xa gần" chuẩn bị nói và viết! Các bạn ở các tiểu bang khác, nếu tổ chức được những "hội luận vùng," xin xúc tiến ngay. Hy vọng mùa Thu năm 1995, chúng ta có thể từ bốn phương tụ về một chỗ để làm một buổi "đại đúc kết" cho đề tài này, và in được một tập tài liệu trong đó có ý kiến của hàng trăm người.

Từ ngày dọn về trụ sở mới, lại "ở chung nhà" với Hội VAALA, nên "báo nhà" tấp nập người đi kẻ đến, và thư từ cũng gia tăng. Tòa soạn không thể trả lời thư riêng được nữa, đành dùng điện thoại và vài dòng nhắn tin trên báo để giữ liên lạc với văn hữu và bạn bè, xin quý vị thể tất cho những thiếu sót về giao tế. Các bạn ở xa, nhìn ảnh chụp trụ sở mới (của Hội VAALA và báo TK 21), gọi điện thoại về kêu "sang quá." Có người hỏi "tòa báo ở trong đó hay chỉ là hình của một công ty địa ốc muốn bán nhà?" Tòa báo ở đó, nhưng chỉ có từng trệt thôi, trên lầu là văn phòng một công ty điện thoại. Tuy nhỏ, nhưng nằm ngay trung tâm văn hóa của thị xã Garden Grove, có hai tên gọi — đều rất văn nghệ — là "Village Green" hoặc "Shakespeare Center." Con đường Main trước mặt, lót gạch đỏ như đường từ cổng làng dẫn vào đình, thường bị (hay được?) thị xã chặn hai đầu để biến thành một quảng trường cho hội chợ, diễn hành, hoặc lễ lạc, rất nhiều lần trong một năm. Có lẽ đó là lý do việc buôn bán ở khu này bị trở ngại, nên giá nhà cho thuê rất thấp. Hội VAALA và báo của chúng ta không phải là tiệm bán lẻ, lại ở vị trí góc đường, có hai mặt tiền, nên không trở ngại gì. Đó là một may mắn, một "thiên thời, địa lợi" không phải ai cũng có.

Và với sự ủng hộ ngày một đông đảo và nồng nhiệt của độc giả, thân chủ quảng cáo và văn hữu khắp nơi, như chúng ta đang có, thì đây là "nhân hòa" thứ thiệt. Chúng ta phải thành công! Quý vị đồng ý chứ? Xin thân ái chào và hẹn gặp ở số Tết!■

THẾ KỶ 21

Ai đúng?

Đọc bài "Câu Chuyện Nhạc Truyền Thống" của Ngô Đình Vận (TK 21 số 66, tháng Mười), có đoạn ca dao do cụ Từ Phương cho tài liệu. Nói đến bài ca dao này ai cũng biết vì nó rất quen thuộc (và còn được phổ nhạc). Nội dung diễn tả lời đối đáp giữa đôi thanh niên nam nữ ở đồng ruộng, bị trắc trở cuộc tình:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đi lấy chồng, anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trầu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra...

Trước đây, hồi còn ở quê nhà, tôi đọc trong báo *Văn Nghệ Nha Trang*, có mục bình văn thơ do Vũ Hữu Nguyên viết, đăng bài ca dao này có thêm mấy câu ở giữa:

Thoạt vào anh nắm cổ tay
Sao trước em trắng và rày em đen.
Hay là em lấy chồng hèn
Cơm sống canh mặn nó đen **mỗi ngày**?

So sánh hai tài liệu, của cụ Từ Phương và của Vũ Hữu Nguyên, có hai chữ khác nhau ở cuối câu *Cơm sống canh mặn...* Cụ Từ Phương thì *mất người*, còn Vũ Hữu Nguyên thì *mỗi ngày*. Cả hai đều có nghĩa, nhưng ý khác nhau. Nếu *Cơm sống canh mặn nó đen mỗi ngày* thì nó chỉ từ từ đen, chứ không thể (đã đen) như *mất người* được.

Cũng có thể, để hợp vận với câu sáu ở dưới (*Ba đồng một mớ trầu cay*), nên câu tám ở trên mới là *mỗi ngày* chăng?

Ngoài ra, tôi nhớ không rõ lắm, có đọc ở chỗ khác, bài này còn hai câu chót:

Anh về đường ấy xa xa
Cho em nhắn gửi (bóng) trăng tà năm canh.

Tôi nêu ra đây để thỉnh giáo các vị uyên bác về lịch sử và văn học, để giữ gìn vốn quý của tất cả chúng ta.

Nguyễn Văn Cường
(Bergen, Na Uy)

Bây giờ tháng mấy?...

Tôi nhận được thư mời (dự hội luận văn học) vào ngày 19 tháng Mười Một của các bạn. Trong tiếng Việt làm gì có tháng Mười Một? Chỉ có tháng Một, tháng Chạp, tháng Giêng thôi.

Hoàng Văn Đức
(Los Angeles CA)

TK 21: Theo chúng tôi biết, những tháng **âm lịch** thì chúng ta vẫn nói *tháng Một, tháng Chạp* và *tháng Giêng*. Nhưng nếu dùng *tháng Một* có thể bị hiểu lầm là *tháng Giêng*. TK 21 chọn cách viết sau đây: (1) tên các tháng viết thành chữ, chứ không viết số, và viết hoa mẫu tự đầu: tháng Mười, tháng Mười Một, v.v. (ở Mỹ có thói quen viết tháng trước ngày sau, nếu viết số có thể hiểu lầm) (2) Dùng *tháng Giêng* để chỉ tháng đầu của năm, còn các tháng khác dùng theo thứ tự từ Hai đến Mười Hai. (3) Khi nói tháng âm lịch, có thể dùng Một, Chạp, Giêng, Hai,... (4) Có ngoại lệ trong các sáng tác văn học.

Đây rồi! Đây rồi!

Không phải "cờ tây" đâu. Mà là tác giả tập truyện "Thằng Người Có Đuôi" và tùy bút "Thịt Chó." Đó là nhà văn Thế Giang. Sau khi thăm hỏi, nhờ người tìm, nửa năm trời không thấy, tưởng phải xin...Hồng Thập Tự Quốc Tế tìm dùm, nhưng nhờ cái "nhắn tin" trên TK 21 số trước, nay đã tìm ra cái tổ con chuồn chuồn.

Thế Giang và gia đình đã dọn nhà từ Dortmund đến Werne, mở tiệm ăn (chắc không có món "cầy tơ," vì ở khu người Đức, rất ít người Việt).

Xin chúc mừng Thế Giang - Minh Hằng "nhất bản vạn lợi" nhé, và mau ổn định để buông dao thành... bút.

Quý độc giả dài hạn ở Đức xin liên lạc (và nhất là trả tiền báo!) cho *Thế Kỷ 21* qua Thế Giang (Trần Thế Hưng) ở địa chỉ sau: **Windmuhlenberg 17, 59368 Werne; điện thoại (2389) 537 672.**

Đính chính

* TK 21 tháng Mười 1994, trang 61, bài "Những Tia Lửa Bắn Ra Từ Cơn Múa Thánh," hai câu thơ dịch (bài thơ đầu):

Sáo rằng người ở chặt trúc cao
Ta xa cây mẹ đời nao nao buồn

thừa chữ **ở**, không biết tại sao ấn công lại thêm vào. (Hay phải sai người ở, người làm đi chặt cây?)

* TK 21 tháng Mười Một 1994, trang 18, bài "Trở Về Nguồn Diên Hồng Tâm" câu "ở Nhật **Thiền** đạo và Zen..." xin sửa lại là "ở Nhật, **Thần** đạo và Zen...". "Quan Âm Đại Thị," xin sửa lại là "Quan Âm Thị Kính." Chắc ấn công thấy tượng Phật bày bán ở các đại siêu thị nên chế ra là "Quan Âm Đại Thị" chăng?

Hạ Long Lưu Văn Vịnh
(Stockton CA)

TAXCALI
HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration
HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent
• INCOME TAX
• BOOKKEEPING
• BUSINESS CONSULTANT
2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

KC TRAVEL & TOURS
ARC
(KIM CONTINENTAL TRAVEL)
CHUYÊN
• *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
• *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
• *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*
ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN
9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

LÊ ĐÌNH ĐIỂU

Độc giả đặt mua hoặc gia hạn báo:

Nguyễn Hào (Diamond Bar CA), Thủy Trần Myers (Florissant MO), Hồ Minh Dũng (Midway City CA), Ngô Vũ Bích Diễm (Huntington Beach CA), Fitzroy Public Library (Australia), Sunnyvale Public Library (Sunnyvale CA), Menzies Library (Australia), Biblio Ville Montréal (Canada), Lê Văn Xe (Tokyo, Nhật), Đàm Trung Pháp (Dallas TX), Tú Anh c/o Admerasia (New York NY), Nguyễn Văn Thi (Richardson TX), Lê Văn Tư (Garden Grove CA), Mai Viết Thủy (Australia), Tôn Thất Dũng (Alhambra CA), Lưu Hy Lạc (San Francisco CA), Anh Hồ (San Jose CA), Đỗ Chiếm Mẫn (Surrey, Canada).

Thư hoặc báo bị trả về — xin quý vị liên lạc với tòa báo để cập nhật địa chỉ:

Trần Công Đỉnh (Westminster CA), Nguyễn Cần (Garden Grove CA), Paokong Chang (Santa Ana CA).

Nguyễn Văn Cường *(Na Uy)*: 1. Đã nhận được thư, thơ và góp ý. Bài "TBGLBG" không đăng được vì sợ bị... mắng! Sẽ đăng hai bài kia. 2. Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) có nhận hội viên ở các nơi ngoài nước Mỹ. Niên liễm US$30.00. Quyền lợi: được tham gia các hoạt động của Hội, kể cả ứng cử bầu cử hai năm một lần, mua văn hóa phẩm do Hội phát hành được trừ 10%, đi chợ Little Saigon (từ Na Uy sang thì cũng xa đấy!) được chủ nhân Trần Dũ trừ cho 5%, được Hội hỗ trợ tổ chức các sinh hoạt văn hóa (như ra mắt sách, trình diễn, triển lãm, v.v.). Thân chào và mong tin luôn.

Vi Khuê *(Burke VA)*: Cám ơn chị đã tặng sách. Có giới thiệu trong số này. Chuyến đi ra mắt sách ở miền Tây như vậy là thành công rực rỡ, phải không? Mấy bài thơ, rất tiếc, không đăng được, vì chị đã cho in trong tập "Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi" vừa ra mắt. Xin cho bài mới. Chúc anh chị mạnh và vui luôn.

Đặng Thị Huệ *(Alexandria VA)*: Báo bị trễ, đã trình bầy lý do trong số trước, chắc bà (cô?) đã thông cảm rồi. Báo ở tiệm đôi khi tới trước là do... tội (hay công) của Bưu điện, chứ tòa báo gửi đi cùng ngày. Loại *bulk rate* có khi... bò mất hai tuần.

Nguyễn Anh Tuấn *(London, Anh)*: Nhận liên tiếp nhiều đĩa, nhưng có nhiều bài bị trùng. 1. Xin anh gửi kèm bài đã in ra để biết chỗ nào in đậm hoặc in nghiêng, v.v. 2. Khi đánh máy, xin có *space* sau các dấu chấm, phẩy, v.v. — nếu không dòng trở thành

quá dài, máy không nhận chuyển sang dạng khác. 3. Xin cho biết bài nào viết riêng cho TK 21, bài nào gửi thêm cho các báo khác, để tòa soạn tiện sắp xếp. 4. Xin gửi cho một cái hình và vài dòng tiểu sử để giới thiệu với độc giả. Thân chào.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*: Đã nhận được bài. Ông có thể dùng VNI, VNLab, hay VNU đều được. Bây giờ, việc chuyển đổi giữa các nhu liệu rất giản dị, nhất là nếu dùng "VNI Tân Kỳ." Rất cám ơn và chúc ông luôn vui.

Nguyễn Hoàng Linh *(Szoba, Hung Gia Lợi)*: Đã gửi báo và sách. Thư sau cho PXĐ cũng đã nhận. Mong tin luôn.

Dzũng Võ *(Pomona CA)*: Đồ án Trung Tâm Cao niên, đồng thời là Viện Bảo Tàng Việt Nam rất hấp dẫn. Xin liên lạc với ông Lê Văn Khoa (714) 537-8352, để có thêm tin tức, tài liệu về các hoạt động văn hóa.

Trần Công Sung *(Paris, Pháp)*: Bản tin rất hay. Chờ thêm ký và truyện. Việc thâu thập các truyện cũ có tiến triển gì không? Cần đi thêm vài kỳ "lời rao" nữa không? Chúc vui luôn.

Nguyễn Ngọc Bích *(Annandale VA)*: Bài cho cả hai nơi nhận đủ. Cám ơn nhiều. Đã gửi cho NMH tiền bồi hoàn phí tổn thuê hội trường. Một lần nữa, gửi lời cám ơn các bạn miền Đông. Thân ái.

Đỗ Quỳnh Dao *(Sceaux, Pháp)*: Nhận được TSCT, do TCS chuyển. Sẽ đăng. Xin viết tiếp — và nếu đã viết bằng máy, xin gửi cho cái đĩa kèm với bản in. Chúc vui.

Trần Quán Niệm *(New Jersey)*: Thư và bài kẹt đâu đó, bây giờ mới được đọc, vội có vài dòng để anh yên tâm. Đã chuyển mấy bài "thường thức" qua NV — rất được hoan nghênh, xin tiếp tục. Gửi cho đĩa, xin để ở dạng ASCII. Cám ơn và chúc vui khuôn.

Thang Ma *(Đại Liên, Trung Quốc)*: Bài dài nhưng rất vui. Sẽ đăng số sau. Mấy chữ Hán, sẽ cố "vẽ" cho giống! Thăm chị và cháu. Ráng sửa cái máy sớm sớm, để còn đánh bài cho TK 21 chứ! Thân ái.

Nguyễn Hàn Thư *(Sacramento CA)*: Thư và thơ đã tới. Cám ơn những nhận định ưu ái và những bài thơ. Sẽ đăng. Thân chào.

Phạm Văn Hải *(Washington DC)*: Ráng thu xếp để cùng "Đàn Bà" ra mắt bà con quận Cam nhé. Loạt bài đó rất cần, xin gửi tiếp, "gối đầu" cho vài bài đi. Dí dỏm một chút cho dễ chuyên chở. Nếu gửi đĩa, xin để ở dạng ASCII. Thân ái.

Nguyễn Tấn Hưng *(Bolingbrook IL)*: Đã nhận được CTĐT, sao "dữ" quá vậy? Sợ "các cụ" quở đấy. Gửi cho bài khác đi. PXĐ từ hôm ở Chicago về bị "bó chân bó cẳng" (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng!). Thân chào.

Tạ Tỵ *(Garden Grove CA)*: Anh cho thơ là quý. Mấy bức tranh cũng còn "để dành." Rất tiếc hôm anh đến không có ở tòa báo để gặp anh nói chuyện nhiều. Bài thơ sẽ đăng trên số Tết. Kính.

Ngô Thanh Tùng *(Alameda CA)*: Đã gắn MacAccess để đọc cái đĩa của anh, tiếc là nó chỉ nhận đọc đĩa 1.44MB thôi. Bài số này phải đánh lại. Bài số Tết anh gửi cho cái đĩa khác (1.44MB) nhé. Cả đĩa và ảnh để đây khi nào anh xuống ghé chơi tòa báo thì lấy về. Thân ái.

Trần Thanh Hiệp *(Paris, Pháp)*: MacAccess đọc được bài từ MacIntosh trên IBM/PC, nhưng không ngược lại được. Không hiểu anh có cần cái đó không, để gửi? Bài anh viết bằng Mac, cứ gửi sang. Cám ơn và mong tin luôn.

Đàm Trung Pháp *(Dallas TX)*: Đã nhận được bài cho số Tết. Sao không gửi đĩa luôn? Cám ơn đã giới thiệu sách với thư viện. Thân ái.

Âu D. Nguyễn *(Sacramento CA)*: Đã nhận được fax. Sẽ đăng. Xin tiếp tục. Thân chào.

Dương Kiền *(Na Uy)*: Nhận được bài thơ, do KA gửi. Cám ơn. Chúc vui và... ấm!

Nguyễn Đức Bạt Ngàn *(Alberta, Canada)*: Thơ sẽ đi trong số Tết. Cám ơn đã giới thiệu thêm độc giả mới. Thân ái.

Nguyễn Tiến Đạt *(Los Angeles CA)*: Cám ơn về thư góp ý. Sẽ chuyển cho "cụ" SĐNVK, và sẽ trả lời sau. Thân chào.

Vũ Thị TH *(Berlin, Đức)*: Thư bị trả về, không hiểu tại sao, vì báo vẫn dùng địa chỉ ấy, và vẫn tới?! Hay tại viết tiếng Đức không đúng cách? Mong tin.

VL *(Bankstown, Úc)*: Ngân phiếu của TK 21 chạy sang Văn, và ngược lại. Đã liên lạc với anh MT, và giải quyết xong. Sẽ có thư riêng. Thân chào.

QUÝ VỊ ĐÃ THÍCH THÚ THEO DÕI
"CON ĐƯỜNG CÁI QUAN CỦA ĐỆ TAM THẾ GIỚI"
HÃY TÌM ĐỌC TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA BÙI ĐÔNG TRIỀU
"HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG TÂY"

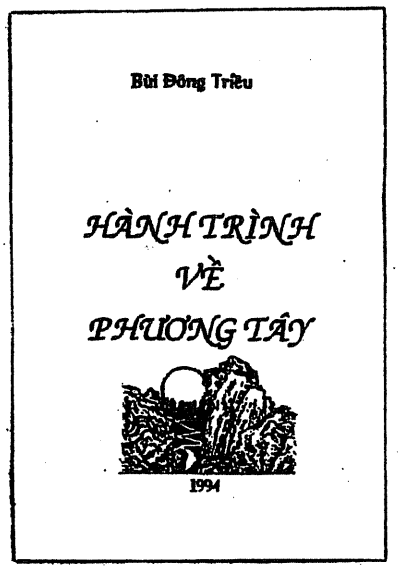

TỔNG PHÁT HÀNH
ALPHA
6771 Wilson Blvd., Falls Church, VA 22044
Đ.T: (703) 536-4008 * Fax: (703) 536-4045

5,000 ĐỒNG BÀO QUẬN CAM THAM DỰ "NGÀY ĐI BỘ CHO QUYỀN TỊ NẠN"

HÀ TƯỜNG CÁT

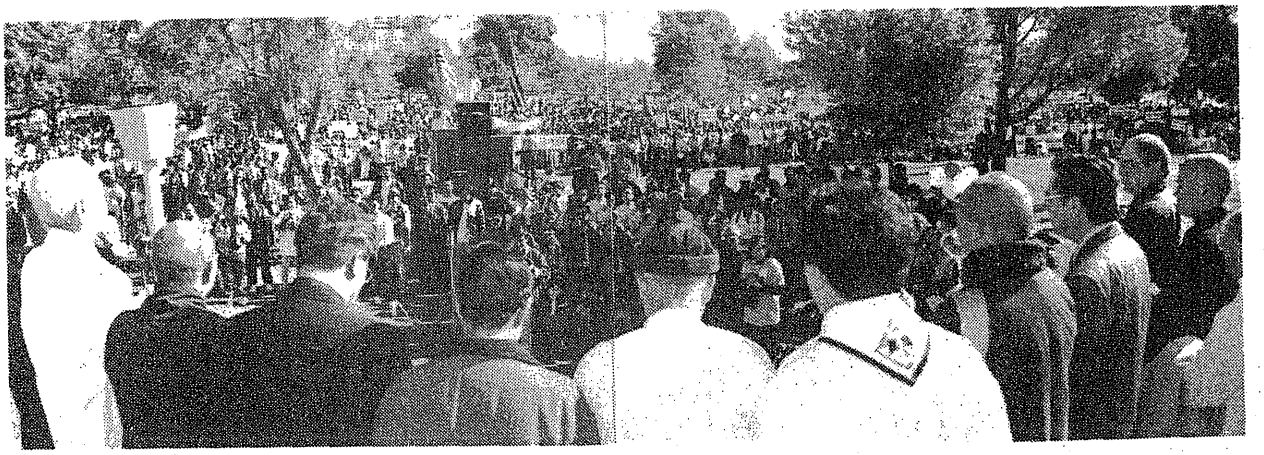

Năm ngàn người tham dự cuộc đi bộ cho quyền tị nạn tại công viên Mile Square, Nam California ngày 19-11-1994.

Sáng Thứ Bảy 19 tháng Mười Một 1994, 5,000 đồng bào Việt Nam đã tập họp tại Mile Square Park, thị xã Fountain Valley, California, để tham dự cuộc "Đi bộ cho quyền tị nạn" được tổ chức lần thứ tư và có lẽ cũng là lần cuối cùng. Cuộc biểu dương ý chí quần chúng lớn mạnh này nhằm thức tỉnh sự quan tâm quốc tế đối với số phận của 50,000 thuyền nhân còn đang bị giam giữ với một tương lai ảm đạm nơi các trại tị nạn Đông Nam Á. Cuộc đi bộ cũng là một phương thức gây quỹ cho tổ chức LAVAS hoạt động bênh vực cho quyền chọn lựa chính đáng của họ về một cuộc sống có tự do.

Cuộc đi bộ cho quyền tị nạn đã diễn ra với không khí tưng bừng của một ngày đại hội trong cộng đồng người Việt tị nạn. Được biết, tại San Jose (miền Bắc California) và Houston, tiểu bang Texas, nơi có người Việt cư ngụ đông đảo, cũng có cuộc đi bộ tương tự.

Các đài phát thanh tiếng Việt — đài *Văn Nghệ Truyền Thanh* ở Quận Cam, đài *Little Saigon* ở Quận Cam và Houston, đài *Mẹ Việt Nam* ở San Jose — trong nhiều tuần lễ liên tiếp đã loan báo tin tức, cổ động mọi người tham dự và ủng hộ. Với sự điều hợp tổng quát của ông Lê Phú Bổn thuộc đài VNTT, hàng chục phóng viên của ba đài đã trực tiếp tường thuật suốt buổi trong khi các nghệ sĩ tham gia điều động chương trình sinh hoạt ngay tại địa điểm tổ chức. Tình đoàn kết cộng đồng đã được thể hiện ở mức cao hơn bao giờ hết với sự có mặt của hầu hết mọi tổ chức, hội đoàn, cùng đồng bào mọi giới và mọi lứa tuổi. LAVAS cho biết, riêng tại Quận Cam đã gây quỹ được $135,000 qua lần tổ chức này.

Ở điểm tập trung xuất phát, người ta còn thấy sự hiện diện của nhiều giới chức chính quyền địa phương như ông Thị Trưởng Westminster, Chuck Smith, và ông Phó Thị Trưởng, Nghị Viên Tony Lâm, vừa tái đắc cử. Sau cuộc đi bộ dài bốn dặm vòng quanh công viên, những người tham dự đã trở lại với chương trình sinh hoạt chung gồm nhiều tiết mục văn nghệ do các nghệ sĩ cùng nhiều đoàn thể thanh niên, học sinh, thiếu nhi trình diễn. Tại đây mọi người còn tham gia những cuộc triển lãm cùng những sinh hoạt khác...

Theo kế hoạch CPA của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (kế hoạch hành động tổng quát) giải quyết vấn đề tị nạn Đông Dương sẽ kết thúc vào cuối năm tới. Tất cả các trại tị nạn trong vùng Đông Nam Á đều sẽ đóng cửa trước thời gian này và do đó những người Việt có may mắn định cư ở hải ngoại đang ở vào thời điểm cuối cùng của những nỗ lực trợ giúp cho đồng bào gặp cảnh khốn khó.

Tổ chức LAVAS (Trợ giúp pháp lý cho người tị nạn), do các sinh viên hoặc các thanh niên đã tốt nghiệp đại học, phần lớn làm việc không có thù lao, hoặc có tượng trưng. Họ đến các trại tị nạn giúp các người bị thanh lọc bất công có thể khiếu nại để được tái xét. Số người khiếu nại thì đông, số chỗ định cư quá ít, và số người làm việc cho LAVAS cũng giới hạn, nên kết quả các công tác này, tính trên số lượng, rất khiêm tốn. Tuy nhiên, về mặt tinh thần và tình cảm, các nỗ lực của các bạn trẻ trong nhóm LAVAS đã làm dấy lên tình thương đã mệt mỏi nơi cộng đồng nhân loại, và qua cuộc đi bộ ngày 19 tháng Mười Một vừa qua, đưa tới một biểu dương đoàn kết ít có trong cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại.

PHÁP TRỊ XƯA VÀ NAY

TRẦN THANH HIỆP

PHẦN I: Pháp trị thời xưa

Cuộc thảo luận kéo dài hơn bảy tháng nay -- qua diễn đàn và trên nhiều báo -- về "pháp quyền, pháp trị", theo chiều hướng bác bỏ từ ngữ "pháp quyền" và thành ngữ "Nhà nước pháp quyền" trên cơ sở những yếu tố cộng sản, đã đưa tới một đòi hỏi mới: phải đào sâu thêm vấn đề "pháp trị".

Bài viết này phản ánh một cách nhìn vấn đề pháp trị dưới ánh sáng luật học và chính trị học phương Tây, với sự cố ý giảm bớt mức độ chuyên môn về mặt khái niệm cũng như về mặt thuật ngữ để việc tìm hiểu vấn đề này thêm phần dễ dàng và phổ cập.

Mặc dù vậy vẫn còn có một số từ ngữ không mấy quen thuộc hoặc tuy quen thuộc nhưng lại có những ngữ nghĩa mới lạ, không chờ đợi. Rất tiếc đó là điều không thể tránh được.

1- Tầm quan trọng đặc biệt và sự phức tạp của vấn đề pháp trị

Những ai đã theo dõi cuộc trao đổi ý kiến nhắc lại ở trên chắc đã nhận thấy rằng lấy luật pháp để chế độ hóa hầu khuất phục bạo lực trong sinh hoạt xã hội là sự phát huy cao độ của lý trí, tự do, phẩm giá con người, là một bước nhảy vọt cao cả của nhân loại trong quá trình đi từ dã man tiến lên văn minh. Và bước nhảy vọt ấy đã mang danh xưng pháp trị. Nhưng nói đến pháp trị trong khung cảnh nước Việt Nam hiện nay, là phải nói tới nhiều điều, nhiều việc đã xảy ra từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây và nói qua nhiều thứ tiếng.

Tiếng Việt, tư tưởng Việt không đủ để bao quát pháp trị nên pháp trị phải coi là một vấn đề hãy còn mới đối với người Việt, dù rằng từ ngữ Hán Việt "pháp trị" xuất hiện đã lâu đời trong ngôn ngữ Việt. "Danh" có từ lâu nhưng "thực" đã biến đổi qua các thời đại, đã xa lìa "danh" và điều cốt yếu là phải nắm bắt được ruột là "thực" thay vì chỉ trụ vào vỏ là "danh". Bởi vậy bàn về pháp trị là bàn về cái "thực" của từ ngữ này và như thế là làm một công việc rất phức tạp.

Nhưng biết là phức tạp mà vẫn phải làm vì sinh hoạt xã hội hiện nay ở Việt Nam vẫn còn ở dưới sự chi phối của bạo lực. Nói cách khác, người Việt Nam vẫn chưa nhảy được bước nhảy vọt để đạt tới cấp độ văn minh và nhu cầu bức thiết được đặt ra cho con người Việt Nam là trên đất nước mình phải có pháp trị, "ở đây và ngay bây giờ". pháp trị là đầu mối đồng thời còn là điều kiện cơ bản của tiến bộ cho dân tộc Việt Nam. Tầm quan trọng đặc biệt của pháp trị, như sẽ được duyệt xét dưới đây, dẫn tới sự tâm thức rằng đó là vấn đề hàng đầu của quốc gia, cần phải được ưu tiên giải quyết, dĩ nhiên giải quyết thật đúng đắn.

2- Tìm một số định nghĩa tạm để định nghĩa pháp trị

Pháp trị là gì? Đó là câu hỏi tất nhiên phải nêu lên ngay khi bắt đầu việc tìm hiểu pháp trị. Nhưng là một câu hỏi không dễ trả lời hay chỉ nên trả lời một cách đơn giản, chung chung. Nếu tạm ví pháp trị như một tòa nhà nhiều phòng ốc, ngõ ngách thì câu hỏi trên có thể đổi thành một loạt câu hỏi: "nhà này là nhà của ai?", "ai là ai?" nghĩa là "người ấy là người thế nào, tài năng, tài sản, đức độ ra sao, địa vị xã hội như thế nào?" v.v... Có trả lời đầy đủ được chuỗi những câu hỏi đó thì mới mong hiểu rõ được căn nhà hữu quan thật sự là của "ai". Thí dụ này nhằm mục đích nhấn mạnh rằng có nhiều cách định nghĩa, trái với định kiến thông thường là chỉ có một cách định nghĩa độc nhất mà thôi.

Đằng khác, khi định nghĩa pháp trị là phải định nghĩa từng "từ" một trong câu hỏi "pháp trị là gì?": "pháp là gì?", "trị là gì?" và nhất là còn phải hỏi thêm "là là gì?", nghĩa là phải nói rõ khi khai triển tiếng "là", người định nghĩa chỉ muốn miêu tả đối tượng định nghĩa căn cứ vào bề ngoài hay còn có tham vọng đi sâu vào nội dung nó hòng tìm đến bản thể của đối tượng ấy?

Bởi vậy, ngay từ lúc nhập cuộc, phải hết sức minh bạch về mặt định nghĩa để tránh tình trạng ông nói gà bà nói vịt. (3)

Vấn đề tiên quyết là vấn đề định nghĩa, bắt đầu bằng "định nghĩa việc định nghĩa" (*définir la définition*), một vấn đề khá rắc rối! Người ta có thể định nghĩa một cách triết học (*philosophique*) với tham vọng nắm bắt được hết các ngữ nghĩa của từ ngữ cùng lý giải những ý kiến tổng quát có liên hệ với nó, vạch ra được bản thể các vật (*choses*) mà nó chỉ định. hay khiêm nhượng hơn, chỉ đứng về mặt thuần túy ngữ văn (*philologique*) duyệt xét hết các ngữ nghĩa ổn định đã được xã hội chấp nhận qua những thí dụ cụ thể, hoặc lấy trong tiếng nói hằng ngày, hoặc qua văn chương. Đó là cách định nghĩa của các từ điển. Ngoài ra, khe khắt hơn, là những định nghĩa thuật ngữ (*terminologies*) có tính cách bắt buộc phải theo vì là cơ sở của những lý thuyết khoa học, toán

học, luật học v.v... không thể hiểu theo nhiều cách, nhiều nghĩa. Tựu trung, những cách định nghĩa khác nhau, định nghĩa tự nhiên (*définition naturelle*), định nghĩa quy ước (*définition conventionnelle*), định nghĩa siêu ngôn ngữ (*définition métalin-guistique*), định nghĩa hàm sinh (*définition dévitationlle*) v.v... Như trên đã nói qua, đưa tới hai loại định nghĩa: a) định nghĩa miêu tả (*définition descriptive*), thí dụ "pháp trị là..." và b) định nghĩa quy chuẩn (*définition normative*), thí dụ "pháp trị phải..."

Cần nhấn mạnh rằng vì có nhiều cách định nghĩa và pháp trị không ngừng biến hóa để ngày càng hoàn mỹ hơn cho nên chỉ có thể thâu góp được một số định nghĩa tạm để tạm định nghĩa pháp trị.

Dưới độ góc khảo sát ấy, người ta có thể khởi đi bằng định nghĩa tự nhiên và tối thiểu "pháp trị là cai trị bằng luật pháp" rồi khai triển thêm thành "Nhà nước pháp trị là một Nhà nước tự đặt mình dưới sự chi phối của luật pháp, tổ chức xã hội trong một khung pháp lý và bảo vệ nhân quyền" để đi tới một định nghĩa tương đối đầy đủ hơn "pháp trị là một tình trạng xã hội trong đó luật pháp được thượng tôn và có nhiệm vụ chống mọi hình thức chuyên chế để bảo vệ nhân quyền với sự bảo đảm rằng Nhà nước, dù ở địa vị chủ yếu hay ở địa vị thứ yếu, phải bị kiểm sát chặt chẽ trong việc thi hành luật pháp hầu tránh sự lạm quyền, phải thực thi tự do, bình đẳng cho mọi cá thể đồng thời điều tiết được cuộc sống chung cho tập thể".

Trên cơ sở những đặc tính chung gói ghém trong một giới thuyết "lập nghĩa" (*définition stipu-latoire*) như vậy, có thể tìm hiểu pháp trị qua những nội dung thay đổi theo thời đại, theo quốc gia.

Dưới đây xin bàn sơ lược về nền pháp trị thời xưa, nhân dịp này, làm hiện rõ sự khác biệt giữa nền pháp trị này và nền pháp trị thời nay rồi từ đó nhận xét về những thành kiến sai lầm trong cách dùng từ ngữ pháp trị để đi tới giải quyết dứt khoát sự lựa chọn giữa từ ngữ này và "pháp quyền".

3- Pháp trị thời xưa (4)

Theo nhiều tác giả Việt, Pháp, Hoa thì không có tín sử để người thời nay nghiên cứu về pháp trị thời xưa theo tiêu chuẩn khoa học. Những sách pháp trị được truyền tụng là do các "pháp gia" trước tác phần lớn chỉ là những sách giả *hoặc đã bị người đời sau thêm bớt*. Ngay cả đến từ ngữ "pháp gia" cũng bị coi là khả nghi (*không có một học phái duy nhất, một nền pháp lý thống nhất*). Tuy nhiên pháp trị thời tiên Tần (khoảng từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 4 trước Công nguyên) không phải là câu chuyện hoang đường, những người như Quản Trọng, Thân Bất Hại, Thận Đáo, Thương Ưởng, Hàn Phi, Lý Tư v.v... và một số ý kiến, chủ trương cai trị bằng luật pháp đã thực sự hiện hữu trên đất Trung Quốc vào thời đó. Ngày nay bàn về những dữ kiện này không phải vì óc hiếu kỳ khoa học mà là để đính chính một số sai lầm trong thuật ngữ luật học, *để tìm hiểu thêm về truyền thống pháp lý của Việt Nam.*

Thường thường người ta hiểu pháp trị một cách đơn giản là chủ trương của một học phái coi trọng hình pháp hơn nhân nghĩa trong việc trị quốc, học phái "pháp gia" mà Quản Trọng là người khởi xướng mà Hàn Phi là lý thuyết gia. Và bởi lẽ học phái này ra đời từ các thời Xuân Thu, Chiến Quốc nghĩa là đã quá cổ sơ, ngoài ra lại còn rất phong kiến nên không dùng từ ngữ "pháp trị", hãy tạm dùng từ ngữ "pháp quyền" trong khi chờ đợi tìm được một từ ngữ mới, hoàn chỉnh hơn.

Trước khi đánh giá đề nghị này, thiết tưởng nên nhìn lại -bằng khán pháp hiện đại- nội dung của cái được gọi là pháp trị thời xưa. Chỉ có "cai trị bằng pháp luật" không thôi, chưa đủ. Phải nói rõ thêm là pháp luật ấy do ai làm ra, ai áp dụng, áp dụng như thế nào và áp dụng cho những ai, để cho ai cai trị, cai trị như thế nào? Phải trả lời cho hết những nghi vấn này mới có thể hiểu thấu nền pháp trị thuở xưa. Và trả lời như thế thì sẽ thấy ngay rằng pháp trị thời xưa không phải chỉ là cai trị bằng "pháp" mà còn cả bằng "vua" (nhất là vua), "quan", "thế", "thuật" nữa.

A- Pháp là gì?

Trước hết hãy nói về "pháp" tức là những luật pháp thời đó được áp dụng để cai trị. Theo giáo sư Hồ Thích, tác giả quyển Trung Quốc triết học sử, chữ pháp có nhiều nghĩa mà hai nghĩa cổ sơ là "khuôn mẫu" và "hình phạt". Hai nghĩa này tồn tại lâu dài khiến chữ pháp đương thời bao hàm ý nghĩa tiêu chuẩn khuôn mẫu và ý nghĩa hình luật, dùng vào việc cai trị dân (trị chúng chi pháp), thống nhất hành động của dân để dân nhất tề tuân theo pháp độ, *tạo ổn định trong cuộc sống chung* (tề thiên hạ chi động, chí công đại định chi chế dã). Do đó, hình phạt đã được chép thành văn, khắc trên các thẻ tre hay vào các đỉnh đồng hay soạn thành sách -- hình thư -- rồi công bố cho dân chúng biết điều nào phải làm, điều nào không nên làm và lưu trữ cho dân chúng khỏi quên.

Sự thật thì học phái nhân trị cũng chủ trương đặt ra hình phạt nhưng không lấy việc triệt để áp dụng hình phạt làm chính mà chỉ muốn dùng nhân đức để cảm hóa (vi chính dĩ đức), đồng thời dùng hình phạt để răn đe với hy vọng không trị mà trị (vô trị nhi trị) mà thôi. Học phái pháp trị công kích kịch liệt chủ trương đức trị. Thận Đáo, một "pháp gia" nói: "*Bậc vua chúa nếu bỏ luật pháp mà tự mình trị dân thì việc thưởng, phạt, cho, lấy, sẽ theo tâm ý của vua mà định đoạt. Như việc ấy ắt có kẻ được thưởng tuy xứng đáng nhưng lòng mong muốn sẽ vô cùng; kẻ phải chịu hình phạt tuy đáng tội nhưng mong được giảm tội không biết đâu mà giới hạn... Luật pháp tuy chưa được hoàn bị nhưng vẫn còn hơn là không có luật pháp...*" Hàn Phi nói: "*Bỏ luật pháp để dùng tâm trị thì vua Nghiêu cũng không trị được một nước. Bỏ thước vuông, thước tròn để dùng ý đo bừa bãi thì Hề Trọng cũng không làm được một bánh xe... Nếu khiến một nhà lãnh đạo bậc trung giữ pháp thuật, hay là một người thợ vụng*

giữ thước quy, củ, xích, thốn thì vạn sự không sai hỏng..." Hàn Phi còn nói: "*Lập ra cạm bẫy không phải để phòng bị loài chuột mà chỉ để cho kẻ hèn yếu có cách chế phục được hổ dữ... Lập ra luật pháp... để cho bậc vua chúa tầm thường có thể ngăn chặn được bọn đạo chích*".

Pháp là khuôn mẫu, là hình phạt ép buộc theo khuôn mẫu, nhưng khuôn mẫu nào? Trung Quốc vốn là một nước có truyền thống lâu đời về luật pháp, từ đời nhà Hạ (thế kỷ 21 trước Công nguyên đã có luật hình, nhà tù. Nhà Thương sửa đổi luật nhà Hạ đặt ra luật hình của vua Thang với năm hình phạt: mặc (rạch mặt), tị (xẻo mũi), phị (chặt chân), cung (thiến), đại tích (tử hình). Tử hình có nhiều loại: chém đầu, chém ngang lưng, băm làm ruốc, làm mắm, đốt, khoét thịt, róc thịt, mổ lấy quả tim v.v... Nhà Chu đặt ra chín loại hình phạt, phân biệt lầm lỡ với cố ý, ngẫu nhiên với nhất quán được định tội lượng hình, quy định thủ tục tố tụng. Đầu thời chiến Quốc, Lý Khôi nước Ngụy "tập hợp các sách hình luật của các nước thành sáu thiên Pháp kinh đình tội danh, Đạo, Tặc (trộm cướp), Võng (lưới), Bố (bắt), Tạp (lừa đảo, cờ bạc, vay mượn, tham lam, xa xỉ v.v...) và Cụ (gia giảm). Bộ Pháp kinh sau này làm nền tảng cho pháp chế nhà Tần do Thương Ưởng chế định. *Các nước khác ngoài pháp chế cơ bản dựa trên nền tảng kinh, còn ban hành nhiều luật lệ riêng như luật giữ, luật kho, luật chợ, luật về pháp quan, luật ruộng, luật về chuồng vườn, luật cho, luật phu dịch v.v...* Các pháp gia không có những đóng góp thật đặc biệt về hình phạt nhưng đã đưa ra nhiều sáng kiến về mặt áp dụng hình phạt. Họ không chủ trương dùng hình phạt để trị quốc. "Pháp" đối với họ là một thứ pháp luật tiêu chuẩn, có tính cách khách quan, dùng như một công cụ điều hành xã hội dưới sự chi phối của vương quyền, *dùng để hạn chế những quá lạm trong hình phạt tùy thích, dân chúng theo tiêu chuẩn để hành động, quan lại, vua chúa theo tiêu chuẩn để thưởng phạt.*

Hàn Phi nói: "*Bậc thánh nhân trị nước, không đợi cho mọi người làm điều thiện theo ý mình mà chỉ cách nào cho mọi người không làm được điều trái ngược. Đợi cho mọi người làm điều thiện theo ý mình thì trong phạm vi của mình không có đến mười người. Dùng cách nào để cho người ta không thể làm điều phi phạm thì toàn quốc có thể như nhau. Kẻ trị nước thì dùng số đông mà bỏ số ít cho nên không chú ý vào đức mà chỉ chú ý vào luật pháp. Ôi! nếu phải đợi gỗ thẳng mới làm tên bắn thì trăm đời chưa hề có tên, nếu cứ đợi có gỗ tròn mới làm bánh xe thì trăm đời chưa có bánh xe vậy...*"

Công lớn của học phái pháp trị là đã chỉnh đốn việc cai trị bằng luật pháp nhờ có những quan niệm tiến bộ về luật pháp với những tính chất trước đó chưa có như: được chép thành văn, được công bố, được áp dụng nhất trí và cho tất cả mọi người (trừ vua), không giống như thời trước (hình phạt không lên tới hàng đại phu...)

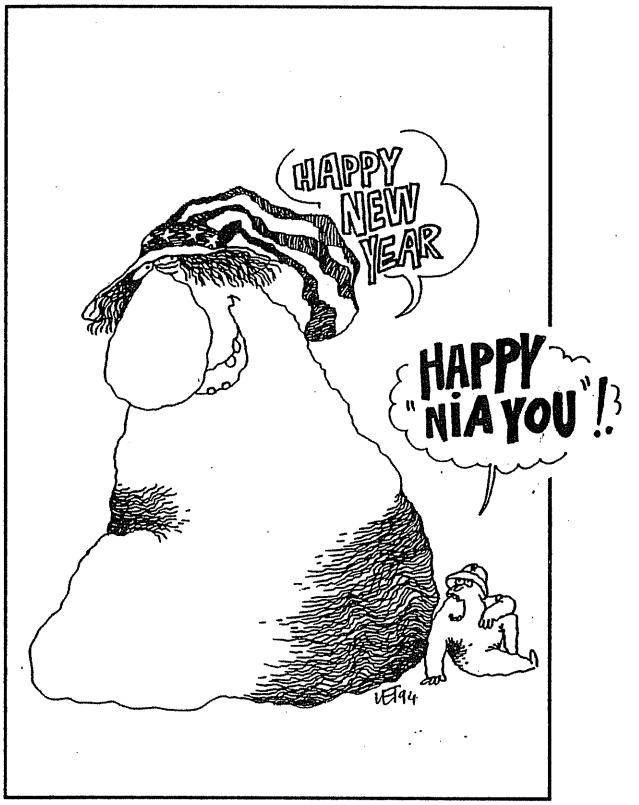

B- Vua, quan là gì?

Lẽ ra, để hiểu thấu đáo chủ trương pháp trị thời Chiến Quốc, Xuân Thu, cần phải bàn về "vua" trước khi bàn đến "pháp" vì các pháp gia là những người tôn quân, để vua lên trên luật pháp. Vì vậy vua mới là cột trụ của nền pháp trị thời xưa chớ không phải luật pháp. Với pháp gia, vua không phải là thiên tử (con trời), không cần phải có đức độ cao nghĩa là một "nhân giả" mà Nghiêu, Thuấn là những kiểu mẫu. Vua là người bình thường như ai có "thế" để cai trị, đủ sáng suốt, mưu mẹo, nghệ thuật là có "thuật" để áp dụng luật pháp.

Quan điểm của Hàn Phi về vua, gọi là thuyết "Tam thế" tóm lược dưới đây, cho ta thấy rõ tại sao có vua: "*Trời đất dựng lên sinh ra dân... trong lúc hỗn độn, theo tự nhiên dân chỉ biết thân với người thân (thân thân)... thân với người thân thì sinh ra phân biệt, yêu riêng cái gì của mình thì tham độc. Dân đông quá mà ai cũng lo phân biệt và tham độc thì sinh loạn. Lúc đó người ta sinh ra lòng muốn thắng kẻ khác bằng sức mạnh (...). Muốn thắng thì phải tranh nhau, dùng sức để xâm lấn thì sinh ra kiện nhau. Kiện mà không có phép nào làm chính thì không yên được lòng mọi người. Cho nên bậc hiền giả (...) đặt phép vô tư mà dân vui với đạo nhân. Lúc đó bỏ "thân với người thân" mà trọng người hiền... Nhưng rồi các bậc hiền giả tranh nhau thi hành thuyết của mình... và dân lại sinh loạn nên bậc thánh nhân phải phân định đất đai, tiền của, trai gái... Phải đặt ra những điều cấm. Lập điều cấm rồi mà không có ai cai quản thì không được cho nên*

phải đặt ra quan. Quan đặt ra rồi mà không có ai làm chủ thì không được nên phải đặt ra vua. Đã đặt ra vua thì bỏ chính sách thượng hiền để quý những chức cao (nghĩa là bất tất phải là quý tộc, phải có đức, hễ được vua cất nhắc lên chức cao thì dân phải kính trọng). Vậy đời ở trên hết là thân với người thân và yêu riêng, đời ở giữa là thượng hiền mà vui với đạo nhân, đời ở sau cùng là trọng chức cao quý mà tôn quân".

Nhưng vua một mình không đủ sức cai trị toàn dân nên phải có một lớp người trung gian, những quan chức do vua tuyển chọn, bổ nhiệm để thay vua trực tiếp cai trị dân. Trong một chế độ pháp trị thì vua cai trị "quan" và quan cai trị "dân" (Minh chủ trị lại bất trị dân. Hàn Phi). Quan chế thời pháp trị không có gì đặc biệt khác quan chế Trung Quốc thời cổ đại, dĩ nhiên đã có những thay đổi về tên gọi hay về chức vụ (Tam công, Tam cô, Lục khanh, Khanh sĩ liêu, Thái sử liêu, Chấp chính, Tư đồ, Tư mã, Tư khấu, Tư không v.v...). Nói chung tước vị của các quan viên chia làm ba cấp: khanh, đại phu, sĩ và ba đẳng: thượng, trung, hạ.

Nhưng điểm đặc biệt của pháp trị là thái độ của quan chức đối với vua. Theo Hàn Phi, quan phải "trung" với vua nhưng không trung theo quan niệm của pháp trị. Trung nghĩa là phải tuyệt đối tuân hành vua, chẳng những không được can ngăn mà còn không được gián tiếp phê bình vua *"không được khen Nghiêu, Thuấn là hiền, khen Thang, Vũ đã giết bạo chúa, không được nói đức của liệt sĩ là cao, cứ tận lực giữ phép, chuyên tâm thờ chúa, như vậy mới là trung thần"*.

Chính các pháp gia đã mở đường và củng cố cho nền quân chủ chuyên chế -- chớ không phải Khổng Tử -- mà thời Tần Thủy Hoàng là cao điểm.

C- Thế là gì?

Các pháp gia không định nghĩa thật rõ ràng (bằng định nghĩa miêu tả) "thế" là gì. Quản Trọng chỉ nói: "Vua sở dĩ là vua là do cái thế" (Quân chi sở dĩ vi quân giả, thế dã). Cái "thế" đó không bắt buộc phải do vua mà có. Kẻ nào được lập ra để làm vua là có "thế" đáng được tôn, không cần biết tới tài đức. Nếu vua không có tài đức thì quần thần có tài đức để giúp vua. Như Quản Trọng đã giúp Tề Hoàn Công dựng nên nghiệp bá.

Thận Đáo đưa ra một thí dụ để giải nghĩa chữ "thế": rồng cưỡi mây mà bay là nhờ có mây. Không có mây thì rồng không thiêng. Vua cũng vậy, sở dĩ đáng tôn là nhờ thế, nhờ địa vị, không cần nhờ tài đức. Hiền, tài đức như vua Nghiêu mà chỉ là kẻ thường dân thì cũng chẳng trị được ai cả; ác như Kiệt nhưng nhờ làm vua mà khuấy động được thiên hạ. Cho nên cứ tôn một người lên làm vua rồi dùng luật pháp để bắt ép mọi người phải trung với vua là nước sẽ yên.

Hàn Phi tuy cho rằng làm vua ít ra cũng phải có tài đức, chỉ ở mức trung bình thôi, nhưng nếu chẳng may gặp ông vua thiếu tài đức "thì cũng cứ phải tôn trọng". Có tài đức như Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ chỉ tổ làm trái nghĩa vua tôi, làm loạn hậu thế. "Nghiêu làm vua mà thờ tôi mình làm vua (vì đã nhường ngôi cho bề tôi là Thuấn). Thuấn là bề tôi mà lại coi vua của mình như bề tôi của mình; Thang, Vũ là bề tôi mà giết vua, chém thây vua mà thiên hạ khen, vì vậy nên thiên hạ đến nay vẫn còn loạn".

Nhà Nho tôn quân là tôn cái đức (đức trị) của vua, Pháp gia tôn quân là tôn cái địa vị, cái thế của vua. Giống như Machiavel, Hàn Phi công kích đạo đức, gạt bỏ chính trị ra ngoài đạo đức. Ông cho rằng khi có sự xung đột giữa nhà và nước thì bỏ nhà mà theo nước, chứ không như nhà Nho, bỏ nước theo nhà.

Dưới ánh sáng của luật học, chính trị học bây giờ thì "thế" là sự "chính thống" (*légétimité*) làm cơ sở cho vua hành xử vương quyền, ban hành, áp dụng luật pháp bằng bạo lực, nếu cần. Sự chính thống này còn có thể hiểu như đã có sự đồng thuận của quan chức, dân chúng về sự cầm quyền của vua.

D- Thuật là gì?

Chữ thuật cũng khó định nghĩa như chữ "thế" vì pháp gia không đưa ra một định nghĩa rành rọt nào. Chỉ thấy nói rằng "thuật là để cho bầy tôi, tuy có trí năng những cũng không dám làm trái phép mà tự ý chuyên quyền, khiến cho bề tôi luôn luôn sợ vua mà không dám che giấu vua, không dám nuôi ý phản loạn".

Dường như Thân Bất Hại là pháp gia đầu tiên nêu lên vấn đề thuật nhưng người đã hệ thống hóa vấn đề này là Hàn Phi. Giữa vua và bề tôi, theo Hàn Phi, tuyệt nhiên không có tín nghĩa, nhân ái gì cả. "Trên dưới một ngày chiến đấu với nhau đến cả trăm lần". Bề tôi nào cũng thèm, cũng dòm ngó địa vị của vua, vua nào cũng sợ bề tôi cướp ngôi! Do đó, làm vua phải biết xét lòng gian của bề tôi, hễ thấy bề tôi nào muốn gây thanh thế riêng thì phải triệt ngay. Vua phải đề phòng năm điều: bề tôi phản vua, bề tôi chế ngự hết tài lợi, bề tôi tự ý ra lệnh, bề tôi giao kết với nhau, bề tôi gây vây cánh. Vua đừng yêu riêng ai cả, phải xa bọn nịnh thần, "đừng tin một ai cả mà mất nước". Không chuyên tin ai thì phải tham khảo ý kiến nhiều người. Dò xét ý bề tôi nhưng không để cho bề tôi dò xét lại ý vua. Phải kín đáo để cho bề tôi luôn luôn hoang mang không biết vua nghĩ gì, muốn gì, phải bỏ lòng thích, lòng ghét để bề tôi không biết được lòng vua... Người thời nay cho rằng Hàn Phi là một Machiavel của Trung Quốc.

Hàn Phi đưa ra một thí dụ về "thuật": "Xưa Hàn Chiêu Hầu say rượu rồi ngủ. Viên quan coi về mũ (điển quan) thấy vậy sợ vua lạnh, lấy áo đắp cho vua. Khi vua tỉnh dậy, thấy có áo đắp, rất hài lòng, hỏi tả hữu ai là người đã đắp áo cho mình và biết là viên điển quan. Vua bèn phạt tội viên điển y (quan coi về áo) đã không làm tròn nhiệm vụ, biết lấy áo đắp cho vua và ra lệnh giết viên quan coi về mũ là đã vượt chức (chỉ coi về mũ, không có nhiệm vụ gì về áo). Hàn Chiêu Hầu không phải là không sợ lạnh

nhưng không muốn cho bề tôi vượt chức, có hại hơn là bị lạnh".

Theo Hàn Phi thì thuật là để nắm vững quan lại, không phải để trị dân, là cơ trị ngầm của vua, không cho quan và dân biết.

Nhưng Thương Ưởng lại dùng cả "thuật" đối với dân để dân tin vào hiệu lực của luật pháp.

*

Nói tóm lại, bàn về pháp trị thời xưa là bàn về toàn bộ của một chế độ trong đó luật pháp chỉ là một công cụ của vua để thi hành quân chủ chuyên chế đối với quan lại cũng như đối với dân chúng. So với nhân trị, pháp trị vừa có những điểm tiến bộ lại vừa có những điểm bảo thủ. Tiến bộ về mặt pháp lý học, làm cho luật pháp có tính cách khách quan và khuôn mẫu cho tất cả mọi người (trừ vua). Nhưng về mặt tự do của con người, pháp trị là một chế độ đã đưa nền quân chủ chuyên chế lên tới tột đỉnh với sự toàn thắng của bạo lực và thủ đoạn gian ác. "Luật pháp do vua ban ra" ("pháp tự quân xuất" và "án do quân xử"). Bộ mặt thật của pháp trị là vương quyền của Tần Thủy Hoàng, một người rất hâm mộ tài của Hàn Phi và lại được một bạn đồng học của Hàn Phi là Lý Tư phụng sự đắc lực. Đốt sách, chôn nho là hai việc mà người thời nay còn nhớ khi nói tới pháp trị.

Tất nhiên là nếu từ ngữ pháp trị chỉ mang một nội dung như vương quyền Tần Thủy Hoàng thì ngày nay nó không còn chỗ đứng trong thuật ngữ luật học. Và với một chế độ có nhiều đặc tính giống như chế độ Tần Thủy Hoàng thì đổi pháp trị thành pháp quyền để đưa luật pháp phục vụ không điều kiện chế độ ấy lên địa vị quyền độc tôn là một việc làm thách đố hỗn xược mấy ngàn năm tiến bộ của loài người.

May thay, phương Tây, sau mấy thế kỷ từ bỏ quân chủ chuyên chế, đã sáng chế ra một nền pháp trị khác hẳn nên pháp trị của những "pháp gia" Trung Quốc. Phần II của bài viết này sẽ bàn tới nền pháp trị ấy.

(1) Xuất xứ của những đoạn trích dẫn: Hồ Thích trong *Trung Quốc triết học sử*, bản dịch của Huỳnh Minh Đức; Giản Chi Nguyễn Hiến Lê, *Đại Cương triết học Trung Quốc*; Đàm Gia Kiên, *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, bản dịch của Trương Chính, Nguyễn Thạch Giang và Phan Văn Các.

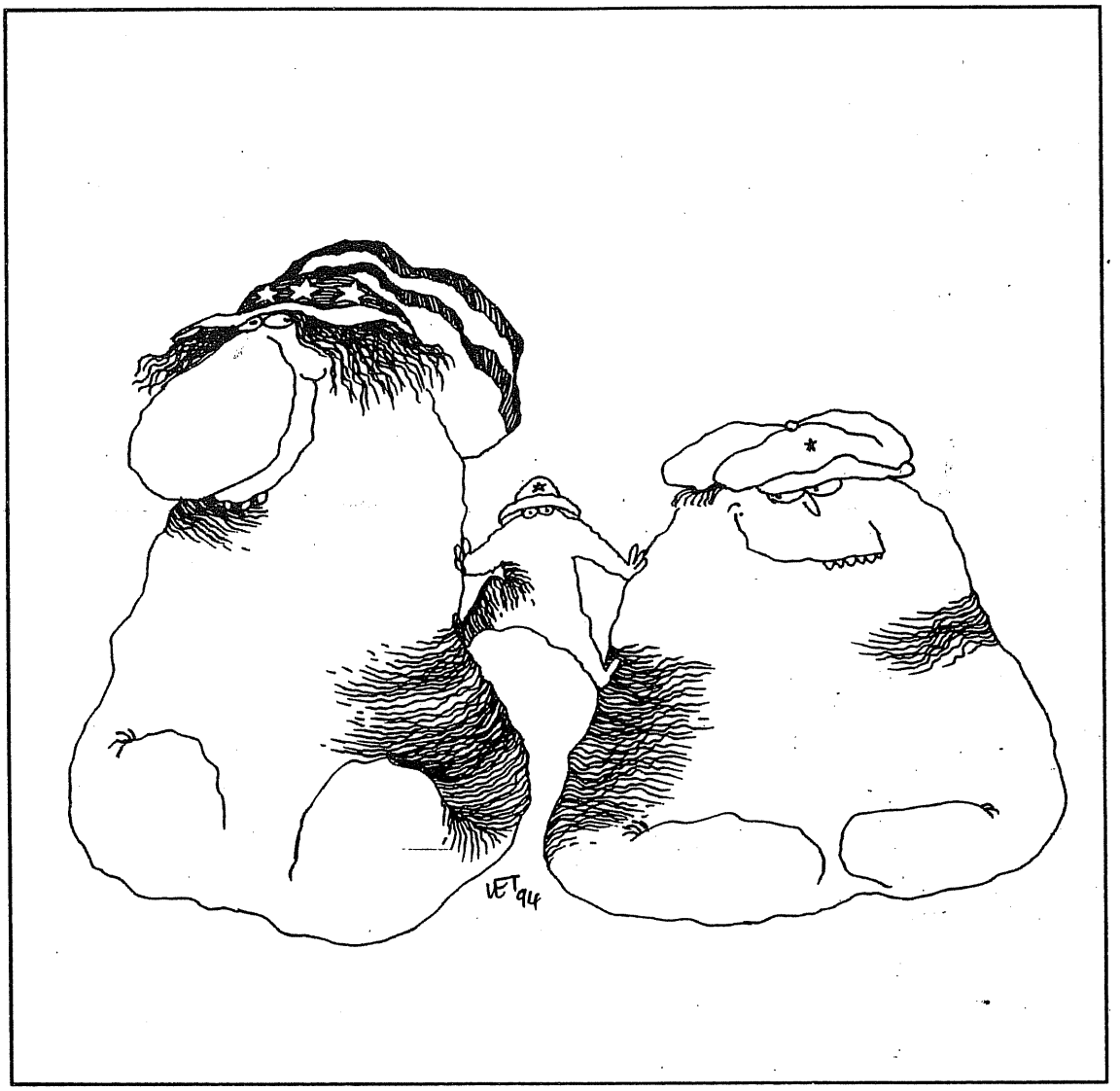

TỪ VÔ SẢN CHUYÊN CHẾ ĐẾN PHÁP TRỊ, PHÁP QUYỀN

TỪ THỨC ghi

Nhà cầm quyền Cộng Sản có thực sự muốn tiến tới một chế độ pháp trị (État de droit) ở Việt Nam hay không, và người Việt hải ngoại phải có thái độ nào. Đó là đề tài buổi hội thảo do hội Nghiên Cứu Việt Nam tổ chức ở Sceaux, ngoại ô Paris (30 Octobre), quy tụ khoảng 30 luật gia, trí thức Việt Nam.

CHẾ ĐỘ PHÁP QUYỀN

Hai diễn giả, Giáo sư Vũ Quốc Thúc và Luật sư Trần Thanh Hiệp đã lần lượt trình bày hai lối nhìn, và từ đó, hai thái độ.

Giáo sư Thúc Vũ Quốc Thúc ghi nhận sự thay đổi của Cộng Sản. Họ nhìn nhận ý muốn tiến đến một chế độ mà họ gọi là pháp quyền. Trước kia, Cộng Sản miệt thị giới luật gia, phỉ báng pháp lý, coi luật lệ là một phương tiện do Tư Bản bày vẽ ra để bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị. Ý niệm pháp trị không hề có chỗ đứng, nếu không nói là mâu thuẫn, trong chế độ vô sản chuyên chính.

Giáo sư Thúc cho hay giới thân cận chính quyền Việt Nam, thí dụ là Luật sư Nguyễn Phước Đại, cố vấn cho Tổng Bí Thư Đỗ Mười, thành viên ban cố vấn của Thủ Tướng Võ Văn Kiệt, đã được gửi sang tìm cách liên lạc với các luật gia Việt Nam ở Paris để trình bày sự chuyển hướng đó. Giáo sư Thúc trích đọc một số thư từ của các luật gia còn ở lại Việt Nam viết cho ông, yêu cầu hỗ trợ cho việc mở một trường đại học luật khoa ở Việt Nam.

Nguyên Khoa Trưởng Luật Khoa Sài Gòn giải thích quan điểm của ông, như ông đã viết trong một bài trên Thế Kỷ 21, là "tạm coi những nhà đương quyền Việt Nam muốn tiến tới một chế độ pháp trị thực sự. Mục tiêu hãy còn xa vời nhưng không vì thế mà phủ nhận thiện chí của họ".

Lý do của sự thay đổi, theo Giáo sư Thúc, là áp lực quốc tế và sự chuyển hướng tự nhiên của chế độ.

Ông nói trong hàng ngũ lãnh đạo Cộng Sản, có sự chia rẽ giữa những người muốn cải tổ chế độ và những người Cộng Sản chuyên chính, giữa các tướng lãnh chính trị và các tướng lãnh nắm quân đội, giữa những người trong chính quyền và những người nắm guồng máy đảng. Việc giới lãnh đạo đảng đả kích chính quyền tham nhũng (trâu buộc ghét trâu ăn) là một trong những dấu hiệu cho thấy sự phân hóa trong hàng ngũ của họ.

Theo diễn giả, sự thay đổi đó là cơ hội tốt cho những người đấu tranh cho dân chủ phải nắm lấy. Nếu ý niệm pháp trị được phổ biến sâu rộng trong nước, qua báo chí hay qua các giảng đường, sẽ là mầm mống đi đến một chế độ dân chủ trong tương lai.

Quan điểm của Giáo sư Thúc là ta nên thúc đẩy nhà đương quyền Cộng Sản tiến tới một nền pháp trị và khuyến khích Việt kiều tham gia vào việc thay đổi xã hội bằng luật pháp.

BÁNH THỰC HAY BÁNH VẼ?

Luật sư Trần Thanh Hiệp nhìn vấn đề dưới khía cạnh pháp lý. Ông nói "nhà nước pháp quyền" là một thành ngữ mới xuất hiện trong ngôn ngữ Cộng Sản, chưa được định nghĩa ngay cả trong tự điển Cộng Sản. Người ta không thể đồng hóa nội dung của thành ngữ này với nội dung thành ngữ Pháp "État de droit", thành ngữ Đức "Rechtsstaad", hay Anh "Rule of law".

Ông viện dẫn nhiều tài liệu chính thức của Cộng Sản để kết luận: cái gọi là "chế độ pháp quyền" mà Cộng Sản muốn đi tới, không phải là một chế độ dân chủ đích thực. Đó chỉ là một nhà nước giữ nguyên bản chất của chế độ chuyên chế, độc tài, độc đảng, tuy không còn chính thức mang tên nhà nước chuyên chính vô sản. Một thứ bình mới rượu cũ.

Luật sư Hiệp nói không có thay đổi gì khi Việt Nam vẫn còn đầy đủ những đặc tính của một chế độ chuyên chế Cộng Sản, thêm vào đó lại còn những đặc tính toàn trị của một chế độ phát xít. Theo ông, chúng ta không thể có một thái độ nhân nhượng. Khi nào chưa có bầu cử thực sự tự do, khi nào những người như Đoàn Viết Hoạt còn nằm tù vì chính kiến, không thể nói có pháp trị. Có luật pháp không đủ, luật pháp phải thực sự do dân làm ra, để bảo vệ dân chứ không phải để bảo vệ một nhóm, một đảng, một giai cấp.

Ông kết thúc bằng một thí dụ lấy trong việc tu học của người Phật tử. Tất nhiên là trong chế độ Cộng Sản hiện tại ở Việt Nam có những yếu tố nội tại có thể đưa

tới pháp trị. Như Phật đã nói: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành". Nhưng từ chúng sinh đến Phật phải đi qua một con đường tu học công phu. Con đường từ "vô sản chuyên chính" đến pháp trị cũng vậy, còn rất dài. Theo ông, ta đừng quá trông đợi ở sự "biến chuyển tự nhiên" để thấy chế độ hiện tại trở thành dân chủ thực sự.

KHÔNG THỂ NHÂN NHƯỢNG

Trong phần thảo luận, Kỹ sư Nguyễn Gia Kiểng, nhóm Thông Luận, không đồng ý với Luật sư Nguyễn Gia Khánh, người cho rằng điều cần thiết hiện nay là làm việc cụ thể (như gởi người về Việt Nam giảng dạy đào tạo luật gia, giúp sinh viên Việt Nam có dịp du học), để phát triển ý niệm dân chủ, và từ đó, chế độ chuyên chế tự nó sẽ bị đào thải, còn hơn là cứ ngồi chống Cộng ở Paris hay ở California. Ông Kiểng nói bên cạnh những hoạt động có tính cách giai đoạn, chúng ta không thể nhân nhượng trong những nguyên tắc căn bản (thí dụ đòi bãi bỏ chuyên chế, đòi thực thi dân chủ đa nguyên), bởi vì nếu từ bỏ và nhân nhượng trên những nguyên tắc căn bản, cuộc tranh đấu sẽ mất hết ý nghĩa, và chúng ta không còn lý do gì để ngồi lại với nhau. Ông đề nghị các nhà luật gia Việt Nam thảo luận để đi tới một lập trường thống nhất.

BA CÂU HỎI

Cuộc hội thảo đã kéo dài suốt buổi chiều trong không khí cởi mở, xây dựng. Nhưng, giống như bất cứ một cuộc hội thảo nào, vấn đề chỉ được đề ra, chứ không được giải quyết. Vẫn còn nhiều câu hỏi đáng được đặt ra. Thí dụ:

1- Có thể nói Cộng Sản có "thiện chí" không, khi kinh nghiệm cho thấy chữ thiện chí không có trong tự điển của họ. Tất cả chỉ là những thủ thuật giai đoạn.

2- Cộng Sản muốn đi đến một nền pháp trị thực sự, hay chỉ đi đến một nước có pháp luật, vì nhu cầu thực tiễn, trước mắt là nhu cầu kinh tế? Giáo sư Thúc đã trích dẫn một câu của Hà Nghiệp, một tác giả thân cận của nhà nước, trên báo *Đối Thoại*, Hà Nghiệp viết Việt Nam sẽ phải đi vào con đường kinh tế thị trường và phải "cấu trúc" lại theo thể chế pháp quyền.

Nói cách khác, mục tiêu không phải là dân chủ, mục tiêu là kinh tế thị trường. Thể chế pháp quyền chỉ là một phương tiện. Cần luật lệ, không phải vì muốn dân chủ. Cần luật lệ, vì cần tiền, vì muốn ngoại quốc đầu tư. Và muốn ngoại quốc đầu tư, phải có luật lệ. Nhưng từ một quốc gia có luật pháp đến một nền dân chủ pháp trị là hai chuyện khác nhau. Và không cần phải là kinh tế gia, người ta đều biết rằng sẽ không có kinh tế thị trường nếu không có dân chủ đích thực.

3- Giới luật gia Việt Nam hải ngoại phải có thái độ nào? Nên tích cực tham gia với nhà đương quyền (và sẽ bị chỉ trích là vẽ phấn, tô son cho một chế độ mục rã), hay tẩy chay (để bị chê là tiêu cực, thiếu thực tế, không biết nắm thời cơ?)

Vấn đề đã đặt ra với giới y sĩ hải ngoại. Nên về nước giúp đồng bào hay chờ cho đến khi hết Cộng Sản? Vấn đề bây giờ đặt ra cho các luật gia. Một hội thảo viên nói mỗi người trong chúng ta nên hoạt động theo lương tâm của mình. Nhưng cuộc tranh đấu có hữu hiệu không, nếu không có đường lối chung, tiếng nói chung, nếu mỗi người chỉ làm theo lương tâm mình? □

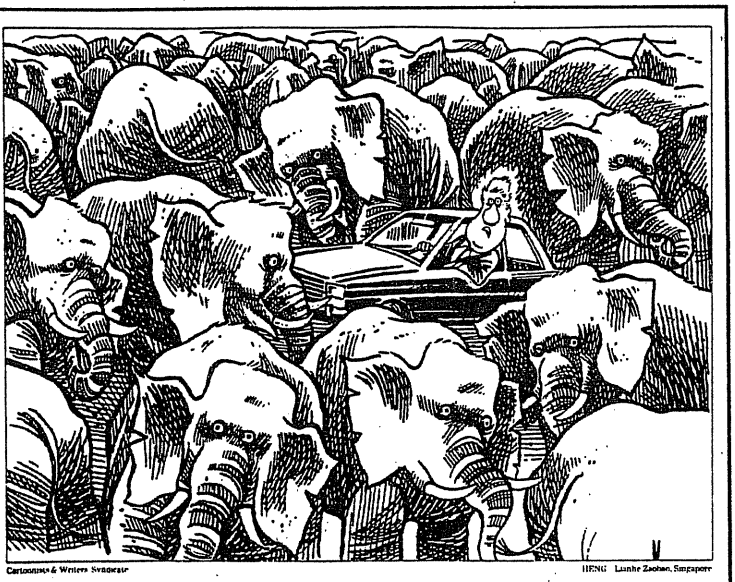

BẦU CỬ BÁN PHẦN Ở MỸ: ĐẢNG CỘNG HOÀ THẮNG LỚN

Ngày 8 tháng Mười Một 1994, nước Mỹ bầu cử các dân biểu và một phần nghị sĩ liên bang, thống đốc và dân biểu nghị sĩ tiểu bang, và nhiều chức vụ dân cử khác.

Đây không phải năm bầu cử Tổng thống, nhưng cuộc tranh cử cũng rất sôi nổi, vì người ta dự đoán một cuộc thay đổi cán cân quyền lực giữa hai đảng Dân Chủ và Cộng Hoà -- có nghĩa là thay đổi những chương trình kế hoạch quốc gia. Dự đoán đó trở thành sự thực khi các ứng cử viên Cộng Hoà đã thắng ở hầu hết các ghế liên bang cũng như tiểu bang. Sau bốn thập niên nắm đa số ở Quốc Hội, đảng Dân Chủ trở thành phe thiểu số, và Tổng Thống Bill Clinton (Dân Chủ) chờ đợi sự bao vây với sức ép nặng nề. Hí họa trên trích từ một tờ báo ở Singapore cho thấy một cách khá chính xác tình cảnh của ông Clinton, ít nhất là từ nay đến hết năm 1996. (Con voi là biểu tượng của đảng CH, trong khi con lừa là biểu tượng của đảng DC).

HAI ÔNG TỔNG LÃNH SỰ ANH Ở SAIGON

NGUYỄN ANH TUẤN

Mùa thu năm 1992 ông Dennis Leith được Bộ Ngoại Giao Anh cử sang Việt Nam làm tổng lãnh sự đầu tiên ở Sàigòn. Đây là vị lãnh sự trưởng đầu tiên của nước Anh sang nhậm chức ở Sàigòn mà nay đã đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dennis Leith, trước khi vào ngành quan chức ngoại giao đã từng là sĩ quan trong lực lượng cảnh sát của Hoàng gia Anh. Ông đã từng phục vụ một số năm ở Moscow trong thời kỳ Cộng Sản Liên Xô còn là một siêu cường quốc trên thế giới. Và vào thời điểm đó Liên Xô vẫn còn là thành trì của phe Xã Hội Chủ Nghĩa thế giới. Chính vì có cái quá khứ đã từng là sĩ quan cảnh sát trong lực lượng cảnh sát Hoàng gia Anh, và đã từng là tùy viên quân sự trong đại sứ quán Anh ở Moscow, trong cái thời kỳ hai khối Cộng Sản và Tư Bản đang còn gây cấn nhất, nên việc ông Dennis được cử sang làm tổng lãnh sự Anh ở Sàigòn cũng có một vài trục trặc nho nhỏ lúc ban đầu. Chắc là về phía Việt Nam người ta đã phải bỏ công ra rà xét lại lý lịch vị tổng lãnh sự đầu tiên Anh quốc đến Sàigòn, sau khi thành phố này được đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh.

Hồi đó ông Dennis than thở với tôi:

Chính phủ Việt Nam phúc đáp công hàm nước Anh về việc bổ nhiệm vị tổng lãnh sự Anh đầu tiên đến làm việc ở Sàigòn hết sức chậm trễ. Đến nỗi ông không rõ ông có được đi nhậm chức hay không, hay người ta lại đòi phía Anh Quốc phải thay người khác. Hôm ông Dennis tiếp kiến ông Peter Williams, vị đại sứ Anh rất được chính phủ Việt Nam ái mộ hiện nay, vào tháng 10-1992 ở London, ông Dennis đã bị ông đại sứ cạo cho, chỉ vì ngài cựu sĩ quan cảnh sát Hoàng gia Anh này đã gọi thành phố Hồ Chí Minh là thành phố Sàigòn.

Việc chính phủ Việt Nam phải chịu trách nhiệm sửa sang lại tòa đại sứ Anh ở Sàigòn để trao lại cho vị tân lãnh sự trưởng cũng làm quá chậm trễ. Nên đã gây rất nhiều phiền hà cho gia đình ông Dennis. Ông buộc phải ở khách sạn The Rex mà bây giờ gọi là Bến Thành Hotel trên đại lộ Nguyễn Huệ. Còn ngôi nhà 261 Điện Biên Phủ trước đây là nhà ở của đại sứ quán Anh ở Sàigòn được dùng làm tòa tổng lãnh sự Anh quốc. Người ta đã kéo dài quá lâu việc sửa sang tòa đại sứ cũ của nước Anh ở Sàigòn. Nên ông bà Dennis đã phải trở thành Ngưu Lang Chức Nữ mỗi năm chỉ gặp nhau có một đôi lần. Đáng lẽ bà Dennis cũng sẽ theo chồng sang Sàigòn nhưng vì nhà cửa lôi thôi nên bà đã quyết định ở lại Anh Quốc. Đối với người Anh việc hai vợ chồng phải ở hai nơi là một cực hình. Vì vậy ông Dennis chỉ mong ngày mong đêm sớm hết nhiệm kỳ để trở lại nước Anh làm việc.

Và bây giờ ông sắp hết hạn rồi. Ông Nick Carter sẽ đến Sàigòn thay ông Dennis Leith vào cuối tháng 11-1994. Khác với tâm trạng ông tổng lãnh sự Anh đầu tiên ở Sàigòn, ông Nick Carter nhận nhiệm vụ rất vui vẻ và suông sẻ nhẹ nhàng. Chẳng hiểu vì ông Carter không nằm trong diện phải thẩm tra kỹ càng về phía Việt Nam như ông Dennis, hay là nhà nước Việt Nam ngày nay đã khá hơn trong việc nhận định các nhà ngoại giao phương Tây đến làm việc ở Việt Nam. Ông Carter cũng đã từng là viên chức ngoại giao Anh ở Tiệp Khắc trước đây, trong khi nước này vẫn còn là nước Cộng Sản. Nhưng có thể vì ông Carter không phải là tùy viên quân sự như kiểu ông Leith trước đây ở Moscow nên nhà nước Việt Nam đã đón ông niềm nở hơn.

Trong khi tôi viết bài này thì ông Carter đang chuẩn bị đi dự bữa tiệc chiêu đãi của Đại sứ quán Việt Nam ở London. Trước đó ông cũng đã dự bữa tiệc thân mật với phái đoàn Hàng Không Việt Nam do đại tướng Nguyễn Hồng Nhi, tổng giám đốc hàng không dân dụng Việt Nam dẫn đầu sang Anh Quốc ký kết một hiệp ước về hàng không cuối tháng Tám vừa qua ở London. Ông Carter mà tôi vẫn quen gọi là Nick là một người hết sức chân thật. Có một hôm ông nói với tôi là ông đi Scotland để dự một hội nghị gồm nhiều chuyên viên về Việt Nam. Tôi nói: "Chắc là ông lên đó để thuyết trình về Việt Nam." Ông Nich trả lời: "Không, tôi lên đó nghe những chuyên viên thuyết trình về Việt Nam. Tôi là người nghe chứ không phải là người thuyết trình." Rồi ông nói thêm: "Chúng tôi phải học nhiều vấn đề lắm."

Ông Carter là một viên chức ngoại giao đã có quá trình hơn hai mươi năm phục vụ. Nhưng mỗi

khi đến một nơi đất mới ông lại phải học đủ mọi thứ; từ chính sách của nhà nước đến phong tục tập quán của nhân dân. Người ta đã cung cấp cho các nhà ngoại giao đầy đủ mọi tư liệu cần thiết về lịch sử, đất nước, về chính sách hiện hành của nhà nước và về tính cách của những con người Việt Nam.

Dù sao ông Nick cũng là một nhà ngoại giao có kinh nghiệm nên ông cũng kín đáo hơn là bà vợ ông, bà Andrea Carter. Bà Andrea là người rất vui tính. Bà đang là một Manager của một công ty tài chính ở London với mức lượng trên bốn mươi ngàn Anh kim một năm. Một mức lương cỡ khá ở London. Nhưng bà buộc lòng phải bỏ tất cả để theo chồng đi Việt Nam. Đối với bà Andrea đây là lần đầu tiên bà theo chồng đến ở một nước châu Á vẫn còn hơi hám Cộng Sản như Việt Nam. Nên bà vừa thích thú hồi hộp vừa có phần lo ngại. Và cũng vì vậy bà tìm hiểu Việt Nam kỹ hơn cả ông chồng. Có những điều bà Andrea biết mà tôi cũng không ngờ. Bà biết cả chuyện một phóng viên người Anh khi về nước bị hải quan Việt Nam ở sân bay tịch thu một cái đĩa rất đẹp, với lý do đó là đồ cổ không được phép mang ra nước ngoài. Bà nói: "Chúng tôi nghi ngờ không biết họ có đưa về cho nhà nước quản lý hay họ đem về nhà họ. Ở Việt Nam nhiều cái chẳng rõ ràng gì nên rất phiền hà cho khách du lịch nước ngoài. Ai mà biết được cái đĩa nào được mang đi, cái nào là đồ quốc cấm." Tôi nói: "Bà nói đúng. Hồi tôi về Việt Nam cũng mang mấy thứ như tranh sơn mài và vài cái đĩa cổ của gia đình cho đem sang Anh. Tôi đã cẩn thận xin giấy của sở văn hóa cho phép được mang đi. Và chứng nhận đây không phải là đồ cổ cấm mang ra nước ngoài. Nhưng khi đến sân bay Nội Bài thì các vị hải quan trả lời tôi rằng: Sở văn hóa chẳng có quyền gì. Và họ cứ khăng khăng liệt những thứ tôi mang đi là đồ cổ cấm mang ra nước ngoài. Nhưng khi tôi xin để lại cho người nhà mang về thì họ lại bảo đã chuyển vào bên trong rồi không lấy ra được. Và họ bắt tôi phải đóng hai trăm đô la tiền thuế thì sẽ cho đi. Như vậy đúng là không có luật pháp gì hết. Họ gây rất nhiều khó dễ. Mãi khi họ đã nặn hết số dollar còn lại của tôi khoảng chừng gần hai trăm họ mới cho đi. Vậy nếu nói là quốc cấm thì sao không cho để lại vì người nhà tôi vẫn còn chờ ở sân bay. Nếu là quốc cấm thì sao lại lấy tiền rồi cho đi. Đúng là luật rừng của những cán bộ rừng. Nhưng tôi cứ tưởng là họ chỉ rừng với người Việt Nam. Không ngờ họ rừng với cả người ngoại quốc." Những chuyện ngoài lề chính trị như vậy thì bà Carter quan tâm nhiều hơn là ông chồng. Ông Carter thường hay quan tâm đến những vấn đề lớn hơn.

Có một hôm ông kể tôi nghe về một báo cáo về tình hình Việt Nam. Trong đó các nhà ngoại giao được nghe thuyết trình về hướng tương lai của cục diện chính trị Việt Nam. Và những khả năng hợp tác kinh tế của Việt Nam với nước ngoài.

Sau đây là những nét lược ghi những ý chính của ông Carter trao đổi với tôi để chúng ta cùng tham khảo.

We do not want revolution in Vietnam. We need peaceful evolution. Chúng tôi không muốn có cách mạng ở Việt Nam. Chúng tôi cần sự phát triển hòa bình.

Ông Carter nói: Các công ty tư bản nước ngoài cần sự ổn định về chính trị ở Việt Nam. Chúng tôi không muốn có cách mạng ở Việt Nam. Vì nó sẽ dẫn tới những xáo trộn, những hỗn loạn không có lợi cho việc đầu tư làm ăn buôn bán của chúng tôi. Nếu Việt Nam xảy ra nội chiến thì những công ty ngoại quốc sẽ nằm giữa hai lằn đạn của hai phe đối địch nhau và sẽ chịu những thiệt thòi khó mà lường được.

Tôi nói: "Có người cho rằng cần phải lật đổ chính quyền đương thời bằng võ trang bạo lực. Vì họ không tin rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ có thể tự lột xác thành chủ nghĩa Tư Bản. Hơn nữa nếu việc

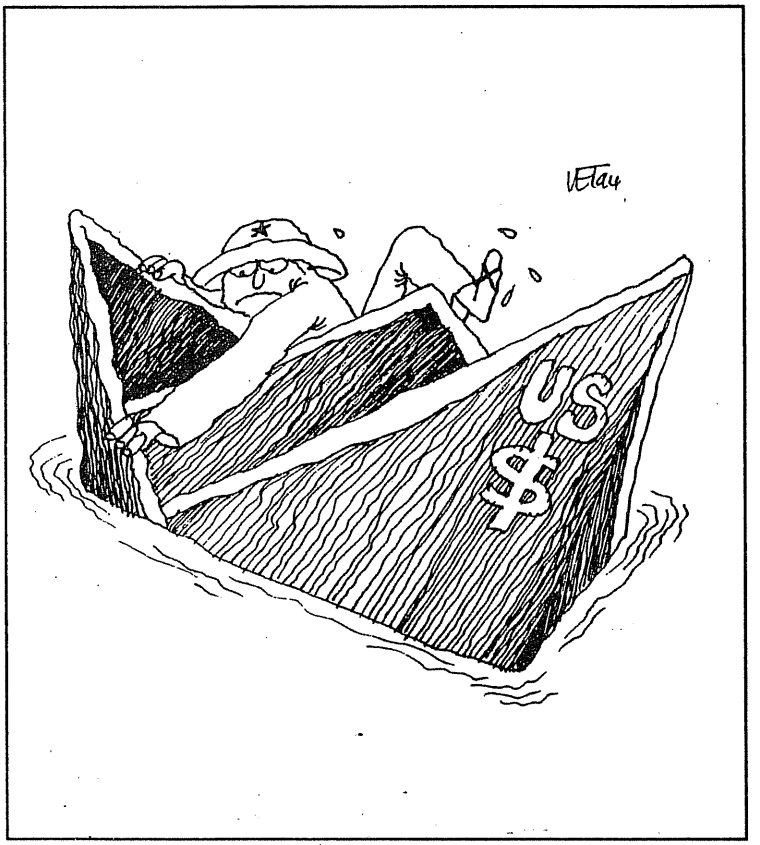

đó có thể xẩy ra thì tiến trình cũng quá lâu. Ông nghĩ như thế nào?"

Ông Carter nói đại ý như sau: Như chúng tôi đã nói. Chúng tôi không muốn có cách mạng ở Việt Nam. Chúng tôi cần sự phát triển hòa bình. Đó là ý muốn của những công ty nước ngoài đang hoạt động ở Việt Nam. Và cũng là ý kiến của các nhà chính trị phương Tây. Còn người Việt Nam các ông muốn cách mạng bạo lực thì việc đó chúng tôi không dám can ngăn. Nhưng chúng tôi suy nghĩ rằng: cách mạng bạo lực chưa chắc đã nhanh và tốt. Chúng tôi thấy cứ chuyển biến dần dần từng bước chắc chắn thì dù có chậm cũng hơn là nhanh mà đổ máu và đổ vỡ nhiều. Chúng tôi không thể nào hiểu được người Việt Nam các ông đã hy sinh bao xương máu trong chiến tranh mà vẫn cứ mê say chiến tranh bạo lực. Tôi xin hỏi các ông: Các ông có sự tham chiến và giúp sức tối đa của Mỹ đánh nhau với Việt Cộng hai mươi năm. Nhưng các ông và Mỹ đã thua. Nay chỉ cần chưa đầy bảy năm diễn biến hòa bình để chuyển hóa từ một chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa thành chế độ Tư Bản, không tốn chút xương máu nào thì các ông lại kêu quá chậm. Tôi xin hỏi ông: Nếu Việt Nam quay lại con đường chiến tranh. Nếu Việt Nam sẽ lại mất thêm hai mươi năm tàn phá và hy sinh thêm ba triệu người nữa để đổi lấy một chính thể khác thì ông có chấp nhận không? Nếu các ông cho rằng cái nhóm người chống Cộng trong một khu rừng già nào đó ở vùng biên giới Thái Lan chẳng hạn; như có người đã nói công khai trên báo Ngày Nay ở Mỹ, có thể làm cách mạng bạo động để khuấy lên sự ủng hộ của dân chúng trong nước vùng lên lật đổ chính quyền hiện nay, thì ông có tin là việc đó có thể xẩy ra hay không? Chúng tôi cho rằng làm cách mạng không phải chỉ cần đến máu nóng ở trong tim, mà cái quan trọng hơn là phải có cái đầu tỉnh táo. Tôi thử hỏi các phe đối lập ở trong nước có bao nhiêu lực lượng và họ có tán thành võ trang khởi nghĩa lật đổ chế độ đương thời bằng chiến tranh không? Liệu dân chúng có nghe theo các ông làm việc đó không? Tôi nghĩ là các ông đã có được thắng lợi không tốn xương máu mà các ông vẫn chưa nhìn ra hoặc chưa thỏa mãn đó thôi. Theo các nhà quan sát của chúng tôi thì chế độ Việt Nam ngày nay không còn là chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa. Dĩ nhiên chế độ này vẫn còn nhiều khuyết tật nhưng chúng tôi hy vọng sẽ có thể dần dần khắc phục được. Chúng ta phải kiên trì và phải giúp họ tìm ra lối thoát, chứ không nên phủ nhận mọi thành quả đã đạt được. Và chúng tôi nghĩ những thành quả đó có phải đâu chỉ là thành tích của những người *reform* cải cách Việt Nam. Đó chính là thành quả của nhân dân Việt Nam mà trong đó những người Việt Nam ở nước ngoài cũng có một phần đóng góp. Các ông thử nhìn vào Liên Xô mà xem. Những người cải cách cực hữu của Liên Xô cũ đã làm hỏng ván bài chính trị. Vì họ nôn nóng muốn làm cách mạng thật nhanh trong khi tình thế và lòng dân không thuận. Nên mới sinh ra nội chiến. Và nếu chúng ta so sánh một cách khách quan thì tôi xin hỏi ông: Những kết quả của cải cách Liên Xô cũ và nước Nga ngày nay có gì là trội hơn tình thế ở Việt Nam không? Chúng tôi cho rằng Việt Nam đã may mắn hơn Liên Xô cũ.

"Ông nghĩ gì về chuyện một số người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam kêu gọi đảng viên và dân chúng cảnh giác để phòng diễn biến hòa bình của các nước phương Tây?" -Tôi hỏi.

Chúng tôi xin trả lời dứt khoát rằng chúng tôi không bao giờ có ý đồ lật đổ chính quyền Việt Nam hiện nay bằng diễn biến hòa bình. Cái mà các ông ấy gọi là diễn biến hòa bình chính là do các ông ấy tạo ra. Đó chính là con đường tự lột xác của chủ nghĩa Cộng Sản mà một số nhà cải cách tiến bộ của Việt Nam đã đi tiên phong. Chuyện đó là chuyện nội bộ Việt Nam. Nhân dân Việt Nam hoan nghênh việc đó. Có nghĩa là hoan nghênh chính các vị đã tạo ra con đường diễn biến hòa bình với sự hợp tác đắc lực của dân chúng. Vậy nếu có ai đó lên án diễn biến hòa bình là họ tự lên án lẫn nhau. Cũng như những người Việt Nam hải ngoại các ông lên án lẫn nhau. Vì có ông đòi làm cách mạng vũ lực bạo động. Có ông lại chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc đấu tranh bằng biện pháp bất bạo động. Rồi ông nọ bảo ông kia là cò mồi Cộng Sản.

Việc các nước phương Tây làm ăn buôn bán với Việt Nam và các nước vẫn còn nhãn hiệu Cộng Sản khác, hoàn toàn không có mưu đồ chính trị lật đổ ai bằng hòa bình hay bạo lực. Buôn bán là buôn bán. Business is business. Khi người ta buôn bán thì vấn đề cơ bản và cũng là vấn đề hàng đầu là phải có lợi nhuận. Chúng tôi vào Việt Nam là vì lợi nhuận. Vậy nếu có ai đó lên án chúng tôi là thiếu chính nghĩa, thiếu nhân đạo, là hà hơi tiếp sức cho Cộng Sản thì thật là một sự ngộ nhận. Vì chính nhờ có đầu tư nước ngoài đã giúp rất nhiều cho Việt Nam vượt qua được những khó khăn cản trở trên con đường phát triển kinh tế Tư Bản chủ nghĩa. Và cũng vì thế đã giúp cho thế lực tiến bộ trong giới cầm quyền chống lại thế lực bảo thủ muốn quay ngược bánh xe lịch sử trở lại con đường Xã Hội chủ nghĩa, mà toàn dân Việt Nam đã chán ghét. Vậy việc một số người Cộng Sản bảo thủ Việt Nam lên án chúng tôi là đã giúp cho thế lực cải cách làm nên sự nghiệp thì chúng tôi cũng không dám than phiền, mà còn cảm thấy dễ chịu. Nhưng chúng tôi không thấy dễ chịu chút nào, khi chính người Việt Nam hải ngoại, những người được cả thế giới Tư Bản phương Tây cưu mang giúp đỡ, lại lên án chúng tôi. Làm như chúng tôi là những kẻ đồng lõa duy trì chế độ Cộng Sản.

Thật khôi hài khi người ta lên án Mỹ là không tốt. Mỹ là một

tên lừa lọc không có thủy chung. Họ dẫn chứng rằng trước đây Mỹ đã bỏ rơi Đài Loan để làm ăn buôn bán với Trung Cộng. Mỹ đã bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa để ký hiệp nghị Paris với Việt Cộng. Rồi Mỹ lại phản bội những người Việt Nam chống Cộng bằng cách bỏ lệnh cấm vận. Nếu như vậy chắc là người ta sẽ lên án cả thế giới Tư Bản là phản bội, là đồng lõa với Cộng Sản, là giúp sức Cộng Sản đứng vững. Vì gần như hầu hết các nước Tư Bản tầm cỡ đều vào Việt Nam và vào Trung Quốc buôn bán. Ngay anh Đài Loan là người tố cáo Mỹ cũng vào buôn bán với Trung Cộng và Việt Cộng đó thì sao. Thì ra người ta muốn nói sao cũng được.

Có người nói: Mỹ đã bỏ rơi nhân quyền. Đã chỉ nhìn thấy lợi nhuận mà quên chính nghĩa. Kể ra thì chúng tôi cũng không nên nói hộ người Mỹ. Nhưng vì nó cũng liên quan đến chúng tôi nên cũng phải nói. Về quan hệ quốc tế không ai có thể bắt buộc được ai. Mà chỉ có phê bình lên án và đưa ra Liên Hiệp Quốc là tổ chức quốc tế xem xét, để có biện pháp thích hợp. Còn việc buôn bán thì ai mà chẳng vì lợi nhuận. Nếu các ông nói không cần lợi nhuận thì có nghĩa là bỏ quách chủ nghĩa Tư Bản mà quay về chủ nghĩa Cộng Sản. Vì chủ nghĩa Tư Bản là chủ nghĩa vì lợi nhuận. Ông Marx, người sáng lập ra chủ nghĩa Cộng Sản đã chẳng viết cả pho sách "Tư Bản Luận" phân tích giá trị thặng dư, phê phán lợi nhuận của chủ nghĩa Tư Bản đó sao. Liệu các vị lên án chúng tôi vì lợi nhuận là sai phải chăng muốn làm đệ tử của Marx?

"Theo các chuyên gia về Việt Nam của các ông thì tình thế Việt Nam sẽ phát triển ra sao?" -Tôi hỏi.

Thưa ông, không có một chuyên gia tài giỏi nào dám tiên đoán việc này. Có chăng chỉ là những giả thuyết. Mà đã gọi là giả thuyết thì có thể đúng mà cũng có thể sai. Thí dụ như hồi cuối năm 1992 một số chuyên gia của chúng tôi nhận định là Mỹ sẽ bỏ cấm vận Việt Nam vào tháng 5-1993. Nhưng thực tế thì đến mãi tháng 2-1994 Mỹ mới bỏ cấm vận. Vậy ai dám tiên đoán Việt Nam sẽ thay đổi ra sao trong tương lai. Nhưng chúng ta có thể nêu ra những giả thuyết. Nhưng dù là giả thuyết cũng phải dựa trên cơ sở thực tế và phương pháp phân tích khoa học. Chứ không phải mình thích sao nói vậy.

Tương lai Việt Nam sẽ là một nước Tư Bản phát triển, sẽ là một con rồng vàng Á châu. Nếu như Việt Nam tránh được những cuộc nổi dậy bạo động, tránh được chiến tranh, và giữ được ổn định dài lâu về chính trị. Nhưng phải luôn luôn cải tiến theo chiều hướng phát triển dân chủ tự do, thanh lọc dần những thế lực đối kháng làm cản trở bước tiến của nền kinh tế Tư Bản chủ nghĩa, thanh trừ những tệ nạn xã hội và duy trì được pháp chế của một nhà nước dân chủ. Đây là bức tranh đẹp nhất mà chúng tôi nghĩ các ông đang mơ ước và cũng là mong muốn của chúng tôi.

Khả năng thứ hai là sẽ có những bạo loạn hoặc lớn hoặc nhỏ do những thế lực tài phiệt mới ở Việt Nam sát phạt nhau gây ra, kéo theo sự tham gia của quân đội và công an. Đây là một nguy cơ rất có thể xảy ra. Mặc dù nhà nước Việt Nam đã biết lấy lòng quân đội và công an bằng cách tăng lương cho họ và cho họ hưởng một số quyền lợi nhất định. Nhưng cái khoảng cách về đời sống giữa những tập đoàn tư sản đỏ có đặc quyền đặc lợi với hàng ngũ đông đảo anh em binh lính và hạ sĩ quan trong quân đội và công an ngày càng tăng. Nếu như cấp lãnh đạo nhà nước không có những biện pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn nạn tham nhũng buôn lậu lan tràn, làm giầu bằng những thủ đoạn lừa lọc và làm hại đến đời sống nhân dân, tài sản quốc gia, tài nguyên đất nước thì không sớm thì muộn, không nhiều thì ít chắc phải có xáo trộn nhất định. Và bất cứ sự xáo trộn hỗn loạn nào cũng không tốt cho Việt Nam và cho những công ty nước ngoài làm ăn buôn bán ở Việt Nam.

"Liệu Việt Nam có xẩy ra một cuộc cách mạng lật đổ chính quyền hiện tại bằng vũ trang bạo lực hay không?" -Tôi hỏi.

Muốn có một cuộc cách mạng thì phải có lực lượng cách mạng. Và lực lượng cách mạng phải kinh qua một chặng đường đấu tranh công khai hoặc bí mật để tự rèn luyện mình và gây ảnh hưởng. Có như vậy mới chiếm được lòng tin yêu của quần chúng, thu hút được quần chúng tham gia. Đến một lúc nào đó lực lượng đã mạnh và thời cơ đã đến thì mới vùng lên khởi nghĩa được. Vậy câu hỏi này ông nên hỏi những người chủ trương cách mạng bạo động của các ông. Xem họ đã có lực lượng hay chưa và quần chúng trong nước có tán thành ủng hộ và tham gia tổ chức đó hay không.

Trong lịch sử không có chuyện anh cứ ngồi yên sung sướng ở nước ngoài đưa ra cương lĩnh này nghị quyết nọ, rồi bỗng nhiên quần chúng nghe theo anh, đem xương máu ra tranh đấu, làm nổ ra một cuộc cách mạng. Vậy tương lai Việt Nam sẽ có cách mạng bạo lực hay không là tùy thuộc vào nhân dân Việt Nam, xem họ có tán thành con đường bạo lực hay không. Nếu họ tán thành thì họ sẽ tham gia vào các tổ chức cách mạng bạo động. Và trong tình hình đó, trước khi nổ ra cách mạng bạo lực Việt Nam sẽ phải kinh qua những tắm máu mới. Chúng tôi tin rằng nhân dân Việt Nam có đủ sáng suốt lựa chọn đường đi bước tiến của mình.

Về phía chúng tôi chúng tôi không tán thành cách mạng bạo lực. Như tôi đã nói: Chúng tôi không muốn có cách mạng ở Việt Nam. Chúng tôi muốn sự phát triển hòa bình.

"Cám ơn ông. Xin ông vui lòng cho tôi được viết lại những điều chúng ta trao đổi với nhau gửi đăng trên báo Việt ngữ ở nước ngoài. Không biết ông có vui lòng không?"

"Tôi không có gì phản đối. Cám ơn ông." □

MỸ CẢNH LỘ -- BỜ BIỂN CALI

NGÔ THANH TÙNG

Đường lối đê mê ngất ngất từng
VHC

Cận Duyên Lộ Monterey.

Cali có 32 triệu dân, 25 triệu xe hơi, và một bờ biển gần 1,200 dặm, với một hệ thống chằng chịt: tỉnh lộ (đường hai chiều, hẹp, còn gọi là đường trong), xa lộ, siêu lộ, cầu cống, tối tân nhất Hoa Kỳ (và thế giới) xuyên qua đèo cao núi cả. Nếu bạn là một cư dân Cali, hoặc bạn đến từ một tiểu bang khác, hay nước khác, mà không có thời giờ nhiều (hoặc có thời giờ nhưng người bạn địa phương không thuộc loại thổ công, không biết phải đưa bạn đi thăm những đâu...) bài này có thể giúp bạn một lối thoát: *du lịch bằng xe hơi trên những chặng đường đẹp nhất Cali*. Dĩ nhiên, bạn cần một chiếc xe du lịch tốt vừa phải, một bản đồ toàn bang Cali $2, một vài bạn đồng hành dễ chịu, một hũ lạc rang, và vài lon nước ngọt. Một ngày đường có thể cần hai bình xăng, phí tổn khoảng $40 và lái thong thả từ 500-600 dặm. Xin dậy thật sớm, ăn lót lòng, cà phê cà pháo chắc bụng, đổ đầy một bình xăng và nào, xin mời cùng lên đường.

Đặc điểm của ngày du lịch "trên tay lái" là đi sao cho mau đến nơi (đoạn đường ngoạn mục), nhưng một khi đến rồi là bắt đầu lái thong thả, nếu đằng sau không có xe. Chỉ giữ tốc lực chừng 30-40 dặm một giờ cho đến khi qua hết đoạn đường đó. (Xin luôn luôn nhường cho những xe đằng sau qua mặt). Chỗ nào đẹp, dừng xe 5, 10 phút, xuống bách bộ, hô hấp, vươn vai, chụp vài ảnh kỷ niệm. Đến bữa ăn, ghé các quán "*fast food*", (hoặc đem theo bánh mì thịt nguội), ăn xong, lại thong thả tiếp tục cuộc hành trình cho đến cuối đoạn đường mỹ cảnh đó và trở về bằng tốc lực chuyến đi. (Xin chớ xả rác dọc đường).

Loạt bài mỹ cảnh lộ tại Cali có ba phần. Bài này là phần một. Cả ba đều là những loại đường nhỏ, phần nhiều là đường hai chiều, đều chạy theo ven biển, sườn non, hoặc ao hồ, hoặc gồm cả hai đặc điểm này.

Mỹ Cảnh Lộ bờ biển Cali: năm đoạn

Bờ biển Cali được viền bởi hai xa lộ đẹp nhất của tiểu bang: Cận duyên lộ 1 (*Pacific Coast highway*) và xa lộ 101. Theo địa hình và phong cảnh, có thể chia toàn thể bờ biển Cali ra làm năm đoạn:

Đoạn 1, cực Bắc, xa lộ 101 từ Crescent City đến Eureka: đây là đoạn đường Đại công viên Hồng Mộc *Redwood National Park*. (Suốt phần còn lại của xa lộ 101, tức là đoạn đường từ Eureka xuống đến Los Angeles không còn được kể là con đường ngoạn mục nữa).

Đoạn 2, Cận duyên lộ "không chính thức" bắt đầu từ thị trấn Loleta đến khi đường ven biển gặp Shoreline Hwy, Bắc tiểu trấn Rockport: đây là đoạn "hoang vu".

Đoạn 3, từ Shoreline Hwy đến Point Reyes: có thể mệnh danh đoạn này là "đoạn đường bảy năm" (xây cất), nơi Cận duyên lộ 1 chính thức bắt đầu.

Đoạn 4, từ Pacifica, Nam San Francisco xuống đến thị trấn nhà giàu Santa Barbara; đoạn "Bắc Cali"; và

Đoạn 5, từ nam Santa Barbara xuống đến Dana Point, Nam hạt Cam: đoạn Cực Nam".

Ba đoạn 1/ Cực Bắc 101; 2/ Cận duyên lộ 1 không chính thức "hoang vu" và 3/ Đoạn Cận duyên lộ 1 "đoạn bảy năm", vì phải tốn trên bảy năm mới xây xong đoạn đường hiểm trở này, theo tôi, là ba chặng mỹ cảnh lộ đẹp nhất Cali. Hai đoạn còn lại giáp Nam Cali, vì nạn nhân mãn, không được bằng những đoạn phía Bắc.

Bây giờ mời bạn bắt đầu từ tiểu bang Oregon đi xuống. Ta sẽ thăm chặng đường vài chục dặm đẹp nhất của xa lộ 101, rồi tiếp nối bằng các chặng đường Cận duyên 1 (Coast Hwy) xuống đến Nam Cali, chấm dứt tại Dana Point, nơi bờ biển, bến tàu, khách sạn, cửa hàng Mall sang trọng nhất nhì tiểu bang này.

Xa lộ 101

101 là xa lộ dài thứ nhì Cali, từ thị trấn Smith River, cách tiểu bang Oregon vài dặm, chạy hướng Bắc Nam, xuống đến Los Angeles, khi gặp siêu lộ 110 thì dứt. Trong bản đồ, 101 ngắn hơn siêu lộ 5 rõ rệt. Siêu lộ 5 (Inter-State 5) là con đường nối thị trấn Hilt, cách Oregon nửa dặm, xuống

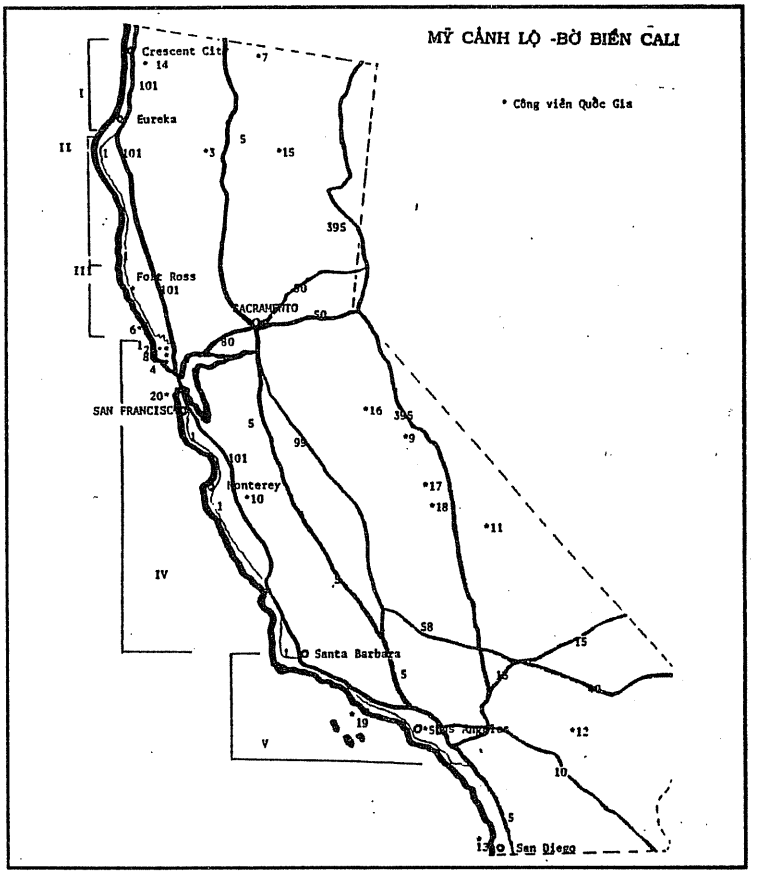

đến biên giới Mễ Tây Cơ, là thị trấn Tijuana. Trên thực tế, 101 đã được phóng theo triết lý "nhu thắng cương", nương theo sườn núi mà phóng, ít phải xẻ hẳn mấy quả núi, nhưng phải bắc thêm mấy trăm nhịp cầu. Người phóng nó, có lẽ là một công ty, thực hiện một lộ trình theo tinh thần văn nghệ, lấy đẹp làm chuẩn, nên nó vẫn giữ được những nét uyển chuyển, nhịp nhàng, nhấp nhô theo rặng núi cận duyên, phóng theo nghệ thuật "Sống đẹp" kiểu Lâm Ngữ Đường. Nếu Cận duyên 1 (Coast Hwy 1) là thiếu nữ sắc sảo, thì 101 là thiếu phụ trung niên đầy xuân sắc, còn siêu lộ 5 là mụ già nham nhở. Fwy I-5 được xẻ qua núi, phóng qua sông lớn, thẳng tắp như một mũi lao, nối Nam và Bắc Cali. Chặng I-5 từ Sacramento đến Oregon, phong cảnh đẹp hơn chặng miền Nam nhiều; tuy nhiên, siêu lộ 5 là một con đường kỹ nghệ, dành cho xe vận tải. 101 là đường cái quan dành cho mọi giới. Giới vận tải nhờ 101 mới đem sản phẩm đến hàng trăm thị trấn đông dân cư duyên hải. Giới văn nhân nhờ nó dẫn vào các đường trong, có phong cảnh, để tìm hiểu văn minh địa phương, tìm hứng cho văn phẩm. Nhà kinh doanh thì lăm le khai khẩn đất mới, cất nhà, mở tiệm, lập siêu thị quanh quẩn gần nó. Nhà du lịch đại lãn, chỉ muốn ngồi trên xe ngắm phong cảnh trong khoảnh khắc, khi bụng đói, có ngay những nhà hàng sang trọng ngay bên đường; lúc trời tối, có ngay khách sạn gần đó nghỉ chân; cần mua sắm, tạt vào bất cứ thị trấn lân cận nào, chẳng thiếu món gì; nhà thương, trường học, sở cảnh sát, nhà thờ, vườn hoa, công viên, bãi tắm... tất tất đều trong tầm tay lái. 101 đúng là con đường lý tưởng của những "cục nhớt" du lãm kiểu nhà giàu, nhất định không muốn tốn thời giờ. Bây giờ chúng ta bắt đầu từ mạn Bắc.

Đoạn 1: Xa lộ 101

Câu hỏi căn bản mà tôi thường gặp trong các lớp nhiếp ảnh nghệ thuật: "Trong gần 800 dặm 101,

đoạn đường nào đẹp nhất?" Đẹp đây là có phong cảnh đẹp, để chụp ảnh. Tôi có thể trả lời không cần suy nghĩ là chặng Crescent City - Eureka khoảng 60 dặm. Lý do? Vì đây là đoạn đường độc nhất của 101 thay thế cho Cận duyên 1 (Coast Hwy 1). Có thể nói rằng đoạn này là đoạn 101 và Coast Highway 1 nhập làm một. Cây viết du lãm của *National Geographic*, Tony Eugene cũng công nhận như vậy. Từ biên giới Oregon, 101 lượn dốc, theo bờ biển, xuyên qua hàng ngàn gốc hồng mộc Redwood Park (đại thắng cảnh quốc gia), vượt qua vô số sông, suối, đèo núi, thung lũng, mỗi thung lũng là một thị trấn: Crescent City, Arcata, Eureka. Nó là đoạn tiếp nối cực bắc Cận duyên 1, nhưng khang trang, rộng rãi, hiền hòa hơn những chặng Cận duyên 1 của phía Nam nhiều. Mùa Xuân, hoa muôn sắc mọc hai bên đường. Các mùa khác, rừng cây vạn niên lục dàn chào xanh thẫm nối với trời mây. Mùa Thu, những rừng phong vắt lên trên lưng đồi, lốm đốm sắc vàng, đỏ, xanh, như một họa phẩm ấn tượng. Lên đến cực đoạn Bắc này, xe cộ ngớt đi nhiều, phần nhiều là xe vận tải chở hàng hóa liên tiểu bang, từ Cali đi Oregon và Washington.

Nếu bạn là cư dân của hai tiểu bang vừa kể, vừa vượt trường sơn, xuống tiểu bang Vàng (Cali) đến Crescent City, vào Visitor's Bureau, bạn sẽ được phát không một lô tài liệu phong cảnh Cali, và một bản đồ tổng quát toàn tiểu bang, giới thiệu những địa danh nổi tiếng: Cận duyên 1; Thị trấn Tìm Vàng; hồ Shasta; Thung Lũng miền Trung; Rặng High Sierra; Vùng Vịnh Cựu Kim Sơn; Los Angeles; San Diego; thế giới sa mạc... Một điều không ai bảo cho bạn biết rằng, bạn sắp đi trên một đoạn đường chừng 60 dặm đã được *National Geographic* tuyển chọn là một trong tám con đường đẹp nhất Hoa Kỳ: đó là đoạn 101 từ Crescent City xuống đến Arcata. Chặng mỹ cảnh lộ này xuyên qua công viên quốc gia Redwood Nat'l Park, qua cửa sông Klamath, nơi câu cá *salmon* số một của miền Tây. Từ đây, bạn đi về phía Nam chừng 20 dặm, qua Eureka, lại được thăm 32 dặm *Avenue of the Giants* (Đại lộ cây chọc trời), có những cây hồng mộc Redwood trên 1,000 năm, cao không nhìn thấy ngọn. Có rất nhiều địa điểm cắm trại ngủ đêm, *motel* thật rẻ, 30 đến 40 Mỹ kim cho hai người, những hàng bán đồ gỗ điêu khắc, đẽo từ hồng mộc ra, và thiên đường câu cá *salmon* của ngư ông tài tử.

Công viên ngay bên đường

Hai công viên nổi tiếng, một chặng mỹ cảnh lộ 32 dặm Avenue of the Giants là ba nơi thăm viếng không thể bỏ qua trong chặng đường đẹp nhất nước này, đó là chưa kể đến các đoạn mỹ cảnh lộ ngắn, rải rác đó đây trong suốt đoạn đường trên. Thứ nhất là *Redwood Nat'l Park* vừa kể, nằm giáp Nam thị trấn Crescent City, ngay cạnh Nam của công viên *Jedemiah Smith Redwood State Park* (thuộc công viên Redwood), một trong những đại công viên đẹp nhất của Cali. Thứ hai, *Prairie Creek Redwoods State Park* (cũng thuộc công viên Redwood) nằm dọc dòng suối lớn có tên *Redwood Creek*. Thứ ba, Đại lộ Cây Chọc Trời (Avenue of the Giants) có những cây già nhất lục địa, 32 dặm hương lộ, xuyên qua khu rừng cổ thụ hồng mộc kỳ lạ, hùng vĩ, bất tử, thi gan với sấm sét bão tố. Đây là đoạn đường có nhiều nơi cắm trại, dừng chân qua đêm, hội họp, chụp ảnh. Để tránh đi lạc, nên tìm mua *bản đồ địa phương, có nhiều chi tiết* tại các trạm xăng hoặc tiệm bán thực phẩm. Không nên quá vội vã, bỏ qua những công viên trên, lúc đi sâu vào miền Nam, bạn sẽ phải hối tiếc đã lỡ mất dịp thăm viếng hai trong những công viên đẹp nhất Cali.

Nếu có người hỏi tôi: "Sau hai mươi năm chụp ảnh phong cảnh khắp Cali, nếu phải chọn một con đường đẹp nhất tiểu bang này, anh chọn con đường nào?" Câu trả lời không cần suy nghĩ của tôi là: "Coast Highway 1 - chặng Cực Bắc" mà tôi bày đặt dịch một cách văn vẻ là Cận duyên 1. Người Việt chúng ta từng du lãm trên những xa lộ quê hương như Quốc lộ 1 qua Nha Trang, Cam Ranh, Đại Lãnh, Bình Định, vào những thập niên 50, 60; những vị cao niên ở tuổi chú bác tôi, từng ca tụng những địa danh: Chapa, Đồ Sơn, Sầm Sơn; những bạn gốc gác Nam Kỳ lục tỉnh, ít có dịp ra Trung, ra Bắc, thường khen tặng Vũng Tàu, Ô Quấn, Long Hải, Nước Ngọt, Long Xuyên, Hà Tiên... Đối với tất cả quý vị, tôi chỉ xin vắn tắt: nếu chưa đi thăm Cận duyên 1 cực Bắc Cali là chúng ta chưa biết Cali. Tôi nói thật đấy. Đọc *Trống Mái* của Khái Hưng tả cảnh Sầm Sơn; đọc Nguyễn Hiến Lê tả cảnh xe hỏa leo dốc miền Trung qua các vùng Hải Vân, Lăng Cô, Đại Lãnh, hay thật đấy, nhưng bạn hãy tưởng tượng, lái chiếc xe du lịch êm ái, cạnh vài người bạn tốt, trên xa lộ cận duyên Cali vắng vẻ, hùng vĩ, mát lạnh quanh năm, xa hẳn máy điện thoại, máy Fax, Beeper, quên bẵng đi việc trả *bill* mỗi tháng, quên bẵng đi những phút đợi đèn đỏ, bị kẹt, phải xếp hàng trong siêu thị, hoặc thoát bẵng đi những giờ phút điên đầu, toát mồ hôi vì sinh kế, bị rầy rà trong sở làm... thú thật, cũng thú vị không kém.

Nhưng Cận duyên 1 dài 800 dặm, suốt từ Eureka, phía Nam Oregon xuôi Nam đến tận Dana Point mới dứt, một con lộ vừa dài, vừa dốc, vừa ngoằn ngoèo như thế, đi đến mấy ngày mới hết? Phải ghi nhận ngay từ đầu, Cận duyên 1 bị ngắt nhiều đoạn. Chỉ có những đoạn từ Santa Barbara qua San Francisco, qua Point Reyes, lên đến Loleta là đáng thăm viếng. Nó thực sự bắt đầu từ phía Nam Loleta, một tiểu trấn nằm trên xa lộ 101 phía Nam thị trấn Eureka chừng 10 dặm.

Theo tôi, từ Pacifica thuộc San Francisco đến Santa Barbara, Cận duyên 1 cống hiến trên 200 dặm đường ven biển rất hữu tình, phần

lớn rất đông xe, nhất là những chặng gần San Francisco, Santa Cruz, Carmel. Từ Big Sur xuống San Simeon, tương đối vắng người một chút; kế đến chặng từ Morro Bay xuống Santa Barbara, cũng thật đông xe, dĩ nhiên, gây khó khăn cho khách du lịch, cũng vì vậy, giảm hứng thú nhiều. Đến đây, các căn cứ quân sự Vanderberg của không quân, cộng với hiện tượng thái phát triển đã cướp mất gần trăm dặm cận duyên. Coast Hwy 1 không được chạy dọc biển nữa, mà phải quanh co qua các đường phố chấn phèo, xuyên qua các thị trấn: Guadalupe, nhập lại với đường 135, qua thị trấn Lompoc, bị mang thêm một tên khác nữa là Cabrillo Hwy, qua thị trấn Las Cruces, gặp biển trở lại khi đi tới thị trấn Gaviota. Từ đây xuống đến Dana Point, Nam hạt Cam, theo tôi, Cận duyên 1 không còn cái đẹp miền Bắc nữa. Tôi phải đồng ý với Tony Eugene của *National Geographic*, từ Santa Barbara xuống đến Dana Point, tuy có vài đoạn đường có thể liệt vào hạng khá đẹp, nhưng có lẽ vì nạn nhân mãn, nạn kẹt xe, nạn ô nhiễm, quá nhiều hàng quán, quán ăn, cầu tầu, xóm chài, quá nhiều bãi tắm công cộng, bãi nào cũng đặc người, còn gì là đẹp nữa?

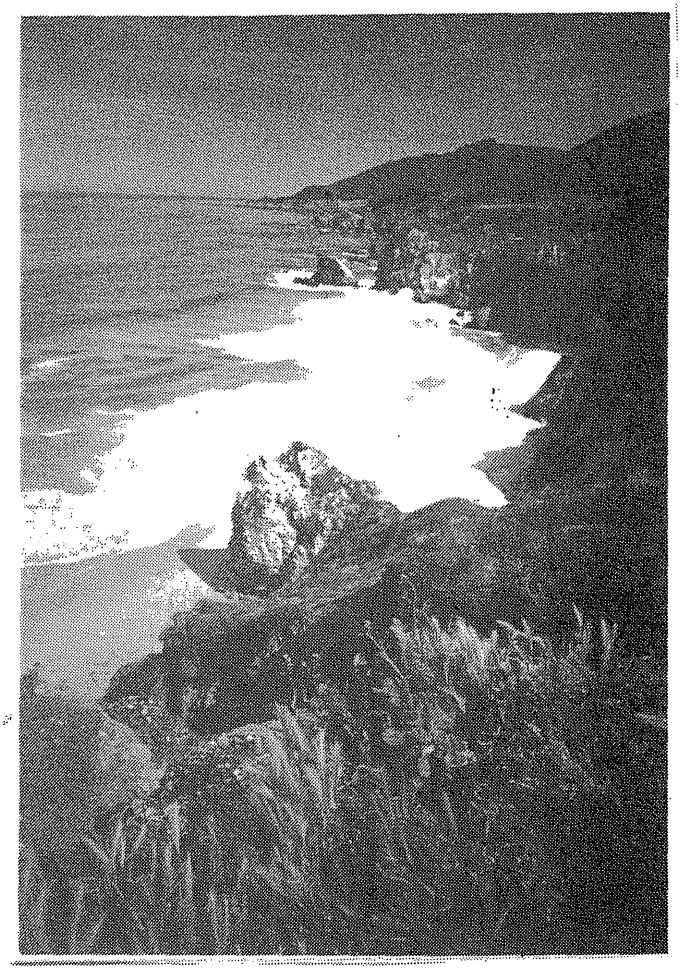

Coast Highway 1 Pacifica.

Đoạn 2: từ Loleta đến Shoreline Highway gần Rockport

Theo bản đồ Redwood Coast Recreation Map của Compass Map Inc. PO Box 4369, Modesto, CA 95352, thì đây là đoạn cực Bắc Cận duyên 1. Theo bản đồ Thomas Bros. thì đoạn đường này là tỉnh lộ 211.

Đây là chặng Cận duyên 1 hoang vu nhất. Nếu xe của bạn quá cũ, vỏ ruột không tốt, hoặc tay lái chưa vững, xin chớ mạo hiểm du lãm đoạn đường gần 100 dặm này. Nó lách qua các tiểu trấn sau đây: Ferndale, Capetown, Petrolia, Honeydew, Etterburg và Whitethorn. Những tiểu trấn này rất thưa dân, có trấn chừng vài chục nóc gia, không thể kể là thành phố. Mỗi thị trấn chỉ có độc một trạm xăng, lại chỉ mở theo giờ giấc nhất định. Quanh co, hiểm trở, vắng xe nhất, thiên đàng cho người ảnh phong cảnh, họa sĩ, văn nhân. Chỉ có ba con đường hiểm trở nối 101 và chặng Cận duyên 1 này: 1- Mattole nối Loleta với Capetown, đến tiểu trấn này là thấy biển; 2- Mattole Road (cuối Nam) từ thị trấn Weott chạy xuyên Humboldt Redwood State Park đến Honeydew, đến đây, Cận duyên 1 mang tên Wilder Ridge Rd. 3- Từ Bắc Garberville, lấy Thorne Rd W. đi xuống thị trấn Whitethorn, đoạn Cận duyên 1 này lại đổi tên là Usal Rd đến khi nối vào đường ven biển vắng nhất Cali, chạy dọc theo khu vực được chính phủ bảo vệ chống mọi khai thác, săn bắn: *King Range National Conservation Area, Chemise Mountain Primitive Area, Sinkyone Wilderness State Park, Westport Union Landing State Beach.*

Đoạn 3: từ Rockport xuống Point Reyes

Chặng này dài gấp bốn lần chặng trên, đường vào cũng phức tạp hơn, ngoại trừ xa lộ 20 nối hai thị trấn Willits (101) và Noyo (1) là lối vào tương đối dễ chịu nhất và chỉ tốn chừng một giờ đồng hồ vật tay lái trên một đoạn đường cong queo vặn vẹo 32 dặm, không lấy gì làm khó lái cho lắm. Các lối vào khác từ 101 là:

1- Springs Road nối The Forks (101) Orrs Springs, Comptche, và

Albion (1).

2- Xa lộ 128, trên 100 dặm, nằm chênh chếch Đông Nam - Tây Bắc nối 101 với 1. Đường này là một trong các mỹ cảnh lộ đẹp nhất của Bắc Cali.

3- Xa lộ 253 nối Ukiah với 128, gặp nhay tại Boneville; đi theo ven Bắc của đường 128 chừng non một dặm, lấy Mountain View Rd. W. ra Point Arena là gặp 1.

4- Từ Aste, Geyserville, Lytton, hoặc Healdsburg, đều có lối vào hồ Sonama: Nếu từ Aste thì lấy Dutcher Rd; từ Geyserville thì lấy Canyon Rd; từ Lytton thì lấy Lyton Sprongs Rd. Đến Dry Creek Rd, đi về Bắc một đỗi, qua hồ Sonoma, lấy Stewarts Point Skaggs Springs Rd. đi W. về hướng Stewarts Point là thấy biển.

5- Xa lộ 16 và 12 đều là lối vào Cận duyên 1 tương đối dễ đi, gần bằng xa lộ 20, nhưng xa hơn.

Đặc điểm

Hai chặng đường vừa kể có những đặc điểm trội yếu mà trong thời điểm viết bài này (1994), không một chặng đường nào khác của Cali có. Có thể trong một thập niên nữa, những đặc điểm này sẽ không còn vì dân số tăng, vì mở mang, xây cất, hoặc vì những lý do khác. Chỉ cần mở thêm vài xa lộ mới, nối 101 và 1 thì những chặng đường quý giá này sẽ trở nên những Santa Cruz, Dana Point, Half Moon Bay, chỉ nhìn xe chạy trên đường cũng chóng mặt, sự hứng thú của khách du lãm sẽ kém đi nhiều.

Thanh vắng

Nhìn những tiểu trấn thưa nóc gia trong vùng, người ta đoán ngay được dân số. Thật vậy, trong suốt hai chặng đường vừa kể, chỉ có vài nơi, phần lớn là những thị trấn làm gỗ, thành phố xe be, nơi ngày xưa, lúc kỹ nghệ xẻ gỗ còn thịnh. Nay là những nơi nghỉ mát, kỹ nghệ xe be bị giới bảo vệ môi sinh thắng thế, trên đà phá sản, vì chính phủ cấm đốn gỗ. Sau đây là vài nơi tương đối có dân cư, thường rộn vào mùa hè, vắng vào các mùa khác. Trong chặng một, không có thị trấn nào lớn. Chặng hai có vài nơi: Fort Bragg, Point Arena. Tuy vắng, bạn đừng lo thiếu *motel*. Tìm một chỗ nghỉ đêm tại các thị trấn này không bao giờ là vấn đề. Mùa Đông thật vắng, có lẽ là mùa du lịch lý tưởng.

Khu vực giải trí gia đình

Cắm trại, lội bộ, leo núi, xe đạp, bơi lội... là một số sinh hoạt không đâu hơn. Đối với Người Việt ở Sài Gòn Nhỏ, đây là những chặng đường hơi xa, phải lái trên 8 tiếng, nhưng đối với cư dân của Thung Lũng Hoa Vàng, chỉ 4 giờ lái xe, cũng không vất vả lắm. Loại giải trí này cũng hơi kén chọn, dành cho lứa tuổi có sức khỏe, chịu lạnh, thích thiên nhiên. Những ai đã mòn chân vì Yosemite, Lassen, Death Valley, mà chưa du lãm những chặng Cận duyên 1 cực Bắc, là một thiếu sót đấy.

Phong cảnh hữu tình

Những ai thích chụp phong cảnh, đây là một ảnh trường lý tưởng, đặc biệt dành cho những người thường ôm ấp mộng thực hiện những bức mặt trời lặn, (viễn kính 300, 400, 500 ly), hương lộ ngoằn ngoèo (kính góc rộng 20, 15 ly đối với máy 35 ly; 40, 30 ly đối với máy trung). Cam đoan rất ít "rác" vì bạn sẽ lái xe cả trăm dặm mới thấy vài cột điện, tha hồ đậu xe bất cứ đâu có đất trống, dĩ nhiên có quyền dở thực phẩm nướng thịt, rót nước mắm ớt ra... mà không sợ dân địa phương nhăn mặt, bịt mũi... Có dễ đậu xe bên lề, mới tìm được cao điểm chụp xuống (bird's eye). Bờ biển hiểm ác, cài răng cưa, sóng lớn, đá chồng, cây *redwood* cao trăm thước, sông rạch; dĩ nhiên cũng cần cặp chân cứng. Đối với những bạn vừa thích chụp ảnh phong cảnh, vừa thích thiên nhiên, cắm trại, lại không muốn xài nhiều tiền cho cuộc chơi, không đâu hơn vùng này. Chỉ cần một chiếc xe tốt, một lều vải, thực phẩm, cần câu, túi ảnh, bạn có tất cả rồi đấy. Vùng này rất nhiều khu cắm trại, có thể ghé đêm mà không cần phải giữ chỗ trước vì quá vắng. Dạ phí mỗi xe từ $4 đến $5. Lưu ý, vùng trên này nhiều muỗi mòng, cần có thuốc trừ muỗi mòng *insect repellent*, có bán tại các tiệm bán đồ thể thao.

Đoạn 4: từ Pacifica, Nam San Francisco đến Santa Barbara

Như ghi trên, bắt đầu từ San Francisco, Cận duyên 1 bị trạng thái đô thị hóa tột độ ô nhiễm, những đoạn đường Half Moon Bay, mà tôi tạm dịch là Vịnh Bán Nguyệt, Santa Cruz, Montery... kẹt xe kinh khủng. Chỉ ngồi trong quán ăn, nhìn hàng ngàn xe hơi qua lại, đã thấy ngán lái xe trên con đường này. Tuy nhiên, cũng có vài đoạn khá xa, ngớt xe, như đoạn phía Nam Carmel, xuống đến gần Morro Bay. Phong cảnh hai bên đường rất đẹp, cây *cyprus* xõa cành vào đất liền như tóc quăn dài thiếu nữ trên bãi biển. Thú thật, tôi chỉ chấm đoạn đường này, đến Morro Bay là hết. Tony đã rộng rãi, chọn luôn cả đoạn từ Morro Bay đến Santa Barbaraa, theo tôi, không xứng đáng trong danh sách tám con đường đẹp nhất nước.

Đoạn 5: từ Santa Barbara (Trung Cali) đến Dana Point (Nam)

Đây là đoạn Cận duyên 1 tẻ nhạt nhất trong bốn chặng đường tiểu bang. Nhiều đoạn dọc theo bãi biển, có những bãi dài vài dặm, đặc nghẹt người, và các thị trấn có những đường trong nhỏ hẹp mà, nếu muốn đậu xe, phải lái vòng quanh khu hàng giờ, may ra mới tìm được một chỗ trống. Dĩ nhiên, cũng có những bãi biển nằm nhô ra dưới núi, những khu dinh thự nằm cheo leo trên sườn núi ở Laguna Beach, nơi một căn nhà nhỏ xíu, trị giá nửa triệu Mỹ kim. Đặc biệt là những giàn khoan dầu nằm ngoài khơi, mặc dầu được ngụy trang bằng những cây dừa cao ngất, bằng những bức tường cao; những cầu tầu vĩ đại; những bến tầu, xóm chài, và "rác rưởi"; với ngần ấy thứ trộn lại, vẻ đẹp của bờ biển Thái Bình có một sắc thái hỗn độn, hối hả, phồn hoa, một trái ngược cùng cực với chặng đường "hoang vu" của vùng cực Bắc. □

HẠT CƠ BẢN VÀ VI HẠT QUÁC (QUARK)

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

(Bài II)

Từ buổi sơ khai, cách đây cả trăm ngàn năm, khi con người còn sống trong hang, họ đã phải nhận thấy nơi họ sinh sống, trên có trời cao (thiên thượng), dưới có đất thấp (địa hạ), thế giới của họ là một thế giới chuyển dịch. Hết ngày rồi lại đến đêm, khi nóng khi lạnh, khi nắng ấm, khi mưa, gió, bão tuyết. Và những con vật mà họ săn, nó chạy và họ cũng phải chạy đuổi theo mà giết cho có ăn.

Mọi thứ đều biến chuyển, cây cối thay đổi, lớn dần rồi già, chết khô; trái cây cũng vậy, lúc nhỏ còn non, chờ nó lớn lên và chín là ăn được. Và cả con người họ cũng không thoát ra khỏi sự chuyển dịch: nhỏ, lớn lên, già rồi chết.

Cố nhiên họ nhận thấy mà chẳng có một ý niệm hay một suy tư nào hết. Họ nhận thấy chỉ vì những chuyển dịch đó ảnh hưởng đến sự sống còn của họ. Lâu dần họ sợ, bởi vì có những chuyển dịch lợi cho họ, có những chuyển dịch hại cho họ. Họ sợ mà không biết những thay đổi đó từ đâu đến, họ cho rằng có một cái gì ghê gớm lắm đã tạo ra, bởi vậy con người sơ khai quỳ xuống thần phục van nài. Nguồn gốc của tín ngưỡng đa thần bắt đầu từ đây.

Đến khi con người làm được một cuộc cách mạng vĩ đại nhất và tiên khởi nhất là tìm được lửa, biết giữ lửa cho khỏi tắt, và tạo ra được lửa, biết sử dụng lửa đa dạng, vừa là vũ khí, vừa là phương tiện nướng chín miếng thịt thú rừng mà ăn, thì đó là đổi đời. Họ đã thờ thần Mặt Trời, Mặt Trăng, Gió, Mây, Nước, bây giờ họ thờ thần Lửa nữa.

Kịp đến khoảng 10,000 năm trước đây, khi con người đã sinh sôi nẩy nở mau lẹ (nhờ ăn thịt chín) tạo ra được những tập hợp đầu tiên đông đảo gọi là xã hội, nhu cầu kiếm sống bắt buộc họ phải chú ý hơn nữa đến sự chuyển dịch: bao giờ nước sông Nil rút xuống để có đất phì nhiêu trồng hạt và ở hai bên bờ Lưỡng Hà, làm thế nào có chuyển động để đem hàng hóa, thực phẩm và người từ nơi này đến nơi khác. Họ dùng lạc đà, rồi ngựa.

Ở bên Á Đông hình ảnh cũng tương tự. Từ thời gọi là "Bàn Cổ" theo truyền thuyết, người ta thờ Tam Hoàng, Ngũ Đế, trong đó Phục Hy là ông vua làm ra lửa. Kịp đến 3,000 năm trước đây ở thời nhà Chu bên Trung Quốc, xã hội đã thấy rõ những dịch (changes) và động (motions) ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của con người, cho nên đã định lý hóa sự chuyển và động của vạn vật trong một cuốn sách gọi là Dịch. Đó là kết quả một tư duy quý giá nhất về vũ trụ quan của loài người thời cổ.

2,500 năm trước đây, các nhà hiền triết Hy Lạp đã áp dụng một đường lối khảo sát có hệ thống chuyển và động, nhưng cũng như ở bên Á Đông, người ta không thể hiểu rõ nguồn gốc của những dịch và động đó từ đâu ra. Cả Đông cũng như Tây vào thời đại đó, người ta chỉ quan sát, theo kinh nghiệm mà định ra luật dịch và động, chớ không thể đi sâu vào căn nguyên từ đâu mà có. Ở nhiều nơi, họ làm một việc đơn giản nhất gán cho nguyên nhân thần bí của dịch và chuyển: đó là do ông Trời, Tạo Hóa, các vị thần thánh đã làm ra dịch và động.

Từ thời xa xưa đó cho đến nay, suy tư của con người đã tiến được những bước khổng lồ. Ngày nay người ta biết rằng trong trời đất chỉ có bốn cái "lực" căn bản.

Truy nguyên chữ "lực"

Nhưng thế nào là "lực"? Theo sự hiểu biết và kinh nghiệm thông thường nhất của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, lực là sức mạnh. Bắp thịt ở cánh tay tôi là lực, vì nhờ cánh tay này, tôi có sức nhấc bổng mọi vật vừa đủ nặng. Nhưng sức mạnh đó ở đâu ra? Ồ, cái đó quá dễ hiểu, vì tôi ăn, vì nếu tôi đói, bị bỏ đói đến rã rời chân tay, tôi sẽ không có sức dù là nhấc cánh tay lên.

Vậy ăn gì? Ăn cơm, thịt, cá, rau cỏ... nghĩa là tôi thâu nhập "ca lô ri". Ca lô ri là một hình dạng của năng lượng, nhưng câu hỏi đặt ra là cơm, bánh mì, thịt cá ở đâu ra? Dễ dàng thôi, cây lúa mọc lên, gia súc ăn cỏ, hạt, cá ăn mồi ở biển... Nhưng cái gì làm cây mọc? Ánh sáng Mặt Trời. Năng lượng mặt trời là nguồn gốc năng lượng trên trái đất. Cây cỏ thâu ánh sáng mặt trời, thở ra dưỡng khí cho chúng ta sống và khi chúng ta ăn rau ăn trái cây là chúng ta đã hấp thụ năng lượng để có cái gọi là sức mạnh. Nhiều khi ta "thâu" gián tiếp, nghĩa là

ta chờ cho bò ăn cỏ, lớn lên, rồi ta... ăn thịt bò, vì nó đã tích lũy được năng lượng mặt trời trong thịt nó.

Xe hơi của tôi chạy 40 mã lực, vậy cũng là lực. Lực đó có từ xăng dầu, mà than đá, dầu và khí cũng do từ cả trăm triệu năm trước các rừng cây bị chôn xuống mà thành. Cũng lại ông Mặt Trời tiếp tay. Nhưng Mặt Trời do đâu mà có năng lượng chiếu sáng, sưởi ấm? Đó là do phản ứng hạt nhân.

Ở trong nhà tôi, các máy quá quen thuộc như đèn sáng, lò sưởi, quạt máy, tivi, tủ lạnh, điện thoại v.v... đều do điện lực mà chạy, chớ đâu có phải do năng lượng mặt trời? Điện ở đâu ra? Nguyên lý đầu tiên của điện học là từ trường chuyển động sinh ra dòng điện và dòng điện chuyển động sinh ra từ trường. Cần phải có máy chạy bằng xăng, bằng phản ứng hạt nhân hay bằng luồng nước chảy, làm chuyển động từ trường để phát ra điện năng. Nhưng từ trường ở đâu ra? Chính chữ "trường" này đã bao hàm một trong những cái lực căn bản của trời đất rồi.

Lại nữa, khi tôi cầm một viên đá, chẳng cần phải dùng lực ở bắp thịt, tôi chỉ buông nó ra, nó cũng rơi xuống đất. Tại sao như vậy? Đó là vì một cái lực khác nữa: lực hấp dẫn. Mọi vật trên thế gian này đều có một lực tự nhiên: chúng hút lẫn nhau, với một ghi chú đặc biệt cần nhớ cho kỹ. Vật càng lớn, sức hút càng mạnh. Ở nơi chúng ta sinh sống, vật lớn nhất ở ngay dưới chân chúng ta là quả Địa Cầu. Bởi vậy sức mạnh của nó lấn áp hết mọi sức hấp dẫn của các vật nhỏ hơn.

Chúng ta hãy lần lượt điểm xem bốn lực căn bản của trời đất là những lực gì.

Lực hấp dẫn (gravity)

Xét theo lịch sử, lực hấp dẫn (gravity) là lực đầu tiên được khảo sát một cách khoa học, trong số bốn lực của thế gian. Từ thời thượng cổ, ai cũng biết là mọi vật đều rớt xuống đất, với ý niệm đất thấp, trời cao. Nhưng phải chờ đến thế kỷ 17, nhờ lý thuyết trọng lực của nhà bác học Newton người

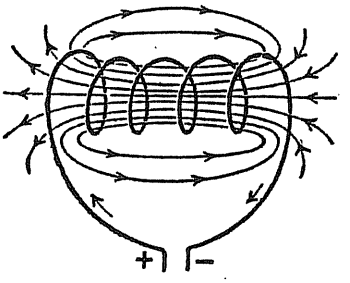

ta mới thấy rõ được sở dĩ trái bom ở trên cành rớt xuống, hay hòn đá ở trên đỉnh núi lăn xuống chân núi là do một "lực" của thiên nhiên, gọi là lực hấp dẫn, đưa một cái nhìn mới vào thế "dịch" rất thông thường này.

Từ thời trung cổ, người ta đã biết trái đất tròn và những ngày đầu của môn thiên văn hiện đại đã khiến người ta cho rằng trái đất là rốn của vũ trụ bởi vì nó hút tất cả mọi vật. Nhưng các quan sát kế tiếp đã cho người ta hiểu

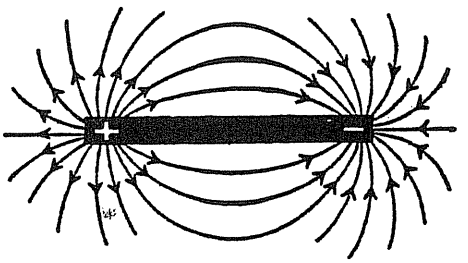

rằng, chẳng những trái đất, mà những thiên thể khác như Mặt Trăng, Mặt Trời đều có sức hút.

Rồi đến khi nhìn rõ được các hành tinh, các ngôi sao, người ta hiểu thêm rằng tất cả mọi vật trên trời đều có sức hút như trái đất. Một sự chứng minh đơn giản nhất của nhà bác học Newton là làm cho mọi người thấy rằng Mặt Trăng đã hấp dẫn nước biển ở trên quả đất mà tạo ra nước thủy triều.

Newton đã đặt ra những định luật, những con tính để tính được cái lực hấp dẫn có tính cách toàn vũ trụ, chớ không riêng gì ở trái đất. Một định luật của Newton là lực hấp dẫn truyền đi rất xa, mặc dù càng xa sức mạnh càng giảm, giảm theo tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách, nhưng điều đó cũng có nghĩa là nó có ảnh hưởng hầu như vô tận. Chính nhờ lực hấp dẫn thiên nhiên này mà vũ trụ bao la cũng có thể coi như đã tụ lại thành một khối, chớ không đến nỗi tản mát rồi biến tiêu đi như một luồng khói trong không khí. Tóm lại trên bình diện vũ trụ, lực hấp dẫn là lực ngự trị.

Thế nhưng mọi vật đều có lực hấp dẫn của nó. Ngay cả các hạt nguyên tử hay vi hạt bên trong nguyên tử cũng có lực hấp dẫn, nhưng ở chỗ cực vi này thì lực hấp dẫn chẳng còn gì nếu so với những vật cực vĩ ở trong vũ trụ.

Ngoài ra cũng phải chú ý là sức hấp dẫn nằm ở cái nguồn của nó, chớ không phải ở vật bị hấp dẫn. Mọi thứ trên đời này -kể cả năng lượng- cũng "bị" hấp dẫn, và sức "bị hút" đó là như nhau bất luận vật bị hút lớn hay nhỏ. Sự cấu thành của vật bất cứ như thế nào cũng vậy thôi.

Đặc tính duy nhất của lực hấp dẫn là sự hút vô, chớ không phải sự đẩy ra.

Cố nhiên khoa học còn dự tưởng đến một lực gọi là "lực phản hấp dẫn" (antigravity), nhưng chưa hề được quan sát thấy bao giờ. Thí dụ nếu tạo được lực này -hoặc gọi là một "trường phản hấp dẫn"- thì mọi vật đều... bay lên trời hết, chẳng cần phải có phi cơ, phi thuyền, hỏa tiễn hay khinh khí cầu. Người ta ước mơ một trường phản hấp dẫn để loại trừ lực hấp dẫn của Trái Đất, nhưng trên thực tế điều đó khó

mà thành sự thật. Nếu hấp dẫn có được sức đẩy, thì cần phải có năng lượng âm, mà cho đến nay mọi năng lượng tích trữ trong vật chất hữu hình đều là năng lượng dương. Khoa học vẫn chưa thể hiểu nổi năng lượng âm như thế nào.

Vật chất không thể có năng lượng âm, nhưng vấn đề "trường" thì lại khác. Vấn đề này rất dài và phức tạp, xin để dịp khác sẽ bàn đến.

Lực điện từ (electromagnetism)

Thời xa xưa, nhân loại đã nhìn thấy những hiện tượng ngày nay gọi là điện từ. Nếu lực hấp dẫn thường thấy mỗi ngày, không cần để ý, coi như đất đá, nước lửa, tự nhiên mà có, thì lực điện từ được kính sợ vô cùng, tuy không hiểu đó là cái gì. Sấm, chớp, sét, đó là lực điện từ. Ánh sáng của cực quang (aurora) và nhiều hiện tượng lòe sáng khác cũng do một nguồn gốc căn bản là lực điện từ.

Từ ngữ elecktron xuất xứ từ chữ Hy Lạp có nghĩa là hổ phách (amber) vì đây là vật dễ dàng nhất tạo ra những tia sẹt. Cứ cọ sát mạnh vào chất này là có những tia xanh sẹt ra, và khi cọ sát nhiều nó có thể hút các vật nhẹ, mỏng như lông, tơ. Người ta gọi đó là điện.

Vào cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19, các công trình khảo cứu của các nhà bác học như Franklin và Faraday, đã đưa đến những khám phá mới về điện: điện có âm và có dương, khi dương điện gặp dương điện, nó đẩy nhau ra. Người ta còn hiểu được sự liên hệ mật thiết giữa từ và điện cũng như các "trường" bao quanh từ và điện khi các chất này chuyển động.

Từ, thường gọi là nam châm, được thấy có tự nhiên trong trời đất, đặc tính của nó là hút sắt, và một số kim loại khác. Cũng như điện có cực âm và cực dương, từ có cực nam và cực bắc. Nam gặp nam, cũng như bắc gặp bắc là đẩy nhau ra. Thành ra cả từ và điện đều giống nhau là... ôm lấy kẻ khác giống. Người thời xưa đã dùng đá nam châm (Iodestone), thật ra là quặng từ iron dioxide, để làm địa bàn kim chỉ nam.

Khoảng đầu thế kỷ 19, nhà bác học Đan Mạch Hans Christian Oersted khám phá khi có dòng điện lưu trên dây, nó phát ra một từ trường quanh nó, còn nhà bác học Faraday chứng minh rằng một từ trường chuyển động phát sinh ra một dòng điện chạy. Hai khám phá cơ bản này đưa đến các máy phát điện, các động cơ chạy điện mà chúng ta dùng ngày nay, và là một yếu tố rất quan trọng của nền văn minh cơ khí.

Điện và từ chỉ là một. Cho nên vào cuối thế kỷ 19, khi nhà bác học Mawwell đưa ra lý thuyết trường để thống nhất từ và điện trong một loạt những phương trình lừng danh của ông, thì lực điện từ đã đem lại những phát minh kỳ diệu nhất, một trong đó là vô tuyến điện.

Lực hấp dẫn và điện từ là hai lực ta thường thấy hằng ngày.

Nhưng còn hai lực nữa, ta không thể thấy được vì nó nằm bên trong hạt nhân nguyên tử. Đó là "lực yếu" và "lực mạnh".

Lực yếu (weak force)

Thật ra vào đời nhà Tống bên Tàu, năm 1504, các nhà thiên văn đã nhìn thấy "lực yếu", khi họ thấy một siêu sao mới (supernova) ở đám tinh vân trong chòm sao Kim Ngưu trên trời. Một trong những nguyên nhân gây ra sự nổ của một ngôi sao lâm bệnh chính là "lực yếu".

Tính theo sức mạnh, lực hấp dẫn còn yếu hơn lực điện từ. Nhưng "lực yếu" lại mạnh hơn lực hấp dẫn rất nhiều.

Lần đầu tiên, khoa học hiện đại biết được lực yếu là khi họ tìm hiểu chất phóng xạ vào cuối thế kỷ 19. Phóng xạ có nghĩa là các quặng như uranium chẳng hạn, thấy phát ra đều đều những bức xạ. Các chất uranium tinh chế và chất plutonium khi nổ trong bom nguyên tử đã phóng ra chất phóng xạ là vì vậy.

Nhưng tại sao có phóng xạ? Nhà bác học Rutherford nghiên cứu chất phóng xạ radium đã nhận thấy có hai thứ tia phóng xạ bắn ra từ các nguyên tử phóng xạ, ông đặt tên hai tia này là Alpha và Beta (đầu chữ cái của từ Hy Lạp). Tia Alpha mang dương điện, nặng và lớn hơn, chính là hạt nhân helium nằm trong nguyên tử. Còn tia Beta rút cuộc chỉ là điện tử với vận tốc rất nhanh.

Vấn đề cần chú ý là những tia (hay hạt cũng vậy) đều từ một nguyên tử bắn ra. Nguyên tử uranium chẳng hạn, có một hạt nhân khá bự, gồm có 92 proton (hạt dương điện) và 146 hạt neutron (trung hòa tử) bó với nhau thành một cục. Nếu cái nhân đó bể, văng ra một hạt nhân helium là chuyện dĩ nhiên, bởi vì nguyên tử helium có một hạt nhân chỉ có 4 hạt: 2 proton (dương điện) và 2 neutron (trung hòa tử). Khi hạt nhân uranium phóng xạ, tức là nó đã bắn ra một viên helium gồm 4 hạt vậy.

Thế còn tia Beta (hạt electron có vận tốc cao) ở đâu ra?

Xung quanh nguyên tử uranium có 92 điện tử. Có điều là sau khi phóng ra một tia Beta rồi, số 92 điện tử đó vẫn còn nguyên chẳng thiếu cái nào.

Vậy không lẽ trong nhân nguyên tử cũng có electron? Điều đó vô lý, vì điện tử chỉ xoay chung quanh hạt nhân chớ không bao giờ nằm trong hạt nhân.

Mãi đến thập niên 1930, người ta mới tìm thấy sự thật: chính hạt trung hòa tử (neutron) đã có một điện tử nằm trong ruột của nó rồi. Khi điện tử âm này văng ra ngoài, thì anh chàng trung hòa tử (lại đực lại cái) đó mất đi một cái "âm" nên trở thành proton có điện dương.

Nói tóm lại neutron chính là anh chàng... bán nam bán nữ. Khi mất cái "nữ" (âm), anh ta trở lại thành "nam" (dương). Đó là hạt proton.

Ngược lại cũng vậy, một anh nam (proton) nếu bắt được một em "âm", nuốt vô, anh ta sẽ trở thành bán nam bán nữ, tức neutron.

Nói cách khác, proton và neu-

tron gốc chỉ là một. Cũng xin nói thêm rằng vụ bắt "em" (từ ngữ nguyên tử gọi là bắt K và vụ "rã" neutron trở thành proton còn những chi tiết phức tạp, như cùng lúc nó "rã", có cả hạt proton và neutron nữa, nhưng xin bỏ qua vì nó phức tạp).

Vậy lực gì đã khiến một proton bắt được một em "âm" để trở thành neutron (trung hòa tử). Và lực gì đã làm một anh "lại đực lại cái" bị "văng" một cái "âm" để trở thành anh đực rựa thứ thiệt.

Xin thưa đó là weak force (tức là lực yếu) vậy. Tại sao gọi là lực yếu? Sao không gọi phắt nó là lực "hoạn", lực "thiến" hay lực giải phẫu "lại cái" đi cho rồi?

Từ ngữ do các nhà khoa học nổi hứng đặt ra cũng có lắm chỗ tức cười.

Nhưng cũng cần phải ghi nhận điều này: lực yếu chỉ là lực "hoán chuyển" tính chất của hạt. Nó không có sức đẩy hay sức hút như lực hấp dẫn và lực điện từ.

Hơn nữa tầm hoạt động của lực yếu rất nhỏ, chớ không thể lan ra xa hầu như vô cùng tận như lực hấp dẫn và lực điện từ. Trong thập niên 80, nhờ máy móc chính xác, người ta đã đo được tầm hoạt động của lực yếu chỉ nhỏ hơn bàn chân của con... vi khuẩn (nếu có có chân). Lực yếu chỉ hoạt động trong khoảng 10^{-6} mà thôi, nghĩa là 1 centimét chia ra 1 triệu phần nhỏ. Từ nguồn nó ra xa đến 10^{-6} là lực hết hiệu nghiệm. Bởi vậy lực yếu không thể gây ảnh hưởng đến các vật vĩ mô: nó chỉ làm việc trong nội bộ của nguyên tử.

Thế nhưng trong một ngôi sao lớn bị co cụm, dồn ép lại, các chàng proton bắt buộc phải chuyển hoán thành "lại đực lại cái" để có thể xáp lại với nhau (nếu không dương sẽ đẩy dương). Chính trong trạng thái đó, lực yếu phải hoạt động, góp phần tạo năng lượng khiến các tia proton, neutron phóng ra ngoài làm bể cái vỏ của sao đang co lại, trở thành một vụ nổ khổng lồ.

Lực mạnh (strong force)

Ngay từ khi nghiên cứu hạt nhân, các nhà khoa học đã tiên đoán được cái gọi là lực mạnh này. Giản dị là trong một hạt nhân có nhiều vi hạt như proton và neutron bó lại với nhau thành cục neutron là "lại đực lại cái" thì không sao, nhưng làm thế nào hai anh dương (proton) lại có thể ôm chặt lấy nhau được. Luật của trời đất là dương đẩy dương, dương chỉ "ôm" âm mà thôi.

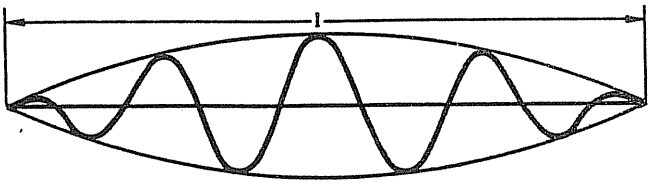

Trong một hạt nhân, thí dụ như loại nặng nhất là nguyên tử uranium trong thiên nhiên, có đến 92 chàng proton ôm lấy nhau. Bởi thế người ta phải dự đoán có một sức mạnh gì ghê gớm "thắng" được luật âm dương, mà cột chặt các chàng đực rựa đó lại với nhau.

Sự dự đoán quả đã được chứng minh là đúng, có thật, qua những cuộc thử nghiệm. Lực mạnh chính là lực đã "cột" các vi hạt trong hạt nhân thành một bó.

Cũng như lực yếu, tầm hoạt động của lực mạnh rất nhỏ, nhỏ vô cùng. Nó chỉ mạnh ở sát bên vi hạt proton hay neutron, cách xa ra khoảng 10^{-13}cm, tức là khoảng 1 centimét chia ra một ngàn tỉ lần nhỏ, nó hết hiệu lực.

Lực mạnh chỉ ảnh hưởng được đến proton hay neutron mà thôi. Nó không ảnh hưởng gì đến electron (điện tử), neutron hay photon. Nói chung các vị hạt loại nặng ký đều có lực mạnh.

Về sức, nằm trong phạm vi nhỏ đó, nó mạnh hơn lực hấp dẫn, nó mạnh hơn lực điện từ, và cố nhiên nó mạnh hơn lực yếu là lực chỉ ăn thua đến sự hoán chuyển đực cái.

Chính vì thế lực mạnh là một nguồn năng lượng khủng khiếp. Lực mạnh kết hợp các vi hạt trong hạt nhân, bởi vậy khi làm hạt nhân bể ra, lực mạnh cũng được giải phóng. Đó là bom hạt nhân nổ vậy.

Thế tại sao lại có chuyện phóng xạ của chất uranium, lâu lâu lại văng ra một anh chàng "Alpha" gồm những bốn vi hạt lận? Đã nói lực mạnh giữ chặt chúng nó lại với nhau kia mà?

Đây chính là chỗ tinh diệu nhất của môn vật lý lượng tử. Người ta gọi đó là hiệu ứng đường hầm (tunnel effect).

Bạn hãy tưởng tượng gói 92 hòn bi lại thành một cái bịch tròn bằng bịch nylon. Nhờ cái màng nylon đó mà các hòn bi bị bó chặt với nhau. Trong hạt nhân nguyên tử, cái vi hạt không nằm yên, nó luôn luôn động đậy, xoay tròn, vật vã, tranh chấp với nhau liên tục, ẩu đả, va chạm, kèn cựa, nhưng không có cách nào thoát ra khỏi sự kiềm tỏa của lực mạnh (bọc nylon).

Có điều là ở bọc nylon đó thỉnh thoảng lại mở ra một lỗ hổng đủ để một hòn bi lọt qua. Nếu trong khi vật lộn với nhau như vậy, anh nào đủ sức mạnh, gặp đúng lúc, đúng chỗ là có thể "dzọt" qua lỗ hổng đó, như một cái xe hơi dzọt qua... đường hầm. Nó bắn ra ngoài.

Cơ học lượng tử đã có những phương trình toán tính rất chính xác, để tìm thấy xác suất cơ may chui qua đường hầm như vậy, và giải thích được tại sao có hiệu ứng đường hầm.

8-11-94

Bài tới *Hạt cơ bản III*: Vấn đề cách không truyền lực và hạt ảo.

TRONG CÕI RIÊNG BUỒN THẤY LẠI TA

HOÀNG KHỞI PHONG

(Tiếp theo và hết)

4 - Thập niên 60 không khí chính trị của miền Nam đột nhiên ung thối. Không hẹn mà gặp hai chính quyền của hai miền đều thu về một mối. Phía Bắc là một Đảng, và phía Nam là một gia đình, miền Nam cũng có Đảng Cần Lao, tuy kích thước không được như Đảng Cộng Sản ngoài Bắc, kín đáo hơn và có vẻ ít bạo tàn hơn, nhưng bù lại cũng không kém phần tác hại. Tuy nhiên dân chúng miền Nam đã có cái đà sinh hoạt dân chủ, dẫu chưa thật sự dân chủ hoàn toàn nhưng không vì thế mà chống đối không nổ ra khắp miền Nam. Nương vào lỗ hổng lớn của chính quyền miền Nam, miền Bắc bắt đầu một thế trận mới. Từ miền Bắc, Đảng Cộng Sản Việt Nam thò tay xuống, thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, với cái nhân là những tay tổ xâm nhập từ miền Bắc. Gia đình Võ Phiến bị ảnh hưởng nặng nề trong thế trận mới này.

Đúng vậy, sau khi Võ Phiến được đổi về Sài Gòn, đã ổn định được nơi ăn chốn ở, ông đón cha mẹ từ Rạch Giá trở về xum họp. Đó là thời gian duy nhất cha con, anh em gần gụi một nhà, ngoại trừ người em kế ông tên là Đoàn Thế Hối, bấy giờ đã xấp xỉ 30 tuổi. Đoàn Thế Hối được sinh ra trong lần ông cụ thân sinh ra Võ Phiến từ trong Nam trở về thăm nhà sau nhiều năm xa cách. Thời gian cha con chung đụng chẳng lâu. Cha ông đã lập nghiệp lâu đời tại làng Vĩnh Hòa, một miền quê yên tĩnh, thuộc tỉnh Rạch Giá. Chỉ sau ba năm sống chen chúc tại Sài Gòn, không chịu nổi cái ồn ào của đô thành ông cụ trở về chốn cũ. Võ Phiến cách Đoàn Thế Hối bẩy tuổi. Cả hai cùng chung một dòng máu yêu chuộng chữ nghĩa, chẩy qua nhiều thế hệ cha ông. Tuy nhiên từ khi Đoàn Thế Hối có mặt với đời, đã được bà mẹ mang vào nam, trong khi Võ Phiến ở lại quê nhà cùng ông chú.

Thành thử tuy là anh em mà xa mặt cách lòng. Võ Phiến có những cơ duyên riêng tập đại thành con người nhà văn của ông, cũng như chính kiến của ông. Võ Phiến đã từng sinh hoạt với Việt Minh trước, Quốc Dân Đảng sau. Kế đó đã từng bị Cộng sản bỏ tù hai năm, và do đó chính kiến của ông là chống lại mọi hành vi áp chế con người.

Với Đoàn Thế Hối hoàn cảnh lớn khôn có khác. Những ung thối chính trị của miền Nam, đẩy Đoàn Thế Hối càng lúc càng xa Võ Phiến. Hai anh em giống nhau một điều là cùng sinh ra để trở thành nhà văn. Đoàn Thế Hối đã chọn cho mình bút hiệu là Lê Vĩnh Hòa, để ghi nhớ nơi ông lớn lên: làng Vĩnh Hòa, tỉnh Rạch Giá. Và vị trí mà nhà văn Lê Vĩnh Hòa chọn cho mình là đứng trong hàng ngũ của Lưu Hữu Phước, Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... Giờ đây hai anh em mới thực sự là cách mặt xa lòng.

Khi nói về tình anh em hình như khuôn mặt Võ Phiến tối lại, đôi mắt ông dõi về phía trời xa, bởi vì Lê Vĩnh Hòa đã chết khi tuổi đời còn trẻ. Võ Phiến nhớ lại lần cuối cùng hai anh em gặp nhau, trong dịp đám cưới của người em trong nhà. Người em này ăn học trong nhà Võ Phiến từ ngày còn thơ ấu. Lê Vĩnh Hòa khi này đã có gia đình, vợ con luôn luôn cư ngụ tại Sóc Trăng, chỉ riêng Lê Vĩnh Hòa là hoạt động trong bưng.

Thiệp cưới phát về địa chỉ của vợ con Lê Vĩnh Hòa cả tháng trước. Buổi chiều trước ngày cưới hai hôm, người em xa mặt cách lòng trở về tham dự chuyện vui trong nhà. Hai anh em mừng mừng tủi tủi. Không một ai dám cười đùa lớn tiếng. Nhà có tiệc vui mà chưa chi đã ẩn sẵn một mối lo. Thành thử hai anh em không bao giờ đề cập tới chính kiến. Có đề cập thì cũng chẳng ai thay đổi được ai, thành thử cả hai yên lặng tận hưởng niềm vui hội ngộ, vì cả hai linh cảm một điều: Trong chiến tranh tính mạng con người lung linh như những giọt sương mai, chỉ một cơn gió nhẹ thoảng qua là có thể trở về với lòng đất.

Vài tháng sau ngày vui của gia đình, Lê Vĩnh Hòa bị bom chết trong khi đang trên đường công tác. Khi chết nhà văn mới được 34 tuổi. Lê Vĩnh Hòa để lại cho đời hai tác phẩm. Đó là hai tập truyện mỏng có tên là: "Người Tị Nạn" và "Mái Nhà Thơ". Công tâm mà nói, những tác phẩm này chưa đủ kích thước của một nhà văn đích thực.

Giữa hai anh em, về văn nghiệp Lê Vĩnh Hòa không theo kịp ông anh Võ Phiến. Sau khi ra tù, Võ Phiến sống một đời thung dung, thong thả càng ngày càng đi lên. Trong khi đó Lê Vĩnh Hòa có một đời sống sôi sục hơn, khốc liệt hơn. Lê Vĩnh Hòa giống Võ Phiến một điều là viết rất sớm và cũng đi vào văn nghiệp bằng nghề báo. Ông có bài trong hai tờ báo ngoài bưng, đó là tờ *Nhân Dân Miền Nam* và tờ *Tiến Thủ*. Ông tham gia hoạt động chính trị khá sớm, và bị bắt giam ngay từ năm 1958. Lại thêm một điểm giống Võ Phiến, có điều cả hai anh em bị giam giữ bởi những nhà giam của hai phía đối nghịch. Ông bị giam năm năm rải rác trong các nhà giam Chí Hòa, Thủ Đức, Phú Lợi. Lê Vĩnh Hòa góp mặt với đời khoảng chừng ba chục truyện ngắn và ký, cùng khá nhiều bản thảo. Năm 1967, Lê Vĩnh Hòa ngã xuống, không dậy

được trong một làng hẻo lánh tại Long Mỹ, Rạch Giá.

Võ Phiến phát biểu về mùa nạn của văn học trong Nam sau 75. Ông cho rằng thoạt kỳ thủy miền Bắc muốn tẩy sạch những dấu ấn văn học trong Nam. Bằng những đợt tấn công ào ạt vào bản thân những văn nghệ sĩ của miền Nam, thôi thì tù đầy cũng có, đi kinh tế mới cũng có. Bằng những cái lệnh tịch thu toàn bộ sách báo cũ, với những cây bút được chỉ thị làm công việc biên soạn những cuốn sách có vẻ như là nghiên cứu, đánh giá văn học của miền Nam. Những nhà biên khảo theo lệnh này gọi những nhà văn miền Nam như là những tên biệt kích văn nghệ. Khi những nhà văn bị coi là biệt kích văn nghệ thì không còn gì để nói. Nhìn như thế thì sách báo của miền Nam làm sao mà dám chứa chấp trong nhà. Trần Trọng Đăng Đàn hoàn tất một quyển sách dầy cộm, mà trong đó tác giả liệt kê danh sách những tác giả và tác phẩm bị cấm. Danh sách này không chừa một nhà văn nào, một cuốn sách nào. Như thế thì cần gì phải viết sách làm chi cho mệt. Chỉ cần một cáo thị, một thông tư phổ biến rộng rãi đến mọi người, mọi nhà. Trong cáo thị này tuyệt đối cấm lưu trữ sách báo của miền Nam là đủ.

Suốt ba năm liền, những người yêu sách lén lút giữ sách trong nhà như ngồi trên đống lửa. Thế rồi những hàng sách cũ bắt đầu xuất hiện trên lề đường Nguyễn Huệ cũ. Tất cả những cuốn sách đã có một thời bị tịch thu, bị cấm, nằm têm hênh trên mặt đường. Những người khách năng lực lọi nhất chính là những anh bộ đội, những anh cán bộ ngoài Bắc vô. Những con người đó, trong chiến tranh không hẳn chỉ đói ăn không mà thôi. Họ còn đói sách đã hai mươi năm, nên không dễ gì bỏ qua những quyển sách họ chưa hề nghe thấy trong đời. Những quyển sách cấm đích thực lúc nào cũng có, người bán giấu đi nhưng nếu khách hỏi mua sẽ có ngay lập tức.

Những độc giả ngoài Bắc đã quen với những quyển sách mà văn chương bị đường lối chính trị ép cho nghẹt thở. Đột nhiên những quyển sách của miền Nam mở cho họ những chân trời mới. Họ như mê đi trước những tư tưởng kỳ dị trong thơ Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn. Họ như hoa mắt trước những Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư. Cũng là thơ chiến tranh nhưng họ cảm thấy họ gần với Nguyễn Bắc Sơn. Còn về văn thôi thì thiên hình vạn trạng. Sách hay nhiều, mà sách không hay cũng lắm. Lạ một điều ngay cả những sách không hay này trong Nam cũng xuất bản một cách rộng lượng.

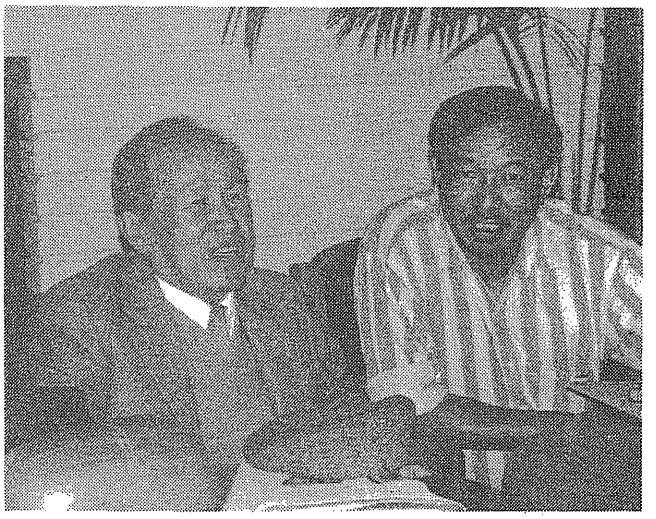

Võ Phiến và Hoàng Khởi Phong

Võ Phiến cho là đối với văn học miền Nam, những người chiến thắng xóa không được... khoan dung làm phước. Ngay cả việc khoan dung cũng có từng nấc một. Mới vô là cấm hết, sách gì cũng quy là đồi trụy, khiêu dâm. Hai ba năm sau, lệnh cấm không thu về, nhưng sách bị tịch thu ngày trước đã được mang ra bán. Mới đầu là bán lén, sau rồi bán công khai. Chỉ một thời gian ngắn sau khi chợ sách cũ tái lập người ta có thể mua công khai cả những dâm thư đại kỵ dưới "thời Mỹ Ngụy."

Họ hiểu rằng không thể nào thiêu hủy được hàng triệu cuốn sách miền Nam đã ấn hành suốt hai mươi năm ròng rã, hơn thế nữa những người cầm bút của miền Nam cũng thoát ra ngoại quốc khá nhiều. Cho dù có làm biến mất hết sách vở của miền Nam trong nước, thì những người đã thoát khỏi mẻ lưới sẽ không khoanh tay thúc thủ ở hải ngoại. Năm năm sau khu chợ sách cũ xuất hiện cả những quyển sách mà trước 75 ở miền Nam không ai thèm nhặt.

Võ Phiến phát biểu về việc giao lưu văn hóa. Ông cho là cả hai phía đều không nói thật. Đối với những người cầm bút ngoài nước, ai mà chả mong sách của mình được đón nhận ở trong nước. Ở hải ngoại chỉ có hai triệu người rải rác khắp thế giới, sách in ra mỗi lần một ngàn cuốn, bán cả năm. Nếu như có thể phát hành sách ở trong nước, với dân số bảy chục triệu người, sách in ra tối thiểu cũng là chục ngàn cuốn. Ấy là chưa kể đến ảnh hưởng tinh thần do nội dung cuốn sách mang đến cho người đọc. Đối với những người viết trong nước, có tác phẩm lưu hành ở hải ngoại phải chăng là dấu hiệu của những cây bút hàng đầu. Có bài viết đăng trong các tạp chí ở hải ngoại là một niềm tự hào cho tác giả.

Võ Phiến cho rằng cốt lõi của vấn đề hợp lưu là hải ngoại được đọc sách ở trong nước và ngược lại. Mấy năm gần đây, mỗi năm có vài trăm ngàn người về. Sách báo cũng ra vào theo với những chuyến đi ra vào này. Chỉ sợ con người ta, trong cũng như ngoài nước không còn cái hứng thú đọc sách, mà chúi đầu vào TV, ham đi nhẩy đầm, thích hát Karaoke... Dường như con người ta càng ngày càng ít thì giờ đọc sách. Võ Phiến cho đó mới là vấn đề các nhà văn cần suy nghĩ, chú trọng tới.

5 - Suốt hơn năm mươi năm hết lòng với chữ nghĩa, Võ Phiến hoàn tất 35 quyển sách. Trong số đó có: Truyện dài, truyện ngắn, truyện dịch, tùy bút, tạp bút, tạp luận, biên khảo. Ấy là chưa kể thơ. Nếu tính theo niên biểu thì quyển đầu tiên "Chữ Tình" in năm 1956 tại Quy Nhơn, quyển cuối cùng "Ký, Bút, Kịch miền Nam I" in năm 1993 tại Hoa Kỳ. Nếu nói về nơi xuất bản thì hai quyển đầu in tại Quy Nhơn, 22 quyển in tại Sài Gòn, 10 quyển in tại Hoa Kỳ, một quyển đăng báo *Tiền Tuyến* năm 1973 chưa kịp xuất bản thì năm 75 đã ập đến. Chi li hơn một chút thì Võ Phiến viết có 29 quyển... rưỡi, vì trong số các sách có đề tên Võ Phiến này phải trừ đi năm quyển, dịch từ truyện ngoại quốc, và sau cùng quyển "Ly Hương" viết chung với Lê Tất Điều vào năm 1977, nghĩa là thời gian cả hai chân ướt, chân ráo mới định cư tại Mỹ chưa đầy hai năm.

Với một đời người 35 quyển sách quả là nhiều, nhưng chưa hết vì quyển sau cùng trong tên sách có số I, hẳn là quyển II, và có thể là quyển III còn đang viết dở chưa in. Những người yêu đọc sách, những người chuộng văn chương, những nhà biên khảo chuyên về phê bình văn học, hầu như đã đồng ý với nhau một điểm: Võ Phiến là một trong hai người viết tùy bút cực hay của văn học Việt Nam, người còn lại tên là Nguyễn Tuân. Tuy nhiên bút pháp của hai nhà hoàn toàn không giống nhau.

Nguyễn Tuân hơn Võ Phiến 15 tuổi và sớm có một vị trí cao ngay từ khi mới xuất hiện. Khi Võ Phiến vào nghề văn thì địa vị của Nguyễn Tuân đã cao vòi vọi với tác phẩm "Vang Bóng Một Thời." Trong tùy bút của họ Nguyễn nét tài hoa rõ mồn một khiến người đọc ông như đang xem một bức họa toàn cảnh của câu chuyện nhà văn đang đề cập tới. Trong cái tài hoa này, vẻ khinh bạc của Nguyễn Tuân cũng lộ hẳn ra không giấu diếm. Đối với họ Võ thì khác, tùy bút và tạp bút của Võ Phiến nhẹ nhàng thanh thoát hơn, người đọc có cảm giác như trông thấy nhà văn nheo mắt một cách nghịch ngợm trước trang giấy. Võ Phiến vẽ những nét chi li, thậm chí có khi nhỏ như sợi lông trên cánh tay của nhân vật trong câu chuyện. Cái nhìn của Nguyễn Tuân cực đoan, khe khắt hơn thí dụ như trong *Chùa Đàn* chẳng hạn, trong khi Võ Phiến bao dung, tinh quái hơn. Nếu như Nguyễn Tuân nhấn sâu vào sự kiện, thì Võ Phiến lại trải rộng tầm nhìn. Võ Phiến cho biết nhà văn trước ông mà ông thích nhất chính là Nguyễn Tuân. Thích là một chuyện, viết là một chuyện khác. Nếu thích Nguyễn Tuân mà viết văn bị ảnh hưởng quá sâu đậm của Nguyễn Tuân thì chẳng thà đừng thích có lẽ tốt hơn.

Ngoài tùy bút, Võ Phiến còn sở trường về truyện ngắn. Ông có một kỹ thuật rất cao trong thể loại này. Những nhân vật trong truyện ngắn của Võ Phiến là những con người ta bắt gặp nhan nhản hàng ngày, ngay trước mắt ta mà ta không thấy. Kịp cho tới khi đọc xong hình ảnh con người trong truyện của Võ Phiến còn lẩn quẩn trong trí người đọc cả tháng trời. Truyện ngắn của ông không khô khan, nhờ ông dặm thêm những đoạn tả cảnh cần thiết để cho cái tình, cái tính của nhân vật có chỗ tựa vào.

Trên lãnh vực biên khảo của Võ Phiến, bộ "Tổng Quan Văn Học Miền Nam" là một bộ sách mà trong đó người đọc bắt được những cảm nghĩ của Võ Phiến trong khi ông đọc và viết về những nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia và những nhà báo của miền Nam trong giai đoạn 1954-75. Hầu như ông không bỏ sót một tác phẩm,

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

ANH MÃI LÀ CHIM CỦA THÁNG, NĂM

Ngực em vào mùa hoa trái chín
Anh con chim bói quả trên cành
Mật ửa thơm vầng trăng mười sáu
Anh mãi là chim của tháng, năm!

Hương nào thơm bằng mùi con gái
Gió hớt rải vào những trang thơ
Mỗi đợt sóng mềm ruộng ngan ngát
Lăng vào hồn anh rân thịt da

Hồn vũ trụ xanh vời suối mắt
Hoa mở cánh vàng nhụy lim dim
Xin là người gác cửa Thượng đế
Anh khóa hồn em sâu trong tim

Chim vào mùa yêu mùi trái chín
Em mười sáu trăng treo sơn khê.
(Na uy)

một cây bút giá trị nào. Từ thơ, văn, truyện dài, truyện ngắn, ký, bút, kịch... và ngay cả báo chí, ông cũng giúp cho những người đi sau ông một cái nhìn theo chủ quan của ông. Có thể nói chưa một nhà phê bình nào phân tích các tác giả chi li như ông. Thỉnh thoảng ông có cái nhìn khá nghiêm khắc trong những nhận định của ông.

Giá trị của bộ sách thì hiện nay còn mới mẻ, nhưng tôi tin rằng sau này, khi nói tới giai đoạn văn học thời đất nước chia đôi người ta không thể không bước vào bộ sách này. Chúng ta có nhiều nhà viết phê bình văn học, nhưng hình như chúng ta chỉ được đọc những bài viết điểm sách rời rạc. Ngoài bộ "Tổng Quan Văn Học Miền Nam" của Võ Phiến, hầu như không có một công trình quan trọng nào trong bộ môn này.

Trong cái nhìn rất chủ quan của người viết bài này, truyện dài của ông không đạt được những thành quả như trong tùy bút, truyện ngắn cũng như biên khảo. Cái chi li của biên khảo, cái tinh quái của truyện ngắn, cái dí dỏm trong tùy bút, cái hiểu biết thật rộng về ngôn ngữ, tất cả hình như không có chỗ dụng võ trong truyện dài của ông. Nhiều tùy bút và truyện ngắn của ông đọng lại trong đầu tôi một thời gian thật lâu, song truyện dài "Nguyên Vẹn" đến bây giờ tôi không còn nhớ nổi cả cốt truyện. Tôi chỉ nhớ quyển truyện viết về những thay đổi, chộn rộn của năm 75, trước và sau tháng Tư một thời gian ngắn. Câu chuyện xảy ra cả ở trong nước và ngoại quốc. Tôi nhớ quyển truyện khá dầy, nhưng hình như ấn tượng của nó không được cao. Nhất là ông đang viết về thời khoảng đặc biệt của dân tộc, một cái tang chung cho muôn triệu con người.

Trong đời văn của Võ Phiến có một mâu thuẫn khá đặc biệt. Ông là một công chức trong Bộ Thông Tin, một cơ quan đầu não của miền Nam trong công tác tuyên truyền chống lại những hoạt động chính trị của Cộng Sản. Có thể sự có mặt của nhà văn Lê Vĩnh Hòa ảnh hưởng đến con đường hoạn lộ của nhà văn Võ Phiến. Có một thời gian ông là Phụ Tá Giám Đốc Sở Huấn Luyện, thế rồi không chịu nổi cái khe khắt của chính sách kiểm duyệt, khống chế các nhà văn một cách nặng nề, ông ký tên vào một bản văn chống lại chính sách kiểm duyệt báo chí và sách vở của miền Nam. Do việc này ông bị điều về một nhiệm sở hữu danh vô thực.

Đầu thập niên 60, trước sự xâm nhập ồ ạt của quân đội Cộng Sản miền Bắc, nước Mỹ thay đổi cách nhìn về chiến tranh Việt Nam, người Mỹ sau khi đã cảm thấy sự hiện diện của 30.000 cố vấn không hữu hiệu, nước Mỹ muốn tham chiến thực sự tại Việt Nam. Chính sách của Mỹ thay đổi kéo chính trường miền Nam vào một cơn lốc xoáy không ngừng. Trong một khoảng thời gian không đầy hai năm miền Nam có bốn chính phủ. Năm 1965 anh lính Mỹ Thủy Quân Lục Chiến đầu tiên đổ bộ tại bãi biển Đà Nẵng, trong một thời gian ngắn hơn nửa triệu quân Mỹ, theo gót anh đặt chân xuống miền Nam. Chưa hết, đằng sau Quân Lực Mỹ là một cái đuôi dài lê thê gồm quân đội bẩy nước Đồng Minh. Xã hội miền Nam đột nhiên là chỗ hiện diện của cả triệu người ngoại quốc, đời sống miền Nam bị xáo trộn tới cùng cực trong khi ngoài mặt trận những người lính của cả hai miền ngã xuống hàng loạt.

Võ Phiến tuy là công chức cao, nhưng ông có một gia đình khá lớn, ấy là chưa kể đến trách nhiệm của một người anh lớn trong nhà. Ông phải dậy học thêm, ông cộng tác với đài phát thanh Mẹ Việt Nam, một cơ quan phát thanh nặng tính tuyên vận, do người Mỹ tổ chức và trả lương. Đối với những người hời hợt đứng bên ngoài nhìn vào thì Đài Phát Thanh Mẹ Việt Nam cũng như trăm, ngàn cơ sở khác của Mỹ. Đôi khi dư luận còn chứng tỏ sự khắt khe một cách độc ác với những người làm việc cho người Mỹ, nhưng Võ Phiến cho biết ông chưa bao giờ cảm thấy áy náy khi làm việc cho đài phát thanh này.

Tại sao phải áy náy khi mà ông đứng ở miền Nam, ngày ngày nhìn thấy hàng hàng lớp lớp những người trai ở thế hệ con ông lên đường tòng chinh giết giặc. Đây là trận chiến một mất một còn giữa hai kẻ nội thù, mà cứ một ngày qua là một phần chính nghĩa bị chính chúng ta đẩy về phía bên kia. Ông nhìn lại những cơ quan chịu trách nhiệm thông tin và tuyên truyền của miền Nam, và ông cay đắng nhận chân được một điều là những cơ quan này không làm đúng và đủ đối với công tác tối quan trọng được giao phó. Chẳng những thế đôi khi nó còn cản trở những tiếng nói trung thực của những nhà văn nhậy cảm sớm nhìn ra vài phần sự thật. Do đó những lời báo động sớm sủa đôi khi bị nhìn như là một trọng tội. Năm 1968, trước khi trận tổng công kích Tết Mậu Thân nổ ra trên toàn quốc, Võ Phiến đã gióng lên một tiếng kêu bi thảm trong bài "Tiếng Cú". Ông tiên đoán nếu miền Nam không thay đổi cách nhìn về chiến tranh, không sớm thì muộn sẽ không đứng vững trong cuộc chiến ỷ lại vào ngoại bang. Lời kêu cứu của ông được đón nhận bằng những lát kéo kiểm duyệt một cách phũ phàng.

Nói về kinh nghiệm đài phát thanh Mẹ Việt Nam, Võ Phiến cho biết mỗi khi trận chiến tàn, các đơn vị của QLVNCH tìm mọi cách mang xác các đồng đội về cho gia đình. Nhưng những gia đình của các binh sĩ miền Bắc thì không bao giờ biết đến sự sống còn của con em mình. Võ Phiến được cung cấp những quyển nhật ký của các cán binh miền Bắc đã tử trận. Ông đọc mà tội nghiệp cho những thanh niên đôn hậu ngù ngờ, bị nhét những khẩu súng vào trong tay, bị nhồi vào trong đầu những lý tưởng hão huyền, những hình ảnh dối trá, những mơ ước méo mó. Trong tâm khảm của một nhà văn, có cơ hội được chứng kiến những cái chết tột cùng vô ích đó, nhà văn Võ Phiến hăm hở sử dụng những phương tiện của Đài Mẹ Việt Nam, như là một vũ khí hữu hiệu để gửi tới dân chúng miền Bắc phần nào sự thật mà họ không có cơ hội nhìn thấy.

Đứng về phương diện tố cáo tội ác của người Cộng Sản, Võ Phiến cho rằng đài phát thanh của miền Nam không hữu hiệu bằng các đài phát thanh của người Mỹ. Nếu quan niệm các đài phát thanh như là những vũ khí để chiến đấu trên

mặt trận tư tưởng, thì miền Nam chỉ có những khẩu súng trường, bắn phát một. Trong khi người Mỹ có súng đại bác tự động, ấy là chưa kể tới tầm xa. Do đó Võ Phiến không bao giờ áy náy về vị trí của ông trong một cơ sở của người Mỹ. Ông còn ao ước có những phương tiện mạnh hơn để những lời báo động của ông vang xa hơn, tới được nhiều người hơn.

Thế rồi những lời báo động trong bài viết "Tiếng Cú" càng lúc càng lộ rõ. Tháng Ba năm 1975, Ban Mê Thuột thất thủ, nó kéo theo sự sụp đổ của cả Vùng I và Vùng II Chiến Thuật. Những biện pháp vá víu sau cùng của giới chính trị, quân sự của miền Nam không dập tắt nổi ngọn lửa chiến thắng đã bốc cao trong lòng giới lãnh đạo miền Bắc. Tháng Tư năm 1975 ập tới, từng phần đất của miền Nam trôi ra biển. Đài phát thanh Mẹ Việt Nam cố gắng duy trì tiếng nói cho tới giây phút cuối cùng. Để có thể hoạt động hữu hiệu hơn trong lúc đạn bom đang cầy nát những vùng đất quanh Sài Gòn, người Mỹ di chuyển đài ra Phú Quốc, cốt chỉ bảo đảm đài sẽ làm việc cho tới những ngày cuối cùng. Võ Phiến cũng như mọi nhân viên khác, phải đi theo nhiệm sở của mình. Ông có mặt tại Phú Quốc một tuần lễ trước khi ngày 30 tháng Tư chụp xuống đầu toàn thể dân tộc.

Ông cho biết ông không thể ở lại, như nhiều người khác muốn làm chứng nhân của lịch sử. Cảm giác ngay lúc đó ông cho rằng khi người Cộng Sản chiến thắng miền Nam, họ cũng chẳng khác gì những người Tây Đen gạch mặt thuở xưa. Những bà mẹ, những người vợ, những người chị, những người em của miền Nam sẽ bị xâm phạm, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp.

Tưởng cũng nên nhắc lại những ngày cuối cùng của ông tại Việt Nam, ông ở tạm trong một khu nhà thuộc trại giam tù binh Phú Quốc khi xưa. Cách ông một hàng rào nghiêng ngả là những nạn nhân Cộng Sản, khoảng chừng 100.000 người, được tầu của Hải Quân Mỹ vớt trong các tỉnh miền Trung đưa về. Ông đã nhìn thấy những gia đình tan nát, những cụ già, những em bé, những góa phụ... Họ sẽ về đâu khi chiến tranh tàn. Họ sẽ đi về đâu trong khoảng thời gian sắp tới. Và chính ông, cái gì sẽ đến với ông trong những ngày sắp tới? Giống như hàng triệu người Việt Nam khác, tháng Tư năm 1975 cả nước như mê đi.

Khi tỉnh lại nhà văn Võ Phiến thấy mình ngu ngơ trong dòng người của trại tị nạn Arkansas. Kể từ đó tới nay, 20 năm đã qua đi.

Có bao giờ ông nghĩ tới những éo le trong đời ông, khi mà những người nhà văn ở phía Lê Vĩnh Hòa, không cần biết ất giáp gì cứ đổ diệt cho ông là tay sai của Mỹ? Ông có đau trước những lời kết tội hàm hồ đó không? Tôi nghĩ hiển nhiên là có. Phản ứng chống lại việc này của nhà văn, còn gì hơn là sử dụng ngòi bút mình nhiều hơn, sắc hơn, viết những tác phẩm có kích thước hơn. Ông đã vẽ lại cái xã hội mà ông đã sống một cách trung thực ngõ hầu những thế hệ sau ông, khi nhìn lại một giai đoạn lịch sử thời đại ông, biết được xã hội đó mạnh chỗ nào, và yếu chỗ nào. Những dữ kiện đó như là một cái họa đồ. Nương vào đó, những thế hệ sau ông kiện toàn được những chỗ yếu mà người trước để lại.

TRẦN MỘNG TÚ

HOA TRÀ

(gửi chị Thủy, Issaquah)
Đến bạn cho uống trà
Về suốt đêm không ngủ
Nằm im đếm trong chăn
Từng cánh hoa trà nở

MẦU SON

Mùa thu
vừa bước ra từ núi
Cúi xuống hôn
lên trán dòng sông
Em có
còn nguyên mầu son đỏ
Hôn hộ
tình anh trên lá phong

NGỤM THU

Lá phong
vàng dát ngoài
cửa sổ
những giọt lệ đen
nhỏ trong ly
Tôi
cúi xuống góc
thời gian thơm ngát
uống từng ngụm
mùa thu
11-94

6 - Tôi gặp Võ Phiến lần đầu vào đầu năm 1978, tại nhà Lê Tất Điều. Vài tháng sau tờ *Bút Lửa* ra đời. Đó là một tờ báo trào phúng đầu tiên ở hải ngoại, một tờ bán nguyệt san, nhưng là báo trào phúng và Lê Tất Điều muốn giỡn một tờ báo khác nên đã để một câu thiệu: "Nhật báo đầu tiên tại hải ngoại, tạm xuất bản một tháng hai lần." Thời đó việc thương mại của dân Việt chưa khởi sắc như bây giờ. Các chợ bán đủ các loại mắm muối, cá khô. Chen kẽ vào đó là sách báo và băng nhạc. Thời đó hoạt động văn nghệ báo chí chưa rầm rộ như hiện nay, chưa có những khu thương mại sầm uất, chỉ là những cái chợ thực phẩm rải rác khắp miền Nam Cali. Các báo đều là báo bán, đòi hỏi một sự cố gắng vô bờ của người chủ báo.

Một tháng hai lần chúng tôi tụ tập tại nhà Lê Tất Điều. Võ Phiến khi đó mới dời từ Minnesota về Santa Monica. Bồ Đại Kỳ, Cao Bồi Già và tôi trú ngụ tại Santa Ana. Mỗi lần tụ tập là phải xong một số báo, thông thường công việc chiếm hết nguyên một *week-end*. Người đánh máy, kẻ bỏ dấu, người *lay-out* kẻ thì viết bài. Thôi thì rối rít tít mù cho xong, để chiều Chủ Nhật còn về nghỉ lấy sức thứ Hai đi cầy tiếp. Nhưng rồi báo cứ chết, mặc dù Lê Tất Điều bỏ hết tim óc vào công việc. Tim óc của anh em vẫn còn, nhưng tài chánh thì đã cạn. Cái khó nó bó cái khôn, thôi thì ai về nhà nấy, yên tâm lao động nơi xứ người và tự nhủ ai nấy đều đã hết lòng.

Bẵng đi nhiều năm tôi không gặp lại Võ Phiến. Năm 1985, trong một buổi tụ tập ở nhà tôi, ngày đó có Nguyễn Bá Trạc từ San Jose xuống, dưới này có Nguyễn Mộng Giác, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Cao Xuân Huy. Ngôi nhà tôi khi đó khác gì một trại tị nạn. Bốn phòng ngủ chứa tới 16 người mà trong đó có bố con Nguyễn Mộng Giác và vợ chồng Cao Xuân Huy. Câu chuyện lan man một hồi thì lại báo.

Để ghi nhớ 10 năm lưu vong nơi xứ người anh em đề nghị làm tờ *Văn Học*. Ban đầu cả bọn định thu hẹp ban biên tập, nhưng rồi chuyện nọ xọ chuyện kia, dây cà ra dây muống, rốt cục có thêm Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Tất Nhiên... Càng đông càng vui. Vì có Võ Phiến nên ban đầu anh em định lấy tên là *Văn Học*, sau đổi thành *Văn Học Nghệ Thuật* tục bản. Tờ báo hình thành với tôi làm chủ nhiệm trên giấy tờ, Võ Phiến là chủ nhiệm thực sự, Lê Tất Điều chủ bút, Nguyễn Mộng Giác tổng thư ký, phát hành do ông Võ Thắng Tiết. Người coi sóc tờ báo là Nguyễn Mộng Giác, tuyển chọn bài vở ngoài Nguyễn Mộng Giác ra có thêm Nhật Tiến và tôi. Tháng tháng họp nhau ăn nhậu một lần tại nhà anh Nhật Tiến để bàn định chủ đề cho số tới.

Báo ít người thì khó làm, mà đông người thì lại hay xẩy ra tình trạng trống đánh một phách, kèn thổi một phách khác. Rút cục tôi vẫn đứng tên tờ báo nhưng tham gia như là một thân hữu, tháng tháng vẫn ăn nhậu một lần tại nhà anh Nhật Tiến, song Nhật Tiến cũng là một thân hữu như tôi. Tuy không thật sự làm việc chung với nhau, song giữa anh em tình thân ái không bao giờ sứt mẻ. Tuy nhiên có một việc tuy không liên hệ tới tôi, nhưng khiến tôi ấm ức nhiều năm nay. Thật ra tôi cũng như hàng trăm người khác hiểu lầm câu chuyện.

Đầu năm 1986, Nguyễn Mộng Giác hoàn tất tập II trường thiên "Mùa Biển Động." Trong tập truyện này anh dựa vào một nhân vật có thật ngoài đời là Đại Úy Tôn Thất Trực, khá nổi danh với sợi dây thẻ bài đeo cổ của anh có xâu vài cái tai người. Ở hải ngoại hiện nay có rất nhiều người là bạn của Tôn Thất Trực, biết rất rõ về sợi dây thẻ bài cũng như con người của Tôn Thất Trực. Đó là sự thật của đời sống, và nhà văn Nguyễn Mộng Giác nương vào hình ảnh này, đưa vào một nhân vật của anh trong tiểu thuyết "Mùa Biển Động," bởi vì anh Giác vốn là nhà giáo, không phải nhà binh nên anh nghĩ cho nhân vật của anh tựa hẳn vào một nhân vật có thật, để nhân vật có thêm cá tính cần thiết và cho quyển truyện thêm sống động. Chuyện thì thật nhỏ, là bởi vì trong chiến tranh, trong bất cứ một quân đội nào cũng có những con người còn dã man hơn nhân vật mà Nguyễn Mộng Giác đã dựng ra nhiều, cũng như có nhiều sự thực còn đáng kinh tởm hơn nhiều.

Thế nhưng có nhiều người nhiễu sự cho đó là bôi nhọ QLVNCH. Việc cắt tai quân địch đã chết xỏ thành một xâu chỉ nói lên tính bệnh hoạn của nhân vật đó, chứ không phải là có ý bôi nhọ cả một quân lực. Và bôi nhọ thế nào được cả một quân lực. Cộng Sản đã viết hàng ngàn quyển sách, hàng triệu trang giấy nhưng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vẫn là Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, không hề vì vậy mà xấu xí đi. Nếu như anh Giác dựng lên một nhân vật tồi thì có nghĩa là anh viết chưa tới, anh sẽ thất bại trong nghề văn. Không thể dùng đám đông áp lực, rồi đổ diệt cho anh là Cộng Sản. Nguyễn Mộng Giác bị công kích trên mặt báo suốt sáu tháng trời liền. Anh viết một bài không phải để bút chiến. Bút chiến thế nào được khi đa số những người đang chửi anh có một cái nhìn rất hạn hẹp về văn học. Anh chỉ muốn nói lên quan điểm của anh khi viết bộ trường thiên này, vì bộ truyện chưa chấm dứt nên khó có thể đánh giá nó một cách đúng mức.

Tôi không hiểu tại sao Nguyễn Mộng Giác lại không đăng bài này trên *Văn Học Nghệ Thuật* là tờ báo mà Nguyễn Mộng Giác là Tổng Thư Ký, và có thể nói là người lo từ A tới Z cho tờ báo góp một đều đặn hàng tháng. Anh Giác mang bài đó đi đăng trên tờ báo *Đồng Nai*, một tờ báo nặng về thương mại hơn là văn học.

Về phần Võ Phiến, ngay trong thời gian anh Giác bị công kích từ tứ phía, ông không lên tiếng lấy một lời. Võ Phiến cho rằng trong hoàn cảnh hiện tại những nhà văn đích thực, cô đơn như những người lữ hành trong sa mạc. Hãy kiên nhẫn và lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình, coi mọi lời chỉ trích như gió thoảng bên tai. Hãy ngước mặt lên và thản nhiên đi tới cái đích đã chọn. Tôi cứ đinh ninh Võ Phiến không đồng ý cho anh Giác đăng bài này trên *Văn Học Nghệ Thuật*. Thậm chí một tờ báo khác ở Canada cũng tỏ vẻ bất bình đã tự động đăng lại bài viết của anh Giác trên tờ *Đồng Nai*, người chủ trương của

tờ báo này còn rêu rao là đã làm ơn cho anh Giác, vì bài viết của anh không được một tờ báo nào bên Mỹ hưởng ứng, kể cả tờ báo anh Giác đang làm Tổng Thư Ký.

Những sự kiện trên khiến tôi hiểu lầm Võ Phiến nhiều năm nay. Tôi cứ cho là về việc này Võ Phiến thận trọng một cách quá mức. Nên để cho anh Giác có cơ hội phát biểu ngay trên tờ *Văn Học Nghệ Thuật*, là tờ báo anh Giác thực sự bỏ hết tim và óc anh vào đó. Nhà văn phải được phát biểu một cách dõng dạc về những tác phẩm của mình, sau khi đã trách nhiệm những gì mình viết ra trong tác phẩm đó. Mới đây tôi được anh Giác xác nhận: Nếu muốn, anh đã cho đăng trên *Văn Học Nghệ Thuật*, nhưng anh cho đăng ở *Đồng Nai* chính là để tránh phiền toái có thể có cho toàn thể các anh em. Anh không muốn anh em bị ảnh hưởng do quyển truyện của anh.

Tuy nhiên mọi việc rồi cũng qua đi như một áng mây, tờ *Văn Học Nghệ Thuật* vẫn tháng tháng có mặt một cách đều đặn. Sau 12 số *Văn Học Nghệ Thuật*, Võ Phiến sức khỏe sa sút, còn Lê Tất Điều thì mãi tận San Diego, mỗi lần họp hành quá xa xôi diệu vợi nên tờ báo chỉ còn Nguyễn Mộng Giác và một số anh em. Kỳ thay đổi này, tờ báo trở về với cái tên nguyên thủy anh em định chọn ban đầu là *Văn Học*. Vẫn một tháng một cữ ăn nhậu tại nhà Nhật Tiến. Nói chung, anh em vẫn coi *Văn Học* như một cố gắng chung của mọi người.

Qua những lần gặp gỡ, làm việc chung với Võ Phiến tôi thấy ông là một người cực kỳ thận trọng, hòa hoãn được với mọi người. Ông không phê phán bất kỳ ai, dù người đó có xấu tới đâu chăng nữa. Ông thường chú trọng tới công việc hơn là người đang làm công việc đó. Ông dung được mọi người, niềm nở với mọi người. Ông vẫn giữ được tính cần cù nhẫn nại xưa kia, vẫn viết đều. Có điều hiện nay ông ít sáng tác mà chú trọng nhiều hơn trên lãnh vực biên khảo.

Mới đây ông cho ra đời một quyển sách mỏng và khổ nhỏ như loại sách bỏ túi của Pháp thời xưa. Ông đặt tên cho quyển sách là "Truyện thật ngắn." Cứ như cái tên của nó thì đây là những truyện thật ngắn. Có khi chỉ hai, ba trang, không câu nệ về bút pháp mà chuyên chú vào những chi tiết cấu tạo nên câu chuyện. Hồi nào tới giờ chúng ta hằng có truyện dài, truyện ngắn chứ không có truyện vừa và truyện thật ngắn.

Lạ một điều là sau đó không lâu ở trong nước, người ta cũng nghĩ như Võ Phiến. Một tờ báo đẩy mạnh suy nghĩ này và tổ chức một cuộc thi truyện cực ngắn, dưới 1000 chữ. Có tới hơn 6000 người gửi bài dự thi, chọn lấy 40 người in thành một tuyển tập. Người trúng giải nhất là một cô gái tên Phan Thị Vàng Anh. Cô ta chính là con gái út của Chế Lan Viên, ông thầy cũ của nhà văn Võ Phiến. Người đã có cơ duyên gặp gỡ và đóng góp một phần nhỏ, trong việc hình thành Võ Phiến từ nửa thế kỉ trước. Tôi có đọc truyện ngắn trúng giải này và thấy được khoảng cách khá xa, giữa Phan Thị Vàng Anh và người đứng giải nhì. Thật đúng là con nhà tông, không giống bộ lông cũng phải giống cặp cánh.

Trước sau ông đi mổ tim hai lần, lần cuối cùng cách đây khoảng hai năm. Ông hiện sống một đời công chức hồi hưu, lẽ ra phải là một ngôi nhà yên tĩnh ở vùng quê Phù Mỹ, nơi ngôi nhà hương hỏa của nhiều thế hệ chuyển tới ông. Nơi ông đã chào đời chẵn tròn 70 năm trước. Bây giờ ông sống xa ngôi nhà đó hàng vạn dặm, nhưng trong trí ông ngôi nhà đó vẫn còn đậm nét như ngày nào.

Những cây cọ mà ông gọi là cây gồi rải rác chung quanh nơi ông ở hiện nay có khác nào những rặng dừa ở quê ông. Trong vườn nhà ông, có đủ những thứ cây đã mọc sẵn nơi vườn của ngôi nhà cũ. Sáng sáng, chiều chiều nghe tiếng chim kêu khác nào tiếng những con tu hú của vùng Tam Quan, Bình Định. Phần số ông đã sớm mang thân "viễn phố," thì phố thị Sài Gòn có khác chi phố thị Los Angeles, Westminster? Giả dụ ông hiện sống nơi ngôi nhà xưa thì cõi hồn của một nhà văn có bao giờ đọng lại một chốn. Cho dù chốn đó là một chốn "Quê," tên một tác phẩm ông viết cách đây hai năm khi vừa mổ tim lần thứ hai trở về.

Nhà văn Võ Phiến sinh ngày 20 tháng 10 năm 1925, vừa tròn 70 tuổi ta. Bài viết này xin là một món quà chúc thọ, của một người viết văn cầm bút sau ông một, hai thế hệ.■

California, tháng Mười năm 1994

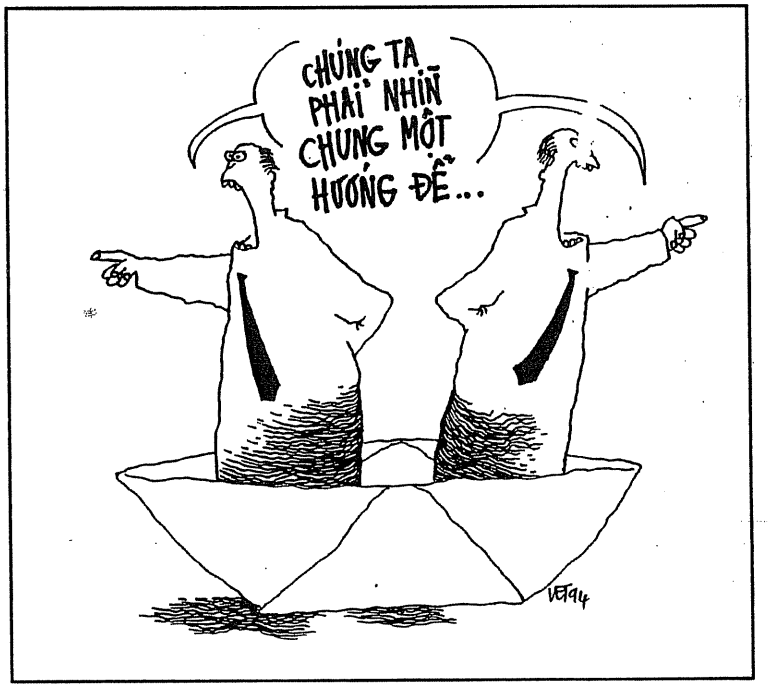

Tạp chí

THẾ KỶ 21

Xuân Ất Hợi 1995

Hơn 40 cây bút từ khắp nơi trên thế giới tập họp trong số báo này, để cống hiến quý độc giả những biên khảo, nhận định, sáng tác độc đáo và hấp dẫn.

Thân mời quý văn hữu gửi bài từ nay đến hết tháng Chạp 1994.
Quý thân chủ quảng cáo,
xin liên lạc ngay với cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510,
để giữ những trang tốt nhất trong tờ báo!

THẾ KỶ 21

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640
ĐT: (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

B- ĐẠI HỌC MỸ, TIỀN HỌC NGÀY MỘT TĂNG

Từ đầu thập niên tám mươi đến nay, học phí Đại học Mỹ tăng không ngừng. Mỗi năm học, tiền học tăng nhanh gấp hai lần mức độ lạm phát của đồng đô la. Trung bình, hằng năm, học phí tăng 8% tại các trường công so với 9% cho các trường tư. Năm 1980, tốn phí cho một sinh viên theo học trường công lập chiếm 12% lợi tức gia đình (Dual income families are norm: $32,000) so với 16% năm 1992 ($34,000). Năm 1980, chi phí cho một sinh viên học trường tư thục -chiếm 27% lợi tức gia đình- so với 40% năm 1992! 1980-1992, lương bổng gia tăng rất ít.

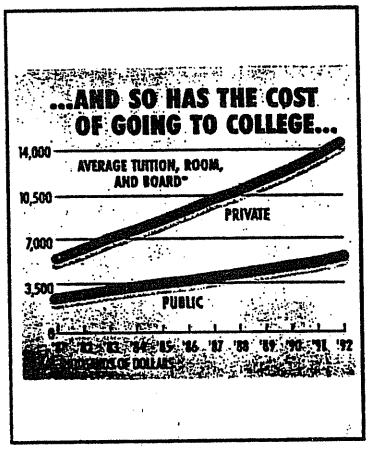

Tiền học, tiền phòng và ăn tăng không ngừng cho cả sinh viên công và tư 1981-1992

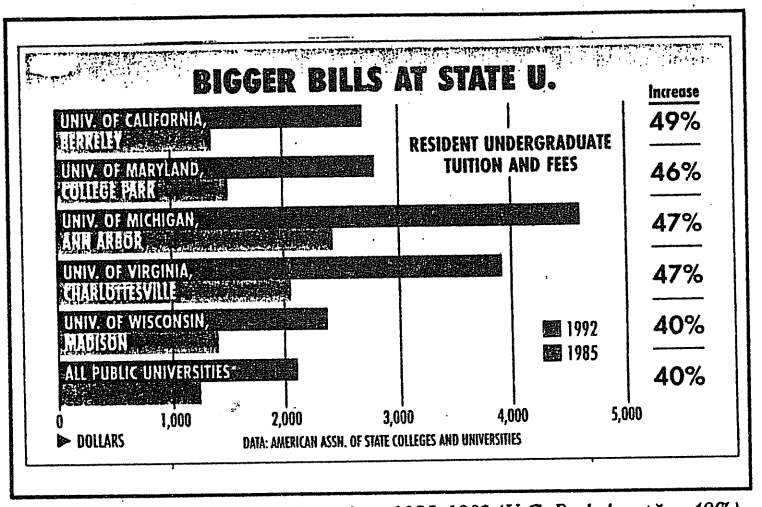

Học phí tăng 40% tại các trường công, 1985-1992 (U.C. Berkeley, tăng 49%)

1- Tiền học tăng vì nhiều lý do:

- lạm phát,

- chi phí Đại học ngày một nhiều và gia tăng để bắt kịp nạn lạm phát: lương bổng giáo sư, nhân viên (instruction costs), bảo trì phòng ốc (building maintenance), chi tiêu quản trị (administrative expenditures). *Đại học luôn luôn phải được hiện đại hóa*: dụng cụ trang bị phòng thí nghiệm (research spending), hệ thống máy điện toán, v.v... phải được tối tân hóa (IBM-3090) để theo kịp đà tiến triển của nhân loại -vì mỗi Đại học là một trung tâm nghiên cứu khổng lồ- với nhiều phát minh khoa học (to store, to transmit, and to create knowledge) ngõ hầu giúp ích cho nhân loại và cung ứng cho nhu cầu kỹ nghệ.

- nhất là sự cắt giảm (3) tiền tài trợ -cho từng sinh viên- của tiểu bang, thành phố (City College). Những tiểu bang cắt giảm tiêu biểu là: California, Florida, Maryland, New York, Virginia, v.v... và từ 9% đến 15%. Năm học 1992-1993, Florida giảm tiền trợ cấp cho mỗi sinh viên từ $7,200 xuống $5,300!

2- Hậu quả của gia học phí:

Nhiều trường Đại học (Carnegie Mellon University, 1993-1994, tiền học chỉ tăng 5%) để giữ sinh viên -nhất là tại các trường tư- đã cố gắng hạn chế sự gia tăng tiền học. Trong trường hợp này, 1992-1993, Tulan University (New Orlean) giảm 200 nhân viên, 40 giáo sư và chỉ nhận 1225 sinh viên vào học năm thứ nhất (thay vì 1375 sinh viên những năm học trước). Syracuse University giảm 300 nhân, 120 giáo sư và sinh viên năm đầu tiên, nhận bớt đi 20%. Cũng thế, San Diego State University đóng 9 phân khoa (department), ngay cả ngành Aerospace Engineering, Industrial Studies và Health Sciences. Thế là: bớt giáo sư, lớp học đông hơn -giảm ngân sách, cơ sở học đường ít được trùng tu, trang bị- trong khi *Đại học là sự tiến bộ của một quốc gia, văn minh của nhân loại.*

60% học sinh tốt nghiệp trung học, theo học Đại học (4) và Cao đẳng. Bài vở khó khăn -thêm vào đó là học phí đắt đỏ- nên chỉ còn lại được 25% sinh viên Đại học học đến nơi đến chốn. Hậu quả của sự gia tăng tiền học -hằng năm- đã *làm phí phạm chất xám quốc gia* (waste resources) - một phần đáng kể- vì sinh viên phải bỏ học.

C- LỜI KẾT

Với truyền thống luôn luôn đi *tiên phong trong những công trình khảo cứu vĩ đại và lâu dài*, (5) Đại học Mỹ đang gặp cơn thử thách lớn. Với cán cân mậu dịch -mỗi năm- thặng dư nhiều trăm tỉ Mỹ kim (1992: 134 tỉ, 1993: 145 tỉ), Nhật Bản dồn "nhân tài vật lực" cho những công cuộc nghiên cứu to lớn và trường cửu tại các Đại học của mình. Rồi đây, những giải thưởng Nobel, những phát minh khoa học -ngay trong những năm đầu của thế kỷ 21- sẽ mang tên: Dai-Ichi Kanyo, Fuji, Sumitomo, Sanwa, Sakura v.v...

Hai năm cán cân thương mại thặng dư của tư bản Nhật (134+145=279 tỉ Mỹ kim) đủ cho chi phí -hằng năm- tất cả Đại học Mỹ công và tư (1992-1993, công lập 85 tỉ + tư thục 140 tỉ = 225 tỉ). Cơn thử thách lớn này -khó mà vượt qua được- trong khi di chúc của Tổng Thống Nixon: "America must lead". □

Temple Hill, mùa nhập học 1994-1995.

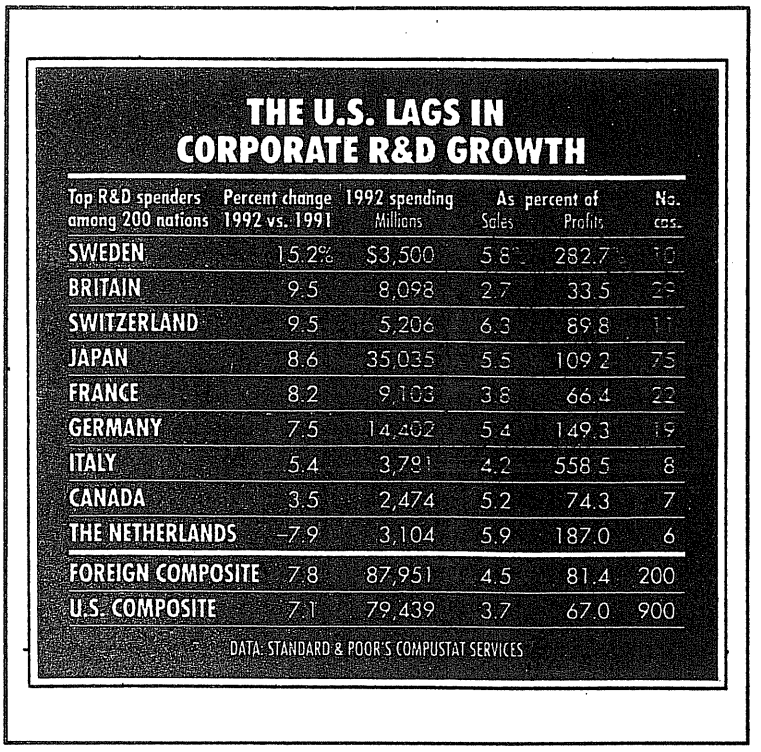

THE U.S. LAGS IN CORPORATE R&D GROWTH

Top R&D spenders among 200 nations	Percent change 1992 vs. 1991	1992 spending Millions	As percent of Sales	As percent of Profits	No. cos.
SWEDEN	15.2%	$3,500	5.8	282.7	10
BRITAIN	9.5	8,098	2.7	33.5	29
SWITZERLAND	9.5	5,206	6.3	89.8	11
JAPAN	8.6	35,035	5.5	109.2	75
FRANCE	8.2	9,103	3.8	66.4	22
GERMANY	7.5	14,402	5.4	149.3	19
ITALY	5.4	3,791	4.2	558.5	8
CANADA	3.5	2,474	5.2	74.3	7
THE NETHERLANDS	-7.9	3,104	5.9	187.0	6
FOREIGN COMPOSITE	7.8	87,951	4.5	81.4	200
U.S. COMPOSITE	7.1	79,439	3.7	67.0	900

DATA: STANDARD & POOR'S COMPUSTAT SERVICES

Chi phí cho nghiên cứu và phát triển (Research and development) của các cường quốc, 1992

Chú thích:

(1) Đại học Mỹ là một hấp lực cho hầu hết sinh viên các nước trên thế giới, ngay cả tại những cường quốc trong G-7 (Anh, Pháp, Đức, Ý, Canada, Nhật). Carnegie Mellon University (Computer, Engineering) *với 7,000 sinh viên (550 giáo sư) - trong đó 1,100 là du học sinh (overseas).* Carnegie Mellon là trường loại B. Những trường có nhiều sinh viên ngoại quốc (foreign students) nhất là: Miami Dade Community College 5,150, University of Texas-Austin 3.150, Columbia University 2,500, etc... Những quốc gia gởi nhiều học sinh (1987-1988) sang Mỹ nhất là: Đài Loan 27,000, Trung Cộng 25,200, Nhật 18,100, Canada 15,700, Anh 6,600 etc... Tổng cộng 360,000 du học sinh theo học tại các trường Cao đẳng (Đại học cộng đồng hai năm) và Đại học bốn năm+ ở Hoa Kỳ (trong đó, hơn 50% đến từ các quốc gia châu Á).

(2) Thiết lập và duy trì một Đại học *rất công trình và tốn kém*: giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm và nhất là ban giảng huấn. Tại những quốc gia đang mở mang (developing countries), Đại học chỉ cần mấy phòng học, một tấm biển: Viện Đại học Dakto, ban giảng huấn là quý vị giáo sư "phi hành gia" -với một kiến thức vô cùng rộng rãi- mời từ các nơi khác đến -dạy xong- nguyên văn bài giảng, giáo sư nhai lại ở Đại học Tatson.

(3) Hậu quả của sự cắt giảm tiền phụ cấp của tiểu bang khiến *phẩm chất của Đại học Mỹ có chiều hướng đi xuống* (quality is already starting to erode). Từ 1975-1985, giáo sư bán thời gian (nonteaching professional staff at Colleges and Universities) tăng lên 61% trong khi giáo sư chuyên nghiệp (number of faculty) chỉ tăng 6%!

(4) *20% dân chúng Mỹ có trình độ Đại học bốn năm+*. Fairfax County (Virginia, gần Washington DC) 55% dân số tốt nghiệp Cao đẳng và Đại học -trong đó hơn 20,000 người có bằng Ph.D.. Trung học là cưỡng bách giáo dục (chi phí hằng năm cho một học trò trung học: $4,900, 1993-1994, Education Department).

(5) Viết theo tài liệu của American Association of State Colleges & Universities, Time, v.v... và kinh nghiệm của tác giả - qua nhiều niên khóa- giảng dạy tại Piedmont Community College, Hoa Kỳ.

Chi phí cho nghiên cứu và phát triển (Research and Development) của các cường quốc, 1992.

Nghiên cứu và phát triển là phần tối ư quan trọng cho Đại học và công ty thương mại. Viện trưởng viện Đại học McGill (20,000+ sinh viên, thành lập 1821), Canada -David Johnson- thật có lý, khi ông nhấn mạnh: "dạy học hay là nhờ nghiên cứu giỏi và nghiên cứu hay là nhờ dạy giỏi" (that good teaching comes from good research and good research comes from good teaching). Đi xa hơn: *"nghiên cứu để phát triển và phát triển để nghiên cứu"*.

Thường thường, mỗi Đại học hay mỗi công ty kỹ nghệ (Lockheed, Chrysler, Merck, Motorola, Kellogg, Exxon, etc...) có một *trung tâm khảo cứu và phát triển (R&D Center). Trung tâm khảo cứu và phát triển của Carnegie Mellon University có đến 50 phòng nghiên cứu khác nhau (50 terms or small canters are working on everything from industrial emissions controls to developing unmanned vehicles). Đón đọc "R&D từ Washington và Đại học"*.

Năm 1992, 900 công ty lớn tại Mỹ đã chi phí cho R&D: 74 tỉ 439 triệu Mỹ kim (dân số Hoa Kỳ: 258 triệu người, tháng 09-93). Trong các quốc gia tiền tiến (developed countries) Gia Nã Đại (19 triệu 200 ngàn người, tháng 09-94) hơi thờ ơ với nghiên cứu và phát triển (2 tỉ 474 triệu Mỹ kim) *-trong khi R&D là yếu tố chính để Khoa Học và Kỹ thuật chuyển mình* qua thế kỷ 21. Hai mươi năm qua (1973-1993), *một nửa những thứ thuốc mới nhất, hữu hiệu nhất cho nhân loại* do American Pharmacential Industry và các trường Đại học Mỹ tìm thấy.

PHÚT NÓI THẬT CỦA BẠCH YẾN

NGUYỄN NAM ANH thực hiện

Nữ danh ca Bạch Yến: "Cả gia đình chúng tôi học nhạc Tây phương, bây giờ đều trở về nguồn".

Nữ danh ca Bạch Yến, hiền thê của nhạc sĩ Trần Quang Hải, trong chuyến ghé thăm California đã dành cho Thế Kỷ 21 một buổi phỏng vấn nhỏ. Người đưa Bạch Yến ghé thăm tòa soạn là nhạc sĩ Vô Thường, người chơi ghi ta đặc biệt được rất nhiều bạn hữu yêu mến. Bạch Yến đã cho chúng ta biết từ những năm tháng đầu tiên bước vào đời sống âm nhạc cho đến những ngày gần đây, cô vừa chuyển hướng từ tân nhạc trở về với nhạc dân tộc. Hát cho người ta xem và hát cho người ta *nghe*. Bạch Yến đã chọn vế thứ hai. Bạch Yến vừa cho ra mắt một compact disc của chị, một đĩa nhạc tuyệt vời mà mỗi gia đình Việt Nam nên có.

NỮ DANH CA BẠCH YẾN, "TRỞ VỀ NGUỒN"

NGUYỄN ANM ANH: Chị Bạch Yến, chị có thể cho biết qua về tiểu sử của chị, từ khi chị bước vào âm nhạc cho đến nay.

BẠCH YẾN: Tôi đi hát lúc còn nhỏ tuổi, nổi tiếng lúc rất trẻ. Nhiều người trẻ ngày nay có thể không biết tôi, nhưng cũng không có nghĩa tôi đã già lắm. Tôi đã sang Pháp để thâu đĩa hát từ năm 1961 cho đến đầu 1964 tôi về lại Việt Nam, 1965 tôi lại được mời sang Hoa Kỳ đi diễn trong những buổi truyền hình rất nổi tiếng như Ed Sullivan, Bob Hope, là những show truyền hình lớn của Hoa Kỳ. Từ đó, thỉnh thoảng tôi có về thăm Việt Nam. Lần cuối cùng là 1974.

Trước khi xuất ngoại tôi vẫn hát các bài hát của tân nhạc Việt Nam, nhưng tôi nổi tiếng ở Việt Nam qua các bài tôi hát bằng tiếng ngoại quốc, tiếng Pháp và tiếng Anh. Sau này, lúc ở Hoa Kỳ, đi học thêm về kỹ thuật hát, tôi có hát thêm tiếng Tây Ban Nha, thỉnh thoảng tiếng Ý, đôi khi thêm các bài bằng tiếng Do Thái.

NNA: Chị nổi tiếng lúc chị mấy tuổi?

BY: Bắt đầu vào nghề ca sĩ, tôi chưa đủ tuổi để đi hát ở phòng trà, khoảng mười lăm, mười sáu tuổi.

NNA: Chị có nhớ lại bài hát đầu tiên đã đưa chị vào con đường âm nhạc?

BY: Bài hát đầu tiên tiếng Việt mà tôi được thính giả ưa thích, cho đến ngày nay, mỗi lần có ai nhận ra tôi là Bạch Yến thì thường yêu cầu tôi hát, đó là bài *Đêm Đông* của Nguyễn Văn Thương.

NNA: còn ca khúc tiang Pháp đầu tiên chị hát?

BY: Anh muốn nói bài hát tiếng Pháp đầu tiên trong đời? Bài đó ngày nay tôi không còn hát nữa, đó là bài *Étoiles des neiges*.

NNA: Khi đến Mỹ chị mấy tuổi?

BY: Tôi không nhớ rõ, chỉ biết tôi đi Mỹ lần đầu vào đầu năm 1965, lần thứ hai giữa năm 65, và tôi đã ở lại xứ này mười hai năm thay vì hai tuần như được mời theo hợp đồng.

NNA: Chị ở lại luôn như thế, có vấn đề với pháp luật không?

BY: Thoạt đầu khi được mời đi Mỹ tôi từ chối, vì sợ Mỹ là nước có kỳ thị chủng tộc. Khi được biết lý do như thế người ta nói phải đến đó rồi mới biết sự thật. Tôi vẫn tìm lý do thoái thác, nói là còn mắc hợp đồng với Pháp. Người ta vẫn nài nỉ, cuối cùng tôi nói một câu: "Có mẹ tôi đi theo thì tôi mới đi". Tưởng vì câu đó mà người ta bỏ cuộc, không ngờ, người ta lại cho tôi toại nguyện.

Sang Mỹ tôi có nhiều kỷ niệm đẹp, học hỏi nhiều trong nghề hát, nhiều kinh nghiệm quý. Tôi nghĩ nước Mỹ, nhất là về business, trong giới điện ảnh hay âm nhạc, là nơi khó khăn nhứt, là một trường học rất khó, khi chen được một chỗ đứng thì bấy giờ mới nói chuyện tranh tài với thiên hạ. Sau khi có chỗ đứng ở Mỹ rồi thì đi Âu châu hay các nơi khác đều dễ dàng, vì ở đây người ta không tuyển chọn theo tiêu chuẩn tình cảm, hoặc dễ thương, xinh đẹp... Phải có chân tài.

NNA: Người đại diện hãng hay công ty Mỹ lúc đó mời chị là ai?

BY: Lúc đó Mỹ đang bắt đầu tham chiến ở Việt Nam, họ muốn dân Mỹ biết về Việt Nam. Sự hiểu biết của dân chúng Mỹ đối với Việt Nam lúc bấy giờ rất sơ sài.

NNA: Chị có thể cho biết tiền thù lao lúc bấy giờ?

BY: Gần mười nghìn đô la cho một buổi trình diễn hồi năm 65.

NNA: Một số tiền lớn. Chị còn nhớ người giới thiệu chương trình hồi đó giới thiệu chị như thế nào?

BY: Theo như tôi còn nhớ, người ta đã nói: "Tôi xin hân hạnh giới thiệu một người thiếu nữ Việt Nam".

NNA: Chị có nhớ bài chị hát lúc đó?

BY: Bài *Đêm Đông*, và một bài nữa bằng tiếng Anh *If I have a dream*.

NNA: Bài *Đêm Đông* có lời tiếng Anh?

BY: Hoàn toàn tiếng Việt. Theo ý tôi, các bài hát Việt, nhất là dân ca, không nên dịch sang tiếng ngoại quốc.

NNA: Một câu hỏi hơi tò mò: Chị lập gia đình với anh Trần Quang Hải năm nào?

BY: Cũng không lâu lắm. Thật ra chúng tôi gặp nhau lâu rồi, tại Paris. Sau đó, một người ở lại Paris, một người đi khắp nơi. Anh Hải ở lại Paris để học về nhạc dân tộc, còn tôi theo tân nhạc, không liên hệ gì tới dân ca Việt Nam. Chuyện chúng tôi gặp lại nhau hết sức là tình cờ...

Năm 75, khi mất miền Nam, tôi rất buồn. Mẹ tôi kẹt lại Việt Nam sau chuyến về thăm năm 1974, mãi đến năm 1985 mới đoàn tụ lại với tôi. Từ xưa lúc nào bà cụ cũng ở bên cạnh tôi, đi khắp thế giới với tôi. Mẹ tôi đã từng đi học may áo dài để lo về y phục cho tôi. Nhiều người nói ca sĩ Bạch Yến được bà cụ theo giữ quá, coi chừng...

Bạch Yến và Trần Quang Hải (đứng giữa).

NNA: Không ông nào dám đi tới, phải không?

BY: Dạ... nhưng thật sự không phải vậy đâu. Tôi thấy tôi có mẹ là tôi rất may mắn. Mẹ tôi giúp cho tôi rất nhiều, nhất là về tinh thần, khi mình gặp khó khăn. Có mẹ bên cạnh để chia sẻ đủ điều, yên tâm lắm.

NNA: Trong thời gian ở Mỹ mười hai năm, chị hoàn toàn sống với nghề hát, hay có làm một việc gì thêm?

BY: Tôi rất may mắn. Từ ngày tôi đi hát, tôi sống bằng nghề hát luôn cho tới bây giờ. Tôi chưa bao giờ đi làm nghề khác, đó là điều may mắn vô cùng. Khi tôi rảnh, tôi không đi tìm việc làm mà tôi đi học, học hát, học sinh ngữ, tôi luôn luôn có điều để học. Không bao giờ để thì giờ rảnh. Hiện nay tôi không đi diễn nhiều như ngày xưa, nhưng tôi rất bận rộn.

NNA: Có thể nói là chị rất may mắn, vì đã có anh Hải lo cho chị khi chị không phải làm gì cả, để có thì giờ đi học được, phải không?

BY: Rất may là ở Pháp đi học không khó khăn lắm. Dĩ nhiên khi đi học những lớp tư thì phải tốn tiền, còn trường công không tốn kém lắm. Như con gái của tôi hiện đang học Sorbonne về âm nhạc học musicalogy, chỉ đóng một năm vài trăm đô la thôi, mà có bảo hiểm xã hội và nhiều thứ khác. Thành ra ở Pháp, nếu muốn thì có thể đi học hoài, mà trường công dạy cũng rất hay.

NNA: Cháu học về musicologie, có phải là nối nghiệp anh Hải?

BY: Anh Hải chuyên về ~~Ethnomusicologie~~, dân tộc nhạc học, còn cháu chỉ về nhạc học. Cháu hiện giờ chưa học gì về nhạc Việt Nam cả, tuy là cháu có biết khi nghe hát trong gia đình. Cháu học piano, cũng như anh Hải khi còn bé đi học vilon. Chúng tôi nguyên gia đình đi học nhạc Tây phương, rồi bây giờ trở về nguồn.

NNA: Ngoài cháu gái đang học ở Sorbonne, anh chị còn cháu nào khác nữa không?

BY: Dạ thưa không. Chúng tôi chỉ có một đứa con, sinh đẻ tại Pháp, nhưng cháu vẫn biết nói tiếng Việt. Khi đi thi tú tài, cháu đã lấy sinh ngữ là tiếng Việt.

NNA: Chị đã gặp thuận lợi cũng như khó khăn nào trong cuộc đời âm nhạc mà chị đã chọn?

BY: Thưa anh, khi tôi chọn hát dân ca, tôi đã biết trước mình sẽ

không kiếm được nhiều tiền như khi đi hát tân nhạc. Tôi xin lặp lại một điều đã nói trong nhiều cuộc phỏng vấn trước đây: Tân nhạc là mình hát cho nhu cầu giải trí, người ta đi coi đi xem nhiều hơn là nghe. Còn nhạc bây giờ tôi được cái sung sướng khác là tôi được khán thính giả đến để nghe tôi hát. Những người đến đều hiểu biết về nhạc này, hay là không hiểu biết cũng đến để tìm hiểu. Họ đến nghe hát, nghe kỹ thuật Việt Nam, nghe thang âm của Việt Nam thế nào. họ nghe rất chú ý. Chúng tôi cảm thấy tôi rất là giàu vì được đem nhạc Việt Nam đến với những người Tây phương, và được tiếp nhận rất nồng nhiệt.

NNA: Ở Pháp hay ở Mỹ, chị thấy sự tiếp thu âm nhạc Việt Nam như thế nào, người ta có đánh giá cao âm nhạc Việt Nam hay không?

BY: Tôi thấy có. Riêng tôi từ khi trở về nguồn, đọc, nghe nhiều tài liệu, tôi thấy mình khám phá ra một thế giới mới, tôi rất sung sướng về điều đó. Tôi nghĩ nhạc Việt Nam rất phong phú. Tôi chỉ là kẻ đi theo anh Hải, và trước kia ông cụ anh Hải, những người thực sự nghiên cứu và giới thiệu nhạc Việt Nam. Tôi chỉ trình bày những điệu nào tôi đủ sức hát được thôi. Nếu trước kia tôi chưa bao giờ học nhạc Tây phương, và chỉ học nhạc dân tộc, tôi sẽ hát nhuyễn hơn, êm tai hơn, thuận hợp hơn là đã học nhạc Tây phương rồi quay về nguồn. Dĩ nhiên khi tôi đã biết nhạc Tây phương rồi thì tôi có thể nhìn thấy giá trị giữa nhạc Tây phương và nhạc của mình, tôi có thể so sánh. Nhưng có những loại nhạc tôi tập hoài mà vẫn không hát được. Ví dụ như Vọng Cổ, Ca Trù, Ả Đào, Hát Chèo (hy vọng Hát Chèo, một ngày nào có thì giờ tôi sẽ học được). Bây giờ tôi mới bắt đầu đi vào ngâm thơ, dân ca. Những bài hát dân gian lúc nào cũng dễ dàng, nhẹ nhàng. Những điệu hát ru miền Nam, miền Trung, miền Bắc tôi học thì được liền, có lẽ vì đó là những bài căn bản nhất của nhạc Việt Nam, tượng trưng nhất cho ba miền. Đó là nhạc của những bà mẹ, bà nội bà ngoại ru con cháu, mình đã được nghe từ bé, nó đã thấm vào trí não của mình. Bây giờ học, ban đầu cũng có một số ngỡ ngàng, khó khăn vì mình đã quen với thang âm của Tây phương là thất âm, bây giờ trở lại nhạc ngũ âm, mà lại có nhiều luyến láy chớ không phải chỉ hát đúng từng nốt như nhạc Tây phương. Nhạc Việt là "mode music" chứ không phải là "Tonel music". Ở nhạc Tây phương, khi muốn hát chỉ nhờ người đàn đánh cho ton *do majeur*, ton *Ré*, ton *La, Si* v.v... Còn nhạc Việt mình thuộc *mode* tức là điệu. Khi anh muốn hát bài vui chẳng hạn thì theo điệu Bắc. Bắc ở đây không có nghĩa là của miền Bắc, điệu Nam không có nghĩa là nhạc của miền Nam, mà là tượng trưng cho điệu nhạc buồn.

NNA: Lâu nay trong những chuyến đi thuyết trình về nhạc của anh Trần Quang Hải hay của Giáo sư Trần Văn Khê, chị có đi theo để hát minh họa không?

BY: Tôi có minh họa cho anh Hải khi anh Hải nói về thơ hay về dân ca. Còn khi cần minh họa bằng ả đào hay vọng cổ thì tôi không hát được. Tôi thấy thế giới hát cổ nhạc miền Nam rất đa dạng mà tôi chưa hề có dịp học tới nơi tới chốn, tôi chỉ biết nghe chứ chưa hát được. Nhưng một số điệu của cải lương như *xang xừ líu* lại là nhạc Quảng (tức Quảng Đông, nhạc Tàu, thang âm khác) chứ không phải nhạc Việt.

NNA: Chị có thể nói qua về chuyến đi này của chị và anh Trần Quang Hải từ Pháp qua Mỹ?

BY: Chuyến này chúng tôi sang diễn ở Ithaca, ở Đại học Cornell, Đại học New York. Chúng tôi sẽ diễn một buổi cho người lớn, sau đó có ba đến bốn buổi cho các học sinh, ngoài ra anh Hải có hai buổi nói chuyện với sinh viên về nhạc Việt Nam.

NNA: Vậy chuyến đi này là do trường Đại học Cornell mời anh chị qua. Họ lo hết cho anh chị về chuyến đi?

BY: Từ ngày tôi "quay về nguồn", tôi hay đi diễn ở các trường đại học, các trường âm nhạc (conservatory), hoặc trình diễn cho khán giả Tây phương. Bây giờ tôi diễn không nhiều như ngày xưa. Ngày xưa tôi diễn bốn trăm buổi một năm, tôi sống hẳn về nghề đó. Từ ngày tôi về... "nâng khăn sửa túi" anh Hải, chúng tôi đi diễn từ một trăm hai mươi đến một trăm năm mươi buổi một năm, tùy theo tình hình sức khỏe và thì giờ. Trong một trăm năm mươi buổi thì đến một trăm bốn mươi buổi cho người Tây phương, chỉ còn khoảng mười buổi cho người Việt.

NNA: Chị và anh Hải có bao giờ về trình diễn ở Việt Nam chưa?

BY: Thưa chưa. Từ ngày xa Việt Nam đến bây giờ, riêng anh Hải chưa bao giờ trở về, cũng ba mươi ba năm rồi. Còn tôi thì lần chót trở về là 1974. Từ ngày đó tôi chưa trở lại Việt Nam.

NNA: Chị có nghĩ một ngày nào đó Sài Gòn mời chị về trình diễn âm nhạc không?

BY: Về diễn cho người Việt Nam trong xứ Việt Nam thì là một điều rất vui mừng. Nhưng chúng tôi chỉ về nếu đó là một buổi diễn văn hóa. Hiện bây giờ chúng tôi chưa nghĩ đến việc về hợp tác và ở lại làm việc với chính quyền hiện tại.

NNA: Bây giờ để nhạc dân tộc qua một bên, nhạc dân tộc xứ nào cũng có giá trị riêng của nó. Tôi muốn nói những ca khúc Việt Nam viết theo Tây phương, như những ca khúc của Phạm Duy, của Nguyễn Văn Thương v.v... Những ca khúc này khi so với các chansons của Pháp, của Mỹ thì chị thấy như thế nào? Rõ hơn: âm nhạc Việt Nam theo thể điệu Tây phương liệu có một chỗ đứng trong âm nhạc thế giới không?

BY: Nhạc Việt Nam gần đây có nhiều sáng tác mới nhưng chỉ quanh quẩn nằm trong xã hội Việt Nam, giữa người Việt Nam với nhau, chưa có người Pháp, người Mỹ nào biết và nói tới. Nhạc mình có bài hay chứ không phải không, nhưng ở hải ngoại mình đang thiếu người học hẳn ngành sáng tác hay hòa âm đến nơi đến

chốn. Nhạc cổ điển Tây phương thì có một vài người, còn tân nhạc hiểu là Pop Music thì chưa thấy. Từ ca khúc đến việc viết hòa âm cho của riêng mình, tôi thấy rất ít, còn rất giới hạn, chưa đến chỗ nảy nở.

NNA: Loại Pop Music của Việt Nam, như nhạc của Cung Tiến, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn... Chị có một đánh giá như thế nào?

BY: Về sáng tác mỗi một người có màu sắc khác nhau, và chúng ta có những bản nhạc rất hay. Lúc nãy tôi có nói đến việc viết hòa âm, tôi cho rằng người viết hòa âm cũng quan trọng không thua người sáng tác bản đó ra, có khi người đó còn làm cho bài nhạc hay hơn nữa, không khác nào anh sanh ra một đứa con mà người kia mặc quần áo cho con anh. Nếu mặc đồ đẹp và hợp với đứa bé thì con anh sẽ đẹp, còn một đứa bé sinh ra không quần áo gì hết thì nó trơ trụi.

NNA: Xin hỏi câu sau cùng, ngoài những gì anh chị đang làm như hiện nay; sắp tới, chị có dự án gì trong hoạt động âm nhạc của chị cũng như của anh Hải không?

BY: Ngoài những buổi đi diễn ở các trường đại học và nhạc viện, thỉnh thoảng tôi có đi diễn cho người Việt, từ năm đến mười buổi mỗi năm. Từ khi tôi rời Show business, tôi ít hát nhạc tân nhạc vì muốn thế phải sống hẳn với nó. Khi chọn nhạc dân ca tôi phải ở trong nhạc dân tộc. Ôm đồm nhiều thứ trong một lúc, khó hay. Phải chọn một thôi.

Bây giờ thỉnh thoảng tôi cũng có hát tân nhạc. Tôi vừa làm một compact disc, trong đó có vài sáng tác mới, như bài *Anh Cần Em* của Lê Ngọc Chân, lời của Trần Quang Hải, bài *Cho Em Quên Tuổi Ngọc* của Lam Phương mới được cho ra mắt dù làm cũng đã lâu được hát hoàn toàn bằng tiếng Pháp, tên tiếng Pháp của bài này là *C'est Toi.*

NNA: Hình như tôi có nghe bài này trên một cuốn video Thúy Nga Paris, tôi có cảm tưởng như nó không phải của anh Lam Phương...

BY: Tại cách hát. Khi hát tôi có *style* của tôi, cách luyến láy, cách bỏ câu khiến bài hát có một hình thù khác, như một luồng gió mới lạ...

NNA: Xin cám ơn nữ ca sĩ Bạch Yến. □

NGUYỄN MẠNH TRINH
THƠ TỪ MỘT CHỖ LẠ

ở góc phố bài thơ giở viết
giấy kẻ hàng bước đến nhỏ nhoi
ngày đỏ máu loài chim thổ huyết
cánh dơi đau tím nhạt ánh trời

cơn mưa cơn mưa đầu mùa đến
tôi sân ga con tàu nửa đêm
bóng với hình dường như hò hẹn
rêu mốc xanh in dấu bực thềm

hạt bụi đỏ lẫn trong lệ khóc
giọt tình cờ rơi rụng rụng rơi
khuôn kính đóng tảng gió quạt thốc
ánh đèn vàng nhợt nhạt ghế ngồi

cửa mở đóng bến bờ ngôn ngữ
yêu em bằng tiếng nói tận cùng
đêm gai góc van tim gào rú
nghiến vòng quay trái đất còn rung

ở góc phố câu thơ chưa đủ
nụ gai mòn bước lạc quạnh hiu
ngày với tháng ào qua cơn lũ
bắc nhớ nam như sáng với chiều

câu hỏi lạ quẩn trong thịnh nộ
ta phiêu du trôi dạt đến đâu
hạt kim cương còn trên lá cỏ
tay đeo nhẫn có trói tình nhau?

hoài đuổi bắt theo triền cát đổ
dấu chân loài dã nhân không tim
dường như môi hôn em rất đỏ
da thịt như hạnh phúc đang tìm

thơ sao đòi khăng khăng vĩnh biệt
viết vài câu chưa đủ một đời
trang giấy trắng nhòa theo hối tiếc
ý tình nào chiếc lá đành thôi.
Nguyễn Mạnh Trinh

DANG THAI SON -- AN EVENING OF DO, RAVEL, LISZT AND CHOPIN

Story and photo
by DANCHI NGUYEN

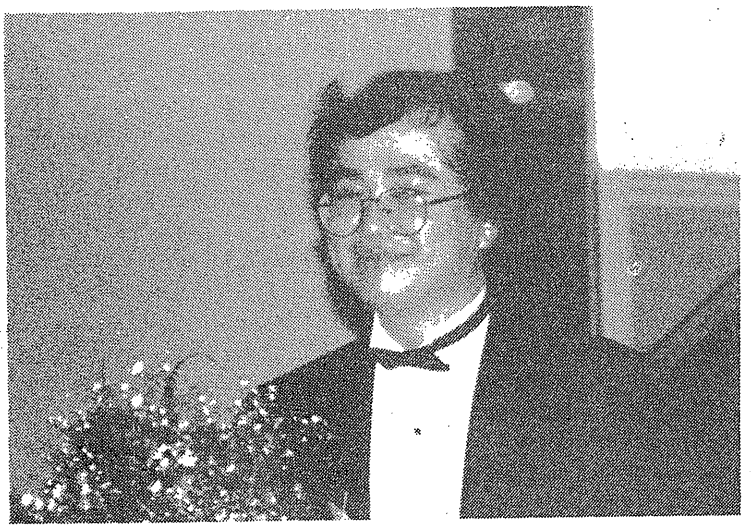

Dang Thai Son

Pianist Dang Thai Son made traditional Vietnamese and classical Western music the focus of his Friday night benefit recital at the Doubletree Hotel in Orange County.

The recital hall was filled with people from different parts of the country, some had come to listen to Dang Thai Son for the first time. A week prior to his recital in Orange County, Dang performed at the Center for the Performing Arts in Mountain View, but Friday night's recital marked his Southern California debut. Both recitals were sponsored by VNHelp, a non-profit organization to raise money for the group's humanitarian projects in Vietnam.

Dang began with Do Hong Quan's "Where Have You Gone?," a composition based on a quan ho folk song from the Bac Ninh province in Northern Vietnam. This musical piece consists of a main theme and nine short variations. Do is one of Vietnam's well-known composers and a colleage of Dang at the Hanoi Conservatory. Dang's interpretation wove pleasant memories of country life in Vietnam.

What the pianist played best, Ravel's "Miroirs," indicated the parameters of his musical as well as technical arsenal. Dang produced the sound-differentiations and nuances one expects in this repertoire. His softest playing enhanced delicacy, just as his fortissimo evoked stamina.

His performance of Liszt's Polonaise No.2 in E-major was as prismatic and detailed as possible, but without emphasizing, or even revealing, the means by which such effortlessness was accomplished. Perhaps the high point of this accomplishment came in Chopin's Ballade No.1 in G-minor, Op.23 and the Scherzo No.2 in the key of B-flat minor, Op.31; both examples of the most melodic and dramatic kind of tone-painting and detail-illumination.

He also performed other Chopin favorites such as three of his Waltzes and the Fantasie-Impromptu in C-sharp minor, Op.66.

The impressive caliber of Dang Thai Son's musicianship came to the attention of world-wide audiences when he won the first prize in the International Chopin Competition in Warsaw, Poland. Dang was the first Asian to have won this prestigious award, which required him to compete against 149 competitors from around the world.

Dang Thai Son descends from a strong musical lineage via his mother, a piano teacher at the Hanoi Conservatory who gave him lessons when he was 5. He later attended the Conservatory from 1965 to 1976. Dang's mother also introduced him to classical music when she brought back some Chopin recordings from a visit to the 1970 Chopin Competition.

In 1977, he was invited by Professor I. Katz to study at Moscow's Tchaikovsky Conservatory.

Since winning the Chopin Competition in 1980, Dang Thai Son's career as an international virtuoso has taken him on concert tours around the world. He has made more than 12 recordings and played with some of the world's leading orchestras and conductors. Dang is scheduled to play with Seiji Ozawa, Isaac Stern, Yo-Yo Ma and Matislav Rostropovich in a NewYear's Concert which will be televised in several countries.

VIETNAM'S PORT - TOWARD 2000

Vietnam has 3,000 kilometres of coastline with great harbours which can be developed further to accommodate commercial sea ports, but what has the country done to improve its ports to face the challenge of rapid economic development toward the year 2000? This document is reprinted from "Vietnam Economic Bulletin" PASE Australia - Phone (61-2) 922-2088

Current Situation

There are currently 56 sea and river ports of total length of 7,290 metres to accommodate 5,000 to 15,000 DWT (Dry Weight Tonne) ships. These ports are responsible for the shipping of 90% of the goods passing to and from Vietnam but the port facilities are limited by container handling facilities, stevedore and transport systems. In 1993, the total tonnage reached 21.5 million tonnes (MT) which showed an increased rate of 12.5% per year. The country is planning for expanding this capacity to accommodate 52 MT in the year 2,000. Investment at this stage is expected to come from government budget allocations (30 to 35%) via ODA funding, and soft loans from the World Bank and the Asian Development Bank. About 40 to 50% of the required capital is also expected to come from joint ventures with foreign interests while the remainder will be obtained from re-investment of funds recovered by government agencies in charge of these ports.

Northern Vietnam

In the north, the port of Hai Phong will be improved and new facilities installed. Dredging is also planned to deepen the water around Hai Phong to allow 10,000 DWT container ships to enter the port and to increase its current capacity of 2.7 MT per year to handle 5 to 5.5 MT per year by the year 2,000. In Quang Ninh Province, plans have been put in place to build a new port capable of handling 30,000 DWT ships, while the nearby Hon Gai District will establish a port for 20,000 to 30,000 DWT ships carrying coal. The current oil terminal B12 has a capacity of 1 MT per year and will be transferred to Hon Ac or Tra Bau, south of Ha Long Bay (Bay of Tonkin) with 6 MT capacity. The total annual capacity planned for Northern Vietnam is 20 MT per year.

Central Vietnam

The port of Da Nang (used extensively by the Americans during the Vietnam War) is ideal for expansion to handle 50,000 - 100,000 DWT ships. The harbour of My Khe near Da Nang is deep enough to cater for 30,000 to 50,000 DWT ships (My Khe also has a floating terminal 1.5 kilometres offshore which is used for transporting oil to shore).

Quy Nhon Province has a port at Quy Nhon which is handling 10,000 DWT ships and another port at Thi Nai for 5,000 DWT ships. The planned capacity for Central Vietnam is 7 MT per year.

Southern Vietnam

Ports in Southern Vietnam include can Tho, My Thoi, My Tho, Hon Chong, and Tran Quoc Toan which handle ships smaller than 5,000 DWT. These ports are used by provinces in the Mekong Delta. The largest group of ports are in the Saigon - Vung Tau zone and have the capacity to handle 10,000 to 15,000 DWT ships at a rate of 4 MT per year. The facilities at Thi Vai - Vung Tau need upgrading to cater for ships of 20,000 - 50,000 DWT capacity. for servicing oil and gas prduction, ports in Ben Dinh, Cat Lai and Petechim will be expanded to handle 20,000 DWT ships and the total capacity of the southern ports should reach 25 MT per year.

Figure 1: River and Sea Ports in Vietnam

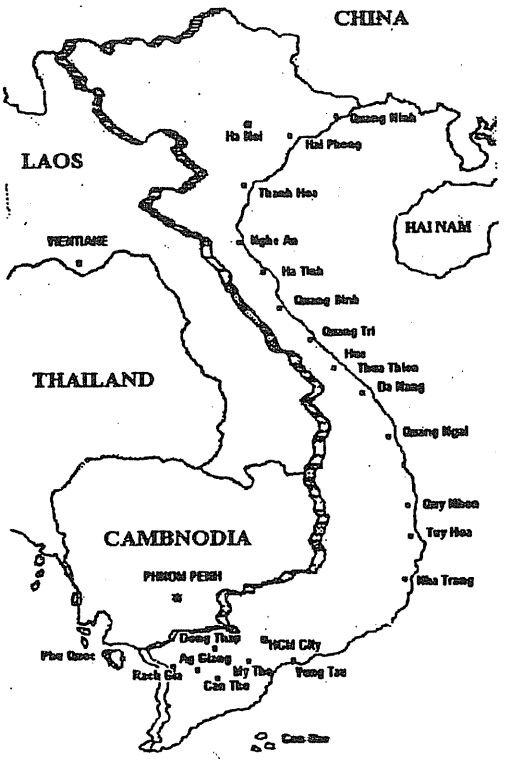

NHÀ XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH THẾ KỶ

11022 ACACIA PKWY # A • GARDEN GROVE • CA 92640, USA (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

SỐ • TỰA (*Tác giả*)	GIÁ
9401 • Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	~~$14.00~~
9402 • Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	~~$08.00~~
9403 • Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	~~$10.00~~
9301 • Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302 • Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303 • Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304 • Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305 • Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306 • Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$07.00
9307 • Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$07.00
9308 • Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309 • Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310 • Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311 • Mùa Hè năm 1999 (tuyển tập)	$06.50
9312 • Từ Một Giấc Mơ (tuyển tập)	$12.00
9313 • Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$09.00
9314 • Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315 • Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316 • Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$07.00
9317 • Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$07.00
9318 • Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$07.00
9319 • Những Ngầy Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320 • War & Exile (East Coast VN, *PEN*)	$12.00
9321 • Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322 • Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323 • Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324 • Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325 • Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$07.00
9326 • Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$08.00
9327 • Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$08.00
9328 • Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329 • Đêm Rồi Cũng Qua Đi (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$08.00
9330 • Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331 • Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332 • Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333 • Những Vấn Đề Việt Nam (tuyển tập)	$22.00
9334 • Tuyển Tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335 • Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336 • Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$06.00
9337 • Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338 • Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339 • Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	~~$06.00~~

STANCE

RUTH TALOVICH

The graphic and plastic arts are physical In a way that music and literature are not. Because of this, painters and sculptors plan and work from what can be called a "stance," a position of viewing. In reality, we do not stand in one spot to look or to paint or to carve, but something like a "stance" is a controlling factor for both artist and viewer.

In ancient art from the Cro-Magnons on, the artist approached his work head-on, at 90 degrees from the picture plane or surface of the stone. He faced it directly, one vertical facing another vertical. He looked at things profile or frontal, not twisted or from another angle. In ancient Egypt, this also reflected the formality of his patrons, but that is not the point here.

There is a bit of carved bone from Cro-Magnon times that shows a deer running. (We see her side as she runs past us.) She is running straight ahead, but she is looking over her shoulder at her pursuer. The artist did not show any perspective twist to her neck, he simply "folded" her head straight back — she is running east, but her head is looking due west.

This is a naive convention but it should be noted that art critics did not realize until time-lapse photography, some 10,000 years later, that the leg and foot positions were accurate for a deer in a dead run. Therefore, one does not condescend to the ancients because they painted their aurochs in caves only in profile, with no perspective vistas. Anyone who wants to condescend should sketch the next deer that gallops past.

In sculpture, Egyptian form was quite naturalistic, but it bore the same 'frontality" in that it appears to have been carved straight in from the four sides of a block. Even a monument like the Sphinx shows this formality.

However, one day several centuries before Christ, everything changed. A Greek sculptor of a "kore," a standing male figure, put the weight on one foot, and the diagonal came into art.

Stand up and try this. Put the weight evenly on both feet — the figure is formal, 'frontal." Then, put the weight on one foot. The leg that bears the weight stays straight, the other hip drops and that knee bends. The spine curves to keep the weight balanced, and the shoulder over the weight-bearing side drops as the other shoulder lifts for balance.

In other words, the artist saw a diagonal, and from those first Greek figures to the whole complication of Roman sculpture was only a few hundred years as art history moved on the diagonal.

With Constantine and the Middle Ages, a quiet fell over Europe as it searched for the supremacy of God and of kings, and as the vox populi fell silent. It was a return to the straight-on formal view. Of course, that epoch carries traces of the diagonal — there is no return to Eden. But the general impetus was formal: artists and viewers approached the surface at 90 degrees.

About 1300 A.D., Giotto, who was trained by Cimabue, painted a corner on a figure. He saw the shape from an angle and he divided it into two planes instead of painting the linear draperies of the Middle Ages. That shadow was a continental divide that ended Medieval Europe, so to speak. Three-dimensional form, the rules of perspective, anatomical studies, paintings of piles of angels and Bernini's altarpeices rushed into being. The diagonal was back.

In the XIX Century, the Impressionists began to paint flat strokes on flat canvas, which returned the world from chiaroscuro to the 90-degree view, and again the diagonal view into paintings disappeared. After Impressionism, forms were flattened, abstracted. Depth was predominantly shallow and shapes were again parallel to the picture plane as cubism and abstraction developed.

As pure abstraction developed into semi-abstraction, elements of realistic modeling and shadows came back. Surrealism aped photography and the rising generation made philosophical and literary points as the generation of great painters aged.

Now for a two or three decades, it has been an anything-goes market: Which artist is more sensitive, more literary in nuance, more of a genius? That is where painting has gone as artists have become sociologists, making points about society or nostalgia, the intellectual world or subject matter or their own cleverness. The "bit of a brute" that one existentialist philosopher said every painter had to be is an idea would offend most of today's painters.

The trend of the future is not set. The great men of this last head-on, 90-degree epoch are gone: Cezanne, Picasso, Braque, Mee and others. They have done their work and they are dead.

The when the future comes, it will come in on the diagonal. All we are waiting for is a painter of Giotto's stature to paint the continental divide we face. When such a painter comes, the future will begin.

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE

VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE

VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

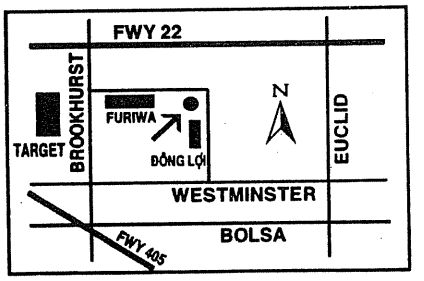

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

Nha Si DU THI MY LAN

Nguyên Trưởng phòng Nha Khoa Tổng Y viện Khánh Hội
Đã hành nghề 7 năm tại quê hương và 13 năm tại Mỹ.

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 898-6449
(Trong khu Cathay Bank)

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

NEW YORK LIFE
The Company You Keep™

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER) (714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.

VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA; 2 WHEEL $25 MOST CARS. 1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:

Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.

☆ Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chẩn dealers.

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.
- Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.
- Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.
- Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.
- FREE ESTIMATE.

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT

(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00 EVACUATE EXTRA

THANH BUI (GENERAL MANAGER) Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System
- Máy lạnh thổi không ra hơi
- Hơi thổi ra không đúng chỗ
- Hệ thống lạnh bị xì
- Xe bị nóng khi xài máy lạnh
- Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

TIẾNG THƠ TRONG DƯƠNG CẦM
NGHE ĐÀN ĐẶNG THÁI SƠN

QUỲNH GIAO

Lời giới thiệu: *Tối 11 tháng Mười Một 1994 vừa qua, danh cầm Đặng Thái Sơn, Huy chương vàng giải Dương cầm Chopin năm 1980, đã có một buổi trình tấu tại quận Cam. Bài viết sau đây là do Quỳnh Giao cảm ghi lại về buổi trình diễn trên. Quỳnh Giao là một danh ca xuất hiện trên các làn sóng điện Sàigòn từ trước 1975 và đã tốt nghiệp thủ khoa về dương cầm và nhạc pháp Trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ ở Sàigòn năm 1963, hiện đang dạy dương cầm tại vùng Quận Cam.*

Các sinh hoạt về âm nhạc hay kịch nghệ của Tây phương thường mở mùa hàng năm khi trời đã vào Thu. Buổi trình tấu đầu tiên của Đặng Thái Sơn tại miền Nam California đã khéo được tổ chức vào thời điểm thích hợp này. Trời vừa đủ mát mà nắng vẫn hoe vàng ấm áp nên người đi nghe cũng có niềm hứng thú dễ hiểu. Khán thính giả đến khá đúng giờ và chương trình chỉ có đôi chút chậm trễ vì một số người bị kẹt xe ra vào trong *parking* chật chỗ.

Đặng Thái Sơn mở đầu chương trình với một tác phẩm đương đại và duy nhất Việt Nam của cả diễn mục. Biến khúc viết trên chủ đề một bài dân nhạc mang tên *Người Đi Đâu* là do bạn anh, Đỗ Hồng Quân sáng tác. Cả hai người đều là những nghệ sĩ sinh trưởng trong gia đình nghệ sĩ. Đỗ Hồng Quân là con trai của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, Sơn là con trai của nhà văn Đặng Đình Hưng và thân mẫu anh, bà Thái Thị Liên, là một giáo sư dương cầm nổi danh tại Hà Nội. Anh còn có một bà dì cũng từng dạy dương cầm tại Saigon. Tôi không biết đến bao giờ, và có ngày nào không, khiến những thế hệ thứ hai thứ ba của các nghệ sĩ nổi danh trên khắp hai miền đất nước trong nửa thế kỷ qua sẽ có dịp gặp gỡ và cùng tôn vinh nghệ thuật Việt Nam.

Bài *Người Đi Đâu* có thể là mới lạ với đa số thính giả tối đó. Tôi nghĩ là chỉ trong những buổi trình diễn riêng cho người Việt mình Đặng Thái Sơn mới dụng công giới thiệu một tác phẩm loại đương đại của đất nước, như một cách dẫn chúng ta từ Hội Lim tới khung cảnh thưởng lãm nhạc cổ điển Tây phương. Trong bài mở đầu này, Sơn ung dung chứng tỏ kỹ thuật cực kỳ vững vàng. Qua tài

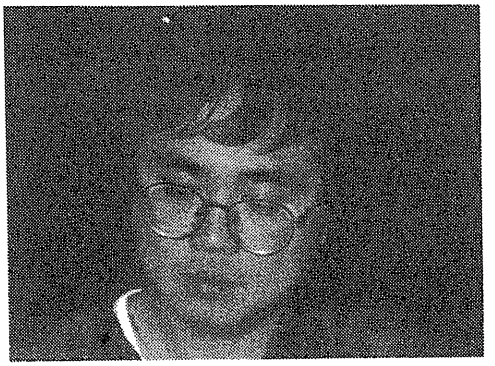

Đặng Thái Sơn (ảnh Lý Kiến Trúc)

nghệ của anh, nét nhạc chặt chẽ trong lối viết hiện đại -*contemporain*- đã bay lượn trên chủ âm quan họ, gợi nhớ tới cảnh sắc quê hương, rộn ràng nhập vào những đám rước, vui theo cảnh hội hè đình đám miền quê.

Riêng với bản thân người viết, tài nghệ dương cầm của Đặng Thái Sơn tối đó đã tới mức xuất chúng trong các nhạc khúc của Ravel và nhất là bài *Polonaise* của Liszt. Phần đông có lẽ ưa thích những nhạc khúc của Chopin hơn.

Trong loạt bài *Miroirs* do Maurice Ravel viết năm 1905, tôi yêu thích nhất ngón đàn Đặng Thái Sơn, theo đúng nghĩa *doigté* trong *Une Barque sur l'Océan* và *Alborada del Gracioso*. Qua bài *Thuyền Trên Biển Cả*, những ngón tay trác tuyệt của người danh cầm như chờn vờn bay lượn trên suốt dọc phím ngà từ trầm lên bổng, thần tình gợi lên tiếng trùng dương bát ngát và sóng nước dạt dào trong những nốt "láy" liên điệu. Qua bài sau, thủ pháp nhẹ tênh của anh chuyển thành dồn dập trong âm sắc nóng bỏng vui tươi Địa Trung Hải. Kỹ thuật *trille* cũng như lối dập "répété" cả bốn ngón trên cùng một nốt của Đặng Thái Sơn đã là thần sầu, làm người nghe say mê nét nhạc huyền ảo của Ravel. Nhạc Ravel, một tay cự phách của Pháp trong trường phái *Ấn tượng*, thường bị phê phán là cầu kỳ với cấu trúc quá hoàn hảo làm mất phần rung động tự nhiên.

Nghe Đặng Thái Sơn trình tấu người ta mới thấy tất cả sự rực rỡ phong phú và nồng nàn tình cảm của nhạc Ravel. Ông là nhạc sĩ pha máu *basque* giáp giới Tây Ban Nha và cũng là nhà soạn nhạc Pháp làm thế giới say mê giai điệu và vũ khúc Tây Ban Nha nhất. Bài *Alborada del Gracioso* chứng tỏ rất rõ đặc tính trên.

Người viết thú thực là đã được một niềm ngạc nhiên thích thú khi nghe bài *Polonaise* của Liszt.

Trong thế kỷ trước, một số nhạc sĩ đã khai mở ra trường phái "nhạc dân tộc" và Chopin nổi danh Âu Châu với các bài *Polonaise* ngợi ca quê hương Ba Lan của ông. Là bạn thân của Chopin và đã từng viết một tác phẩm biên khảo về thân thế người nhạc sĩ

được đời ca tụng là "thi sĩ của đàn dương cầm," Liszt là một thiên tài về dương cầm của thế kỷ thứ 19 và một nhà soạn nhạc lừng danh thời Lãng mạn cùng với Chopin. Ông đã viết hai bài *Polonaise* để tưởng niệm người bạn quá cố. Bài *Polonaise* Đặng Thái Sơn trình bày tối hôm đó là bài số hai, Liszt viết trên cung Mi trưởng, vào năm 1851.

Tôi thầm nghĩ một danh cầm Việt Nam trình bày nhạc khúc của một danh cầm và nhạc sĩ Hung Gia Lợi, viết để tưởng nhớ một nhạc sĩ Ba Lan, cho một cử tọa người Việt trên đất Mỹ, quả là những hội ngộ hiếm có. Bản thân tôi, phần trình tấu của Đặng Thái Sơn đáng ngưỡng mộ nhất tối hôm đó chính là ở bản *Polonaise* này.

Tính chất *virtuoso* và *grandioso* của tác phẩm, như gấm hoa trên âm hưởng *Polonaise* của Chopin mà — theo cảm nghĩ riêng của người viết — độc đáo và rực rỡ hơn, đã được Sơn phô diễn tới mức thượng thừa. Nhìn bàn tay trái của danh cầm thổi lên những vũ bão của nhạc khúc, tôi cảm được vì sao anh đã chọn tác phẩm này trình bày cho chúng ta. Chất thơ của dương cầm cùng tính lãng mạn và dạt dào yêu nước trong tác phẩm quả đã được Đặng Thái Sơn thể hiện cao điệu. Cần nói thêm, dù điều đó có thể bị coi là thái quá, người viết có tìm nghe bài này do các danh cầm quốc tế khác trình diễn và kết luận là vẫn yêu thích thủ thuật dương cầm của Đặng Thái Sơn hơn cả, hoàn toàn vì lý do nghệ thuật.

*

Sang phần hai, Đặng Thái Sơn đã chiều lòng thính giả, và đã đạt mục đích, với sáu nhạc khúc của Chopin. Phòng Ballroom của khách sạn Doubletree chật ních người nghe tối đó đã vang dội tiếng tán thưởng vì đa số đã từng yêu những bài *Ballade* hay *Valse* và nhất là bản *Fantaisie Impromptu* của Frederic Chopin, nên vỗ tay liên hồi.

Bài *Ballade số 1, cung Sol thứ* là bài tác giả yêu thích nhất, được Đặng Thái Sơn trình bày với *sonorité* trong sáng êm đềm, khi nhặt khoan thì cực kỳ êm ái, khi dồn dập thì sôi nổi phong ba. Schumann có nhận xét về Chopin: "Đại bác dìm dưới biển hoa," tôi nghĩ là để ứng vào những trường hợp này.

Bản *Fantaisie Impromptu, cung Đô thăng thứ* là bài quen thuộc được nhiều người yêu thích vì nét lãng mạn tình tứ. Với một tác phẩm đã quen, Đặng Thái Sơn hoàn toàn không cường điệu. Anh diễn tả vừa đủ và chân thật. Nhìn nét hồn nhiên của người nghệ sĩ trình tấu như đã xa hẳn chúng ta để thoát vào trong nhạc, có người nghĩ tới Rubinstein hay Horowitz trên phím ngà hay Perlmann kéo vĩ cầm: cũng một vẻ thư thái hoan lạc thật êm đềm, thật trẻ thơ. Người viết không khỏi liên tưởng tới một bài chính tả thuở nhỏ, khi tác giả mô tả một cậu bé mang hình ảnh tinh khôi của một thiên tài, hình ảnh của *Mozart thuở bé*, là tên bài chính tả. Đặng Thái Sơn có nét trẻ thơ đó, hoàn toàn không tác điệu, khi phả hồn vào thanh âm của dương cầm.

Các khúc *Scherzo* của Chopin không phải luôn luôn vui tươi hoan lạc như tên nguyên thủy mà có những đoạn u uẩn man mác nối tiếp những đoạn rộn ràng cuồng nhiệt. Riêng đối với Đặng Thái Sơn, bản *Scherzo số 2 trên cung Si giáng thứ* còn có ý nghĩa đặc biệt: đây là một trong những bài anh đã đánh tại Warsaw và đã đưa anh lên hàng danh cầm với Huy Chương Vàng Giải Chopin, năm 1980.

Nghe, và xem, Đặng Thái Sơn trình tấu dương cầm, tôi như có cảm tưởng là anh thuận tay trái vì nghệ thuật tay trái của anh quả thật đáng phục. Như với bài *Polonaise* của Liszt trong phần trước, trong bài *Scherzo số 2* này anh chứng tỏ thủ pháp tuyệt luân với tay trái, nhất là trong những đoạn đan lượn âm sắc làm nền cho nhạc khúc. Nhìn tay trái của Sơn thêu nền gấm hoa cho tiếng hát của dương cầm réo rắt cất lên từ tay phải, xem anh diễn tả sự cuồng nhiệt của tác phẩm với vẻ ung dung tự tại... là những niềm vui khó phai lạt. Nghe thanh âm man mác xa vắng và cảm được nhịp *pédale* điêu luyện của anh, người viết còn thấy yêu thích hơn nữa. Được nghe Đặng Thái Sơn trình tấu nhiều lần ở ngoài đời, người viết càng ngày càng hâm mộ tài nghệ của anh.

*

Như trong mọi cuộc vui khi tàn, người ta phải cảm tạ ban tổ chức và cũng không khỏi có đôi chút nuối tiếc.

Điều đáng tiếc là khán thính giả vỗ tay đáp ứng hơi ít, so với phần trao gửi của người nghệ sĩ, và so với những buổi anh trình diễn trước những cử tọa quốc tế. Chúng ta có lẽ chưa mấy quen đứng bật dậy như lặng đi hàng phút trước cái đẹp của dương cầm, nên Đặng Thái Sơn chỉ ra "đáp lễ" có một lần, với một biến tấu Việt Nam khác, viết trên chủ đề dân nhạc *Lý Ngựa Ô*. Đây là lần thứ hai được nghe Đặng Thái Sơn trong tác phẩm này, tôi thấy là anh quả có chiều lòng người mình với một nhạc khúc tràn đầy kỹ thuật, rất Việt Nam mà cũng rất tân kỳ, đối với nhiều người còn là quá xa lạ.

Điều đáng tiếc nữa là thính giả không được nghe anh trình bày một số nhạc khúc của Debussy hay Rachmaninoff. Người viết thấy mình khó có thể đứng dậy một mình vỗ tay ngợi khen, khi cử tọa đã khăn áo ra về! Nếu có được yêu cầu một bản *Encore* để khán thính giả mình thấy tài nghệ của Đặng Thái Sơn, tôi sẽ lại yêu cầu bài *Prélude pour la main gauche* của Rachmaninoff: chúng ta sẽ nhắm mắt lại để thưởng thức khả năng diễn tả của Sơn với riêng một bàn tay.

Vì còn ấm ức như vậy, tối đó chúng tôi mấy người cùng ghé về nhà vợ chồng một người bạn nói chuyện tiếp về dương cầm Đặng Thái Sơn tới quá khuya mới tan. Trong câu chuyện, chúng tôi ao ước có nhiều cơ hội nghe anh đàn hơn và nhất là ao ước anh có nhiều cơ hội trình diễn trước những cử tọa quốc tế, cùng với những ban nhạc giao hưởng lớn của Âu Mỹ. Nghe nói sẽ còn hơn một năm nữa Sơn mới có dịp trở lại miền Nam California này.

Từ nay tới đó, xin chân thành chúc anh thành công ngày một rực rỡ hơn nữa.■

Ý NHI

LÊ ĐẠI LÃNG

Trái tim với nỗi nhớ ai
Như cây trong phố đứng hoài chờ trăng
Như người đàn bà ngồi đan
Sợi dọc thì rối, sợi ngang thì chùng
(Xuân Sách)

Trong Đại hội lần thứ III Hội Nhà văn Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội từ 26 đến 28 tháng 9 năm 1983, Ý Nhi đã trả lời câu hỏi "Bạn nghĩ gì về công việc của mình" của tuần báo *Văn Nghệ* như sau: "Nếu phải hỏi một người làm thơ một câu nào đó, có lẽ vẫn là câu hỏi tôi thường hỏi các bạn tôi mỗi khi gặp mặt: anh (hay chị) có khỏe không và sống ra sao?"

Câu trả lời nghe có vẻ bình thường quá phải không? Thật đấy, nếu đọc hết những câu trả lời của những người cầm bút khác trong dịp này (1), ta có thể thấy hầu hết, hay tất cả, đều trả lời bằng một cung bậc rất cao, rất chững và rất tiêu biểu cho những người cầm bút trưởng thành dưới chế độ cộng sản, chẳng hạn như: "tự hào về văn học; khó khăn của cách mạng, của Tổ Quốc; sự đầu tư nhiều mặt của nhà văn; từ mỗi dòng chữ viết của trái tim mình; góp phần làm giàu cho nền văn học nước nhà; ánh mắt chứa chan khát vọng" vân vân và vân vân. Cứ như thế, dường như nhà văn đem hết ngôn ngữ của mình ra để phô diễn kiến thức, một quan niệm nghệ thuật, một ý thức phục vụ, nghĩa là điều gì rất cao cả bức thoát khỏi cuộc sống thường.

Tác phẩm của nhà văn nói lên tất cả, không phải ở những lời tuyên bố. Ý Nhi đã phát biểu về nghệ thuật bằng chính thơ của chị - "Bài thơ dưới đây và những cuốn thơ đã xuất bản trả lời hộ tôi" (2) - vì thế, chị không hề và chưa một lần tuyên bố này kia. Người nữ thi sĩ ấy quan tâm đến cuộc đời, đến những điều gần gũi, đến bằng hữu, cho tình yêu, và thiên nhiên.

Thiên nhiên là khởi điểm của hành trình thơ Ý Nhi. Đọc những bài thơ khởi từ những năm 1968, ta có thể ngạc nhiên bởi ngay trong cuộc chiến khốc liệt, giữa bom đạn, giữa chết chóc và inh ỏi tiếng loa sắt, Ý Nhi vẫn tung tăng

em thương chú hươu
mình lốm đốm sao
có đôi con mắt
mở to buồn rầu
(Nói với chú hươu lạc lối)

giữa xóm núi làng Đại Từ. Bài thơ hay ư? Không đâu. Đó chỉ là tiếng trò chuyện thì thầm giữa hai chị em, giữa người mẹ với con thơ, và dưới ánh đèn tỏa sáng niềm hạnh phúc trên sàn nhà bày la liệt những tập sách mỏng thiếu nhi, và người mẹ dạy con bằng câu chuyện bắt đầu rằng chú hươu lạc bởi dong chơi mãi. Là chỉ có thế. Nhưng lạ quá, chiến tranh mà, miền Nam theo lời Bác là dầu sôi lửa bỏng, là nhân dân rách đói, nên miền Bắc phải tiến công giải phóng, phải thắt lưng buộc bụng, có đâu là một dung dăng tiếng tập nói đầu đời, gợi mở ở những âm ấp úng của những câu bốn chữ với "ao, âu" tinh sạch vào đời. Không chỉ một, mà suốt cuộc chiến, ngay những lúc hung hãn nhất, thơ Ý Nhi cứ là thiên nhiên, những cơn mưa, mùa màng, sông nước, biển cả được nhìn qua lăng kính hoài niệm, được nhìn từ một tâm thế độc lập, nghĩa là đích thực người, không xu mị theo, hoặc bị ảnh hưởng bởi tiếng động bên ngoài. Đó là con đường riêng biệt hình thành cá tính Ý Nhi, và sau này là thơ Ý Nhi. Trong những ngày Hải Phòng bị phong tỏa hồi 1972, Ý Nhi không thức cùng cuộc chiến mà thức cùng hoài niệm, không đả đảo kẻ thù mà đau nỗi trở về của kẻ xa tìm không ra những ảnh hình cất dấu

Tôi trở về cùng với mùa thu
lá phượng vàng trên đường phố
trời xanh biếc vòm trời tuổi nhỏ
bên góc đường đỏ ối hoa vông
(Trở lại Hải Phòng)

Nhưng những lẽ ấy chỉ mới hình thành cá tính, chưa dựng được một vóc dáng thơ. Cả tập thơ đầu tay, *Đến với dòng sông*, chỉ để lại tiếng thì thầm, giọng kể chuyện, dịu, êm, nhưng tiếng thì thầm bao giờ cũng nhiều lời mà ít ý.

Đến tập thơ thứ nhì, *Người đàn bà ngồi đan*, tiếng thì thầm kia sắc nét hơn, rõ ràng vóc dáng hơn, trong cùng một nhịp thơ gắn bó với khởi nguồn. Ở đây, thiên nhiên vẫn ngự trị, những địa danh biển cả sông ngòi vẫn xô đẩy không dứt, mà lồng lộng hơn thiên nhiên ấy dường như khắc khoải sầu tư từ một cõi lòng không ngơi. Ta nhìn thấy một chớm men kháng lại cuộc đời cũng từ một tâm thế độc lập, không do sức đẩy bên ngoài. Trong toàn tập,

bài "Cát" nổi bật với cái nhìn từ thị của nhà thơ thấu bên kia những lặng lẽ phô bày:

Những người còn sống khi đặt chân trên cát
tưởng như mình chạm tới thịt xương
cát ròng ròng tuôn chảy dưới lòng chân
cát như máu hai mươi năm đã đổ
*

Trong cát ấy có bao nhiêu mẹ cha của bao nhiêu trẻ nhỏ
có chồng con của bao người góa bụa
những bạn bè, đồng chí đã hy sinh
người ta đứng trang nghiêm trước cát bạt ngàn
—
Tôi tìm đến những đền đài tưởng niệm
nào hay đâu chỉ là cát đấy thôi
hạt cát nào trong đáy mắt bỏng sôi
đang lặng lẽ lăn đi trên gò má
(Cát)

Năm 1974, trong tiểu thuyết *Đồng cỏ* đăng trên nhật báo *Chính Luận*, Nguyễn Đình Toàn viết: *Tôi có cảm tưởng, dưới chân đám cỏ đó, chính là chỗ chôn vùi bao nhiêu những tiếng nói không được nghe, những tiếng nói tự nó không tìm thấy những ý nghĩa của chính nó, đã rơi rớt lắng chìm lẫn vào trong đất cát và lũ cỏ đã mọc đè lên. Nhiều lần băng qua trên cái lối đi giữa đám cỏ đó, tôi tưởng như chính chân mình đạp trên những cái tiếng nói đã rớt đâu đấy và điều này làm tôi đau lòng.*

Và rồi suốt những năm tháng lặng lẽ sau 1975, nhà văn đó đã cày tung ý tưởng ấy, trên mảnh đất "trên mỗi bước chân qua đều dẫm lên mặt người". Năm 1983, Ý Nhi dẫm qua cát bạt ngàn, cảm nhận cái mà người đời tôn gọi là "bề dày lịch sử" chính đã đắp từ máu thịt vô biên. Thiên nhiên bây giờ ưu tư hơn, nhà thơ dung dăng trong thời chiến và khởi những trầm lắng trong thời bình.

Tập *Người đàn bà ngồi đan* gồm 29 bài thơ viết rải rác trong khoảng 10 năm sau ngày đất nước thống nhất, được tặng giải thưởng Văn học của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986, nhưng trong cả tập thơ bắt đầu làm nên tên tuổi của nhà thơ, tôi chỉ chú ý đến mỗi một câu *chiếc đu quay những vòng quay sáng chói* trong bài "Thư mùa đông" dài 108 câu. Cái câu tôi chọn ấy, tất nhiên, phải được đọc trong bố cục của toàn bài bởi ngắt một câu thơ ra tổng thể bài thơ không khác gì lấy dao cắt ngang một khúc động mạch rồi giơ lên săm soi và bảo đấy chỉ là một khúc gân khô thiếu dòng máu chảy. Kết cấu của "Thư mùa đông" có thể ví như hệ tuần hoàn, tứ thơ là con tim vận động đẩy máu chia ly đến mọi bờ và lăn qua những động mạch lớn, qua những đường gân li ti đa dạng, nhưng vẫn là một chỉnh thể gắn bó với con tim. Bài thơ viết hai năm sau thống nhất, nhưng chính đấy lại khởi đầu cuộc chia ly giữa người với người:

ai hát xa vời lẩn khuất trong mơ
trang sách mở ra đã khép lại bao giờ
những hàn gắn ồn ào, cách chia lặng lẽ
bước chân khua vang, bước âm thầm nức nở

Bằng những âm "ơ" ngơ ngác như tiếng kêu thảnh thốt của kẻ mất niềm tin, của kẻ thoắt nhận ra sự phũ phàng của số phận, giữa *hàn gắn ồn ào cách chia lặng lẽ* trên quê hương thống nhất, Ý Nhi chăm nhìn số phận: *chiếc đu quay những vòng quay sáng chói*; mười lăm năm sau, Ý Nhi trở lại với *con quay*, nhưng lần này số phận đất nước đã trở thành định mệnh của nhà thơ:

Trong ánh chớp của phận số
em đã kịp nhìn thấy anh
Trong vòng quay không ngừng nghỉ của phận số
em đã dừng lại
đúng nơi anh
(Lặng lẽ)

Thi sĩ nhận diện tình yêu trong cơn lốc chóng mặt. Nhà thơ kịp nhận ra phận số không là hành trình thẳng lối mà luôn là những vòng xoay, và may mắn thay, ánh chớp -hay định mệnh- đã lóe lên để nhà thơ *kịp dừng lại đúng nơi anh*. May mắn, bởi từ một khởi điểm không biết dừng nơi đâu sau khi đã trở lại điểm đầu của con quay, bởi định mệnh của con quay là quay, quay, quay mãi, trở lại điểm đầu nhưng không được dừng lại nơi ấy, lại đi, tròn trịa một hành trình tròn bất tận biểu đạt qua câu thơ chín chữ. *Trong vòng quay không ngừng nghỉ của phận số*. Cho đến lúc, cho đến lúc vòng quay chậm dần lại, nhưng chưa ngừng, chưa biết ngừng nơi đâu trong cơn lốc tơi tả, thì định mệnh lóe như ánh chớp, đến đây, vòng quay từ tốn chậm, chập chừng, được hình dung với câu bốn chữ. *em đã dừng lại*. Dừng lại vì đã nhận ra anh trong ánh chớp, và ngã nhào vào số phận. Ngừng. Ba chữ dứt: *đúng nơi anh*.

Số phận của con quay là quay, công việc của con quay sinh ra đời chỉ để quay, vậy mà nay đã dừng, định mệnh nằm ở đâu, hết chăng? Chưa, ta thấy gì ở hình ảnh một con quay không còn quay nữa, nằm nghiêng trong lặng lẽ. Thê thiết, và cũng tha thiết lắm

Như con quay quay hết một vòng quay
*
Em là con chim khuyên
Nép mình trên cỏ rối
Và tiếng hát đã để lại
trong bài ca của anh
*
Em là que diêm
Nằm lặng trong
chiếc gạt tàn bằng sứ
Và ngọn lửa
đã cháy sáng trên đầu ngón tay anh (3)

Đọc những bài thơ tình Ý Nhi ở chặng đường in dấu chân của một vóc dáng đã thành hình riêng biệt sau 20 năm thống nhất, ta không thể không cảm nhận sự thiết tha rất mực trong tình yêu vào cái lúc

nhà thơ *kịp dừng lại đúng nơi anh*, mà dường như sự thiết tha ấy lại lắng chìm trong niềm tuyệt vọng và xót xa. Trong lòng bỗng dấy lên một nỗi thương xót. Và từ những bài thơ ấy, người ta bỗng tin tưởng khẳng định: Thơ, chỉ có thơ tình mới là thơ. Cũng giống như tình yêu chỉ đích-là khi có một trong hai là que diêm thắp sáng hy vọng trên "đầu ngón tay anh". Bỗng như nghe nhà thơ nói: "em hân hoan thắp sáng đời anh, em hạnh phúc đốt cháy phần sáng nhứt còn sót lại nơi số phần em để thắp lên hy vọng anh, và em sung sướng ở lại nơi này, co quắp như que diêm đã tiêu hết định mệnh trong chiếc gạt tàn bằng sứ, rồi một hôm người ta đổ, rồi một hôm người ta vứt vào nơi nào ấy, lặng lẽ."

Dường như thơ ký lý luận. Trong thơ Ý Nhi, những bài nghiêng về lý trí có thể khiến ta nhớ ý mà quên lời. Và thơ sẽ bán thân bất toại nếu chỉ nhớ ý mà thôi. Những bài thơ hay nhất của Ý Nhi vẫn là những bài thơ tình. Trong "Thư", in trong tập *Mưa tuyết*, ngôn ngữ thơ Ý Nhi là lời thì thầm nhưng để lại một âm hưởng rất mạnh

Đã bao lần em tự hỏi
em sẽ ra sao nếu chẳng có anh
sau nhọc nhằn, chua xót, tai ương
giọt nước mắt âm thầm như máu chảy
giữa bao nhiêu nắng mưa, ngược xuôi, dầu dãi
giữa mất còn, sống chết, giữa lo toan

Không một từ ngữ nào mơ hồ đòi người đọc một dày công cắt xới. Đặc điểm của sự giản dị tràn lấp. Ở đây, trong sự chon chắt của ngôn từ bỗng vọng ca một lời kêu tha thiết, nhưng cũng rất âm thầm, như cơn gió đêm trườn xuôi chấp chới đi tìm (ai) trong xót xa

Ngỡ như trăng vằng vặc thủa Kim Kiều
ngỡ như gió qua vườn xưa lặng lẽ
ngỡ như biển sóng hãy còn rất trẻ
ngỡ cánh rừng em lại ngỡ dòng sông

Riêng biệt trong ngôn ngữ thơ Ý Nhi là sự đuổi bắt tiếp nối của những triền sóng điệp từ tạo cảm giác dồn dập, cái cảm giác ví như người chạy đường dài ngất thở và đứng lại giữa mênh mông thiên nhiên, ngắm nhìn, ngơ ngác, bồi hồi. Lẽ ra, chỗ dừng chân sau một dài đường ấy phải lạ, nhưng với nhà thơ, luôn là hình hài đã gặp đâu đây, luôn là kỷ niệm ở lần thứ nhất. Nếu để ý, ta thấy định mệnh nhà thơ gắn liền trong một không gian thu nhỏ, *vườn*, tần số của chữ *vườn* xuất hiện thường xuyên trong thơ Ý Nhi. Năm 1984, Ý Nhi có "Và vườn trong phố" in trong tập *Ngày thường*. Đúng mười năm sau, một "Vườn" khác xuất hiện (chưa xuất bản), nhưng dường như, lần này mới đích thật là khu vườn "ma đưa lối quỷ dẫn đường" Ý Nhi đến. *Em tìm đến chỗ xa nhất của khu vườn; Em muốn trốn vào sự bình yên; Em muốn trốn sâu mãi, sâu mãi vào tình yêu của anh*... Ở đó, Ý Nhi kính cẩn đặt cả hy vọng văn chương vào "thếp giấy tinh nguyên", đặt niềm tin đất-nước-sẽ vào "ly nước trong", đặt nỗi mong chờ của bao người vào quê hương sẽ "ban mai":

Thôi đừng buồn nữa anh
Ngày đã ban mai
*
Đây ly nước trong
em mang đến mời anh
giọt sóng sánh tràn qua mặt gỗ
*
Đây thếp giấy tinh nguyên
em đặt bên bàn
như nỗi đợi từng ô cửa mở
*
Đây tay em
trong tay anh lặng lẽ
lời yêu thương
quấn quít chẳng rời xa
*
Anh nhìn xem
chú chim nhỏ lại về
thanh thỏa đứng giữa cành mai tứ quí
*
Một vệt nắng ửng vàng bên lối cỏ
Thôi đừng buồn
Anh nhé
Đã ban mai

Bên cạnh "vườn", *lặng lẽ* là một tần số tin cậy để nhận biết thơ Ý Nhi. Một trong những mục đích của ngữ học thống kê là tìm "tần số thuyết phục" của từ ngữ trong các tác phẩm văn chương chưa xác minh được tác quyền (*authorship*), từ đấy, xác lập ai là tác giả của một tác phẩm cổ điển đang gây tranh cãi. Trong văn học Việt Nam, *Chinh phụ ngâm* thuộc loại này. Có lẽ nên hiểu câu nói "văn là người" theo nghĩa này, một cuộc riêng không giống ai với đầy đủ tư cách độc lập. Trong thơ Ý Nhi, bên cạnh nhịp thơ dồn dập, "lặng lẽ" thường xuyên xuất hiện đắc thế, một sự lặng lẽ nhưng đầy kiêu hãnh, như nhà thơ. Nhưng cái lặng lẽ của một nhà thơ nổi tiếng hào phóng trong cuộc sống ấy là những cơn gió lạnh mang theo hơi lửa. Có khi rất dữ dội. Như trong tập *Gương mặt* mà nhà xuất bản Trẻ chỉ cho in 19 bài, có một bài bị nhà xuất bản gạt ra. Cũng nên chép ra cái bài bị loại ấy để bổ sung thêm tư liệu về một nhà thơ nữ đang tranh đấu cho sự hồi sinh của văn học. Tại sao có một bài thơ không được ra mắt công chúng? Bài thơ ấy có tựa là "Một ngày":

Dù phải im lặng hai mươi lăm năm
Sẽ có một ngày nhân dân lên tiếng
Dù phải cúi đầu ba mươi năm, năm mươi năm
Sẽ có một ngày nhân dân ngẩng lên
*
Sẽ có một ngày nhân dân phất cao cờ
Trên câm nín, tối tăm, cùng khốn
*
Sẽ có một ngày nhân dân đi như biển

Tràn qua bao đau thương
*
Sẽ có một ngày nhân dân thách thức
Với cái chết, với súng gươm, tù ngục
Sẽ có một ngày
(sáng tác tháng 12 năm 1989 *)

Khó thể nghĩ đây cũng là bài thơ của tác giả "Lặng lẽ". Những người quen biết Ý Nhi sẽ không ngạc nhiên khi đọc bài "Một ngày". Đó là một con người có cá tính rất mạnh, trổi bật trong mọi đám đông bằng chính khuôn mặt lặng lẽ của mình. Khi chép lại bài thơ trên ở xứ tự do, tôi không có cảm giác rờn rợn kích thích như khi đọc nó trong nước do một người bạn chép lại. Đặc biệt là trong khi vừa đọc vừa có cảm giác ai đó đang rình mò bằng con mắt bẩn thỉu vì sợ hãi trước những con chữ li ti ngoằn ngoèo. Nhiều người đã kể việc nhà thơ nữ đứng lên trả lời đốp chát với trùm công an Lê Đức Thọ trong kỳ Đại hội Nhà văn Việt Nam lần thứ IV, nhưng chưa mấy ai biết nhà thơ nữ lặng lẽ ấy cũng từng tát tai Nguyễn Đình Thi trước đám đông vì tư cách của một thứ trùm khác: trùm văn nghệ.

Nhưng những khía cạnh bên lề ấy có nói ra cũng chỉ để mua vui trong những lúc dư thừa.

Ý Nhi, trên hết, vẫn là nhà thơ của xót xa. Ý Nhi, thơ, nỗi làm mới thơ tình sau những tháng năm dài đạm bom và mất mát. Đó là nhà thơ sống với kỷ niệm ngay phút đầu, một thi sĩ mà cõi lòng là tấm gương dựng giữa trời để soi đủ bóng thiên nhiên trong mọi mùa màng thời tiết. Và một lần nữa ta có quyền tin tưởng thơ tình Ý Nhi sẽ mở những ô cửa trên quê hương.

Thơ Ý Nhi
Lặng lẽ *
Trong ánh chớp của phận số
Em đã kịp nhìn thấy anh
*
Trong vòng quay không ngừng nghỉ
của phận số
Em đã dừng lại
đúng nơi anh
*
Ôi thời khắc huy hoàng
*
Em lặng lẽ nói cười
Lặng lẽ nát tan
Em thành lá thành sương thành lửa
Tình nhiều khi một nửa
đã là mơ
*
Xe cấp cứu trong thành phố
đang rúc còi thật đó chăng
trên dậu cây hoa quỳ nở vàng
hay nỗi buồn xưa vẫn chưa tan
*
Em lặng lẽ gọi kêu
lặng lẽ cầu xin

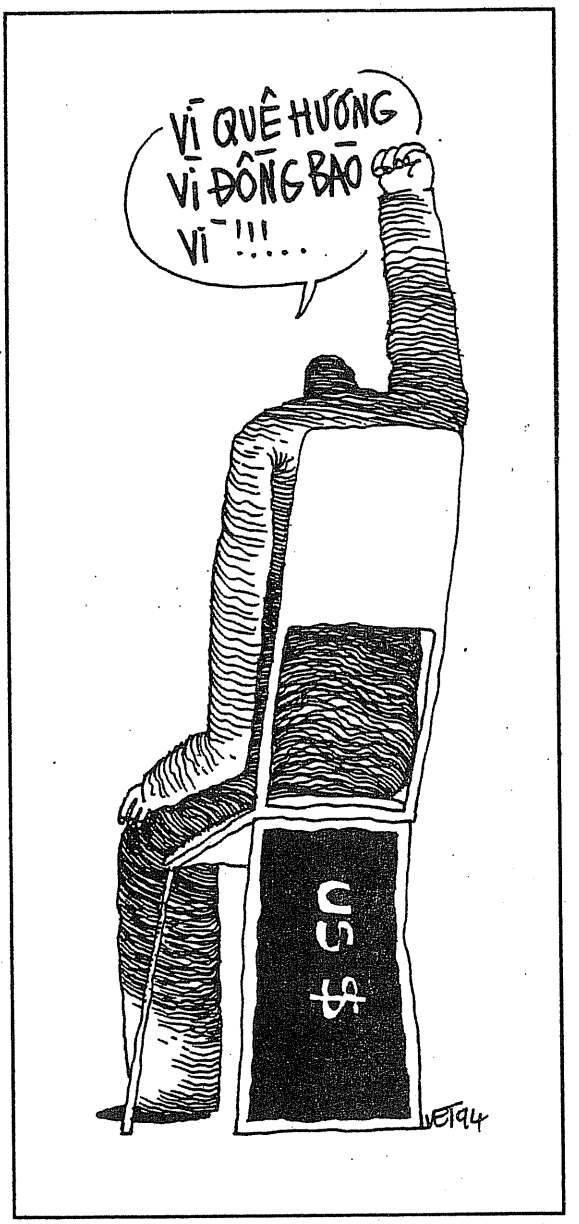

lặng lẽ chờ mong
lặng lẽ vỡ òa
thành lệ
*
Em lặng lẽ cạn khô
Lặng lẽ hồi sinh
Lặng lẽ tuôn tràn
Trong tiếng âm thầm
gọi tên anh □

Chú thích

(1). Báo *Văn Nghệ* số 40, 1-10-1983. Hà Nội.

(2). Trả lời câu "làm thế nào để có thơ hay" của Trinh Đường (1991) *Ngày hội thơ*. Hà Nội:Nhà xuất bản Văn Học.

(3). Bản chép tay, chưa có tựa để bài thơ.

*. Chép theo trí nhớ.

BIỂN

MIÊNG

Người đàn bà theo cô y tá vào phòng. Trên giường, một người đàn ông nằm nhìn thẳng lên trần nhà, mắt mở to thao láo. Anh đèn lạnh nhạt rọi xuống khuôn mặt bạc nhược vô hồn. Cô y tá lay nhẹ vai anh, nói bằng tiếng Pháp:

"Ông Nguyễn, ông Nguyễn, đoán xem ai đây?... Nhìn kỹ đi, vợ ông tới thăm ông nè."

Người đàn bà đưa tay ra muốn nói gì đó thì người đàn ông hướng ánh mắt về phía chị. Anh kêu lên thều thào nhưng hớn hở:

"Em! Trời ơi!"

Anh loạng quạng chìa bàn tay khẳng khiu ra, chị như ngần ngại một giây rồi nắm lấy, cầm nhẹ nhàng trong hai tay mình. Anh mỉm nụ cười héo hon:

"Lạnh không? Bám, chặt vào!"

Chị khẽ khàng đặt tay lên ngực anh. Rồi bỗng bạo dạn hơn, chị choàng qua, siết vòng tay lại. Nụ cười ngây ngô trên môi anh kéo dài như vô cùng:

"Con đâu, em?"

"Con đang ngủ. Anh cũng rán ngủ một chút đi cho khỏe."

Giọng anh bỗng kêu thất thanh:

"Sát lại, bám chặt anh. Khéo tuột."

Chị áp sát vào tấm thân gầy gò run rẩy, bận bịu. Anh gật gật đầu. Tóc lưa thưa cứ như muốn dựng ngược lên từng sợi. Chị dịu dàng vuốt những sợi tóc mùa thu của anh, âu yếm như một người mẹ. Mất chị buồn thiu, xa vắng.

"Em nè, vợ chồng, có, những lúc, canh không, lành, canh không, ngọt, anh có, lỡ, giận la em, cái gì, em bỏ, qua, cho anh, nghe, đừng, giận, bỏ anh, tội, nghiệp, cái chính, là, biết, anh

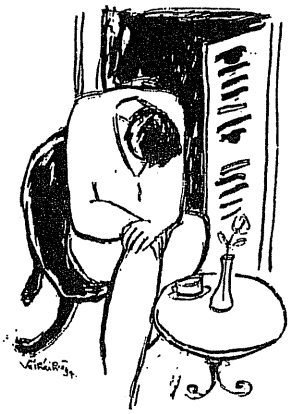

thương, em vô, cùng, nghe em, đời anh, chỉ, có em, và, con..."

Chị khóc:

"Anh đừng nghĩ quẩn quanh nữa. Em không giận anh đâu. Em cũng... thương anh lắm!"

Chị kéo chăn cho anh ngay ngắn. Hai bàn tay hiền dịu vẫn ve vuốt anh. Ngoài đêm, trời hối hả rải tuyết...

Sáng sớm hai người y tá vào phòng. Ông y tá đen to lớn dềnh dàng phủ lên người anh tấm Ira!i trắng muốt. Cô y tá đỡ chị đứng lên và lặng lẽ mở ngăn kéo lôi ra các thứ giấy tờ bọc trong bao ny lông:

"Ông nhà đi như vậy đỡ khổ cho ông hơn, nhất là có bà bên cạnh. Bao nhiêu lần rồi bịnh viện cố tìm bà mà không ra."

Chị hỏi, hơi tần ngần:

"Lần cuối ông ấy vào đây là lúc nào?"

"Thứ sáu tuần rồi. Bà coi, trời như vầy mà lại trần truồng đứng múa ở vườn Luxembourg!"

"Lần này sao bịnh viện lại tìm ra tôi?"

Cô y tá cười:

"Cái khó là cạy răng để ông cho biết địa chỉ của bà. Khi ông ta nói 'biển' thì giản dị thôi, cứ bấm minitel ra lục lọi các vùng có biển là tìm ra bà ngay!"

Chị cũng cười:

"Phải *giản dị* thật!"

Hai người y tá đẩy băng ca đi. Ngang qua cửa sổ, tấm ra pha lẫn vào vùng tuyết ngoài kia. Căn phòng trống trơn. Chị ra hành lang, lặng lẽ mở bao ny lông ra và đọc. Những tia nắng đầu ngày đông u ám rọi lên các thứ giấy tờ và một số thư từ cũ nhàu. Chị vừa đọc vừa khóc. Xong chị xếp lại vào bao, thở dài. Chị quàng lại khăn, kéo cao cổ áo măng-tô lên. Trời rất lạnh.

Bước vào ca-bin, chị để cạt vào máy điện thoại và bấm số.

"Anh hả? Em đây... Trẻ nhỏ dậy hết chưa?... *Xà va* anh à. Một người đồng bào... (chị thở dài) Không, dĩ nhiên là không bà con gì với mình cả. Khi em tới thì tối rồi và coi bộ ông ta lẫn lộn hết cả, tưởng em là vợ... Ơ thì anh coi, cứ Nguyễn Thị Ngọc gì gì có vần *ương* theo sau mà chả *là em*. Mình đã nhận bao nhiêu thứ rồi... Có, cô y tá đưa hết giấy má thư từ của ông ấy cho em... Em đọc rồi, vợ con đều chết biển khi vượt biên, chỉ còn ông ta sống sót với mấy người thôi... (chị khóc)... Xong rồi anh ạ... Vâng, lúc năm giờ sáng, trong tay em..." □

Paris, 23 Sept. 1994

PHAN NHẬT NAM

NỐI THÊM ÂM ĐỘNG VỌNG HOÀI CÒN ĐÂU

TƯỜNG TRÌNH

...Tôi đi xuyên suốt sông cùng biển
Chẳng lội qua đâu nỗi đoạn trường
Cho dẫu đất trời muôn triệu dặm
Chiều nào chứa đủ vọng vô thanh

NHẬT KÝ BUỔI QUA NĂM MƯƠI MỐT TUỔI

I

Có năm tháng đằng đẵng dài không muốn nhớ
Thật thăm thẳm buồn phiền không thiết gọi
Những nhì nhằng sự việc chẳng hề xong
Mỗi ngày qua chập dấu ấn kiệt cùng
Mà nên sống từ lâu không lựa chọn
Và...
Người vẫn tiếp đi như đã bao lần...

II

Khi anh ăn beefsteak
Gào kêu thơ khổ đau
Cứ như mợ Thị Mầu
La trời sắp bị hiếp

III

Chẳng lẽ không có trời
Chẳng lẽ không phải người
Thằng nhỏ Rwanda chết đói trước con kên kên
Bé gái Việt Nam mười lần vượt biên xé mình bị hiếp
Người cần thiết sống với bánh mì
Người hẳn chết bởi nỗi đau kinh dị
Nhẫn tâm vấy nhục trái Tim
Thế giới lầy nhầy ghê tởm
Người nói với nhau tận khinh miệt tiếng lời
Chuyện kể
Nơi tôi sống...
Rất đông những vị anh hùng xuất sắc trò đập banh, nhồi bóng
Đám á thánh ào ào chạy suốt trận football
Thần tượng nhân dân áo xé rách, mặc váy không quần
Mặt nhồi phấn, cắm lông mi, không phân biệt đàn ông, đàn bà... trẻ con người lớn
Những giáo sĩ thuyết khách hù dọa, dạy dỗ ngàn vạn người cười cợt vui đùa, la khóc rùng rợn
Về thiên đàng hẳn sẽ đến sau một triệu năm
Địa ngục thấy ra rõ ràng từ máy control remote
Ông tổng thống sẵn sàng chiều ý vừa lòng đám đông rất mực
Can trường đấu tranh chống thằng nghiện hút, đứa hiếp dâm, gã buôn súng, chơi dao
Nói tóm lại...
Ai ai cũng được dự phần góp công thêm sức
Vào mỗi ngày chưa hề sống đủ một lần thôi.

LẠI CHUYỆN ĐI VỀ

(Với hai ông... Lê,dt & Tô,ty)

Ta về...
Hóa ra về không được
Ta đi
Chẳng biết đi tới đâu
Đi, về hai ngã đồng nhau tất
Vậy cứ đi đi cũng địa cầu
Nào hãy về đâu đó mặt đất
Cuối cùng hẳn đến chốn Không thôi

SỰ THẬT CŨ KỸ

Người vẫn sống với nỗi đau hằng mới
Người vẫn sống như cây trái lỗi lầm luôn tươi rói
Ở... có ra sao
Nhỡ phải làm người
Vang dưới trời âm khóc ngất không thôi

KHÔNG ĐI XA NỮA

NGUYỄN CHÍ KHAM

gửi Thục và chị Trân, Thân ái K.

Vài năm trở lại đây, các chương trình ra đi có trật tự, con lai, nhất là diện HO, đã tỏ ra hết sức hấp dẫn. Nhiều người vẫn lo ngại, nhưng thực sự, ai cũng nhìn thấy chính phủ Việt Nam đang lưu tâm. Không riêng gì tuần báo Công An, báo chí ngoài cũng được loan tin, mỗi cuộc phỏng vấn là viên chức thẩm quyền nhấn mạnh rõ, đây là chính sách khoan hồng, nhân đạo của nhà nước.

Phòng xuất cảnh ở thành phố tôi đang cư ngụ, bỗng trở nên nhộn nhịp. Ngày nào cũng vậy, không thấy một lúc nào vắn khách. Đông nhất là giới đạp xe thồ, xích lô. Những nụ cười trước đây méo xệch, đỏ úa, nay tự nhiên sửa lại ngay ngắn, lộ ra sinh khí yêu đời, ham thích cuộc sống. Họ nhớ lại, nhưng đúng ra là quên hẳn nỗi khổ cực, bây giờ hăng hái tiêu xài sang một tí, buổi sáng đã có mặt sớm ở phòng xuất cảnh, trước giờ mở cửa, thông báo cho nhau biết những tin tức mới, mỗi người chuẩn bị sẵn một bao hồ sơ quan trọng (giấy ra trại đã có chưa, phải đủ ba năm, thiếu một tháng cũng không được) và trên túi áo, giấy cua xanh dùng để trả tiền lệ phí, thêm với tiêu chuẩn một gói con mèo, ba số năm, thấp lắm mới xài đến Jet để ngoại giao.

Tôi cảm thấy lòng mình đột nhiên xao xuyến, bề bộn. Những khi xong công việc bỏ sách cho đại lý trở về, gặp lại vài người bạn tù cũ trên đường, ai cũng hỏi thăm đã làm giấy tờ chưa, nói trái ý một chút là bị la rầy, giục giã, hối thúc. Sau cuộc chiến tranh, hình như tình đồng đội của những kẻ thua trận đã lớn hơn, giàu có niềm tin, vượt hẳn mọi đố kỵ, sự tị hiềm công lao ở nơi những con người thắng trận.

Tôi vui thích lắm. Hình ảnh một nước Mỹ rộng lớn, giàu có tương lai, làm tôi quên hẳn đi những giọt mồ hôi thấm ướt trên áo, giữa lúc quãng đường về tới nhà hẳn còn xa. Nhưng ước muốn đó của tôi, dù sao, cũng phải hỏi lại Hồng. Hồng - tên vợ tôi, nàng rất quan trọng, vì tài chánh nàng nắm. Đầu tiên, lúc vui nói chuyện với Hồng, tôi nhắc tên mấy thằng bạn hỏi nàng còn nhớ, sau mới kể ra chuyện làm ăn, và coi bộ tụi này đang ráo riết, trù tính chuyện đi HO.

"Em thích đi không?"

"Thích chứ."

"Vậy bỏ tiền ra đi, anh lo chạy giấy tờ."

"Thôi, không ham." Nàng nói, với cái đầu lắc lia lịa.

Người ta tốn kém không phải là ít ỏi trong vụ việc này. Người bước chân qua tới đất Mỹ đúng theo diện HO này cũng chưa thấy ai cả. Những lúc vui nói đùa thì khắc, lúc thành thực, đối với Hồng, đời sống tạm ổn định, ở lại đây, công việc làm vẫn chắc chắn hơn. Nàng cũng có lý, nên tôi chẳng nhận xét, đành gác sang một bên. Người vợ tôi lại nhát gan, mức tin tưởng của nàng, ngược lại đó là sự sợ hãi. Nhiều năm nay Hồng buôn bán vật liệu xây dựng. Nhà máy vôi sản xuất, nàng mua, rồi bán lại cho các mối hàng ở thành phố, hoặc chuyên chở bằng xe công nông đến tận các vùng quê. Hai lần năm ngoái thua lỗ nặng, một lần bị đánh thuế thu hết hàng, một lần bị bắt nhốt vào nằm lao Thừa Phủ gần hai tháng. Vì vậy, ý kiến tôi đưa ra nàng mới lắc đầu. Nàng cứ lo sợ, tiền mất, tật mang. Tôi có giải thích, nhà nước thật sự mở rộng, muốn thi hành chính sách này để cải tổ ngoại giao, kinh tế, nhưng cũng không thuyết phục được.

Năm 1979, chiến tranh Việt Nam-Trung Quốc bùng nổ. Dạo đó, chúng tôi đang nằm ở trại giam Nghĩa Lộ. Nửa đêm chợt đánh thức, chuẩn bị cơm nước, hành lý để di chuyển trại. Chuyến đi xa, nhưng chúng tôi ở lại Yên Bái một thời gian không lâu, rồi lên xe tiếp tục đi xuống vùng Trung Du, một trại giam hẻo lánh, bên cạnh một ngôi làng nhỏ nằm cách con suối khoảng chừng hai, ba trăm thước. Ở đây, chưa đầy một năm, thì đột nhiên nghe có những tin đồn là sắp được Mỹ giải thoát. Ở trong Nam, bà con, anh chị em, rần rần kéo nhau ra Bắc thăm nuôi mỗi ngày một đông, và tin tức người này, người nọ, ai cũng xôn xao về chuyện đó. Tôi bị bệnh tim, mỗi lần nghe như vậy, trong đầu óc luôn luôn bị giao động. Nhiều đêm, nằm vắt tay lên trán, tôi chỉ ao ước được trở về thấy mặt cha mẹ, anh em, vợ con, rồi có đem tôi ra một khu rừng, một xổ xỉnh nào đó bắn một loạt đạn cho xong đời cũng được. Nhiều đêm, nhớ hình ảnh mẹ tôi tóc bạc, xa cách lâu ngày, chẳng biết bao giờ được gặp lại, nước mắt tôi dàn dụa, ngủ không được. Như vậy đó mà tôi đâm ra lo âu, buồn bã, dù tới một nơi nào, chốn

đó cũng không phải là mơ ước của tôi.

Đầu tháng Tám, không ngờ ba tôi ra thăm. Khi hết giờ, ông không bị xúc động như tôi, vẫn bình tĩnh đưa tôi ra một đoạn, và bấm tay nói nhỏ cho biết, là mọi việc đã sẵn sàng, *oui ou non*, là con chỉ gật đầu, không thắc mắc, không bận tâm lưu luyến chuyện gia đình. Tôi tự nhiên giây phút đó, ngây ngất, sung sướng, niềm vui vô cùng rạo rực.

Sau buổi chiều ba tôi rời khỏi Vĩnh Phú đi chuyến tàu về Hà Nội, cả trại giam, ngày nào anh em cũng nhỏ to, bàn tán, suy luận về tin đồn, và cứ đến sau bữa ăn, là ba lô, xách tay gọn nhẹ, chuẩn bị một cuộc lên đường rất lớn.

Nơi trại giam nào trong vùng núi, hoặc thung lũng ở miền Bắc, mức ăn đói kém, nhà cửa bị nắng chói, mưa dột, nhưng khu vực vòng đai, đất trống còn rộng, còn thừa. Mỗi nơi, có khả năng để cho một lần hạ cánh, hai mươi chiếc trực thăng sẽ đáp xuống bốc từng chuyến người đi trong chớp nhoáng. Rồi đây, người Mỹ sẽ có một cuộc đổ bộ giải cứu tù binh như ở Sơn Tây. Không, giữa Việt Nam và Mỹ nay đàng hoàng hơn, hai bên đã có một thỏa hiệp ngầm. Ngày N+1, hạm đội 7 đã sẵn sàng ở ngoài khơi vịnh Bắc Việt. Bãi đáp được dọn sẵn từ ngày hôm trước, lúc thấy trực thăng quần trên vùng trời thì ở bên dưới, khói màu bắt đầu thả.

Ngày hôm ấy, phái đoàn Mỹ và Việt Nam cùng có mặt khắp các trại. Đầu tiên, họ phải đi quan sát hình thể, cách thức bố phòng của các trại giam. Nơi làm việc, bàn ghế sắp thành hàng dài, trực thăng đậu sẵn hàng ngang, hàng dọc. Những người Mỹ đang đóng một vai trò quan trọng, năm 1973, cuộc trao đổi tù binh diễn ra như thế nào, thì ngày hôm nay, các thủ tục sẽ diễn ra y như vậy. Những người tù trong bọn chúng tôi trở nên trầm lặng, cố nén xúc động, đôi khi bâng khuâng gửi một nỗi nhớ tỏa rộng khắp mây trời. Đã hơn một giờ họ ngồi tập trung ngay ngắn trước sân bãi, hành trang, mỗi người rất gọn nhẹ, một cái ba lô, hoặc túi xách may bằng bao cát. Họ phải đem theo mặc dù không mấy chốc nữa sẽ vứt hết. Buổi sáng, đất nước dành trọn vẹn một mùa thu, có điệu nhạc qua máy thu thanh nghe xa gần, trên bầu trời thấp thoáng vài con chim biểu hiện sự tự do đang lượn vòng rồi bay qua lại. Ở đất nước này người ta yêu lắm những mùa thu, và hơn một thế hệ trẻ ngày xa xưa đã yêu mùa thu, nhớ mùa thu, coi mùa thu là một vẻ đẹp lãng mạn, một niềm hưng phấn ngây ngất của Cách Mạng. Những người tù có mặt hôm nay, giờ phút rất xúc động và đáng ghi nhớ (nhưng bạn sẽ phải hát cho chúng tôi nghe một bản nhạc Cách Mạng, một bài hát ca ngợi Hồ Chí Minh trước khi bạn bước lên máy bay, và mãi mãi không còn thuộc về đất nước này nữa). Đúng như vậy, công việc tuần tự diễn ra, đại diện phái đoàn Việt Nam cầm bản danh sách gọi tên từng người, cấp bậc, số quân, và nếu đúng, thì lần lượt từng người bước lên trước mặt phái đoàn Mỹ để chỉ nghe một câu hỏi duy nhất:

"Anh bằng lòng đi hay ở lại."

"Tôi bằng lòng đi."

*

Nay chuyện xưa, ngày cũ, không có ai muốn nhắc lại, vì nó bẽ bàng quá. Không biết vào lúc đó, ông Carter thua mưu trí chính quyền Hà Nội, hay ông nấn ná ở thêm một nhiệm kỳ nữa rồi giải quyết, đằng nào vấn đề tù binh Việt Nam Cộng Hòa cũng phải xong.

Đầu năm 1990, chuyến bay HO đầu tiên qua tới đất Mỹ. Hoan hô. Liên tiếp trong tháng, thư và tin tức gửi về nườm nượp, ghi lại không sót một hình ảnh, chi tiết về cuộc đón tiếp những người tù cải tạo, và họ không khác chi là những người anh hùng của nước Mỹ.

Hồng và tôi, hai vợ chồng bắt đầu cảm thấy hấp dẫn. Có nhiều lượt người đi, như vậy nay đã chắc chắn, yên bụng rồi. Tôi bỏ công việc bán dạo sách báo trong nửa tháng, lo soạn tìm, sao chụp các loại giấy tờ cần thiết để mau chóng hoàn tất một hồ sơ. Nạp đầy đủ các giấy tờ ở phòng xuất cảnh, tôi tìm đường dây để hỏi, ba tháng sau tôi mới xin được giấy cấp biên nhận là hồ sơ đã chuyển.

Huế-Hà Nội đi mất hết một ngày đường. Ở văn phòng dịch vụ, khu nhà số 23 nằm ở phố Thái Phiên, không ngờ thủ tục xin cấp hộ chiếu chỉ mất nửa giờ đồng hồ, đóng lệ phí 500.000 đồng.

Tôi ở lại Hà Nội chơi hai ngày. Buổi tối, về ga Hàng Cỏ thuê chỗ ngủ. Hà Nội, mười năm trước, lúc ấy về tối có một ngày dạo chơi nhưng chưa đi hết. Vài năm nay có mở cửa, Hà Nội thay đổi khá nhiều. Hẳn nhiên, cả một khuôn mặt thành phố vẫn chưa khỏa lấp cái vẻ tàn tạ, quê mùa, những dấu tích bom đạn trong chiến tranh nay vẫn còn. Bây giờ Hà Nội trở nên xanh hơn, có chút hồng tươi của nhan sắc, nấng đẹp rực rỡ dưới màu cây. Phố xá bắt đầu tấp nập. Hàng Đào, hàng Ngang bán quần áo, vải vóc (nhưng không có màu của tơ lụa). Hàng Nón, hàng Thao, hàng Chiếu, hàng Bồ, hàng Quạt nay những phố này cũng bán lại các thứ hàng đúng như tên gọi của ngày xưa. Đi dọc phố hàng Buồm, trên lối vỉa hè hai bên, bày bán đủ các thứ đồ hộp, nước trái cây, bơ, phó mát, bánh biscuit, sữa Guigoz Hòa Lan, bất chợt làm tôi có cảm tưởng như mình định đi mua một thứ gì trên đường Nguyễn Thông Sàigòn. Buổi sáng ăn phở ở phố Lò Đúc. Bao quanh những khu phố nằm cạnh hồ Gươm, chỗ nào bóng cây cũng xanh mát, có nhiều quán ăn, giải khát, tiệm kem, phòng tranh, cửa hiệu sách, buổi chiều dạo chơi loanh quanh đó rất là thú vị. Hà Nội đã lột xác, đông vui thực sự, bớt đi nhiều lắm những nỗi buồn bã, lo âu. Tôi mừng cho người Hà Nội. Tôi được trông thấy người Hà Nội vui vẻ, tiếng cười chào mời nhau mua bán dòn dã, và đây đó, Hà Nội biết rằng có những

người miền Nam ra tới ngoài này thăm, khách du lịch nước ngoài tham quan, đặc biệt chú ý. Những kiến trúc mới sửa sang lại, nhà Bưu Điện, khách sạn Métropole làm cho nhiều dãy phố chính ở gần đó trở nên sang, mới hẳn. Tuy nhiên, trong những chiếc áo dài màu thiên thanh, bao nhiêu nụ cười tươi tắn, ra bông, ra hoa đó, vẫn không giấu hết được một cái gì đó của gái quê. Những chiếc tàu điện, vang âm từng tiếng chuông leng keng, mà người Hà Nội ở nơi xa giữ những kỷ niệm về nó bằng nỗi nhớ, nỗi buồn thì nay lại vứt bỏ đi, loại nó ra khỏi ký ức Hà Nội thực là đáng tiếc. Ngày nay, trên các đoạn đường ray nối liền những khu phố bao quanh Hà Nội, hình ảnh chiếc tàu điện không còn thấy, và người ta đã tháo gỡ hết, lấp đất bằng các mặt nhựa để sử dụng xe ô tô buýt kiểu Sàigòn chạy trên các lộ trình trong thành phố, ra các vùng ngoại ô.

Ngày hôm sau, ở Hà Nội, tôi đi bộ ra bến Kim Liên, đón chuyến xe sớm nhất trở vào lại Huế. Hà Nội đi Phủ Lý, khoảng hơn 40 cây số, đường tốt, xe chạy rất ngon. Nhưng khi bắt đầu vào địa phận tỉnh Ninh Bình vào Thanh Hóa, lần tới Vinh, Quảng Bình thì mỗi nơi, một tệ hại. Tôi suýt bị lỡ chuyến xe ở phà sông Gianh. Tôi cố gắng tìm lại một nỗi xúc động của Bà Huyện Thanh Quan khi xe chạy quanh những quãng dốc ngắn lên Đèo Ngang. *Lom khom dưới núi tiều vào chú, lác đác bên sông rợ mấy nhà*. Tôi nhớ được hai câu thơ, nhưng ở đoạn về tới Quảng Bình, qua sông Nhật Lệ, hình ảnh của biển xa, thôn xóm làng mạc và con sông yên lặng cuối bóng chiều, làm sống dậy trong tôi một nỗi rạo rực, nhớ như in hình ảnh một thôn làng vốn làm nghề đánh cá trong bài thơ học thuộc lòng của Tế Hanh. Quảng Bình còn một tên gọi nữa rất quen thuộc là Đồng Hới. Tựa cho bài tùy bút đăng trên báo Sông Hương, chị Lê Thị Mây đã viết về thị xã đó bằng một giọng văn duyên dáng, xúc động, và giữa những cánh hoa bồng nở đẹp, ta thấy không riêng gì Đồng Hới, mà bất cứ một nơi nào của đất nước, quê hương cũng đều bị tàn phá bởi chiến tranh. Tôi được đọc bài đó, thấp thoáng trong bóng dáng vùng quê của chị, làm tôi nhớ đến nhiều lắm, những ngày thơ ấu của tôi ở dưới vùng trời quê ngoại.

PHAM QUỐC BẢO

THU 94

Tuần qua mới thật vào thu
vàng phong lặng hửng từ mù sáng sương
gió chiều hẩy tắt nắng hanh
cỏ se khô ngọn rùng mình đợi đêm
bâng khuâng tình nhú ấm mềm
gợi xa quá khứ gần thêm cuối ngày
ở đây lòng thiếu heo may
nên người đã lạ vị cay lúc nồng
tóc ta vừa chớm tuyết đông
bỗng dưng vồ vập ý xuân,
tiếc gì?

*

Anh Khai, người ở chung một trại với tôi đã qua tới đất Mỹ. Thư anh viết về, mặc dù chỉ với những lời thăm hỏi, nói lên những tâm sự tha hương, nhưng mỗi câu, mỗi chữ đều rất chân tình. Bữa gặp anh lần cuối cùng tại Sàigòn, anh mời tôi uống rượu, ăn nhậu một bữa. Anh là người sinh trưởng ở miền Nam, giọng nói rất ấm, biết nhiều ngoại ngữ, đối với tôi, anh thương lắm. Những ngày khó khăn ở trại, lúc nào rảnh rỗi, anh cũng chỉ giúp cho tôi học thêm ngoại ngữ, nhờ vậy, mà sau này, tự mình học hỏi thêm, tôi đọc được một ít sách.

Đầu tháng Ba, bất chợt quá sớm, gia đình tôi được giấy mời của Sở Ngoại Vụ gọi vào Sàigòn phỏng vấn. Đang vui, Hồng và các con tôi tự nhiên òa khóc. Bà già, anh chị em Hồng cũng khóc theo. Tôi cũng bị xúc động nhưng

cố gắng giấu đi những giọt nước mắt của mình. Ngày bước lên tàu ở ga Huế, Hồng và đứa con gái đầu của tôi khóc thật thê thảm. Ngược lại, không hiểu sao mà tôi vui quá. Trong toa xe có giường nằm, tôi ngừng đọc báo để nghe bài hát *Tàu anh qua núi*. Bài hát lạ, rất nhiều ý hay. Nằm bên cạnh tôi là thằng Gấu, cháu gần được năm tuổi, vì vợ chồng tôi cũng sinh đẻ muộn mới vào lúc sau này.

Trong đêm, xe lửa chạy suốt. Tôi thiếp ngủ, chợt nằm mơ thấy Liên. Nơi căn nhà cũ đó còn nguyên vẹn. Nhưng ngoài một mình nàng, không còn ai ở đấy nữa. Khu vườn vẫn thơm mùi vị cây lá màu xanh. Nàng ngồi xõa tóc xuống gần vai, cái dáng nhỏ bé của ngày đó, đôi khi vươn mình lên lớn hẳn. Nơi vầng trán lộ ra một khoảng nắng của bầu trời. Bên kia con sông, bãi cát nổi, bất chợt nghe vang âm của mùa hè trở nên rộn rã. Nàng yên lặng giặt từng chiếc áo. Tiếng bàn chải đánh qua lại như tiếng còi con tàu sắp về tới. Bỗng nhiên bọt xà phòng nổi lên trắng xóa, tan dần, nàng ngừng tay, như vướng mắc một ý nghĩ nào trong sự bối rối. Đầu mùa hè năm đó, tôi quen nàng. Khi ấy là cô bé, tôi hỏi một câu, nàng đều đáp lại ngoan ngoãn. Giữa tôi và nàng, luôn luôn có một kẻ tự xưng tên mình. Nàng nói, bất cứ một câu nào cũng chợt nghĩ đến một nụ cười đã vắng mặt. Trong ký ức, dồn dập cơn mưa. Vậy mà, bức tranh ấy lại vẽ nàng là một cô thiếu nữ đang ngồi giặt áo lụa bên con sông. Khúc sông đẹp, mùa thu đi ngang qua đó, không biết phiền muộn điều gì mà nói ra những điều trách móc, khiến dòng sông vắng lạnh, không còn có ai ưa thích như cậu hoàng tử bé, ngồi một mình để ngắm cảnh mặt trời buổi chiều sắp lặn. Rồi chúng tôi từ giã, từ hai mươi năm nay chưa hề được gặp lại.

Khoảng sáu giờ chiều xe lửa mới tới ga Hòa Hưng. Cả bọn em tôi reo mừng, đứa nào cũng có sẵn xe mang ra đón. Tôi gặp lại mẹ tôi. Sau ngày tôi được tha về, từ dạo đó đến nay, lúc nào trong câu nói của bà cũng có nụ cười. Không bao lâu nữa, tôi sẽ đi xa, và kể từ nay bà không nhớ tiếc nữa. Bà thỏa lòng lắm, sống và chết, ở tuổi này đều vui.

Tôi đưa Hồng và hai đứa con tôi lên Hố Nai thăm mộ ba tôi. Tôi thắp hương, không cầm được nước mắt, vì thương ông. Ba tôi mất trong những ngày, anh em chúng tôi, cuộc sống đứa nào cũng khó nhọc. Vậy rồi cũng nén lòng, ông ra đi để lại phần phúc cho mẹ tôi. Tôi và Hồng cũng ở lại một buổi tối trên Hố Nai với vợ chồng đứa em gái tôi. Xa nhau lâu ngày, nói chuyện vui thích quá. TÔi nói chuyện với người em rể đến khuya. Hai đứa chúng tôi, mỗi người đều có sự cảm thông về hoàn cảnh của đất nước, và trong dự định, ước muốn của tôi qua bên đó một thời gian, khi cháu Gấu được lớn tuổi, tôi sẽ quay trở về lại với cố hương.

*

Phái đoàn của sở di trú sắp hết hạn kỳ làm việc ở Sở Ngoại Vụ. Danh sách hai mươi gia đình ở Huế được gọi vào để phỏng vấn cùng nhiều đơn vị các tỉnh khác, có năm gia đình phải xác nhận lại giấy ra trại và một vài thứ giấy tờ cần thiết khác. Ngày phỏng vấn của tôi quá căng thẳng. Căn phòng có gắn máy lạnh, nhưng mỗi lúc thời gian bị kéo dài ra, làm đầu óc tôi mỏi mệt, thiếu minh mẫn, mồ hôi ra ướt thấm chiếc áo sơ mi mà không hay biết. Bước đầu tôi rất tự tin. Những câu hỏi bình thường: ngày nhập ngũ, số quân, cấp bậc, đơn vị, ngày bị bắt, ngày được ra khỏi trại, cuộc sống gia đình sau những năm cải tạo trở về như thế nào. Tôi được ngưng lại ít phút để cho nhân viên sở di trú ghi vào hồ sơ xuất cảnh. Tôi thấy cô thông dịch viên thu gọn bớt một số giấy tờ, lòng đã khấp khởi mừng. Nhưng bản chính tờ giấy ra trại còn nằm nguyên đó như là một chiếc chìa khóa mấu chốt. Khi viết xong, viên "thẩm tra" ngước mắt, nhìn tôi vẻ chú ý. Tôi được hỏi tiếp, một câu rất thân tình, là những hình ảnh cũ của tôi lúc ở trong quân đội nay còn giữ lại không. Tôi đáp không, tất cả đều bị thất lạc trong cuộc di tản lúc đơn vị tôi rút khỏi thành phố Quy Nhơn. Ông ta nghe thông dịch viên thuật lại xong, bằng một giọng hơi nhấn mạnh hỏi tôi, tại sao những người khác còn giữ được, mà tôi lại không. Tôi nói, sự việc đó chỉ là một may mắn bất ngờ thôi. Nếu không có chuyện xuất cảnh của ngày hôm nay, thì không có một ai tha thiết giữ nó lại để làm gì.

Viên thẩm tra nghe tôi trả lời xong, có vẻ không tin, cái đầu lắc nhẹ, cặp mắt mỉm cười không nói thêm gì cả. Tôi hiểu, trong đầu óc của ông ta có nhiều nghi vấn, những lý lẽ tôi giải bày, thực sự đã có một cơ sở không riêng tôi, mà cho rất nhiều người.

Hình như, ông muốn tôi phải chấp nhận sự phản bác và mối nghi ngờ của ông. Tôi cảm thấy mình khó chống trả. Sau một thoáng suy nghĩ, ông ta coi lại toàn bộ hồ sơ của tôi, lật xem một vài chỗ thiết yếu, bỗng tôi thấy ông rút ra một tờ giấy khai sinh của đứa con gái tôi. Giấy khai sinh được làm lại, hẳn còn dấu mộc và chữ viết mới. Ông lại bắt tôi trình bày, vì sao không có giấy khai sinh cũ. Tôi giải thích với ông, cháu sinh đầu năm 1975, trong thời gian bắt đầu có những biến cố về chiến cuộc, và không đầy ba tháng thì tan rã, vì vậy, trong chính quyền mới, mọi hình thức, thủ tục, chúng tôi phải làm theo các mẫu mới được quy định. Đến lúc này, thực sự ông không tin những lời tôi trình bày nữa. Ông cúi xuống viết, im lặng, cho đến lúc nhận ra thời gian phỏng vấn đã lâu, ông thẳng người cầm tờ giấy ra trại đưa lên, gần tôi một chút, nói cho cả gia đình tôi biết rằng, chỉ với một tờ giấy ra trại này thì không thể nào đủ được tư cách pháp lý để đưa gia đình tôi sang Mỹ. Tôi biết vậy là xong rồi, nhưng tôi vẫn bình tĩnh giải thích, nói đây là giấy ra trại đích

thực của Bộ Nội Vụ Hà Nội cấp. Trong sáu năm, hai năm ở miền Nam, bốn năm tôi đã ở ba trại giam ở ngoài miền Bắc, Nghĩa Lộ, Yên Bái, Vĩnh Phú. Tôi nói thẳng rằng, ông đã nghi hoặc một sự man khai, do một vài trường hợp trong giấy ra trại ở nhiều địa phương, còn tôi xin xác nhận là trung thực. Hơn nữa, theo điều kiện của chính phủ Mỹ, cơ quan tổ chức IOM, thì thành phần những người thuộc chế độ cũ bị bắt đi tập trung cải tạo, có thời gian án phạt ba năm trở lên, chúng tôi đều được cứu xét sang định cư ở Hoa Kỳ theo diện HO. Vậy, ngoài giấy ra trại là bằng chứng thiết thực ra, tất cả hình ảnh, giấy tờ phụ thuộc khác, chỉ là một cách làm rõ thêm cho phần lý lịch. Tôi trình bày hết một lượt, rồi nhờ thông dịch viên chuyển dịch lại tất cả những ý đó cho nhân viên phỏng vấn nghe. Ông cũng chịu khó, lắng nghe hết. Nhưng, cái lắc đầu nhẹ, vẻ mặt tỏ ra không vui lòng. Gia đình tôi cùng đứng dậy, gượng cười chào, xin rút lui. Tôi cố giấu đi mọi sự bực dọc. Bất ngờ, ông bảo chúng tôi ở lại. Ông nói gì với cô thông dịch viên, tôi nghe không hiểu được rõ lắm, rồi cầm lại cây bút máy, ông viết vào một mẩu giấy riêng của Sở Ngoại Vụ, và đây là thư giới thiệu tôi đến Sở Công An Thành Phố (Bộ Nội Vụ II) để xác minh giấy ra trại, có đúng như bản chính của tôi không. Ngày Thứ Sáu là hạn chót, nếu làm kịp hẹn, ông sẽ đem hồ sơ phỏng vấn của tôi cùng chuyến trở về Bangkok.

Sàigòn đang bắt đầu mùa mưa. Buổi chiều đang xám mù trong đám mưa lớn. Xuống lối cầu thang, bên dưới phòng chờ đợi vẫn ngột ngạt, đông người. Các khung cửa kính, dòng mưa như suối chảy ồn ào làm mờ đục hẳn. Không hiểu sao, tôi lại nghĩ mình quá đơn độc, chẳng có một điều gì cần thiết nói cả. Người đạp xích lô, đứng chịu trận dưới đám mưa để đón khách. Tôi không hỏi giá cả, bảo Hồng bước lên xe, và cả gia đình trở về nơi chỗ cư ngụ.

Khi hiểu chuyện, mẹ tôi xuống nhà dưới. Hồng lên gác, khóc một mình. Hai đứa con tôi chạy sang nhà hàng xóm xem phim Video. Suốt đêm, cay mắt, tôi không ngủ được. Tôi nén không được những chuyện xui xẻo vô lý, và tự trách mình quá chủ quan. Những lúc đó, bất chợt thoáng hiện lên đầu óc tôi như một vầng sáng, mà trước đây, cũng rất nhiều lần tôi được gặp sự may mắn hết sức bất ngờ.

Tôi thức giấc sớm, lặng lẽ dậy một mình pha cà phê uống. Hồng bước xuống thang gác, nàng nói với tôi một giọng khàn đục, trong nỗi thất vọng nàng muốn thu xếp đồ đạc trở về Huế. Tôi lặng im, hút điếu thuốc, nhìn hàng cây dừa ở phía nhà bên kia con rạch trĩu nặng trái. Không biết định như thế nào, lúc ấy mới bảy giờ sáng, Thục ngừng xe Honda trước cửa nhà.

"Sao ông?"

"Rớt rồi. Bây giờ khó quá."

"Sao mà khó. Có bắt xác nhận lại giấy ra trại không."

"Phải."

"Vậy thì yên chí. Tốn tiền là xong."

"Ông biết chỗ."

Thục gật đầu, chúng tôi cùng vào nhà. Tôi pha hai tách cà phê, đem gói thuốc qua bàn ngồi với Thục.

"Uống xong đi ngay."

"Ngày Thứ Sáu hết hạn, kịp không."

"Kịp, nhưng phải mất đến năm, sáu trăm nghe ông."

"Được rồi."

Tôi để Thục ngồi một mình, nói chuyện với bà già, mấy đứa em gái tôi. Ngày gọi phỏng vấn, Thục đem gia đình vào Sàigòn trước một tuần, chuẩn bị các thứ giấy tờ, hình ảnh kỹ lưỡng hơn tôi, và tôi đã không nghe lời Thục vì quá tự tin vào giấy ra trại do Bộ Nội Vụ Hà Nội cấp. Tôi bước lên gác, thấy vẻ mặt Hồng ngồi riêng trong căn phòng tối ủ dột. Hai vợ chồng tôi nói chuyện vừa đủ nghe, sau đó, nàng mở va ly, tìm chiếc áo vét của tôi, lật túi, tháo chiếc kim băng, lấy ra một chiếc khâu đưa cho tôi, và sợ tôi quá bộp chộp, nàng căn dặn kỹ từng lời.

"Có Thục đi với anh, lo cái gì."

"Nhận giấy xong mới đưa tiền."

"Ừ."

Nàng cười, vịn vai xuống thang gác. Những ngày sống ở Huế, hai gia đình chúng tôi tuy ở xa, nhưng trong tháng, vẫn có vài ba lần gặp nhau, uống trà, cà phê, lúc cao hứng nhấm nháp chút rượu, nói chuyện văn nghệ, thời thế, và những dự đoán rất viển vông về một ngày tới nơi đất nước Mỹ. Những bạn bè của chúng tôi còn ở lại ngoài đó, đang đợi chờ, ngóng tin. Ai cũng trải qua gần nửa cuộc đời, vậy mà, tuổi hoa niên và thời kỳ lãng mạn vẫn còn gặp nhau lúc mưa, lúc nắng, thản hoặc nghe trong nỗi bàng hoàng tiếng hú gọi một đoàn tàu xa xôi sắp sửa trở về.

Quán nước, nằm trên đường Nguyễn Trãi, đối diện với cơ sở II của Bộ Nội Vụ. Thục ngừng xe, dắt tôi vào đó. Chúng tôi bước vào, bà chủ quán nháy mắt, và cả hai tự tiện đi sâu vào bên trong. Khoảng năm phút sau, bà chủ mới bước vào.

"Lãng đâu rồi," Thục hỏi.

"Cậu này đi với cậu."

"Phải."

"Chắc không."

"Chắc."

"Đợi tôi một chút."

Bà ta đi thẳng, mở cửa sau thấy một con hẻm nhỏ. Ra khỏi cửa, rẽ lối phải. Không đầy ít phút, một thanh niên bước vào, nói giọng Bắc với bà chủ, vẻ mặt lạnh lùng. Hắn kéo ghế ngồi, không chào hỏi ai cả.

"Bây giờ làm kịp không?" Thục hỏi.

"Anh đưa cho tôi coi giấy ra trại."

Tôi đưa bản chính cho Lãng. Hắn đọc kỹ rồi nói:

"Được."

"Bao nhiêu," tôi hỏi.

"Sáu trăm."

"Đắt quá. Không làm nổi."

"Không có giá rẻ mạt đâu ông anh," hắn hất hàm nhìn tôi nói.

"Thiếu gì chỗ bạn."

"Ở đâu cũng thế thôi."

Thục im lặng, không có ý kiến. Tôi uống cạn tách trà, đứng dậy bảo Thục:

"Chúng mình đi. Tôi biết một chỗ trên này."

Thục đi với tôi ra cửa. Tôi giữ thái độ dứt khoát, nhìn thẳng sang phía bót gác thấy một vài người đang xin vào cửa. Dòng xe cộ chạy không ngớt. Tôi cũng chưa cảm thấy sợ, vì còn đến hai ngày nữa. Bà chủ quán chợt gọi tôi và Thục. Tôi nói Thục đứng ở ngoài, tôi vào một mình. Lãng ngồi đó, vẻ mặt vẫn lạnh không thay đổi. Bà chủ quán nói với Lãng:

"Bớt cho cậu một chút đi."

Lãng hỏi gằn tôi:

"Anh muốn bao nhiêu?"

"Bốn trăm thôi."

"Không được. Anh đi đâu thì đi đi."

Tôi khựng lại một chút rồi gọi Thục vào. Cả hai chúng tôi đều có chung một quyết định trên đường đi. Tôi rút chiếc khâu đeo ở ngón tay ra đưa lên trước mặt Lãng.

"Đồng ý?"

"Không được."

"Vậy thôi."

Tôi trở gót đi liền. Lãng gọi giật lại ngay.

"Sao?"

Hắn mỉm cười nhìn tôi, dịu giọng xuống:

"Ông anh à, em đây chỉ chạy cò, cho em thêm ít chục nữa uống cà phê."

"Giá đó phải chăng rồi," tôi nói "Anh cũng làm Công An, tôi biết mà."

"Cậu này lính thôi, xin cậu cho em nó thêm vài chục," bà chủ quán cũng xuống giọng.

"Thêm hai chục," Thục nói.

"Vâng, cám ơn ông anh."

Lãng điềm nhiên cầm gói thuốc rút ra một điếu, hít một hơi dài. Thong thả, uống thêm một ngụm trà nữa rồi bảo tôi:

"Anh đưa giấy ra trại cho em."

"Bao giờ thì có."

"Mười một giờ trưa em trở lại."

"Tốt."

Tôi lấy bao thuốc ba số năm còn dư, đưa cho Lãng. Hắn trở nên dễ thương trong nụ cười, rồi đứng dậy đi ngay. Thục hỏi tôi:

"Ông ngồi đây một mình được không."

"Được, nhưng tôi rất cần ông."

"Việc coi như đã xong," Thục nói.

Bà chủ quán còn đứng đó, làm tôi hơi ái ngại.

"Đi kiếm hủ tiếu ăn, chưa có gì trong bụng cả."

Tôi kéo Thục ra ngoài, và trên đường đi tới quán ăn dọc vỉa hè, tôi nói với Thục điều tôi nghĩ. Thục gật đầu.

"Sao. Xong xuôi rồi chứ?"

Tôi đưa tay lên chào cười với một người bạn quen. Anh Phúc, cấp bậc Thiếu tá, ở cùng trại Tân Lập. Tôi nói với Thục:

"Ông đúng là người có đầu óc tính toán."

Thục cười, hiểu được một ý tôi muốn nói riêng trong đó. Nồi bún bốc khói, cô bán hàng bày sẵn hai tô, múc liền cho chúng tôi. Lúc này, trong đầu óc tôi bớt căng thẳng. Tôi hỏi thêm một vài câu, Thục vừa ăn, lúc này mới nói thực cho tôi biết:

"Ông nên nhớ rằng, nếu nó cố tình bác ông, không bao giờ nó bắt ông xác nhận giấy ra trại đâu."

Tôi cũng đang ăn, nhưng không cảm thấy ngon miệng lắm. Đè nén sự mâu thuẫn nơi mình không được, tôi nói với Thục:

"Nhưng tại sao vô lý như vậy. Tôi đã nói là giấy này của Hà Nội cấp, chứ có phải nằm ở địa phương đâu mà làm giả được. Ông thấy không?"

Thục ăn xong, đũa bát bỏ sang một bên, cầm tăm xỉa răng, rồi quay sang nói với tôi:

"Ông còn ngây thơ lắm."

Tôi chợt hiểu, mỉm cười, thoáng nhìn đồng hồ đã gần tới mười giờ.

*

Đầu tháng Chín, tôi nhận được giấy báo đăng ký chuyến bay. Không bị trở ngại chụp hình phổi, nên gia đình Thục lên đường trước. Tôi gặp lại Thục ở Sàigòn, hai ngày trước khi đi. Tôi ghi địa chỉ của tôi qua người em gái làm sponsor. Ngồi ở một góc quán vỉa hè, trước mặt tòa soạn một tờ báo kinh tế, con đường Pasteur chạy ngang qua, chúng tôi uống nhiều chai bia 33, mặt mày đỏ gắt. Ở khu công viên, trước mặt Sở Ngoại Vụ, nhiều năm nay, không một ngày nào vắng bóng những người bạn HO, và tin tức họ đã cho nhau biết những điều mà đến các báo chí có thẩm quyền cũng không có được. Người nào, lúc này, mặc dù chưa ra đi, nhưng vẫn có cảm tưởng là nước Mỹ đang ở trên đường bay của mình.

Không đưa gia đình Thục lên Tân Sơn Nhất, tôi chỉ ghé nhà thăm chị Trân, mấy cháu, rồi ngày hôm sau quay trở về Huế. Những thư từ, nhắn tin của Thục cho bạn bè, tôi cất giữ trong cái túi xách đi đường. Chuyến tàu Thống Nhất rời ga Hòa Hưng lúc tám giờ sáng, 11g30 trưa ngày hôm sau đã về đến Huế. Không nhắn tin Hồng lên đón, tôi đón xe trở lại nhà một mình. Bữa ăn trưa, nói chuyện với bà ngoại, anh em trong gia đình, ngày đi cũng gần tới làm Hồng bối rối. Ngày mai, chuyến bay của Thục sẽ rời Việt Nam lúc hai giờ sáng. Trạm ngừng đầu tiên ở Thái Lan. Trên đường từ Thái Lan bay tới Florida, hẳn sẽ còn nhiều trạm ngừng khác nữa. Ngày hôm đó, vui hay buồn, tôi chợt nhớ cặp mắt hoen đỏ của chị Trân, bài thơ rất dài mà Thục viết, trong bữa tiệc chia tay, mới đó, bạn bè đứa nào cũng bị xúc động.

Nơi thành phố này tôi đã sống nhiều năm với nghề bán sách báo. Tôi làm giúp cho đại lý của anh Phước, chị Nhã, sau một thời gian qua chỗ anh Hòa chị Tuyết. Tôi xin nghỉ công việc, bất chợt cả buổi sáng đứng nơi quầy hàng trò chuyện với chị, dồn dập ở trong trí nhớ tôi, những quãng đường dốc, đồi núi, rừng thông, và các làng mạc dưới ánh nắng chói

chang trong suốt một mùa hè. Nghề bán sách của tôi dựa vào sự phát triển bên ngành du lịch. Huế đang được UNESCO chú ý, nơi đây là lịch sử chính thống của nhà Nguyễn, mỗi năm, vào mùa hè, du khách nước ngoài, Việt kiều, trong nước Sàigòn, Hà Nội tới thăm với số lượng khách ngập đầy cả thành phố. Buổi sáng và buổi chiều, chiếc xe đạp của tôi lúc nào cũng chất đầy lên một cái thùng giấy cột chặt phía sau, cách một giờ, mới lang thang chào hàng ở các quầy lưu niệm trong Đại Nội, tôi đã đạp xe lên tới cuối cùng dốc Nam Giao, rẽ phải từ ngã ba, không đầy năm cây số, gặp lại đồi Vọng Cảnh, và đâm thẳng một đường dốc dài, quanh co, xuống thẳng trước cửa điện lăng Tự Đức. Ở đây, hùng tráng, vĩ đại, và cũng rất lặng thầm những động dưới bóng mát. Người ở vùng quê, đến mùa hè, họ thường đi xe đạp thật sớm, dụng cụ cào cuốc đem theo, và lên đường triền dốc ven các đồi thông để gom từng bó lá thông khô đem về nhà thay củi đốt. Rơm thông khô, bốc lửa cháy rần rật, bữa cơm chiều đốt lửa, vàng rực khắp các thôn xóm như một vùng nắng mênh mông muốn đẩy quê hương của những người sống cuộc đời du mục ra tới mặt biển. Nhiều buổi sáng tôi đi xa lên đến lăng Khải Định, Minh Mạng, ở nơi đó có những người bạn già sống lâu như các vị cư sĩ, và cũng ở nơi đó, những cô bán hàng nước, quanh năm giữa những lời mời mọc, duyên dáng, những nụ cười hồn nhiên như tiếng chim hót để chào khách du lịch từ các nơi xa mới đến. Những con người này, dường như họ không phải sống với kỷ niệm, dù là có một vài bất gặp riêng tư, nhưng thực sự họ đã sống trong một chuỗi thời gian. Nơi tôi, đến là cười chào, quen biết họ, quen biết các bạn hàng, mỗi ngày xuống phiên, lên phiên ở trong điện, hay bên ngoài cổng gác chính. Khi từ giã họ, buổi chiều trở về của tôi rất thư thả, lãng mạn nhìn đồng ruộng, đàn

LÊ GIANG TRẦN

SỐNG KHÉP

Sống làm thơ âm thầm bên nhốn nháo
điếu thuốc lào buổi sáng kéo say chân
khói phù vân đời phù ảo tê rần
trong mạch máu ngàn con sông sóng vỗ

Người ra đi đã quay về thôi chờ đợi
những đầu tàu xe lửa đã vô âm
lá cờ xưa phơi héo vàng theo nắng quái
như tùng bách trên non tôi già cỗi âm thầm

Sống sinh nhai tôi quẫy mình như cá cạn
từng mua trăng nước hiếm hụt bèo rong
cá ăn đêm không đủ cá ăn ngày
bơi hụt sức ngược dòng con nước siết

Ngày biển gọi lòng ra đi quyết liệt
ngày cánh rừng nai lộc thúc tay săn
ngày đồi cỏ mởn xanh vời gót ngựa
chỉ còn lại hình dung kẻ mỏi gối tang bồng

Tôi sống khép như nhà nhà khép cửa
bình minh là giấc ngủ mệt tàn đêm
trăng sao khuya là đường về nơi cô độc
chén cơm đêm là hiệu quả một ngày hề

Tôi lại sống làm thơ âm thầm bên thinh lặng
tiếng cú đêm không còn nhói trong lòng
khói thuốc lào đã quen mùi nhạt thếch
có sao đâu người vô tội với lưu vong
10-7-94

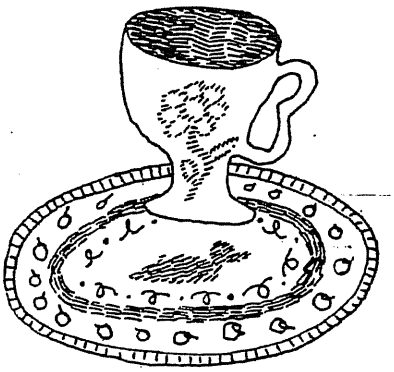

bò, con trâu cày đi qua vũng nước, và nhớ một cô bé Sàigòn, nói một giọng Hà Nội sau ngày đất nước thống nhất. Cô bé ấy nay ở đâu, tấm áo trắng của cô ở tận một vùng trời, biết đâu ở một chốn vùng du mục, hay chỗ căn nhà cô ở có chiếc cầu bắc qua dòng suối, thôn bản chìm thấp dưới đám mây, nhưng hễ vào sớm mai, lúc đoàn người tù ngang qua đó, người tuổi già hẹp trong cánh cửa đám mây, cô gái như gạo mùa, như hoa trắng, và hẹn đến ngày mai khi tóc xanh xõa xuống được hai vai, tôi mới gọi tên nàng là thiếu nữ và dừng chân đứng lại.

Xin chia tay và nếu là mãi mãi
Thêm một lần xin mãi mãi chia tay.

Tôi nghe những lời khuyên của Thục, mỗi ngày thu xếp xong một công việc sau khi trở về. Những ngày vừa mới qua mưa ngập nước. Ngày hôm sau, thấy quang tạnh, Hồng giục tôi đi Quảng Trị sớm, sợ trong mùa này thời tiết hay có bão và dễ bị lụt lội. Nơi chỗ làng tôi, xa thành phố Huế hơn 60 cây số, thôm xóm còn lại cũng ít, những người định cư nay họ tản mác, hoặc dồn tụ về phía biển nhiều hơn. Sau cuộc chiến tranh, gia đình tôi và những thân quyến gần gũi, lần lượt vào miền Nam, ở Long Khánh, Bà Rịa, Sàigòn, hoặc các tỉnh miền Tây để sinh sống. Ba tôi đã mất. Phần mộ đặt chính giữa ngọn đồi trong một khu nghĩa địa rộng rãi, đầu hướng về ngọn núi, chân thẳng theo những hàng cây bạch đàn xuôi xuống dòng suối. Bác Hai, và một người o ruột của tôi còn ở làng. Tôi đem khung ảnh cũ của ba tôi về gửi nhờ bác Hai thờ vọng, để mỗi kỳ giỗ chạp, có được hương khói chung với ông bà nội, và những người thân quyến đã mất. Ngôi nhà thờ chính đã hư nát, chỉ còn nguyên vẹn cái giếng nước, sân gạch đầy rêu, và cây khế năm nào cũng sai quả trên bên cạnh lối đi vào cổng. Tôi ghé thăm bà o bị lòa mắt, gửi chút ít quà, tiền tiêu vặt. Buổi sáng, con đường êm vắng, cát mịn, lũy tre xào xạc trong ngọn gió, bác Hai mặc cái quần trắng, áo lương đen, dẫn tôi lên những đồi cát để thắp hương cho các ngôi mộ của gia đình. Bác Hai tôi vẫn còn khỏe mạnh. Tôi nói chuyện về quê nhà, bác lặng im nghe, như đó là những mảng tâm sự của chính mình. Trở về, tôi ngồi với bóng im của mái tranh trong căn nhà bác. Bữa trưa ăn cơm xong, tôi từ giã. Bác Hai tiễn chân tôi ra tới khu chợ, đầu ngõ vào làng. Tôi nói chưa hết câu, bác đã chảy nước mắt. Tôi mỉm cười, và tự tin mình đang ở tuổi hai mươi. Tôi nắm tay bác, rồi cúi đầu vụt chạy. Dòng nước trong suốt trôi đi cùng với lá rụng dưới chân cầu. Buổi chiều qua huyện lỵ còn ánh nắng. Nửa đường xe chạy, xối xả mưa. Mưa mù làm những đám mây lênh đênh như sóng biển trôi giạt về hướng núi. Tôi cảm thấy trong tâm hồn, trong ký ức, những kỷ niệm không có lối thoát đã ngập chìm trong nước mắt.

Huế, trời bỗng nhiên tạnh ráo. Xe ngừng đỗ, tôi xuống ở phía bên nay cầu Bạch Hổ. Tôi đi bộ qua chiếc cầu. Dòng sông Hương xanh biếc, tuôn tràn giữa một ngày lộng gió, vượt hẳn cả sức mình để chảy tới một nơi xa. Ở giữa đoạn cầu ván chênh vênh, gió lớn, hất ngược mái tóc, tôi chợt dừng bước lại. Không ngờ, sau bao nhiêu năm sống ở thành phố này, nay tôi mới nhận ra bóng dáng một cây phượng cao lớn, nghiêng lệch trên mặt nước một dãy bậc thềm tam cấp, và đúng nơi đó là bến cũ, căn nhà của những ngày xa xưa mà Liên đã cư ngụ. Sau cái chết của Hân, gia đình nàng đã đi tìm thuê chỗ ở một nơi khác. Bây giờ, tôi không còn thấy ai giặt áo nơi bến cũ. Nhưng sự nhớ thương, tình cờ nó vẽ lại rất dịu dàng, rõ từng nét, bóng dáng cô gái tóc cắt ngắn, chiếc áo nhuộm màu hồng, tay đang cầm bàn chải, xà phòng, nàng ngồi dưới nắng ấm, còn tôi ở trên bậc thềm tam cấp, hai người nói chuyện với nhau giữa một buổi trưa im lặng vô cùng.

Ngày đó, bố Hồng mất. Tôi được tin trễ, về muộn. Ngôi mộ năm nay nằm trên một quả đồi, đứng từ chỗ đó, thấy cả một làng mạc rất xa dưới những vùng mây trắng đang trôi tới mặt biển. Ông M., là một người mẫu mực, sống rất nhiều sự khắc khổ, đau thương. Tôi rất ít sống gần ông. Nhưng cháu gái đầu con tôi là đứa được ông che chở, đùm bọc. Nay tuổi 18, vóc dáng thiếu nữ, tái hiện hình ảnh của Hồng trong một dĩ vãng màu áo trắng. Ngày khai sinh của cháu làm tôi nhớ đến Liên. Ở sau các cổng trường, màu vôi tím đã nhòa nhạt nhưng vẫn còn một khuôn mặt Đồng Khánh. Tôi muốn qua một kỷ niệm từ nơi mái tường đó để đặt tên, nhớ lại hình ảnh của nàng, nhưng sau một chút suy nghĩ, cân nhắc, tôi biết sẽ làm cho Hồng im lặng với nỗi buồn. Hồng là con gái duy nhất trong một gia đình đông anh em trai. Ngày đám cưới rất đông bạn bè. Hồng mặc hai lớp áo màu xanh lá cây. Những bức ảnh đủ kiểu, đều được chụp trong ngày hôm đó dưới một bầu trời quang đãng, với thềm nhà đỏ màu xác pháo. Nhưng bao nhiêu ngày hôm sau, khi tôi cất bước ra đi, những bức ảnh đó bị chôn vùi không bao giờ được tìm thấy lại. Chuyện cũ đau lòng, nhớ lúc đó, tôi đã cẩn thận cất hai cuốn phim vào gói giấy để mang theo, nhưng không biết thế nào, khi tới đơn vị, tôi đã lục hết cả ba lô mà vẫn không tìm thấy. Trong sự sơ suất của tôi, hay một sự việc như thế nào tôi không hiểu, bất ngờ xảy ra liên tiếp cho vợ chồng tôi không biết bao nhiêu nỗi bất hạnh. Chiến tranh đi tới ngày hấp hối, rồi chung cuộc. Nằm ở trong trại giam, hối hận chuyện cũ, tôi viết thư xin lỗi Hồng. Hồng đáp thư, chỉ nói là mong đợi, ao ước tôi được trở về. Ngày đó, không được gần lắm, đã rất xa như một tấm lòng kiên nhẫn, đợi chờ.

*

Buổi sáng hôm nay, mưa như những hạt bụi sương rũ xuống thật nhẹ nhàng, tươi mát. Nửa giờ sau, ánh nắng đẩy lên làm một

ngày vui hẳn. Tôi đứng dưới mái hiên, nghe chung quanh hòa hợp cả một thôn xóm, tưởng như mùa xuân đang trở về ấm áp, rộn rã tiếng nói cười. Thằng cu Gấu, bạn nhỏ của tôi, được mẹ mặc cho quần áo mới, đã chạy tung tăng băng nhà này, sang nhà nọ, chơi trò trốn tìm với bọn trẻ. Cháu gái Đông Anh, quét sạch lá rụng trước sân nhà, cất tỉa gọn những đám lá lòa xòa nơi hai phía rào dậu. Bên cạnh ngôi chùa, khu vườn đang nở nhiều cánh bông đủ các sắc màu. Mỗi ngày, buổi sáng mát, chiều trong bóng im, lúc nào cũng thấy cô Như Huy ra vườn tưới nước cho cây lá, và bông hoa. Sáng nay, cũng vừa là ngày kỷ niệm bốn năm nguyên vẹn màu ngói đỏ của căn nhà. Hồng được đứa cháu phụ giúp, dọn dẹp bếp núc, giữ lại những thứ gì cần dùng trong ít ngày, còn bao nhiêu dồn hẳn qua một bên để đem chia lại cho các gia đình nghèo khó. Tôi đứng ngồi ở đâu, cũng nghe rõ được tiếng nói, tiếng cười của thằng Gấu. Nó bắt đầu biết nói trạng rồi. Trong ý thức trẻ con, tự nhiên nó hiểu được gia đình sắp rời khỏi nơi đây để đi xa tới một nơi khác. Ở những lần di chuyển, phải ra vào Huế-Sàigòn để phỏng vấn, chích ngừa, khám sức khỏe, cháu nó nhớ được tên một con đèo, mặt biển, đường hầm, một số nhà ga, và đặc biệt, nhại được cả tiếng rao quà của bọn trẻ bán quà rong, nước uống trên tàu.

Hai người em trai của Hồng mượn được bàn ghế đem về, chúng tôi phụ giúp nhau sắp đặt gọn gàng cho đủ 12 chỗ khách ngồi. Bà ngoại vẫn còn khỏe mạnh, lên xuống nhiều lần, cứ ăn thông ngã dốc khu vườn, gặp những nhành cây vương rãi thì nhặt nhạnh, chốc lát bà dừng lại nói chuyện với các đứa cháu, lúc nào trên miệng cũng giữ một niềm vui. Hồng ngừng tay, hễ thấy bóng mẹ, cứ lặng lẽ đưa mắt nhìn theo hoài. Căn nhà trở nên sạch sẽ, mát dịu. Tôi cảm thấy hài lòng, vì mọi thứ đều ngăn nắp. Khung ảnh của ba tôi trên bàn thờ thật nghiêm trang, đôn hậu. Bên vườn, bóng dáng chiếc áo màu lam cô Như Huy đi lại, những tia nước trắng xóa dội mát lên từng khóm cây, ngọn lá, thoáng vẽ ra một khuôn mặt xinh xắn, nguyên vẹn cả nụ cười. Ngày rạng nắng, vàng ửng, những cánh hoa thơm màu trắng làm tôi chợt nghĩ đến ba tôi. Sự bình thản trong cuộc đời là màu trắng. Đó là một kỷ niệm, nhắc nhở đến chiếc áo ba tôi thường mặc vào lúc buổi chiều. Giữa khoảng nắng trải rộng trên tờ giấy, hai tay áo buông thõng, ba tôi đã giữ rất lâu trên cặp mắt đeo kính trắng của mình một tình bạn cố tri, và cứ mỗi hàng như vậy, là một câu thơ Đường được chép lại bằng chữ Hán. Nơi căn nhà này, một phần chữ viết đó, tôi đã giữ lại, cẩn thận cất vào trong tủ sách. Bạn bè của ba tôi, mỗi người là một đám mây trắng. Người Đông phương thường nhìn theo mây trắng để tìm được một nơi thật đích xác là quê nhà. Đôi khi, ba tôi nói, mỗi câu thơ Đường là một người bạn. Người bạn xa cách lâu ngày từ Hoàng Hạc lâu tới thăm, tháng Ba đã nở ra hoa, ở lại ít hôm trò chuyện sau đó lại ra đi, từ biệt. Khuất hút trong màu trời xanh thẳm, bạn đi với một chiếc thuyền lẻ loi, và tất cả những dòng sông đang chảy đều vô hạn.

Đầu buổi chiều thì bạn bè đã tới. Xe đạp, gắn máy, dựng một góc cuối sân. Hai cây bồ kết trước mặt nhà che đủ bóng mát. Người bạn nào cũng vui, như tuổi trẻ hang còn đang mỏng nhẹ trên màu tươi của những chiếc áo len. Ở dưới chân dốc, hai người đi bộ lên, tôi nhận ra ngay cái mũ lưỡi trai màu xám của Hồi. Ngọc vẫn lớn con, nhưng cả mái tóc, sợi nào cũng bạc trắng. Hấn có một khuôn mặt đầy đặn, nụ cười kiểu tài tử điện ảnh. Ngay mặt dốc, hai người chào đưa cao bàn tay. Tôi định giới thiệu Ngọc với vài người, nhưng Ngọc xua tay, cả đám ở đây đứa nào cũng biết nhau cả. Những vệt nắng dọi nghiêng, chúng tôi đứng lên đổi vị trí. Chiếc bàn vuông thấp đưa qua bên này một chút, hơi chênh vênh, phải kê một miếng ngói nhỏ. Tôi trở vào mang ra thêm hai ghế cao cho Hồi và Ngọc. Anh em tiếp tục câu chuyện riêng từng nhóm. Trứ chỉ mặt tôi, hấn cười, nói với Hượt và Ty ngồi bên cạnh, bạn học từ hồi lớp nhỏ, thằng này đại hoang. Hượt nhỏ hơn tôi hai tuổi, vui tính, có đứa con trai vừa thi đậu vào Đại Học. Trứ bật diêm châm điếu thuốc, trong lúc Ty nói, Hượt lắng nghe chăm chú, những nhận định khá chính xác về tương lai của sinh viên, và những ước vọng sau này của thế hệ trẻ. Nhóm bên phía Cao và Kiên đông hơn. Trong thành phố, Cao đang nổi tiếng về khoa bói toán, nhất là coi về quẻ dịch, tử vi. Cao đang giải thích về luật âm dương và sự liên hệ về các cung tài mệnh, tồn, lộc, phu, thê trong khoa tử vi. Tôi còn đợi hai người nữa. Bất chợt Hồi bảo tôi, là Đức và Hội xin lỗi không đến được, vì sáng nay đã đưa cả phái đoàn Hòa Lan vào tham quan ở Đà Nẵng. Những năm gần đây, ngành du lịch phát triển, Hội và Đức đều nghỉ dạy ở trường, chuyển qua trong bộ phận thông dịch của ngành du lịch thành phố. Những chuyến đi về như vậy ngoài tiền lương, có được công tác phí và tiền thưởng của đoàn. Tôi thấy buổi chiều còn ấm áp, nên để anh em ngồi nói chuyện thêm năm, mười phút nữa. Ngồi xuống bên cạnh Ngọc, tôi cầm lá thư của Thục vừa mới viết gởi thăm anh em qua địa chỉ của Ngọc. Trong thư, Thục dặn riêng tôi, khi nào lên đường, cố gắng mang được sách qua bên đó, nhiều được chừng nào, tốt chừng đó, vì bên đó, giá thành tiền in ấn rất cao. Tôi cũng được rõ thêm về các chi tiết làm thủ tục hải quan, cân đo hành lý, và bốn khâu khác nữa lúc vào trong phòng cách ly. Lá thư đầu tiên sau 15 ngày Thục qua tới Mỹ, chỉ vắn tắt các lộ trình đi, các trạm ngừng, nơi đến, và những công việc đầu tiên liên hệ với người làm sponsor và Sở Xã Hội.

Hồng xuất hiện dưới mái hiên

nơi thềm cửa, nàng mời chúng tôi vào. Chúng tôi vỗ tay khen Hồng. Bàn trải khăn trắng sạch, ngay ngắn, từng cặp ghế đối diện, khăn giấy, ly tách cũng sắp một hàng dài đồng màu, đẹp mắt. Căn nhà tôi đang ở được bốn năm, một căn chia làm hai, ở bên trong sinh hoạt gia đình, phòng bên ngoài rộng, thoáng mát qua nhiều cửa sổ, và chỉ đặt thêm cái đi văng để nằm nghỉ trưa, hoặc nằm mát lúc bắt đầu sang mùa hè. Ngày hôm qua, tôi cũng đã dọn dẹp ngăn nắp các thứ sách vở, giấy tờ, gom lại những bức ảnh cần thiết của gia đình vào trong một cuốn album. Anh em đã đủ mặt, chỉ thiếu Đức và Hội, chúng tôi thêm vào đó một người trong gia đình để vừa đủ ghế. Ở ghế cuối, Ty bật cười nhắc tôi vài lời phi lộ. Hồng đứng cạnh bên tôi, ánh lửa làm mặt nàng đỏ hồng. Trong sự yên lặng của anh em tôi chuẩn bị nói một vài lời. Hồng gắng gượng mỉm cười, nhưng nàng khóc. Chúng tôi vui, bắt đầu rót bia mời mọc, cụng ly, cười nói, chúc mừng để bắt đầu vào tiệc. Băng nhạc do chị Hà Thanh hát. Những kỷ niệm của một người nào đó gần như là hư tưởng, bất chợt trở về trong hơi thở, và mát lạnh trong hai cánh tay hoang dại của nàng. Nhớ một bản nhạc rồi tắt đi. Anh em cùng dồn vào để tài một câu chuyện, bất chợt tách ra, mỗi người có cảm tưởng như mình cũng có sự ra đi, tới một nơi khác. Bữa tiệc chia tay hôm ở nhà Thục, gợi nhớ lại, và trong anh em, chúng tôi hát, đọc thơ, và có nhiều người kể rất rõ những kỷ niệm sâu sắc của thời thơ ấu. Tôi thay băng nhạc, để mọi người cùng nghe Thái Thanh hát bản nhạc Tình Ca của Phạm Duy. Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời. Tiếng hát sau mỗi đoạn, tôi có cảm tưởng như sau đó, có một cái gì đang vứt vào khoảng trống.

Khoảng tám giờ đêm mới tan tiệc. Khi anh em trở về, tôi và Hồng yên lặng, ngồi nhìn ánh đèn. Trời mưa lớn. Sáng hôm sau, nghe tiếng chim hót bên khu vườn của ngôi chùa.

Ra đi buổi sáng trong mưa. Hồng và tôi, hai đứa níu lại từng cánh cửa nơi ngôi nhà đã có bốn năm kỷ niệm vợ chồng. Trong mưa, những nỗi buồn cứ ray rứt. Nhà ga hôm nay quá đông những người khách đưa tiễn. Tôi muốn cắt rời từng câu nói của bạn bè, để lúc ấy bình yên, tự mình thu xếp lại ngăn nắp. 8g30 tàu LH3 chuyển bánh. Trong những thước phim sau cùng, có một người trong cùng chuyến đi với gia đình tôi đã quay được một đoạn hình ảnh của chiến tranh giữa đám người đứng dưới cơn mưa của nhà ga trong buổi sáng.

*

Tôi được ở gần mẹ tôi đúng hai tuần lễ. Ngày 4-11, lúc hai giờ sáng, mẹ tôi ra đứng trước cửa tiễn chân vợ chồng tôi, hai đứa cháu lên xe ca. Sàigòn mất hút trong đèn khuya, lặng lẽ. Xe vào phi trường qua nhiều trạm gác, ồn ào và lo sợ. Tôi cất giữ mọi giấy tờ trong cái túi rộng của chiếc áo cánh cho đến khi được gọi tên vào phòng cách ly. Vào được bên trong mới thấy yên lòng. Ngày hôm qua, sau đợt khám sức khỏe cuối cùng ở bệnh viện 30-4, kết quả không có gì trở ngại, tôi mới chắc chắn là mình đi. Tôi không có một ý niệm gì về nước Mỹ, ngoài cái giấy ký nợ tiền phải trả vé máy bay trong một thời gian lâu dài khi sang ở bên đó. Hai đứa con tôi vui mừng, hớn hở. Hồng ngồi riêng một góc, phần tôi qua từng cửa trạm để làm thủ tục. Tôi nôn nao, mong đợi, và lúc nào cũng bị ám ảnh một nỗi sợ hãi.

Sau gần một nửa đời người, sáng hôm nay là một chuyến cuộc đời của tôi đi xa nhất. Phi cơ cất cánh, rời phi trường Tân Sơn Nhất đúng 5giờ 30 phút. Trên không trung, tôi nhìn xuống thành phố Sàigòn chưa thức giấc. Không hiểu sao mà những nỗi xúc động của tôi đều vụn nát. Phố xá, nhà cửa, cây cối đều không nghe vang lên một thứ tên gọi thảm sầu. Không lâu, đã thấy biển xanh. Dưới ánh đèn phi cơ mọi người vui vẻ trò chuyện, quên hết những phút giây vừa qua. Tôi ngả người lên lưng ghế hút một điếu thuốc, và triền miên với nhiều mộng tưởng trong vùng ánh sáng của thời gian. Tôi nhớ lại từ lúc đầu tiên mới đi học, những ngày lớn lên, cuộc sống theo gia đình từ những ngày ở Quảng Trị vào đến trong miền Nam. Cuộc chiến tranh cũng tan biến rất mau. Tất cả sự chết chóc, tàn phá, đổ nát đều đi qua trí nhớ tôi một cách bình thản. Xuôi dòng thời gian tôi đi luôn, không dừng lại một nơi nào để nhớ, mặc dù, cái đói, cái rét, cái chết, cái thiếu ăn vào thời kỳ ở các trại giam rất hãi hùng. Tôi cũng không dừng lại được một chút lâu để ngắm kỹ căn phố cũ, và ngôi nhà ngày xưa mình đã ở. Không, đến cả đôi mắt dịu dàng của thiếu nữ.

Phi cơ bồng bềnh trên mây trắng và trên mặt biển. Khoảng hai giờ sau đó, lúc phi cơ hạ thấp, thì bên dưới là một phi trường nối liền với hải cảng. Tiếng động nghe vù vù, phi cơ xuống thấp nữa, và bắt đầu làm động tác hạ cánh. Phi đạo nổi trên mặt nước, hai bên đều có các thuyền bè đang đậu. Trên đường băng chạy dài, mưa lớn cứ văng dọc theo hai cánh phi cơ, đến một lúc sau mới ngừng lại.

Thời tiết xấu. Ngồi ở phòng đợi phi trường Hồng Kông lúc 9 giờ sáng. Những lần báo chuyến bay cho hành khách chúng tôi, cứ mỗi đầu giờ là hoãn lại. Mây mù, mưa lớn, bão rớt, đang bao phủ gần kín hết phi trường.

Trong đêm, lúc 11 giờ mới cất cánh. Ngày đó, nhưng là hôm sau, vào buổi chiều lúc 4giờ 30 phút, hành khách diện HO chúng tôi mới đặt chân tới đất nước Mỹ. Như vậy ra đi từ Việt Nam, ở trạm ngừng Hồng Kông gần một ngày, sau 14 giờ bay thẳng, từ Hồng Kông đến thành phố Los Angeles. Tới đây là mãn nguyện cuộc đời mình rồi, người khác ra sao, riêng tôi không còn một ước ao nào để đi tới một nơi xa hơn nữa.□

15/8/94

NOËL VÀ KỶ NIỆM

VI KHUÊ

Năm 1944, gia đình tôi đang sống yên vui tại Sài Gòn trên con đường mang tên Tây René Hérauld, thì một ngày gần cuối niên học của chị em tôi, ba tôi bỗng có quyết định đột ngột:

"Con Vi, thằng Hòa đâu? Hai đứa con đến hè này phải về quê với bà nội và ở lại đó học trường làng luôn, trong một năm để được gần bà nghe chưa?"

Ngồi vào mâm cơm sau đó, ba tôi mới bắt đầu nghiêm nghị giải thích thêm:

"Ba xa bà nội lâu quá rồi, đã lỗi đạo thần hôn phụng dưỡng. Kể từ khi đám cưới ba mẹ, chỉ có rước bà nội vô Nam có một lần đó rồi thôi. Nay con đã lên mười, em con đứa thì lên tám, đứa lên sáu, đứa lên bốn... mà bà nội chưa trông thấy mặt đứa cháu nào cả. Bà nội một mình ở lại làng chăm nom ngôi nhà cũ kỹ của tổ tiên. Mỗi chiều bà đều ngồi bên cửa sổ mong đợi thư con. Bác Cả thì ở bên Tây, ba thì ở đây, chú Lộc thì làm việc tận ngoài Vinh, ngoài Nghệ, năm ba năm mới về thăm mẹ một lần. Cũng may còn chú Út ở lại với bà, nhưng mấy năm nay chú đã lên bậc trung học, phải vào kinh đô Huế mới có trường, lâu lâu mới về thăm bà mà thôi. Ba thương nhớ bà lắm và muốn chứng tỏ chút lòng hiếu kính của ba đối với bà, vậy các con hãy vui vẻ nghe lời ba. Ba sẽ xin chuyển giấy tờ cho các con về học trường làng trong một năm..."

Trường làng! Tôi có được biết sơ, qua quyển sách *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* lớp sơ đẳng, với những thằng "Xuân đi học coi người hớn hở" nó hay rủ "thằng Thu" chơi đánh đáo trước giờ vào học. Chúng nó là con trai còn nhỏ xíu mà cũng mặc áo dài đen như ông già! Làng thì có cây đa, với những ông lý trưởng, chánh tổng gì đó. Còn bà nội tôi thì chỉ được biết qua những tấm ảnh dán trong album. Bà tôi mặc hai cái áo dài, một lót bên trong, một phủ bên ngoài, cổ đeo kiềng vàng rộng. Bà ngồi trên ghế, lưng thật thẳng, nét mặt thật uy nghiêm. Đứng bên cạnh bà là hai chú tôi, con trai mà cũng mặc áo dài, cổ đeo kiềng bạc nữa!

Thế là mùa hè năm ấy chị em tôi về làng chơi đùa thỏa thích trong ngôi nhà của "tổ tiên để lại". Nền nhà lát gạch nhưng mái lợp tranh, sân hẹp nhưng vườn rộng, có đủ cây trái thơm ngon như cam, na, ổi, khế chua, khế ngọt, có cả mấy cây trầu bên giếng nước để bà tôi hằng ngày hái những lá xanh tươi.

Vào đầu niên học, chúng tôi bỡ ngỡ đến trường, mang tâm trạng của đứa bé đi trên đường "mùa thu, lá vàng rụng nhiều". Trường không phải chỉ là trường làng, mà là trường tổng, một kiến trúc khá khang trang, sạch sẽ, với những thầy và bạn mới

đón tiếp chúng tôi bằng những vòng tay mở rộng.

Từ khi có hai đứa cháu từ thành phố "Sài Gòn ánh sáng" về với bà nội, chú tôi cứ mỗi tuần lại về làng chơi với chúng tôi chứ không để lâu lâu mới về như trước đó, nên bà tôi vui vẻ lắm.

Một ngày hạ tuần tháng Mười Hai tây năm ấy, một biến cố đã xảy ra dưới mái tranh này, gây nên niềm xúc động lớn lao nhất cho tâm hồn tôi, mà đêm nay, nhân mùa Noel sắp tới trên đất Mỹ, tôi ngồi ghi lại: "Noël, Nhớ Cảnh Nhớ Người".

*

Ở phía bên trái bàn thờ tổ tiên rất rộng và được che phủ bằng một bức màn điều, có một nhà kho để cất giữ mọi kỷ vật quý giá của gia đình. Nhà kho chứa đầy đồ đạc những gì thì tôi không được rõ, nên chỉ còn đủ chỗ cho vài ba đứa trẻ chui vào. Tôi không có ý định chui vào đó để nghịch ngợm, trừ ra hôm ấy...

Hôm ấy, cũng như thường lệ, sau khi nhà đã lên đèn, bà nội tôi khoác áo tràng màu khói hương, lặng lẽ ngồi trên ghế trước bàn thờ, bắt đầu lần tràng hạt và tụng kinh, gõ mõ. Bà tôi tuổi chưa tới 50, dáng người thanh lịch, trông hãy còn trẻ lắm, thế mà đã cạo đầu để tu tại gia. Nhưng lúc bấy giờ, cách nay đã 40 năm, tôi không hề thắc mắc tự hỏi tại sao bà nội lại có thể cạo đầu, và để khi đêm về gửi hồn theo câu kinh tiếng kệ tìm sự yên tĩnh như thế. Bà tôi ngồi thật thẳng, mắt nhắm nghiền, cái miệng nhỏ thốt ra những câu tụng niệm trầm, đều, xen lẫn với tiếng côn trùng hai bên hè rỉ rả... Cảnh mùa đông ở thôn quê dưới mái tranh ba gian hai chái này thật êm đềm.

Chính bên cạnh chỗ bà nội ngồi và tụng hết tập kinh mỗi tối trước khi đi ngủ,

Nam Mô A Di Đà Phật

Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát

Nam Mô Vô Lượng Phật Bồ Tát

chú tôi hôm ấy đã kéo chị em tôi chui vào nhà kho! Chú tôi đặt xuống nền hầm có mùi ẩm mốc một bao bố đựng đầy những gì "có vẻ bí mật" bên trong. Chú đưa một ngón tay trỏ đặt ngang miệng, suỵt suỵt ra dấu cho chúng tôi đừng có xì xào. Rồi chú tôi lôi ra từ bao bố những thứ thật là bất ngờ đối với chúng tôi: những tảng đá cỡ bằng tờ giấy *pelure*, một đống rơm to, một mớ cành cây bẻ còn nguyên lá xanh tươi, một bức tượng Mẹ Đồng Trinh Maria bế Chúa Hài Đồng hãy còn mới tinh.

Chú đốt lên hai ngọn nến. Ba chúng tôi ngồi phệt xuống nền nhà mát lạnh. Em tôi mở mắt thao láo theo dõi trò chơi có vẻ hấp dẫn ly kỳ mà chắc chắn em tôi chưa đoán được là trò gì. Tôi thì sáng mắt lên, thích thú được chui vào cái nhà kho này, nơi mà bà tôi thường căn dặn: "Đừng có vào trong ấy, chỗ cấm", để chơi trò mạo hiểm.

Chú Út trải rơm ra trên một khoảng rộng chừng một mét vuông, rồi chú lôi ra từ dưới gầm tủ trong kho mấy tấm ván để làm vách bốn bên, rồi chú sắp xếp những tảng đá. Một lát, chúng tôi đã trông thấy rõ hình thù một hang đá giống như trong những tấm thiệp Giáng Sinh. Chú cắm những cành cây có lá xanh tươi phủ lên trên hang đá, dựng đứng thành cây mọc chung quanh. Chú lại lấy từ trên nóc tủ xuống một con búp bê nhỏ bọc trong mấy lần vải màu trắng, đặt nằm giữa đống rơm. Chú lấy hai khúc cây nhỏ bằng chiếc đũa ngắn, buộc chéo lại thành hình chữ thập, đặt trước hang đá. Cuối cùng, chú đặt bên cạnh cây thập tự là bức tượng Đức Mẹ Maria.

A! Thì ra chú tôi dựng cảnh Hang Đá Bélem trong đó có Chúa Giê Su nằm trên máng cỏ! Trước hang là cây thập tự giá, vật mà trên đó xưa kia Chúa Cứu Thế đã chịu căng mình để bị đóng đinh... Đó là những điều tôi biết được qua sách vở. Nhưng còn nhà thờ và hang đá trong ấy thì, thật tình, tôi chưa bao giờ có dịp bước chân vào để trông thấy tận mắt ra sao.

Thôi, thế này thì chết rồi! Bà nội sẽ... Bà nội mà biết được thì sẽ buồn lắm, chú ơi! Tôi đưa mắt nhìn chú, lo lắng, trong khi Hào thì quá khoái chí vì được "chui vào nhà cấm" dựng nên cảnh hang đá thật đẹp, có cây có lá thật, và có một bé mới sinh ra đời, nằm giữa rơm rạ, rất nên thơ...

Thế là một hang Bélem đã hoàn thành trong đêm Noel dưới mái nhà cổ kính do tổ tiên để lại này. Trong khi ở bên ngoài, tiếng tụng kinh niệm Phật của bà tôi vẫn đều đều rót vào không gian yên tĩnh những âm thanh huyền hoặc, như vọng lại từ một cõi xa xôi, huyền bí...

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni

Một tiếng mõ cuối cùng nện xuống. Bài kinh vừa chấm dứt. Chúng tôi đã biết như thế, và chú tôi vội vàng thổi tắt ngọn nến, ra hiệu cho chị em tôi chui ra khỏi nhà kho.

"Đứa mô lục dục chi trong kho, rứa hè?"

"Dạ mô, có chi mô, mạ!"

"Dạ mô, có ai mô, thưa bà nội!"

Chúng tôi vút ra khỏi nhà kho, để lại cái hang đá Noel vừa mới cất xong, mà thật tình cả ba chúng tôi đều rất thích. Chú Út tôi liến láo nói dối bà nội xong, nhấp nháy mắt với tôi một cách ranh mãnh. Bà nội cất tiếng lanh lảnh, giọng nói cao và thanh hơn lúc đọc kinh nhiều:

"Khuya rồi, hai cháu không học bài thì đi ngủ đi. Phương, con dừng bày vẽ mấy trò nghịch ngợm cho cháu. Con đã lớn, 17 tuổi đầu rồi, các cháu về quê là để cho được yên tĩnh, mạnh khỏe, nghe không con?"

Tôi lên giường nằm, giả đò đi ngủ, nhưng tôi suy nghĩ mãi về thái độ mấy lúc gần đây của chú Út tôi đã làm cho bà nội tôi để ý rồi. Thì, mới sáng nay thôi, chú sai tôi cầm một lá thư đưa tận tay chị Lan, con gái một nhà giàu "có đạo" ở làng bên. Tuy lúc

đó còn nhỏ, nhưng tôi cũng hiểu con trai con gái mà đưa thư cho nhau là chuyện bí mật và... sai quấy rồi, nên mặc dầu chú Út không dặn, tôi cũng cẩn thận cho thư vào túi áo, gài kim băng lại đàng hoàng, rồi cắm đầu cắm cổ chạy một mạch đến đầu làng bên. Tuy là làng bên, nhưng chỉ cách xa nhà tôi chừng mười phút.

Khi tôi tới nơi thì nhà chị Lan đang có đông người hội họp. Họ bàn chuyện làm tiệc thiết đãi bạn bè nhân dịp Giáng Sinh. Nhà chị ở thôn quê mà sinh hoạt theo kiểu Tây phương, chị có người anh học cao, nghe đâu đã phải tiếp tục việc học tận ngoài Hà Nội. Chị Lan thấy tôi đến thì từ trong nhà bước ra nắm tay tôi, dẫn đến ngồi vào chiếc võng dưới hiên nhà, vì lẽ đây không phải là lần đầu tiên tôi đến nên chị biết tôi đến để làm gì. Tôi tháo kim băng gài túi áo, lấy bức thư dúi vào tay chị, chị cũng lập tức giấu bức thư vào trong người, có lẽ nhét vào trong nịt áo!

Chị ôm sát tôi vào người, rồi chị nhìn xuống mặt tôi, cười dịu dàng. Da chị ngăm ngăm đen, hàm răng thật trắng, đôi mắt to với hàng mi dài. Tôi vẫn thường nghe người chung quanh nhận xét về cặp mắt của gia đình chị: "Nhà đó ai cũng có cặp mắt đẹp như mắt đầm, vì họ chiêm ngưỡng tượng Đức Mẹ hết đời này qua đời khác..."

Người ta nhận xét đúng. Tôi cũng thấy cặp mắt chị Lan thật đẹp, thật to và hơi mơ màng, giống mắt Đức Mẹ nơi các tượng và nơi những bức tranh. Chị cười hiền và hơi buồn, đẩy đưa chiếc võng kêu kẽo kẹt, rồi hỏi nhỏ tôi:

"Hôm nay Noël, anh chị ở xa cũng về, chị có mời chú Phương em lại chơi lúc sáu giờ chiều. Chắc chú không đến được vì bà không cho, phải không?"

Chị nói xong lại chớp hai hàng mi dài, rồi ngồi thẫn thờ, thở hắt ra. Tôi nhớ lại, mấy lúc gần đây, chú tôi thường hay ngồi trước tờ giấy xé trong vở, và vẽ hết tờ này đến tờ khác khuôn mặt thiếu nữ nhìn nghiêng, với mái tóc dài buông xõa, khuôn mặt trái xoan, gò má hơi cao, sống mũi thẳng, cái cằm hơi lẹm, vầng trán hơi vồ. Đúng là khuôn mặt của chị Lan! Chị hỏi tôi cho có chuyện:

"Em học lớp mấy rồi?"

"Dạ em học lớp nhì Moyen 2. Còn chị? Học trường Đồng Khánh?"

"Không, chị học trường Jeanne d'Arc! Thôi, em về đi, nói với chú Phương có gì chị sẽ nhắn sau."

Tôi về nhà, báo cáo công tác với chú tôi, rồi nói:

"Tại thư chú dán kín, chứ nếu không dán thì cháu đã đọc xem thử chú viết gì, có hay không? Chứ hôm nọ cháu mới đọc một truyện ngắn của ông Lưu Trọng Lư, cháu thấy ông viết... thư... tình dở quá!"

Chú tôi ngạc nhiên:

"Cháu đọc tiểu thuyết ở đâu vậy? Chú đã dặn cháu đừng đọc mấy quyển sách trong phòng chú. Đó là sách của người lớn... À, mà cháu nói ông Lưu Trọng Lư viết thư tình không hay à? Sao, cháu nhớ sao, nói lại chú nghe thử."

"Ai đời ông viết thư thế này thì theo chú có phải là dở không... À... 'Cô Tân ơi, tôi chỉ có một tấm lòng. Một tấm lòng muốn yêu, tha thiết yêu, khao khát yêu. Cô Tân ơi! Tôi yêu cô, tôi chỉ có thể nói được thế mà thôi!...'."

Chú tôi phì cười và cốc lên đầu tôi, dọa:

"Chú sẽ viết thư mách ba cháu ham đọc tiểu thuyết bậy bạ."

HOÀNG XUÂN SƠN

NHƯ DAO

Lắng sâu vào đau khổ
mẹ nằm xuôi cơn mê
gọi thầm con xa vắng
"có nhớ đường xưa về"

Lắng sâu vào xương thịt
núi ngồi im đá trơ
gọi thầm sông xa vắng
khóc nước dỗ đôi bờ

Lắng sâu vào bể ải
lắng sâu lắng sâu vào
khắc lụi hồn tang chế
ngọn sóng chiều như dao

VỀ THÔI

Thôi niềm u uất trần gian
giải mê từng cánh nhạc vàng hoa âm
sâm thương chiều tiếng lặng thầm
đầu cơn gió trở cuối trăm năm dài
thương gầy vin một nhánh mai
cỏ non chân xót thương hoài dặm xanh
về thôi trăng tỏ ngọn ngành
bóng riêng ở lại hồn oanh yến còn
tháng mười chín tư

Tôi hiểu hết, từ bữa tiệc Noel của nhà chị Lan đến cái hang Bélem chú tôi vừa mới dựng tối nay hẳn là phải có liên hệ. Chú không tới nhà dự tiệc được nên phải làm hang đá để cùng chị... thông cảm trong ngày lễ Giáng Sinh chứ gì!

Tôi đang nằm giả vờ ngủ thì có tiếng "suyt suyt" quen thuộc của chú tôi gọi tôi:

"Vi, ra đây, mau! Bà nội ngủ ngon rồi!"

Thế là hai ông mãnh, một cao một thấp, và một con bé "chim xanh" lại cùng chui vào nhà kho tối om. Chú bật hộp quẹt thắp nến sáng lên, rồi với tay lên nóc tủ cầm xuống một đĩa bánh đúc theo hình khúc gỗ tròn màu nâu lạt, có chạy vân màu nâu đen. "*Buche de Noël*" chú tôi bảo thế. Tôi cũng thích ăn bánh này lắm, nhất là anh chàng cu Hòa kia thì khỏi nói, chắc là lại giành hết, chẳng có phần nào cho tôi đâu. Nhưng em tôi thích thú quá với trò chơi trong hầm tối đầy vẻ bí mật này, nên cứ mải loay hoay sửa đi sửa lại cái hang đá, sắp xếp lại những cành lá cho được mỹ thuật hơn. Chú tôi cắt bánh rồi pha nước trà vào ba cái ly, giả làm rượu sâm banh. Chúng tôi cười rúc rích, vừa ăn vừa uống rượu!

Giữa lúc ấy, từ nhà thờ trong làng vẳng lên một hồi chuông vang dội giữa đêm khuya tịch mịch. Chú tôi nhìn lên trần nhà:

"12 giờ đêm đúng! Đêm nay là đêm Noël, chắc nhà chị Lan đang làm lễ trong nhà thờ..."

Hai tháng sau, cũng vào dịp cuối tuần về thăm nhà, chú Phương lại... bày chuyện rủ chị em tôi đi thăm mộ một người, một bà cô trong họ, chết bất đắc kỳ tử đã mười năm.

"Bà cô của cháu đó, tên là Giáng Tiên. Đó là cô út của chú, cũng như chú là chú út của cháu vậy. Ảnh cô trên bàn thờ đó, cháu trông thấy chứ?"

Có, tôi đã trông thấy, cũng như đã từng nghe trong dư luận nhắc nhở huyền thoại về giai nhân họ Trần này. Đến nỗi có một hôm tôi đang mua kẹo ở phố chợ, một người đàn ông đến gần tôi hỏi:

"Em nhỏ, có phải em người họ Trần ở T.B. không?"

"Dạ phải."

"Em có bà con họ hàng với cô Giáng Tiên không? Trời, cái răng khểnh sao mà giống quá!"

Thì ảnh bà cô tôi đó, khuôn mặt bầu bĩnh với cặp mắt bồ câu đen nhánh, và xinh nhất là hai cái răng khểnh, loại răng vô trật tự đã làm nên vẻ duyên dáng đặc biệt hơn cho một người đẹp. Tôi cũng có răng khểnh, nhưng mặt tôi xương xẩu, thân hình tôi khẳng khiu, xấu lắm!

"Cháu có biết rõ chuyện bà cô Giáng Tiên không? Để chú kể cho mà nghe... Năm 18 tuổi, cô đang học tại trường Đồng Khánh thì yêu một người, một người mà gia đình theo đạo... đạo Thiên Chúa, cháu ạ. Vì sự khác biệt tôn giáo ấy, cả hai bên đều bị gia đình ngăn cấm, cản trở, nhất định không cho họ thân thiết với nhau. Cháu biết không, thời ấy người ta ham đọc *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách lắm, người ta dễ đau khổ vì tình, dễ chết vì tình lắm. Vì vậy, họ đã rất đau khổ, cô Giáng Tiên đau khổ vô cùng. Một buổi chiều kia, cô lao đầu từ trên lầu trường Đồng Khánh xuống nền gạch mà tự tử chết, cháu ạ!"

Chỉ qua một đoạn đường ngắn trên rú cát là chúng tôi đã đứng trước mồ người đẹp, bà cô Giáng Tiên của tôi! Quả như lời truyền tụng, "cô chết đi để lại thương tiếc cho bao nhiêu người". Ôi, những anh chàng trồng cây si, đời nào chẳng có! Và cái thời đó, các chàng còn si tình hơn sau này và hơn bây giờ gấp bội. Trên nền lăng, không biết bao nhiêu là hình trái tim được khắc sâu, giữa mỗi trái tim lại có tên người, có khi nguyên cả tên, có khi chỉ là một chữ đầu mà thôi. Tuyền và Khanh. M và S...

"Cháu để ý tên S này, bên cạnh có hình thập giá đó. Đó là tên người yêu cô Giáng Tiên, bây giờ là một giáo sư nổi tiếng."

Từ trên rú cát về, chúng tôi vừa đi vừa nói chuyện. Tiết trời đông, gió lạnh rít lên giữa không trung, bốn bề không cây cối. Tôi thầm nghĩ cái chết của bà cô tôi ngày đó, tháng Mười 1930, chắc hẳn đã gây xôn xao dư luận, và báo chí chắc cũng đã rầm rộ đăng tải?

Bà cô tôi mất đã lâu, giai thoại còn được nhắc nhở đến bây giờ, nhưng tôi chưa được nghe ai nhấn mạnh về chuyện ngang trái của mối tình vì nguyên nhân khác biệt tôn giáo. Nay lần đầu tiên chú tôi cho biết chuyện này và dẫn tôi đi thăm mộ. Từ bao giờ, chú đã xúc động mạnh vì cái chết của bà cô đã mất cách đó mười bốn năm? Chắc hẳn từ khi chú bắt đầu yêu chị Lan và cảm thấy bị gia đình đôi bên ngăn cấm, cản trở? Rồi bây giờ, chú lại bày việc xây hang đá, ăn mừng Giáng Sinh! Thôi, tôi hiểu rồi, chú tôi đã "trồng cây si" chị Lan!

Từ đó, lâu lâu cuối tuần về làng, về nhà, chú lại cho tôi biết một sự đổi thay khác trong tâm hồn, trong sở thích của chú. Chú không coi thường tôi là một con bé mười tuổi, mà coi tôi như một người bạn tí hon để tâm sự.

"Cháu biết không, hiện nay nhà thơ nổi tiếng nhất trên thi đàn là Hàn Mặc Tử. Ông là một thi sĩ mắc bệnh cùi, bởi vậy ông đau khổ vô biên. Ông qua đời năm 1940, sách báo viết về ông rất nhiều, và ở trường chú học, hiện nay thầy quốc văn của chú đang giảng về thơ ông. Hay vô cùng, cháu ạ!"

Rồi chú tôi đứng đó, bên bụi chè tàu, đưa một bàn tay ra ra làm nhịp bổng trầm lên xuống, cặp mắt hiu hiu như đắm hồn trong những câu thơ của Hàn Mặc Tử:

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến
Tấu lạy Bà! Bà rất nhiều phép lạ

Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế...

Chú cháu tôi đang đứng bên hàng chè tàu... Không ngờ bên cạnh đó, bà nội tôi đang hướng dẫn "cụ Mới" cắt xén lại cây trắc bách diệp uốn theo hình chim công, bà hỏi nhỏ nhẹ mà uy nghi:

"Này Phương, mấy câu thơ con ngâm đó là của một thi sĩ... đạo, phải không?"

"Dạ."

"Nhưng mà mình theo đạo Phật, con ạ!"

"Thưa mẹ, thưa mẹ... đạo Phật hay đạo Chúa cũng là đạo... Thưa mẹ! Đạo Phật hay đạo Chúa cũng là người, thưa mẹ!"

"Trời ơi! Phương, con cãi lại mẹ? Từ nhỏ, con chưa bao giờ cãi mẹ!"

Bà thốt lên một câu đau đớn, rồi đứng dậy bỏ đi vào nhà.

*

Năm 1972, tôi cùng chồng con sinh sống tại Đà Lạt, một thành phố thơ mộng nhất miền Nam, mà giờ đây ngồi viết những dòng này tại thủ đô siêu cường Hiệp Chủng Quốc, tôi vẫn dám nghĩ rằng đó là một trong những thành phố đẹp nhất thế giới. Sợ e nước Mỹ mênh mông thế này, cũng không đẹp hơn đâu.

Đà Lạt của tôi nhỏ bé hơn nhiều, nếu không nói rằng nhỏ bé lắm. Nhỏ bé nhưng mà đẹp, đến nỗi có lần đã làm sửng sốt một du khách Tây phương đến thăm. Đứng trên sân Cù, đưa mắt nhìn bao quát cảnh vật, từ những vườn hoa thành phố, Bích Câu, đến những cây cầu đưa ra trên mặt nước hồ Xuân Hương với những chiếc pê đa lô màu sắc lộng lẫy đang lướt sóng dưới ánh nắng vàng nhạt, ông ta đã phải thốt lên: "Voilà la huitième merveille de la nature!" Tôi hỏi: "Ông khen cái gì mà tuyệt vời quá vậy?" Ông đáp: "Tôi nói cái thành phố này!" và chỉ tay lên ngọn tháp chuông của ngôi trường trung học Yersin thấp thoáng phía bên kia. Ông ta lại tấm tắc: "Thế mà cái tháp chuông kia còn đẹp hơn nữa!"

Bây giờ ý nghĩ đó lại đến với tôi, khi tôi tập trung tinh thần để thu gọn cả thành phố vào trong ống kính của ký ức. Tôi trông thấy tất cả, tôi nhớ lại tất cả. Đà Lạt, mùa Noel năm ấy, nắng ửng lên ở khu phố Hòa Bình. Ở nhà tôi, hoa *mimosa* vàng rực rỡ trong sân. Bà cụ An Hòa, chủ nhân ngôi chùa có tượng Phật bằng vàng bên cạnh, vừa mang qua tặng chúng tôi một chục hoa *lay ơn* trắng nuốt như cành huệ, cắm vừa tròn chiếc độc bình pha lê nơi phòng khách. Anh Khôi cũng vừa chở các con đi ăn sáng, có lẽ là ở Phi Thuyền, nhưng cũng có thể là bánh bao Đông Hải, hẹn sẽ mang quà sáng về cho tôi, thế mà đã 10 giờ vẫn chưa thấy về, hẳn là còn mải ham ngắm cảnh chợ tưng bừng hôm nay. Đêm nay, đêm 24, đêm chính của mùa Chúa Giáng Sinh.

Tôi đang tỉa bớt cành lá cho bó hoa *lay ơn*, thì một chiếc *Peugeot 203* màu trắng tiến vào cổng sắt, đỗ trước thềm. Một bà lộng lẫy, một ông lịch sự trong bộ *complet* màu xanh tím nhạt bước xuống. Thì ra là chị Diệu, người chị bà con cô cả của tôi, một bà chị vui vẻ liến thoắng, với ông chồng cao lớn mà cách đây hai tháng tôi đã nhận được hình, nghe được giọng nói qua điện thoại. Bây giờ chị em mới được gặp nhau, coi như là buổi đầu tiên. Chị ôm choàng lấy tôi ngay khi bước vào phòng khách:

"Cô Vi ơi! Ôi chao, nhà em đẹp quá! Nhà Đà Lạt đẹp quá! Thành phố Đà Lạt đẹp quá! Ai đời bữa nay mới là lần đầu tiên anh chị đặt chân đến đất Đà Lạt của em."

"Đà Lạt của em! Chị nói thế người ta kiện đó. Nhưng mà, mời anh chị ngồi. Cũng may em đã được trông thấy anh chị trong hình, nếu không thì chẳng hiểu được ai sang trọng đẹp đẽ thế mà lại đến thăm tệ xá đúng vào ngày Noel thế này..."

Chị Diệu chưa chịu ngồi xuống, mà tiếp tục đứng đối diện tôi, tiếp tục bày tỏ những cảm tình sôi nổi:

"Chị chỉ gặp em có vài lần ngày em mới lên chín, mười chi đó. Mấy chục năm trời rồi, bao nhiêu là thay đổi, thế mà em không khác chi mấy, vẫn như lúc nhỏ thế này thôi, vẫn như cô nữ sinh thế này thôi!... Mà sao nhà vắng vẻ quá? Chú Khôi và các cháu chắc đi bát phố rồi?"

Chị Diệu vui tính, "vô tâm vô tạng", cười nói huyên thuyên làm tôi không thể không cười nói vui vẻ theo:

"Đi bát phố rồi, chị ơi! Hẹn em 10 giờ về chụp hình mà chưa thấy đâu cả."

"À, nói chuyện chụp hình, em biết sao không. Anh chị vừa mới tới đây sáng hôm qua mà đã đi khắp các nơi đẹp để chụp hình rồi đấy. Đi suốt một ngày hôm qua, em ạ, chụp hết mười hai cuốn phim rồi. Thác Prenn, thác Gougah, thác Cam Ly, vườn Bích Câu, hồ Xuân Hương, sân Cù, viện Đại Học Đà Lạt, Giáo Hoàng Học Viện, chùa Linh Sơn, trường Bồ Đề này... Đâu nữa, anh nhỉ?"

"Khu phố Hòa Bình với chợ Đà Lạt mình mới chụp xong! Thành phố này chị thì chưa thấy, chứ anh đã ở đây cách đây mười năm. Bây giờ thay đổi nhiều quá, cả cảnh thác Cam Ly cũng không còn là cảnh xưa. Người ta bảo Đà Lạt là *Petit Paris* thật đúng, đúng ở chỗ không khí lành lạnh bốn mùa và dân chúng ăn mặc lịch sự."

"Với lại hôm nay là ngày Noel nên phố chợ tưng bừng quá. Hoa và dâu tươi, hai món đó thật hấp dẫn. Anh chị mua một giỏ lớn, đủ thứ của Đà Lạt về Qui Nhơn làm quà cho bạn bè... À, cô Vi, có nhiều người Thượng nhổ giò lan trong rừng ra bày bán giữa lối đi, từ bậc cấp trên phố xuống tầng dưới chợ. Lan này chắc quý lắm, chị cũng có mua nữa."

Chị Diệu uống cạn ly cà phê, đứng dậy, khoác lại chiếc áo măng tô lông cừu đắt tiền rồi bước ra sân, đến chỗ cây *mimosa* đang trổ hoa màu vàng

MINH HÂN

SOI GƯƠNG, NÓI CHUYỆN MỘT MÌNH

Ở đây cho tới mãn đời,
Cũng chưa thành Mỹ, vẫn người Việt Nam.

Da này còn mãi da vàng,
Tóc này còn mãi hàng hàng tóc đen.

Không bao giờ chịu đổi tên,
Tên cha mẹ đặt, nghe quen mất rồi!

KHUYÊN CON

Con còn có Mẹ
Con còn có Ba
Con còn Tuổi Trẻ
Sá gì đường xa!

chanh rực rỡ. Đôi môi dày của chị tô son màu cam, hòa hợp với cảnh sắc chung quanh đang hớn hở như quên hết chuyện chiến tranh rồi. Chị gọi anh ra bấm vài "pô" hình chị đứng tươi cười ở đó, rồi lại riu rít bảo tôi:

"Đà Lạt đẹp quá, nhà em cũng đẹp quá! Nhưng tiếc là chỉ còn hai tiếng nữa là chị phải bay về Qui Nhơn rồi, thì giờ ít nhưng chị đã cố gắng thu xếp để tới thăm em đó. Chứ đời thuở nhà ai, chị em mấy chục năm không tìm gặp nhau..."

"Em cũng tiếc quá, cứ tưởng sẽ giữ được anh chị ở lại nhà tụi em lâu, ít nhất là một tuần."

"Chị vắng nhà lâu không được đâu. Trẻ con ở nhà sáu đứa léo nhéo. Với lại, anh đi đây là đi công tác mà, lái máy bay quân sự... À, hay là thế này, cô Vi! Chị mới có ý kiến: Cô đi Qui Nhơn chơi với anh chị ngay bây giờ không? Đi một chuyến cho biết, với lại để chị em mình tâm sự chớ. Máy bay anh lái, chỉ có ba người mình thôi, không có vấn đề mua vé mà sợ không kịp."

Tôi mơ màng trả lời chị:

"Đi Qui Nhơn... Em vẫn mơ có một ngày đi Qui Nhơn chị ạ..."

"Thích thì đi chứ mơ cái nỗi gì!"

"Em mơ đi thăm một người..."

"Ai? Ai mà quan trọng dữ vậy?"

"Hàn Mặc Tử."

Chị Diệu phá lên cười ngặt nghẽo:

"Ha, ha! Em làm bộ bí mật, quan trọng, làm chị tưởng có ai cần phải đi thăm thật! Hàn Mặc Tử, ông thi sĩ đã chết từ đời nào mà em đòi đi thăm!"

Anh Châu, chồng chị Diệu, vừa gạt tàn thuốc vừa lườm vợ một cách nhẹ nhàng:

"Em thật thiếu tế nhị! Cô Vi nói đi thăm là đi thăm mộ nhà thơ Hàn Mặc Tử. Ông mắc bệnh cùi và chết tại nhà thương cùi Qui Hòa, rồi chôn ở Gành Ráng."

"Thế thì càng hay! Chị muốn em cùng đi vì sẵn máy bay nhưng vẫn nghĩ Qui Nhơn không có gì hấp dẫn lắm. Bây giờ có cái vụ đi thăm mộ Hàn Mặc Tử thì tức là có lý do chính đáng. Thôi, em lo sửa soạn gấp, không thì không kịp đâu, 13 giờ bay rồi... À, nhưng mà còn phải đợi chú Khôi về xem có đồng ý không đã chứ!"

"Nhà em chắc sẽ bằng lòng vì trước đây em vẫn đòi một chuyến đi Qui Hòa. Gặp anh chị đưa em đi máy bay riêng như thế này là nhất rồi còn gì... Em sửa soạn nhanh lắm, chỉ cần đợi nhà em về nữa thôi."

Đúng 12 giờ phi cơ cất cánh, đi từ phi trường Cam Ly chứ không phải phi trường Liên Khương như máy bay dân sự. Máy bay lên từ từ, nhà tôi vẫn còn vẫy tay, dặn với:

"Nhớ chụp hình mộ Hàn Mặc Tử mang về nghe em!"

Suốt mấy giờ bay, chị Diệu dựa đầu vào ghế ngủ ngon lành. Anh Châu cầm tay lái, hỏi thăm tôi tỉ mỉ về thành phố, về một người đẹp tên Tôn Nữ Quỳnh Hà, một người đẹp đã tự tử bên hồ Than Thở.

"Đó là chuyện tình Thủy và Tâm. Nhưng Thủy tự tử tại thác Gougah chứ không phải hồ Than Thở. Hồ cạn lắm, nhảy xuống sợ không đủ chết đâu! Thủy chết tại thác, nhưng lại để thư xin cha mẹ chôn xác tại hồ Than Thở, là nơi trước kia hai người vẫn ngồi bên nhau tình tự."

Khi chị Diệu tỉnh dậy, câu đầu tiên chị hỏi tôi là:

"Gia đình có tin gì về chú Phương không em? Chú ra đi từ dạo 46, 47 gì đó. Hai mươi lăm năm rồi!"

"Đối với em thì đã gần ba mươi năm rồi, chị ạ, vì em chỉ có ở gần chú một năm lúc về làng. Năm ấy em chưa đầy mười tuổi, mà nay đã gần bốn mươi rồi! Còn chú Phương, chú ấy đến phải bốn mươi bảy tuổi rồi... Trời, chị nhắc tên chú làm chi cho thêm buồn. Đã mấy chục năm, nào có ai nhắc tới."

"Chị còn nhớ chú Phương thương em lắm."

"Ừ, thì chú thương em. Chú út mà... Chú bị lùa đi từ dạo ấy. Có ai bị lùa đi từ dạo ấy mà có tin tức gì về cho gia đình đâu. Bà nội em cũng vì nhớ thương chú mà héo hắt qua đời... Chị thật ác nghe chị Diệu, chị nhắc chú Phương làm em hết thấy vui rồi đó."

Xe dừng lại đầu con đường dốc. Anh Châu chỉ ngôi nhà trên cao, cách thật xa chỗ chúng tôi đứng:

"Nhà thờ đó! Nhà thờ thật đẹp, mình đứng đây trông thấy rõ tượng Đức Mẹ nổi bật trên nền trời.

Hình như lên tới đó là tới mộ Hàn Mặc Tử, em và cô Vi thấy chưa?"

"Dạ em thấy, chứ còn phải qua nhiều đoạn khá gieo neo gai góc lắm mới tới mộ đó."

"Vậy thì để em thay đôi giày ba ta, chứ mang đôi guốc gót nhọn này... Chị mang dép trệt, thế mà chẳng bảo em!"

Tôi mở thùng xe, lôi đôi giày ra thay. Sau đó chúng tôi bắt đầu theo con đường lên dốc. Nhìn trước mặt thấy núi màu nâu thẫm, cây cối khẳng khiu, cảnh vật tiêu điều, xơ xác. Mới băng qua mặt lộ đã gặp một cây cầu mỏng manh, tấm bảng nhỏ đóng trên cây cọc gỗ gần chân cầu làm tôi giật mình, thốt kêu lên:

"Cầu Nại Hà! Ôi chao, cái tên ai đặt chi lạ! Chị Diệu có thấy đó không?"

"Cầu Nại Hà, nghe hay ghê đấy chứ! Nhưng chị không hiểu nghĩa, Nại Hà là nghĩa sao cô Vi?"

"Em chỉ biết chữ này có trong kinh Phật và em cũng biết nó qua một câu thơ của Nguyễn Du trong bài văn tế thập loại chúng sinh. Anh nghe này anh: 'Cầu Nại Hà kẻ trước người sau!...' Như vậy cầu Nại Hà là cây cầu mà chúng sinh phải bước qua khi chết để... để... đi vào cửa địa ngục. Em còn nhớ trong sách có nói nước dưới con sông địa ngục này đỏ màu máu, chị ạ. Nghe ghê chưa?"

"Dễ sợ thật! Mới nghe chị chỉ thấy hay, nên thơ. Bây giờ cô nói vậy làm chị ớn quá, đi hết muốn nổi!"

Chị đi không nổi cũng phải, vì cây cầu ọp ẹp dường như đã run lên dưới chân chắc nịch của hai người lính xách hai cái bao đi phía trước. Cầu làm bằng những cọc tre đan chéo nhau cắm sâu xuống lòng nước, có những vỏ sắt gác ngang qua. Tôi rón rén bước đi, tay vịn lên thành cầu, là những thân cây tre tròn buộc vào vỉ sắt bằng sợi lạt. Vì sao có cây cầu này? Vì ở dưới là một con rạch, nước đục lờ, đầy rác rến và thoảng mùi rêu tanh. Chưa qua hết cầu đã thấy trước mặt một con đường dốc quanh co, chung quanh là những tảng đá thật lớn. Chị Diệu kêu lên:

"Đây nè, cái tên này mới thật là nên thơ và chắc chắn là không có nghĩa dễ sợ như cây cầu đâu. Cô Vi nhìn kia kìa!"

Tôi nhìn theo tay chỉ của chị thì thấy một tấm bảng dựng trên một tảng đá khổng lồ.

"Dốc Mộng Cầm! Trời đất, ai mà đặt tên chốn này lâm ly kỳ bí quá vậy?"

"Thì đường lên mộ Hàn Mặc Tử nghĩa là đi về cõi đau thương, như thơ của ông ấy, bảo sao không kỳ bí lâm ly và nên thơ! Tôi cũng mê thơ-ổng lắm chứ không phải riêng gì cô Vi. Tôi còn nhớ câu: 'Mộng Cầm ơi! Em còn giữ ý thơ trong đôi mắt mùa thu trong leo lẻo...' phải vậy không, cô Vi?"

"Phải, và hay chi lạ! Người nào đặt những tên trên con đường này chắc cũng là khách yêu thơ và ái mộ thi sĩ lắm đây."

NHẤT TUẤN

VÌ SAO

"Người ơi khi cố quên...
là khi lòng nhớ thêm"
(trích lời của một bản nhạc không nhớ tên)

Tìm quên chạy trốn vào rừng
Tại sao chân cứ ngập ngừng bước chân
Họp hành ở sở mỗi tuần
Vì ai ngồi họp bao lần mộng mơ
Vì ai yêu vẫn dại khờ
Sót xa thương những lời thơ nghẹn ngào...

Xin đừng hỏi nữa vì sao
Tình đầu tiên chẳng tan vào lãng quên
Xin quên rồi lại nhớ thêm
Nằm nghe thông gọi gió trên đỉnh đồi
Bỗng dưng lòng thấy bồi hồi
Nửa thương nửa giận... một người rất xa
(Truyện Chúng Mình)

Từ lúc đó chúng tôi bước đi trong im lìm lặng lẽ, mỗi người theo đuổi tư tưởng của riêng mình. Qua khỏi dốc Mộng Cầm, chúng tôi đã đứng trước bức tượng Đức Mẹ màu áo sơn xanh mà hồi nãy ở dưới chân núi đã nổi bật trên nền trời. Nhà nguyện đây, hang Bélem cách đó mấy bước, cái hang đá ngày xưa đã một lần được dựng lên trước mắt tôi trong mùa Noel năm nào, bên cạnh hai người thân yêu mà nay đã nghìn trùng cách biệt. Tôi ứa nước mắt, đứng lặng trước cửa động.

Chị Diệu lại cất tiếng ồn ào:

"Chắc mình phải vào đây xin phép Đức Mẹ trước khi lên mộ... anh vào nhà nguyện trước đi anh!"

Anh Châu đáp lời vợ:

"Thôi, khỏi cần xin phép. Mình phải đi kẻo không thì trời cũng sắp đổ mưa đó. Em và cô Vi nhìn xem, trời ủ xuống một cách lạ."

Lại một đoạn đường dốc nữa trước mặt. Gió thổi tốc lên một lớp bụi mù trong không khí lành lạnh dù đang giữa buổi trưa của miền Qui Hòa nóng bức quanh năm.

Ồ, thì ra ngôi mộ của thi nhân nằm trong một đồn lính hay một khu quân sự gì đó. Những người lính trong quân phục bạc màu cát bụi, đi lại đó đây, và người ta xét hỏi giấy tờ thật cẩn thận trước khi cho vào.

Nấm mộ kia rồi. Nấm mộ nằm đó. Tấm bia nét

chữ khắc đã hơi mờ, nhưng những dòng này tôi đã đọc và thuộc lòng từ lâu, văng vẳng bên tai tôi như một âm vang, bồi hồi thổn thức:

"Nơi đây an nghỉ giấc ngàn thu trong tay Mẹ Maria, thi sĩ Hàn Mặc Tử Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22.9.1912, mất ngày 11.11.1940, hưởng dương 28 tuổi".

Chồng chị Diệu đứng yên chắp tay, nói nhỏ bên tai tôi: "Ồ, té ra ổng mới có 28 tuổi".

Tôi cũng kinh ngạc, như mới khám phá ra lần đầu cái sự thật lạ lùng ấy: "Té ra ông mới có 28 tuổi!" rồi tôi cũng đứng chắp tay, nhìn từng đường nứt rạn chạy dài trên nền xi măng đã mấy mươi năm dãi dầu mưa nắng. Và tôi chú ý đến những dấu dao xoáy sâu xuống nền xi măng ấy, khắc nên những tên người. Nguyễn Văn X, Trần Văn Y... 25 năm qua rồi, đây là lần đầu tiên tôi nhớ lại những hình trái tim và những tên người khắc trên nấm mộ của bà cô tôi xưa, người nữ sinh Đồng Khánh một thời nổi tiếng giai nhân. Thì ra khi người ta chết đi mà để lại ít nhiều vinh dự, thì không thiếu gì kẻ đến bên mồ để bày tỏ nỗi niềm thương tiếc...

Chúng tôi chắp tay cúi đầu đứng yên lặng một hồi lâu, sau khi chị Diệu đã đặt bó hoa hồng ngang qua lăng.

Nhưng, chuyện chưa chấm dứt ở đây, vì chúng tôi còn dừng chân lại một nơi nữa trên con đường ra xe trở về nhà. Đó là chỗ mà hồi nãy khi mải lo trèo lên dốc để tới mộ, chúng tôi đã đi ngang qua nhưng không để ý. Bây giờ thì chúng tôi thư thả hơn để kéo lê những bước chân mỏi mệt trên con đường đất bụi và để trông thấy một cảnh không bao giờ nghĩ là có được ở đây, như thế này.

"Kìa, cô Vi, ở đây mà cũng có trường học kìa!"

Anh Châu gọi giật tôi, chỉ tay phía xéo trước mặt. Đúng là một ngôi trường thật. Mái tôn, vách ván, hai lớp nằm song song, ngoài cửa lớp có kẻ bảng hiệu màu đỏ đề chữ lớp sáu, lớp bảy. Học sinh trung học đây. Có lẽ đang giờ ra chơi nên tất cả chừng vài chục em học sinh đứng ngồi quanh quẩn dưới vài gốc cây trong khuôn viên "nhà trường", được rào lại như một cái chuồng gà lớn bởi những sợi dây thép gai. Bóng một nữ tu trong chiếc áo dòng màu xanh thẫm với cái mũ lật vành trắng trên đầu, thấp thoáng trong phòng học lớp bảy. Lòng hiếu kỳ kích thích, tôi năn nỉ anh chị:

"Biết là chị Diệu mỏi chân rồi và chỉ muốn về. Nhưng... nếu ta vào thăm đây một chút, anh chị nghĩ sao?"

"OK, tôi cũng muốn vào xem Sister làm sao mà dạy học được giữa khung cảnh điêu tàn này."

Sau vài câu chào hỏi, bà Soeur nhìn chúng tôi, cười từ tốn giải đáp cái thắc mắc của anh Châu:

"Chúng tôi đã lựa chọn chiếc áo dòng này là để có mặt ở mọi nơi có sự nghèo nàn, đau khổ. Thì giữa cảnh hoang tàn này, chúng tôi mở lớp dạy những trẻ em nghèo học, đâu có gì là lạ... À quên, tôi xin tự giới thiệu, tôi Soeur Thérèse Phương Lan."

Chị Diệu cũng nhanh nhẹn đưa tay giới thiệu:

"Tôi là Diệu, anh Châu là chồng tôi, và đây là em tôi, bà Vi. Chúng tôi vừa lên đồi thăm mộ cố thi sĩ Hàn Mặc Tử nên đi qua đây."

Soeur Thérèse Phương Lan! Giá tôi đừng nghe *soeur* tự giới thiệu với cái tên Phương Lan ấy thì có thể tôi không để ý. Nhưng tôi đã nghe rồi, và đã trông thấy rồi trước mặt tôi: Khuôn mặt trái xoan dịu hiền, đôi gò má hơi cao, cái cằm lẹm, hàm răng trắng nuột, cặp mắt to tròn, và màu da ngăm ngăm đen mặn mòi. Gò má này đã từng âu yếm áp lên má tôi. Khuôn mặt này đã từng được tô đi vẽ lại hàng chục hàng trăm lần trên những trang giấy học trò của chú tôi gần ba mươi năm về trước. Làm sao tôi có thể quên được? Tôi thầm kêu lên: "Chị Lan của chú Phương! Chị còn nhớ em không? Còn nhớ chú em không?"

Tôi đăm đăm nhìn vào cặp mắt buồn dịu dàng của Soeur Thérèse, ngập ngừng, không nói năng vồn vã như chị Diệu và anh Châu. Soeur Thérèse cũng nhìn tôi. Tôi trong chiếc áo màu tím hoa cà, cái quần *jean* xanh, đôi giày *bata*, tôi bây giờ đã gần bốn mươi tuổi rồi, nhưng vẫn còn nguyên hai cái răng khểnh vô trật tự nơi cái miệng hay cười... Nhưng tôi không cười. Tôi đăm đăm nhìn Soeur Thérèse trong chiếc áo dòng xanh thẫm, thánh giá trước ngực, giữa cái lớp học kỳ lạ cất bên con rạch nhỏ gần cây cầu Nại Hà mà tôi đã đi qua. Soeur cất tiếng:

"Bà... Vi! Cho tôi xin lỗi hỏi thăm... Có phải bà là người họ Trần ở làng T.B. không?"

Không cầm được xúc động, tôi gục đầu vào ngực Soeur Thérèse nức nở:

"Chị Lan ơi! Em là Vi đây, em là Vi, cháu của chú Phương đây!"

Từ đó thư từ bay qua bay lại Đà Lạt - Qui Hòa, ân cần, âu yếm. Đã hơn một lần, tôi viết mấy dòng này ở cuối thư định gửi đi:

"Soeur ơi!

"Mấy chục năm trời chiến tranh loạn lạc khiến cho em cũng bèo dạt hoa trôi, nên mặc dầu có mặt trên quê hương, đã không có dịp về thăm làng cũ để biết tin tức về bà con nội ngoại, người quen kẻ biết, bạn bè thân sơ. Em cũng không có tin gì về chú em cả. Chị Lan! Chị hãy cho em biết, có phải vì chú em ra đi mà chị đã quyết định khoác áo nữ tu từ dạo ấy?"

Những dòng chữ ấy, tôi chưa bao giờ dám gửi đến Soeur Lan. Về phần Soeur, cũng tuyệt nhiên không bao giờ nhắc đến hay hỏi thăm một câu nào về chú Phương tôi cả. □

GIỌT TRẦM

SONG THAO

Hiên nằm dài trên ghế dựa, ly bia lạnh mát rượi trong lòng bàn tay. Anh nhắm mắt tận hưởng những giây phút thoải mái nhất trong ngày. Buổi chiều, đi làm về, anh vào bồn tắm mở nước ấm ngâm mình cho bay đi những nhọc mệt của một ngày làm việc vất vả. Rồi nằm lim dim uống bia nghe nhạc. Ngày nào cũng vậy. Như một vòng quay đều đặn. Từng nét nhạc thấm vào người anh chơi vơi nhè nhẹ. *Chiều trên phá Tam Giang. Anh sực nhớ em, nhớ bất tận... Giờ này có thể trời đang mưa. Em đi sát hàng hiên sướt mướt. Nhìn bong bóng nước chạy trên đường. Như những đóa hoa vụt chóng nở. Rồi có thể em vào một quán nước quen. Nơi chúng ta thường hẹn gặp. Buông tâm trí bập bềnh trên những đợt lao xao. Giữa đám ghế bàn quen thuộc. Nghĩ tới anh, nghĩ tới anh.* Bản nhạc vời vợi dẫn anh về những câu thơ Tô Thùy Yên thuộc lòng từ những ngày đóng quân ở miền Trung.

Những trận nhậu ngất trời ở Hương Điền bên Phá Tam Giang sau cuộc hành quân. Cuộc rượu nào cũng có thể là cuộc rượu cuối đời. Uống cho say bên đồng đội đã từng có nhau trong những phút sinh tử. Ngày mai ra sao mặc kệ. Hiên nhớ tới thằng bạn thân nhất đơn vị. Sáng. Trung Úy Sáng. Vào trận địa lẫm liệt như một viên tướng vừa bước ra từ những trang sử oai phong mà vào trận nhậu cũng hào sảng như một anh hùng Lương Sơn Bạc. Mới tối hôm trước quây quần với nhau quanh mấy miếng thịt gà, mấy trái me trái cóc và đầy một nón sắt nước mắt quê hương. Vậy mà tối hôm sau đã nghiêm trang nằm trong pông sô mặt lạnh như tiền trước những giọt nước mắt trên những khuôn mặt chai sạn đen đúa của bạn bè. Người vợ trẻ mới cưới chưa trọn tuần trăng mật ra nhận xác chồng gục vành khăn sô bên quan tài khóc lóc vật vã như muốn lôi tất cả tim gan ra ngoài. Hình ảnh thảm thương làm Hiên thót ngực tự nhủ chẳng nên cưới người yêu bé nhỏ đang tung tăng sách vở ở hậu phương. Cuộc sống như một trò đùa. Cái chết xen lẫn sự sống. Ích gì mà giăng mắc thêm hệ lụy.

Bản nhạc đi vào những nốt cuối. Hiên nằm thừ người chán nản. Hớp bia lạnh nhạt nhẽo trong miệng. Những khuôn mặt của đồng đội ngày ấy tuần tự bám víu trong trí anh. Chẳng phải chỉ có mình Sáng nằm xuống. Những trận đánh ác liệt sau đó đã đưa thêm biết bao bạn bè của anh vào chốn hư vô. Vậy mà anh đã không có mặt. Một công điện khẩn đã gọi anh về hậu cứ sửa soạn đi tu nghiệp tại Mỹ. Cái học bổng anh xin cầu âu từ hai năm trước đã kéo anh ra khỏi khói lửa chiến tranh. Súng đạn có hương vị riêng của súng đạn. Chiến trường có cái quyến rũ của chiến trường. Những ngày đầu ở Sàigòn anh như người hụt chân hụt cẳng. Cuộc sống sôi động nơi địa đầu giới tuyến đã làm anh quen nết đi rồi. Sống trong một thành phố mà người người dửng dưng ăn chơi, kiếm tiền, lừa lọc nhau làm anh thấy như bị úp trong một chiếc lồng kính. Khó thở và bực bội. Cuộc chiến mà anh vừa tham dự như là một thế giới khác. Một thế giới xa vời được bó chặt trong mấy cột báo đọc vội bên ly cà phê buổi sáng.

Những buổi sáng nơi quán Pagode anh ngồi nhìn thiên hạ chung quanh mà đầu như bốc lửa. Ở đây người ta sống thản nhiên quá. Làm như chiến tranh không hề có trên đất nước này. Làm như bạn bè anh đang quần thảo ngoài trận tiền là chuyện riêng của những người mang số phận hẩm hiu đen đủi. Tờ báo trong tay anh run bần bật. Tiểu đoàn của anh đụng lớn vừa chết vừa bị thương gần năm chục mạng. Những hàng chữ hững hờ chọc cơn giận trong anh bùng lên như một vụ hỏa hoạn. Bàn bên cạnh một thanh niên đang ngồi tư lự như một triết gia. Ly bia trước mặt đã cạn hơn phân nửa. Chiếc tẩu bóng lộn cắm giữa chiếc miệng có hàm râu quai nón mềm mại bao quanh. Đôi kính dâm gọng vàng đắt tiền che kín gần nửa khuôn mặt. Bộ quần áo thẳng nếp láng coóng với chiếc cà vạt nới lỏng nút thắt điệu nghệ nằm trễ dưới cổ áo. Hiên nhìn thấy tất cả cái phè phỡn vô trách nhiệm nơi người thanh niên điệu bộ đúng thời trang này. Anh thấy nóng mặt. Đôi chân anh tự động đứng dậy tiến qua bàn bên. Anh chăm chăm nhìn vào khuôn mặt đầy đặn phủ phê. Tay phải anh chụp mạnh chiếc kính đen. Anh khẽ rít giữa hai hàm răng. Bạn bè tao bằng tuổi mày vừa gục ngã tức tưởi ngoài mặt trận mà mày ngồi đây phởn phơ như thế này hả. Anh từ từ bóp mạnh bàn tay. Cặp kính gẫy nát. Những mảnh kính vỡ vụn cắt lòng bàn tay anh máu rỉ ra đỏ tươi. Tên thanh niên công tử run lẩy bẩy len lén đứng dậy lùi về phía sau ghế bỏ chạy ra cửa.

Hiên giơ bàn tay phải lên nhìn. Những vết sẹo nho nhỏ nằm rải rác như những hạt gạo xinh xắn. Chúng nhắc lại những ngày tươi trẻ máu nóng đầy người. Tên thanh niên xui xẻo đó giờ này đang ở đâu. Bây giờ gặp lại hắn chắc anh sẽ đỏ mặt ngượng

ngùng. Hoàn cảnh nhiều khi đẩy con người vào những tình huống khó xử. Chỉ hai năm sau ngày anh làm nhục người thanh niên nơi quán Pagode anh đã bị đưa vào thế đào ngũ trốn chạy còn tệ mạt hơn hắn nữa.

Tiếng kéo ghế chát chúa của Sylvie lôi anh ra khỏi nỗi ê chề bám víu anh từng giây từng phút. Anh nhìn vào phòng ăn. Bộ mặt Sylvie nặng chình chịch. Tiếng nhạc vẫn rỉ rả phát ra từ hai chiếc loa đen bóng đứng ở hai góc phòng. Mỗi lần anh nghe nhạc Việt Nam là Sylvie bực mình mặt nặng mặt nhẹ. Anh đã nhiều lần phản ứng đến gây gổ mà nàng vẫn chứng nào tật nấy. Anh đứng dậy tắt máy. Tiếng nhạc hốt hoảng ngừng lại. Những thước không khí trong phòng chùng xuống nặng nề.

Sylvie lầm lì dọn bàn ăn. Bước chân lui tới dậm xuống nặng nề như muốn đè nén cơn bực tức trong người. Những lọn tóc màu lúa chín được cột gọn thành chiếc đuôi ở phía sau nhảy lên nhảy xuống tức tưởi. Hiên nhìn vào chiếc gáy trắng ngần thon thả của vợ. Những giọt mồ hôi rịn ra lấm chấm quyến rũ. Vài sợi tóc mềm mại lơ lửng sà xuống làm tăng thêm vẻ diễm lệ cho chiếc gáy anh từng mê mệt. Anh tiến tới hôn vào chiếc gáy ẩm ướt tỏa ra mùi thơm nhè nhẹ. Sylvie cong người cọ vào Hiên mềm mại như một con mèo làm nũng. Những ngày Cranston gợn nhẹ trong ký ức anh.

Quầy thâu ngân chỗ Sylvie ngồi làm việc ăn thông vào trong nhà bếp bằng một khuôn cửa tò vò tròn vo được khoét một cách mỹ thuật giữa tường. Chiếc cửa như một mặt trăng ôm lấy phía sau lưng Sylvie. Từ trong chỗ rửa chén bát của nhà hàng Hiên có thể nhìn được chiếc gáy cao nõn nà của con gái ông chủ. Chiếc đầu tóc mềm mại bới cao làm tăng thêm vẻ quí phái của người thiếu nữ xứ lạnh. Anh ôm hình ảnh kiều diễm của Sylvie vào từng giấc mơ.

Chẳng có gì giấu được mấy tên sinh viên Việt Nam du học kéo nhau đi rửa chén bát ở nhà hàng ăn Pháp do một ông tây Québec làm chủ này. Mà cái bộ điệu ngẩn ngơ của Hiên thì giấu được ai. Trong lòng có gì thì đôi mắt đã mách bảo ra ngoài hết cả. Một tên lẻo mép ỡm ờ:

"Này, ông Thủy Quân Lục... chén đã kiếm được đất trồng cây si rồi đấy à?"

Hiên thấy đống chén bát ngập nước dưới tay anh chao đảo như có một trận động đất nhỏ vừa xảy ra. Mắt anh mờ đi vì tức giận. Gì chứ đụng tới binh chủng của anh là không được. Anh dằn giọng:

"Vừa vừa thôi chứ bạn! Làm ơn bỏ giùm cái chữ sách mé đó đi có được không? Đi rửa chén ở đây nhưng vẫn là lính chì thứ thiệt đấy. Đâu có phải là thứ trốn quân dịch chạy ra ngoại quốc đâu!"

Câu nói của Hiên phóng ra nặng trĩu. Mấy cặp mắt len lén nhìn anh. Một người lên tiếng:

"Thôi, bỏ đi anh Hiên. Anh em rỡn chơi một chút thôi đấy mà. Anh không bằng lòng thì thôi. Từ nay chúng tôi khai tử luôn cái chữ khó thương đó. Có mấy anh em người Việt với nhau chuyện gì cũng phiên phiến chẳng nên để bụng mất vui đi."

Sinh viên Việt Nam du học ở Cranston đếm được trên đầu ngón tay. Người nào cũng phải kiếm thêm tiền cho cuộc sống đỡ chật vật. Khi Hiên sang theo khóa tu nghiệp anh cũng theo họ đi rửa chén bát kiếm thêm tiền. Hồi học trung học anh theo chương trình Pháp nên tiếng Pháp của anh khá trôi chảy. Ông chủ người Québec nhận anh vào làm với vẻ thích thú ra mặt. Ở đất Mỹ kiếm được một người nói tiếng Pháp đâu có phải dễ. Thỉnh thoảng ông mang rượu xuống bếp mời Hiên ngồi nói chuyện để có dịp nói tiếng mẹ đẻ. Có bữa hứng chí hai người ngồi uống tì tì tới quá giờ nhà hàng đóng cửa. Hai khuôn mặt đỏ gay ngất ngưởng cùng gõ xuống bàn rầm rầm rống lên những bài hát quen thuộc. Bài này tiếp nối bài kia trong hơi rượu nồng nặc. *Sur le pont d'Avignon. On y danse, on y danse. Sur le pont d'Avignon. On y danse tout en rond... Alouette gentille alouette. Alouette je te plumerai... Frère Jacques, frère Jacques. Dormez vous, dormez vous. Sonnez les matines, sonnez les matines. Ding din don...*

Cô con gái rượu của ông cũng hay lân la hỏi han Hiên. Người con gái bặt thiệp và vui vẻ đã hớp hồn anh. Đứng rửa chén mà mắt anh không ngừng liếc ra chiếc cửa tò vò. Đôi tay anh quờ quạng làm chồng chén bát dơ va vào nhau kêu inh ỏi. Đám sinh viên rửa chén chung với anh chẳng khó khăn gì mà không phát giác ra mối tình câm của anh. Và khi đã phát giác ra họ dễ gì bỏ qua mà không châm chọc cho sướng miệng. Nhưng họ đã dụng phải một ông Thủy Quân Lục Chiến loại ngầu. Dân Trâu Điên chứ bộ chơi sao.

Chỉ cần một đêm được Sylvie nhờ làm *partner* trong dạ hội ra trường là Hiên đã hôn được chiếc gáy mà anh ngày đêm tơ tưởng. Cô học sinh vừa tốt nghiệp trung học chê mấy anh Mỹ không có văn hóa như Tây nên dù có nhiều anh học cùng lớp xun xoe xin hộ tống mà nàng lắc đầu quầy quậy. Sylvie chọn anh chàng rửa chén. Dù sao cũng có hơi hướng Pháp. Mối tình câm của Hiên chỉ qua một đêm bỗng biết nói.

Cuộc tình của họ ngọt ngào như một chiếc kẹo *nougat*. Ông bố của Sylvie cười nhếch hàng ria mép mỗi khi trông thấy Hiên. Nụ cười như ngầm bảo với anh chàng rửa chén to cao vạm vỡ là ta đã biết hết rồi đấy nhưng không sao cứ tự nhiên. Cả Sylvie lẫn Hiên đồng lòng chúm miệng thổi bùng đống than âm ỉ thành một ngọn lửa reo vui rực rỡ. Lửa mỗi ngày mỗi bốc cao. Tình của họ cũng vụt lên cao như một cây pháo bông. Chỉ một đốm sáng nhỏ nhoi tẽ gió lướt cao lên bỗng nở ra một đóa hoa muôn màu sáng chói bao trùm cả bầu trời xanh.

Những ngày nồng ấm vội vã qua mau. Khóa tu nghiệp của Hiên đang ở vào những ngày cuối. Ngày

về đã lấp ló trong tầm mắt. Chiến tranh Việt Nam càng ngày càng dữ dội trên màn ảnh truyền hình Mỹ. Bom đạn đã kéo nhau về thành phố. Ban Mê Thuột thất thủ. Chung quanh Hiên người ta đã nói tới việc bỏ rơi Việt Nam. Sylvie cuống cuồng ngăn cản Hiên trở về. Nàng nghĩ Việt Nam là chốn bom đạn giăng mắc chằng chịt như một chiếc lưới. Hiên đem thân về thì chắc chắn bom đạn sẽ thăm hỏi anh ngay ngày đầu đặt chân tới Việt Nam. Nàng khóc lóc, van xin, níu kéo Hiên. Những cánh thư của bố mẹ Hiên cũng cản ngăn anh trở về. Tình hình càng ngày càng tệ mạt. Người ta đã ồn ào chuyện di tản. Mấy ông thày dạy của Hiên đã kín đáo nói xa nói gần cho Hiên hiểu là Việt Nam khó lòng đứng vững nếu không có quân viện của Hoa Kỳ. Mà quân viện thì Quốc Hội Mỹ đang ra sức cắt giảm. Bụng Hiên rối lên như mớ bòng bong. Ai cũng ngăn cản anh về. Mà không về thì lương tâm cắn rứt chịu gì nổi. Đào ngũ là một chuyện. Đang tâm bỏ bạn bè trong lúc nguy khốn là một chuyện khác. Có tình nào đậm nồng bằng tình chiến hữu sống chết với nhau ngoài trận tiền. Thứ tình chẳng tiếc đến cả mạng sống thì còn lấy gì mà so sánh được.

Giữa lúc Hiên đang lao đao chưa biết quyết định ra sao thì miền địa đầu giới tuyến thất thủ. Tiểu đoàn của anh rã đám trên đường tháo thân ra bờ biển để được bốc vào Sàigòn. Mấy ngày liền Hiên nhìn thấy trên truyền hình những khuôn mặt bạn bè trong giờ phút nguy vong. Chưa bao giờ anh thấy thấm thía tình bè bạn như vậy. Và cũng chưa bao giờ anh thấy mình đớn hèn bất lực như vậy. Anh quanh quẩn trong căn phòng trọ chật hẹp bực bội như một con cọp gầm gừ trong cũi sắt. Anh nổi điên đập phá mớ đồ đạc sơ sài trong phòng. Đập phá xong anh ngồi đờ đẫn như người mất trí. Rồi anh dốc rượu ra uống tì tì hết ly này đến ly khác. Rượu ngấm anh ngồi nghêu ngao hát. Toàn những khúc quân hành của những ngày còn nặng mang chiến y. Giọng anh nhừa nhựa, tay anh múa may bắt nhịp, mắt anh nhắm nghiền. Từ đôi mắt không muốn nhìn sự thế đó những giọt nước mắt nóng hổi tươm ra từ từ lan xuống đôi gò má tái ngắt.

Sylvie ôm đầu Hiên ép sát vào ngực. Nước mắt Hiên lỗ chỗ in đậm trên áo nàng. Đôi mắt xanh biếc của Sylvie cũng long lanh ướt đẫm. Nàng cảm thấy đau đớn như bị cắt ngón tay út. Tại sao Hiên của nàng lại có thể dính vào đất nước của anh đến như vậy. Chiến tranh là điều nàng không thể hiểu được. Đất nước nàng có bao giờ biết chiến tranh là gì đâu. Nhưng chiến tranh đang ở bên cạnh nàng. Người nàng yêu thương đang bị chiến tranh vò nát bầy hầy dù đang ở xa chiến tranh đến nửa vòng trái đất. Tại sao Hiên không quên phứt đi những điều gớm ghiếc đó. Ở đây anh có an bình, có hạnh phúc, có vui tươi và có người con gái tha thiết yêu anh. Đất nước này người ta sống với hiện tại, sống cho tương lai, tại sao Hiên cứ mải miết quay đầu về quá khứ.

Lá lành đùm lá rách...

Từ tháng 1/93 đến nay, với sự yểm trợ nhiệt tình của hàng ngàn thân hữu hảo tâm khắp nơi hội thiện nguyện SAP-VN đã:

» **Bảo trợ giải phẫu chỉnh hình cho 50 trẻ em khuyết tật thuộc gia đình nghèo khó ở các tỉnh lỵ;**

» **Bảo trợ chi phí phẫu thuật vá môi cho gần 200 trẻ em kém may mắn ở Kiên Giang, Phan Thiết...;**

» **Cung cấp dược phẩm và y cụ cho chương trình khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí; phục vụ cho hơn 1.000 đồng bào nghèo khó mỗi tháng;**

» **Hỗ trợ cho 5 Lớp học Tình thương; phát 65 học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo hiếu học;**

» **Ủy lạo đồng bào nghèo và nạn nhân thiên tai, bão lụt ở Cần giờ, Kiên Giang, Phú Yên...**

* Mọi sự trợ giúp đều được phân phối trực tiếp bởi các thành viên và thân hữu của SAP-VN.
** Tin tức sinh hoạt SAP-VN được đăng tải trên Bản tin Green Cross, phát hành miễn phí vào mỗi đầu tam cá nguyệt.

SAP-VN Is A Non-profit, Non-governmental Humanitarian Relief Oraganization. It Was Founded In 1992 By A Group Of Young Professionals And Students In California.

SAP-VN Sole Mission Is To Provide Free Medical, Educational And Welfare Services To The Less Fortunate People In Vietnam, Especially Handicapped Children. All Helps Are Directed To The Needy By SAP-VN's Members, And Friends In Vietnam. Contributions Are Tax-deductible. For More Information Please Contact SAP-VN Office.

Thư từ liên lạc và chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

10608 Garden Grove Blvd.
Garden Grove, California 92643
Phone (714) 537-4877 & 636-2959
Fax (714) 379-1214 & 636-2959

Sylvie thấy ghét cái màn ảnh nhỏ bé trước mặt. Nó chỉ mang lại cho Hiên những nỗi phiền muộn đớn đau. Nhiều lần Sylvie muốn tắt máy truyền hình rủ Hiên đi chơi cho khuây khỏa nhưng Hiên quắc mắt với nàng. Chưa bao giờ nàng thấy mắt Hiên dữ dội như vậy. Hiên ôm chiếc máy không rời một phút. Hình ảnh tang thương rách nát của đất nước Hiên tràn ngập màn ảnh. Những người dân gầy ốm bồng bế nhau ngơ ngác đi tìm một nơi chốn an lành, những người lính buồn bã di chuyển ra điểm hẹn, những con tàu chĩu nặng những khuôn mặt lo âu sợ hãi...

Khi những chiếc máy bay Mỹ dồn dập cất cánh ôm trong bụng đầy nhóc những người di tản rời phi trường Tân Sơn Nhất, những con chuồn chuồn nhảy trên các nóc nhà khắp thành phố Sàigòn, những hàng người run rẩy cố bám lấy một chỗ trên những chiếc trực thăng đậu trên nóc tòa Đại Sứ Mỹ, những đoàn tàu khổng lồ đậu ngoài khơi đang nuốt dần từng khối người hốt hoảng rời nước thì giờ phút cuối cùng của đất nước Hiên đã gần kề. Từ chiếc ti vi lạnh lùng tàn nhẫn những bộ mặt chính trị Mỹ đã không ngại ngùng gì mà không nói thẳng thừng những lời cuối cho Việt Nam. Hiên ngồi lặng người coi người ta đang dứt từng miếng thịt trên người anh. Cằm anh bạnh ra, hai hàm răng nghiến chặt, đôi mắt long lên sòng sọc. Anh vùng người chạy ra trước cửa nhà. Anh nhìn từng người Mỹ đi ngang bằng ánh mắt căm phẫn hằn học. Tim anh dại đi nỗi tái tê. Sylvie rùng mình ớn lạnh khắp người trước một Hiên lừng lững như một người xa lạ. Nàng ôm cánh tay Hiên kéo vào nhà. Hiên bước đi như một người máy. Anh ôm lấy Sylvie rót vào tai nàng những âm thanh ráo hoảnh. Anh không thể ở trên đất nước phản bội này thêm một phút nào nữa!

*

Bàn nhậu đã đủ mặt. Toàn dân Thủy Quân Lục Chiến. Khi Hiên bước vào thì một người gầy ốm đen đủi chỉ nhỉnh hơn đứa con nít bên này một chút đứng dạy ôm lấy anh cảm động nói:

"Ông thầy!"

Hiên vỗ vào đôi vai xương xẩu trước mặt:

"Hòa!"

Hai người không nói được gì thêm. Đã lâu lắm Hiên mới nghe lại được tiếng "ông thày." Hiên nhìn thấy những cánh đồng khô cứng trơ từng gốc rạ cháy xém, ngửi được mùi khét lẹt của bom đạn, vẳng nghe những tiếng đạn to nhỏ thi nhau dồn dã. Cả một thời binh lửa trùm kín đầu anh. Anh bỗng cảm thấy nhói lạnh. Vậy mà anh đã là một tên đào ngũ. Bỏ bạn bè. Bỏ chiến hữu. Gặp lại được Hòa "tà lọt" của anh vượt biên vừa sang được tới đây anh vừa mừng vừa ngượng. Anh lặng người đứng nhìn tên đệ tử đã từng vào sinh ra tử với anh. Hòa nhanh nhẹn kéo ghế cho anh:

"Mời ông thày ngồi."

Bộ điệu khúm núm của Hòa làm anh đỏ mặt. Anh đâu còn xứng đáng. Chẳng gì có thể biện minh được cho hành động của anh. Một tên đào ngũ luôn luôn là một tên đào ngũ. Anh trăn trở hoài với hành vi hèn nhát của mình. Sylvie đã có lần biện hộ cho anh. Cả chục triệu người không giữ nổi nước thì có thêm anh vào cũng chẳng xoay chuyển được gì. Chiến hữu của anh, những người đang ngồi quanh anh, cũng đã từng an ủi anh. Mấy thằng chóp bu trách nhiệm cùng mình còn bỏ quân lại chạy lấy thân, ông đang ở bên này giờ phút đó không về thì cũng là phải thôi, chẳng ai trách được ông. Nghe vậy cũng thấy nhẹ lòng nhưng lương tâm anh vẫn canh cánh nỗi dằn vặt.

Hiên cố xua đi cục sạn nhức nhối trong óc, nâng ly mời mọi người:

"Chúng ta uống mừng chú Hòa đã tới được đất nước tự do."

Mọi người ồn ào cụng ly với Hòa. Dân mũ xanh ở thành phố này chỉ có bốn người. Thêm Hòa vào mới đếm đủ một bàn tay. Hiên như ngón tay cái. Ngón tay duy nhất chạm vào được tất cả những ngón tay khác. Anh kéo mọi người lại với nhau bằng những cuộc họp mặt khá thường xuyên. Tuổi tác cũng có người hơn anh. Cấp bậc cũng có người trên anh. Nhưng anh là người vững vàng nhất nơi đây. Ngày anh nhờm tởm đất Mỹ, Sylvie đã lập tức cùng anh rời Cranston về quê nàng. Hai người cưới nhau. Anh cắp sách đi học lại với Sylvie. Mỗi người một ngành. Cả hai đều tốt nghiệp và đều có công việc làm chắc chắn.

Đối với đồng đội cùng binh chủng Hiên đối đãi như anh em. Người nào cần giúp đỡ anh chẳng bao giờ nề hà. Anh vẫn nói đùa với mọi người là đối với anh em anh luôn luôn ứng chiến trăm phần trăm. Cần lúc nào anh cũng có mặt. Cần điều gì anh cũng luôn luôn cố gắng hết mình. Như thể làm vậy anh vỗ về được mảnh lương tâm trầy trụa của anh.

Tô canh chua nóng hổi vừa được người bồi bàn mang tới đang bốc khói nghi ngút. Hòa kín đáo liếc nhìn. Mấy cọng rau ngổ xanh ngắt nằm vắt vẻo giữa những cọng giá trắng ngần lẫn lộn với những khúc cá phô ra từng hàng vảy bạc. Màu đỏ của những trái ớt lớn xắt mỏng làm tô canh trông vừa đẹp vừa ngon. Tô canh chua đầy đủ lệ bộ làm Hòa thấy ngượng ngùng cho những tô canh dã chiến của những ngày hành quân. Cả hai thày trò cùng thích ăn canh chua nên hầu như bữa cơm nào cũng có món này. Mà canh chua Hòa nấu có chi mà ngon. Căn bản là mấy trái me. Khi không kiếm được me thì cho đại vào một chút dấm hoặc cùng lắm ngắt bậy mấy cành lá chua trong rừng cũng xong. Ngày nào mua được mớ cá vụn của dân đi tát đìa thì kể như là ngày thịnh soạn. Không thì nhón mấy chú tôm khô hoặc mở một hộp cá mòi quân tiếp vụ tanh rình ra đổ đại vào cho có. Vậy mà hai thầy trò xì xụp vẫn thấy ngon miệng. Hòa với chiếc chén ăn của Hiên vừa múc canh vừa nói:

"Để em tiếp đại bàng chén canh. Đại bàng vẫn còn mặn món canh chua này chứ?"

Giọng nói của Hòa làm Hiên chìm đắm vào những ngày gian khổ xưa. Mắt anh mờ đi. Anh nói như mê sảng:

"Giờ này còn đại bàng cái khỉ khô gì nữa. Bỏ đi mày!"

Tiếng "mày" vừa buột ra khỏi miệng làm Hiên giật mình nhìn quanh. Anh đọc được nét ngạc nhiên trên những khuôn mặt bè bạn. Hiên sực tỉnh:

"Xin lỗi chú Hòa. Nghe giọng chú cứ tưởng như đang còn ở trận địa."

Hòa ái ngại nhìn nét bối rối hiện rõ trên khuôn mặt của cấp chỉ huy ngày xưa. Anh thành thật nói:

"Em thích được Trung Úy gọi như vậy. Nghe thấy thân mật như ngày xưa."

Hiên mặt đỏ gay dí nắm tay vào trán tên đệ tử cũ:

"Lại Trung Úy. Bỏ hết đi. Chú mày sao nhiều chuyện quá. Thôi 'dô' này!"

Mọi người nâng ly uống ừng ực. Hiên nuốt rượu như nuốt những đắng cay vào tận trong ruột trong gan. Thua đứt đuôi rồi. Cái đầu lằng nhằng chẳng đem vứt vào đâu được. Hở ra chút xíu là nó gõ vào tim anh từng cú nát tan. Ông thầy. Đại bàng. Trung Úy. Từng nhát búa bổ xuống đầu anh nặng trĩu. Không có ai bảo anh là tên đào ngũ phản bội nhưng trong anh vẫn đậm nỗi chát chua nhục nhã. Rượu không rửa được lòng anh. Hơi men chẳng bứng được hộ anh cái đầu cấn cái.

Có tiếng hỏi Hiên:

"Hồi này ông đi chơi dữ lắm sao mà phôn hoài không gặp?"

Hiên ngẩn ngơ nhìn bạn. Anh có bao giờ đi chơi đâu ngoài những lúc tụ họp với bạn bè cũ như ngày hôm nay. Đi làm về anh chỉ loanh quanh ở nhà đọc sách, nghe nhạc. Đó là thú vui duy nhất của anh. Thú vui làm Sylvie mặt nặng mặt nhẹ với anh hoài. Anh hỏi lại bạn:

"Ông phôn tôi hồi nào?"

"Mấy tối liền. Lần nào bà ấy cũng bảo ông đi vắng. Hỏi bao giờ về bà ấy bảo không biết. Giọng như không được vui."

Hiên nhớ tới những hồi chuông điện thoại reo và những câu đối thoại vội vàng của Sylvie. Anh biết Sylvie không muốn anh sống trong cái thế giới Việt Nam của anh nhưng không ngờ nàng lại quá quắt đến nỗi muốn cắt đứt những liên lạc giữa anh và bạn bè người Việt của anh. Nàng đã khó chịu khi anh nghe nhạc Việt Nam, vùng vằng khi anh chúi mũi vào sách báo tiếng Việt, bây giờ nàng lại tỏ thái độ với những người đã từng sống chết cùng anh, những người mà trong thâm tâm anh luôn luôn tự coi như có lỗi khi chọn ở lại với Sylvie giữa khi cuộc chiến tới hồi gian truân nhất.

Sylvie không thể hiểu được tâm trạng của Hiên. Tại sao anh lại bận lòng với quá khứ như vậy? Quá khứ là cái phần phải lui vào bóng tối, là thời gian người ta phải bỏ lại không luyến tiếc. Như những chiếc hỏa tiễn rụng rơi trên bầu trời khi đã hoàn tất nhiệm vụ đẩy phi thuyền lên không gian. Người ta chú mục tới cái phần cốt lõi ở trên cao chứ ai lại nặng lòng với những thứ đồng nát tiêu hao dưới đất. Hai chân Hiên đang đứng vững trên xứ sở này có sao đầu anh cứ quay về phía sau, phía chỉ có toàn bóng tối mịt mù.

Hiên còn bị cột chặt vào quá khứ không là Hiên của nàng toàn vẹn. Nàng muốn Hiên chỉ là của nàng. Nàng không chấp nhận chia sẻ. Hiên đắm mình trong thế giới Việt Nam là Hiên quay lưng lại tình yêu nàng dành cho anh. Tình yêu ngưng đọng trong mắt nàng. Tình yêu bày tỏ bằng những ân cần chăm chút từng giờ từng phút cho anh.

Hiên ngột ngạt trong tấm lưới tình cảm êm dịu của Sylvie. Nàng bủa vây anh bằng những âu yếm ngọt bùi. Nàng đã từng đẩy Hiên ra sân *golf* mong biến anh thành một người sang trọng, dìu Hiên tới những cuộc họp mặt cho anh nhập vào thế giới cao sang, níu vòng tay anh trong những buổi khiêu vũ cho anh thành một tay tài hoa lịch lãm. Nàng nhồi nắn Hiên cho vừa vặn với tiêu chuẩn của giai cấp trưởng giả của xã hội này. Hiên của nàng chẳng thua kém một ai. Nhưng Hiên đã bỏ cuộc. Anh không biết mang mặt nạ. Sống gượng gạo cho vừa ý mọi người không phải nghề của một "trâu điên" mặt mũi đã từng khét lẹt khói súng. Huống chi trong bụng anh lại có nguyên một cành gai châm chích khôn nguôi. Nó nhắc nhở liên tu bất tận khối u ẩn trong thâm tâm anh. Hiên vẫn yêu vợ nhưng không thể chiều vợ được.

Cuộc sống lứa đôi mang cái dáng khập khiễng. Họ vẫn sánh bước bên nhau nhưng đôi chân mỗi người đều có con đường mòn riêng. Sylvie chẳng thể len lỏi vào những ngóc ngách trong tâm hồn Hiên. Nàng được nuôi dưỡng trong một môi trường đậm nét chính xác. Đường nàng cứ thẳng băng nàng đi. Mắt nàng chỉ nhìn thấy phía trước mặt. Không vòng vo. Không khúc mắc. Nàng thiếu hẳn cái xuề xòa tế nhị mà một người như Hiên rất cần nơi người vợ.

*

Hiên nhìn thẳng vào mắt Sylvie hỏi lại:

"Em nghĩ sao về đề nghị của anh?"

Sylvie quay nhìn Hiên như muốn dò sức nặng của câu hỏi rồi tiếp tục chăm chú vào màn ảnh truyền hình. Cặp chân nàng nằm dài trên chiếc bàn kính. Trắng muốt thon thả. Chân nọ gác lên chân kia. Ngón chân cái móng đỏ sậm màu máu nhúc nhích liên hồi. Tật của nàng khi trong đầu có điều suy nghĩ lung. Điếu thuốc trên môi nàng đỏ cong lên bối rối. Hai ngón tay hững hờ giơ lên kẹp điếu thuốc. Nàng uể oải nói như không muốn những âm thanh thoát ra khỏi cuống họng:

"Em không bằng lòng. Anh chỉ có một gia đình.

Trong căn nhà này."

Hiên thấy nóng ran đôi tai. Thái dương anh bập bùng tức tối. Giọng anh mỉa mai:

"Trần trụi hai đứa mà cũng là gia đình sao?"

Sylvie dí mạnh điếu thuốc vào cái gạt tàn. Đầu điếu thuốc nát bét bung ra những sợi thuốc vàng mảnh mai. Một làn khói mong manh cố thoát ra khỏi đốm lửa đỏ vừa tức tưởi lịm tắt. Môi nàng cong vòng:

"Anh lại muốn nhắc khéo tới chuyện con cái nữa phải không? Em đã nhiều lần nói là em không thích con nít. Sao anh cứ lui tới chuyện đó hoài vậy?"

Sylvie dằn mạnh từng tiếng. Cặp lông mày rậm rạp nhíu lại. Khuôn mặt hằn in vẻ thách thức. Hiên quay đi không muốn nhìn vợ trong lúc giận dữ. Quả thật anh muốn có con. Không những anh mà cha mẹ anh cũng luôn luôn thúc hối. Anh là con trai trưởng. Các cụ muốn có người nối dõi tông đường tuy chẳng biết một đứa trẻ lai có thể là người nối dõi tông đường được không. Anh đã nhiều lần nhỏ nhẹ nói với vợ về việc này mà Sylvie cứ lần lữa thoái thác. Nhưng hôm nay anh đâu có đề cập tới chuyện con cái. Anh hỏi ý kiến Sylvie về việc bảo lãnh cha mẹ và các em. Anh muốn mang lại nguồn vui đoàn tụ cho cha mẹ và bảo đảm tương lai cho các em. Nhưng Sylvie cứ lắc đầu quầy quậy.

Khi thành hôn với Hiên nàng nghĩ rằng Hiên tứ cố vô thân sẽ là của riêng nàng. Hoàn toàn của riêng nàng. Nhưng rồi làn sóng người Việt tị nạn ồ ạt trốn chạy khỏi nước đã mang qua đây cả một cuộc sống Việt Nam mỗi ngày mỗi xum xuê. Hàng quán, sách báo, băng nhạc, hội họp, bạn bè, mỗi thứ đã cắt xén bớt của nàng một mảnh hạnh phúc. Hiên như con cá gặp lại dòng nước quen thuộc. Anh cứ mải miết bơi. Sylvie buồn bã nhìn Hiên dần dần xa tầm tay với. Nàng đã cố gắng kéo Hiên về phía nàng, phía có bầu không khí mà Hiên đang hít thở ngày đêm nhưng nàng cảm thấy tay nàng quá ngắn. Cuộc sống chồng vợ lững thững theo tháng ngày qua. Tưởng là gần xịt mà dạt trôi mỗi người một phía. Nay Hiên lại muốn bảo lãnh cho cha mẹ và các em thì phần của nàng lại thêm thắt thẻo teo tắt. Dù có chiều Hiên cách mấy nàng cũng không thể ưng thuận được.

Sylvie bật lửa châm điếu thuốc khác. Một đám khói mù mịt tỏa ra cùng với cái giọng gằn gằn dấm dẳn:

"Em có bao giờ mang cha mẹ em ra làm phiền anh không? Mỗi người có một cuộc sống. Mỗi người đều phải tự lo cho mình. Không lo nổi thì đã có xã hội lo. Ruột thịt có giới hạn của ruột thịt. Anh bày đặt đâu ra cái bổn phận của anh đối với gia đình như vậy? Nếu anh muốn, anh cứ việc gửi tiền về cho họ, em không cản anh. Còn đưa họ qua đây, xin lỗi!"

Điếu thuốc lại nát bét dưới ngón tay thuôn hồng của Sylvie. Nàng dằn vặt nó như dằn vặt nỗi uất ức trong lòng. Hiên ngẩn ngơ nhìn khuôn mặt vợ biến hình trong cơn giận dữ. Anh ôn tồn giải thích:

"Anh đồng ý là ở đây chúng ta sống trong một xã hội mà cuộc sống mỗi người đều được chăm sóc. Cả tinh thần lẫn vật chất. Không ai cần nhờ vả ai. Nhưng chắc em không hiểu được cuộc sống ở bên nước anh đâu. Con người không có được sự thoải mái như vậy. Mỗi cá nhân đều chịu sự chi phối mãnh liệt của nhà cầm quyền. Đâu có được tự ý vạch ra cho mình một cuộc sống như ý mình muốn đâu. Cha mẹ anh không hài lòng với cuộc sống đó, các em của anh không nhìn thấy tương lai. Chúng ta như một đầu cầu có thể giúp được họ qua đây sống cho ra sống. Hơn nữa, truyền thống xã hội bên nước anh dựa vào sự tương thân tương ái của đại gia đình. Mọi người trong đại gia đình yêu thương, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau. Anh không thể nào trốn tránh trách nhiệm của anh được. Em là vợ anh, em phải gánh chung trách nhiệm đó với anh."

Sylvie bịt hai tai, đứng phắt dậy, la lên át tiếng nói của Hiên:

"Chân anh đang đứng ở đây. Hãy suy nghĩ như một người ở đây!"

Cơn giận ào tới như cơn giông đầu mùa, Hiên cũng lớn tiếng la lại:

"Cho em biết là anh sẽ không bao giờ có thể trở thành một dân *Québecois* như em muốn đâu!"

Sylvie cúi xuống ôm con chó đang ngơ ngác nhìn cô chủ rồi dậm bước thình thịch về phòng nàng. Tiếng cửa dập mạnh làm rung chuyển đồ đạc trong nhà.

Hiên thở hổn hển cố kìm cơn giận dữ. Anh về phòng riêng đóng cửa lại. Hai cánh cửa ở hai phía đều đóng chặt. Vụ bảo lãnh bể tan tành nếu Sylvie không bằng lòng đứng chung tên cùng ký giấy với chồng. Đầu Hiên lùng bùng nặng chình chịch. Anh nhắm mắt lại định thần. Nỗi bẽ bàng của một người trốn chạy còn chưa buông tha anh làm sao anh có thể chịu đựng được một cuộc trốn chạy khác. Giá nào anh cũng phải bảo lãnh gia đình. Có lẽ Sylvie chẳng bao giờ có thể hiểu được anh. Hòa hợp hai thân xác thì dễ nhưng hòa hợp hai cái đầu có hai lối suy nghĩ khác nhau thật thiên nan vạn nan. Anh ngả người trên chiếc ghế dựa như muốn trút hết trí não lộn xộn ra khỏi đầu. Anh với tay vặn nhạc. Những giọt nhạc bổng trầm len lén thấm sâu trong anh. Đời anh cũng như những giọt nhạc. Anh đang chới với trong giọt trầm phiền muộn nhất. Anh mơ được sống trở lại những ngày cũ. Lừng lững giữa đất trời lồng lộng, hai vai nhẹ lâng lâng chẳng chút muộn phiền. Câu thơ cũ chợt về trong anh. *Phá Tam Giang, phá Tam Giang. Bờ bãi hỗn mang dòng bát ngát. Cát hôn mê, nước miệt mài trôi. Ngó xuống cảm thông người lỡ bước. Trời nước mênh mông thân nhỏ nhoi.* □

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NGUYÊN LAI và PHAN SINH

Hội luận văn học "Nhìn lại 20 năm..."

Vào hồi 2 giờ chiều Chủ Nhật 19 tháng Mười Một 1994, tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), trên đường Acacia, thị xã Garden Grove, California, gần 20 người thuộc giới cầm bút và người đọc đã họp mặt để bắt đầu loạt Hội luận với chủ đề "Nhìn lại 20 năm văn học Việt Nam hải ngoại."

Do sáng kiến của nhà văn Nguyễn Mộng Giác và tạp chí *Văn Học*, với sự hợp tác của tạp chí *Thế Kỷ 21*, sự bảo trợ của "Dự Án 20" và Hội VAALA, chương trình Hội luận dự trù diễn ra trong nhiều buổi từ nay đến cuối năm 1995, không những ở vùng Little Saigon, mà ở nhiều nơi trong và ngoài nước Mỹ.

Buổi họp đầu tiên có bốn người được chỉ định trước để đặt vấn đề là: Nguyễn Mộng Giác nói về người viết và tác phẩm; Nguyễn Xuân Hoàng nói về chân dung người đọc các tác phẩm đó; Lê Đình Điểu nói về phương tiện chuyên chở tác phẩm từ người viết đến người đọc; và Phạm Xuân Đài nói về tương lai văn học Việt Nam hải ngoại.

Vì thì giờ eo hẹp (chấm dứt lúc 5 giờ chiều) nên phần của Phạm Xuân Đài chưa được trình bày.

Nguyễn Mộng Giác cho biết hiện số người viết ở hải ngoại rất đông, nhưng tuyệt đại đa số là người ra đi từ miền Nam. Có nhiều thuận lợi trong việc hình thành các sáng tác (như tự do, tiến bộ khoa học,...) nhưng nhìn chung không được đón nhận như ở miền Nam trước 1975.

Nguyễn Xuân Hoàng đưa ra cái nhìn khá bi quan về số lượng cũng như thành phần độc giả: ngày một ít và ngày một "già."

Lê Đình Điểu cho thấy số lượng báo tiếng Việt rất lớn, nhưng báo văn học thực sự chẳng có bao nhiêu; sách in nhiều (mỗi tháng, riêng tòa soạn TK 21 nhận được và giới thiệu khoảng 10 cuốn), nhưng cũng có cuốn nhiều chữ mà ít nghĩa; tác quyền của người viết không được bảo vệ nên người viết không thể sống bằng ngòi bút của mình được, do đó chỉ có các "nhà văn tài tử."

Cuộc thảo luận hơn hai tiếng rất sôi nổi, nhưng chưa đào sâu được hết các khía cạnh của vấn đề, và cũng chưa "nhìn lại" được 20 năm văn học. Nhưng đó chính là lý do nhóm tổ chức đã nói từ đầu: sẽ có hàng loạt cuộc hội luận tiếp theo. Chắc hẳn buổi đầu tiên này đã "gợi hứng" được cho các văn hữu khắp nơi để sẵn sàng họp mặt ở mỗi tỉnh, mỗi tiểu bang, mỗi vùng, trước khi cùng về gặp nhau trong một cuộc đúc kết lớn trong năm 1995.

Hiện diện trong cuộc họp đầu tiên có: Phạm Xuân Đài, Đinh Sinh Long, Ngọc Diệp, Hoàng Khởi Phong, Phạm Hi Cảnh, Hà Linh Bảo, Trần Nam Sơn, Hoàng Phủ Cương, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Thạch Hãn, Bùi Vĩnh Phúc, Phạm Cao Dương, Cẩm Vân, Nguyễn Tiến, Lê Văn Khoa, Bùi Như Hải, Lê Xuân Khê, Ngô Mạnh Thu và Lê Đình Điểu.

Đại Hội Văn Bút Quốc Tế tại Praha

Phái đoàn Việt Nam tham dự Đại Hội Văn Bút 1994 tại Praha, thủ đô Tiệp Khắc, cho biết đã thành công trong việc đưa ra và được Đại Hội chấp thuận một quyết nghị đòi tự do tư tưởng cho những nhà văn và nhà tranh đấu nhân quyền ở trong nước.

Phái đoàn gồm các văn hữu Viên Linh, Nguyễn Sỹ Tế, Phạm Việt Tuyền, Cung Trầm Tưởng, Trần Ngọc Nhuận, Cao Mỵ Nhân, Minh Nguyệt, Đỗ Khiêm và Lê Đô, đã dự Đại Hội kéo dài sáu ngày, từ 6 đến 12 tháng Mười Một 1994. Đại Hội quy tụ hơn 500 người cầm bút đến từ hơn 100 quốc gia.

Nghị quyết do phái đoàn Việt Nam, cùng đứng tên với các Trung Tâm Văn Bút Canada, Ba Lan và Hongkong, gồm ba điều đòi hỏi nhà cầm quyền Hà Nội phải tôn trọng tự do tư tưởng, tự do phát biểu và tự do tín ngưỡng, cụ thể là phải trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Tuệ Sỹ, Trí Siêu và các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, nhà tu đang bị Hà Nội cầm tù phi lý.

Được biết Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là thành viên chính thức của Văn Bút Quốc Tế từ 1975, nối tiếp vai trò của Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Cộng Hòa.

Du Tử Lê và ngày Hội ngộ Văn nghệ sĩ

Sinh hoạt thu hút nhiều khách phương xa nhất, và quy tụ nhiều khuôn mặt thành danh nhất, và tạo nên nhiều dư luận, là buổi sinh hoạt **"Ngày Hội Ngộ Văn Nghệ Sĩ"** do nhà thơ Du Tử Lê tổ chức.

Khán giả đọc trong tấm bích chương quảng cáo: *Trên 100 văn nghệ sĩ về từ nhiều nơi khác nhau. Tri ân năm văn nghệ sĩ tiêu biểu của năm bộ môn văn hóa VN. Trình bầy hơn 70 ca khúc, thơ, liên khúc, ca nhạc cảnh...*

Trước tiên là sự hỗ trợ về quảng cáo, có thể nói là nhiều nhất từ trước tới nay của các đài phát thanh và các báo chí đưa tới sự tham gia đông đảo của văn nghệ sĩ, từ bốn phương tám hướng kéo về, khán giả nô nức đi coi. Nhiều khán giả đi chậm vài ba phút,

cửa đã đóng và phải đi về. Nhiều người có vé, đã lọt được vào trong, nhưng không có chỗ ngồi phải đứng. Ban tổ chức không thể giải quyết nổi chỗ ngồi cho khách mời của những văn nghệ sĩ tham gia trong chương trình. Nhiều nghệ sĩ trình diễn phải đợi quá lâu mà chưa tới phiên ra hát, chương trình kéo dài thêm 1 giờ 30 phút nữa mà vẫn thiếu thời gian cho một số nghệ sĩ không được trình diễn.

Một số khán giả đã than là ca sĩ thì nhiều, nhưng nghe hát chẳng được bao nhiêu vì phần phát biểu chiếm một thời lượng khá dài. Một số khán giả ra về trước vì cho tới gần 11 giờ đêm họ chỉ được nghe năm ca sĩ trình diễn.

Trong thư ngỏ cảm tạ các người ủng hộ và khán giả, nhà thơ Du Tử Lê đã xin lỗi những sơ suất, bởi vì, ông cho biết đây là lần đầu tiên ông tổ chức một sinh hoạt như thế này, mà không có thời gian cần thiết để chuẩn bị cho chu đáo.

Nói chung *Ngày Hội Ngộ Văn Nghệ Sĩ* là một sinh hoạt thành công trên phương diện quy tụ, nhưng thất bại trên phương diện thể hiện.

Tiếng dương cầm Đặng Thái Sơn

Nhạc sĩ dương cầm **Đặng Thái Sơn** lần đầu tiên xuất hiện tại thủ đô tị nạn Little SaiGon do tổ chức thiện nguyện VNHelp bảo trợ, tại một phòng hội của khách sạn Doubletree, quận Cam.

Đặng Thái Sơn (ảnh Lý Kiến Trúc)

VNHelp không kiếm được một thính phòng hội đủ điều kiện cho trình tấu dương cầm cổ điển, nên phòng hội của khách sạn dù đủ rộng để có thể chứa 800 khán giả, nhưng đó không phải là một thính phòng đúng nghĩa, nhất là danh cầm họ Đặng muốn khán thính giả được nghe tiếng đàn thuần túy, không qua một hệ thống khuếch âm nào. Nhưng ông đã nhập vào với thế giới âm thanh của riêng ông.

Buổi trình tấu này được tổ chức để giúp VNHelp gây quỹ hoạt động cho những việc nghĩa ở Việt Nam, như quỹ học bổng Nguyễn Trường Tộ, quỹ công tác Trường Khuyết Tật Cần Thơ,...

Nói chung đây là một buổi trình tấu thành công. Suốt ba tiếng đồng hồ, Đặng Thái Sơn khiến cho khán thính giả quên mình là ai. (Xin đọc bài cảm nghĩ của Quỳnh Giao về buổi trình tấu này, trong số này).

Trần Mộng Tú ra mắt sách "Câu Chuyện Của Lá Phong"

Thứ Bẩy 12 tháng Mười Một, hồi 2 giờ chiều, **Trần Mộng Tú** ra mắt tác phẩm của bà tại Phòng Sinh Hoạt Hội Văn Học Nghệ Thuật (VAALA). Bảo trợ cho cuộc ra mắt sách này là Hội VAALA và hai

Trần Mộng Tú (ảnh Lê Tam Ca)

tạp chí: *Thế Kỷ 21, Văn Học*. Đây là tác phẩm văn xuôi đầu tiên của Trần Mộng Tú, với nhan đề: *"Câu Chuyện của Lá Phong"*. (Xem thêm mục Sách Báo Trong Tháng, trong số này, để biết các chi tiết kỹ thuật của cuốn sách).

Nhà văn Nguyễn Mộng Giác, người đề bạt, nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, người đề tựa cho tuyển tập, và nhà văn Bùi Bích Hà, là ba diễn giả chính cho buổi ra mắt sách. Bùi Bích Hà tuyển đọc một truyện ngắn và một bài thơ của Trần Mộng Tú, sau khi kể lại một số kỷ niệm liên quan tới việc viết văn làm thơ của hai người. Ngoài ba bài thơ được đọc hoặc diễn ngâm do Hồng Vân và bà Nguyễn Phúc, chương trình ra mắt sách không có ca nhạc phụ diễn, mặc dù hiện diện trong buổi sinh hoạt có khá nhiều giọng hát như Quỳnh Giao, Thùy Hạnh, Nguyễn Thụy Minh Ngữ, Lê Uyên Phương, Hoàng Quốc Bảo...

Ngoài ba diễn giả nói trên, còn có sự hiện diện của các nhạc sĩ Phạm Duy, Lê Văn Khoa, các nhà thơ Trần Hồng Châu, Nguyễn Mạnh Trinh, Ngô Tịnh Yên, các nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Lan, Bích Huyền, Hồ Minh Dũng, Cao Xuân Huy, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Xuân Quang, Phạm Xuân Đài, nhiếp ảnh gia Lê Phúc, điêu khắc gia Trần Văn Lên (mới từ Việt Nam sang Mỹ), cùng nhà văn kiêm họa sĩ

Khánh Trường...

Đây là một buổi ra mắt sách thân mật và ấm cúng, mặc dù Phòng Sinh Hoạt mới của VALAA chỉ chứa được tối đa 70 người, nên có một số khán giả phải đứng ngoài cửa. Buổi sinh hoạt chấm dứt vào lúc 4 giờ rưỡi chiều cùng ngày.

Vi Khuê ra mắt "Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi"

Trước ngày ra mắt sách của Trần Mộng Tú một ngày, và cách Phòng Sinh Hoạt của VAALA không xa, tối Thứ Sáu 11 tháng Mười Một, nhà thơ Vi Khuê ra mắt tập thơ mới nhất của bà: "Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi," tại quán Cà Phê Tao Nhân. Đây là tập thơ thứ tư của Vi Khuê do nhà xuất bản Sao tại Hoa Thịnh Đốn thực hiện.

Buổi sinh hoạt này do một số nhà văn, nhà thơ thân hữu của tác giả tổ chức, nhà thơ Du Tử Lê là người ký thiệp mời và điều hợp buổi sinh hoạt ra mắt sách này. Nhà thơ Du Tử Lê giới thiệu Vi Khuê bằng những lời chân tình; nhà văn Nguyễn Mộng Giác phát biểu về thơ Vi Khuê và đặc biệt là những bài thơ mới nhất của Vi Khuê trong thi phẩm này.

Khoảng một trăm thân hữu hiện diện trong buổi ra mắt sách này. Tưởng cũng nên nhắc lại nhà thơ Vi Khuê về đây tham dự ngày Hội Ngộ Văn Nghệ Sĩ do nhà thơ Du Tử Lê tổ chức, để kỷ niệm 20 năm lưu lạc nơi xứ người. Nhà thơ Vi Khuê là một trong những cây bút sáng tác đều đặn của Văn Bút Hải Ngoại. Bà là một khuôn mặt đa dạng trong nhiều bộ môn văn học. Vi Khuê là một nhà thơ kiêm nhà văn và nhà báo. Ngoài ra bà còn đang viết kịch, và là chủ biên của tạp chí *Phụ Nữ Diễn Đàn*, với nhiều bút hiệu khác nhau.

Vi Khuê (ảnh Lê Tam Ca)

Hát cô đầu ở... quận Cam!

Chiều Chủ Nhật 13 tháng Mười Một, tại Phòng Sinh Hoạt VAALA (Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ), hơn 50 người thích thú theo dõi bài nói chuyện về "ca trù" của cụ Bảo vân Bùi Văn Bảo. Phần hát minh họa do Kim Dung (trong nước) hát trong băng cát-xét.

Bẩy mươi tám tuổi, quắc thước với chòm râu bạc,

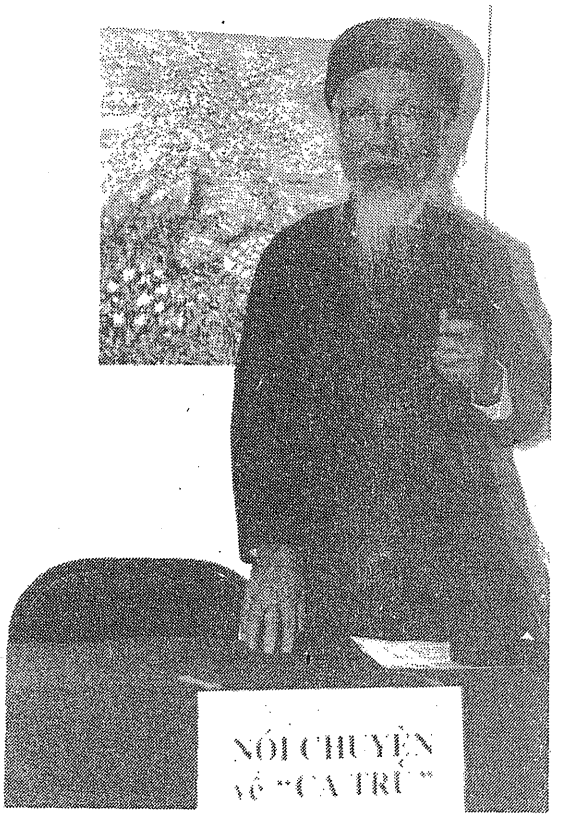

Bảo Vân Bùi Văn Bảo (ảnh Lý Kiến Trúc)

trong bộ quốc phục khăn xếp áo dài mầu xanh lam, Bùi lão nói về một bộ môn nghệ thuật Việt Nam đang đi vào lãng quên. Những bài "ca trù" thực ra là những áng thơ có giá trị văn học cao, do các danh sĩ, như Cao Bá Quát, Tam Nguyên Yên Đổ, Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, v.v., viết để gửi gấm tâm sự hoặc khẩu khí.

Cụ Bùi Văn Bảo, nguyên hiệu trưởng trường Tiểu học Trần Quý Cáp, Saigon, gắn bó một đời với văn hóa giáo dục, đã xuất bản nhiều bộ sách giáo khoa cho nhiều thế hệ từ những năm 1940 đến ngày Saigon rơi vào tay Cộng sản. Ra nước ngoài, cụ cư ngụ tại Toronto, Canada, nhưng đi nhiều nơi, và tiếp tục biên soạn, sáng tác để cổ võ việc giữ gìn tiếng Việt ở hải ngoại.

Bài nói chuyện của cụ cho thấy "ca trù," cũng còn gọi là "hát nói," "hát ả đào," hoặc "hát cô đầu," là một thể thơ đặc biệt Việt Nam, có cấu trúc chặt chẽ, và gồm nhiều đoạn. Lối diễn ca thể thơ này cũng chỉ Việt Nam mới có, mà theo nhạc sĩ Lê Văn Khoa, trong phần góp ý sau đó, "thuộc âm giai tam cung re-fa-la." Một thính giả khác, nhạc sĩ Nguyễn Phúc lại cho rằng "ca trù có tới 36 điệu khác nhau."

Nhà thơ Định Nguyên, khi được hỏi "có biết hát cô đầu không," nói với cử tọa rằng ông không biết hát, nhưng có thể làm được bài ca trù đúng luật.

Nhà văn Võ Phiến lại cho hay ông sinh trưởng ở miền Trung, không biết gì về "hát cô đầu" nhưng nghe thấy thích. Trong suốt bài nói chuyện dài một tiếng rưỡi, cụ Bùi Văn Bảo đã xen kẽ bằng những bài

hát qua băng ghi âm, với giọng cao và trong của Kim Dung. Một thính giả, ông Trần Văn Xuân, đã lên hát, và đàn miệng, trống miệng (!), một đoạn *chầu văn* để chứng minh những nét tương cận giữa chầu văn và ca trù.

Nhà thơ Trần Hồng Châu, tức giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu khoa trưởng đại học Văn Khoa Saigon, tỏ ra rất thích thú với ca ngâm Việt Nam, dù ông vốn tốt nghiệp văn chương Pháp ở đại học Sorbonne, Paris. Ông đã yêu cầu một thân hữu, bà Nguyễn Phúc, lên ngâm thơ. Bà Phúc đã ngâm một bài khá dài trong tuyển tập thơ của cụ Bảo Vân, bài "Văn tế vợ lúc còn sống."

Ông Lê Đình Điểu, chủ tịch Hội VAALA, điều khiển chương trình, cho biết Hội sẽ tổ chức "những buổi nói chuyện về văn thơ Việt Nam như thế này để làm sống dậy không khí sinh hoạt văn học dân tộc tao nhã mà đằm thắm." Ông Lê Văn Khoa, người đang điều hợp các chương trình của "Dự Án 20" cho năm 1995, ngỏ ý hy vọng sẽ có nhiều bạn trẻ tham dự những buổi này cho "văn hóa dân tộc được tiếp nối."

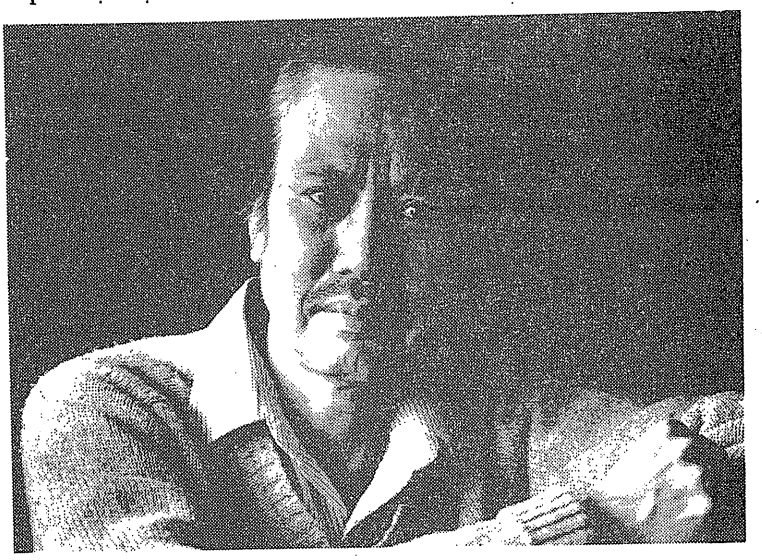

Phạm Đình Chương

Nhớ Phạm Đình Chương: hát "Mộng Dưới Hoa"

Chiều Chủ Nhật 13 tháng Mười Một, tại thính phòng thuộc thư viện thị xã Huntington Beach, California, khách yêu nhạc được thưởng thức một chương trình ca nhạc đặc biệt tưởng niệm **Phạm Đình Chương**, nhân dịp ra mắt đĩa gọn (CD) *Mộng Dưới Hoa* do **Phạm Thành** (con trai trưởng của nhạc sĩ Phạm Đình Chương) sản xuất.

Cái khung trời tình ca *dặt dìu nhạc với thơ* đó là chủ đề của chương trình, cùng với những ca khúc được phổ từ thơ của các thi sĩ Lưu Trọng Lư, Đinh Hùng, Quang Dũng, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê và Hoàng Anh Tuấn, được nghe qua các giọng ca Mai Hương, Kim Tước, Quỳnh Giao, Lệ Thu, Ngọc Minh, Phạm Thành, Vũ Anh và Thanh Hải, với phần nhạc đệm dương cầm do nhạc sĩ Lê Huy.

Là con của các nghệ sĩ Phạm Đình Phụng và Đinh Thị Ngọ, Hoài Bắc Phạm Đình Chương đã sẵn dòng máu nghệ thuật trong tim, nên ngay từ năm 17 tuổi ông đã sáng tác "Ra Đi Khi Trời Vừa Sáng," một ca khúc vẫn còn được hát tới bây giờ. Sinh ngày 14 tháng Mười Một 1929, tại Hà Nội, mất ngày 22 tháng Tám 1991, tại California, Phạm Đình Chương để lại cho chúng ta hơn 60 ca khúc, được ghi nhận là "bài nào cũng hay và độc đáo."(KĐ)

Bích Xuân (ảnh Lê Tam Ca)

Paris: Bích Xuân ra mắt tập thơ "Bao Giờ Em Quên"

Trong một chiều cuối tháng Mười mưa rơi nhè nhẹ trên thành phố Paris, tại *Maison des Associations*, quận 13, đông đảo văn nghệ sĩ và khách yêu thơ đã đến chung vui cùng nhà thơ Bích Xuân nhân dịp cô ra mắt tập thơ đầu tay mang tựa đề "Bao Giờ Em Quên."

Chương trình bắt đầu bằng phần giới thiệu tác giả và tác phẩm, sau đó là những tiết mục văn nghệ do ca sĩ Quốc Anh và nhà thơ Nguyên Vy điều hợp.

Các nhà văn, nhà thơ và nhà báo Hoài Việt, Hồ Trường An, Trần Đại Sỹ, Huyền Châu, Tô Vũ và Từ Nguyên lần lượt đưa ra những nhận xét, tựu trung đều cho thấy đây là một ấn phẩm đẹp, chứa đựng

những vần thơ êm ái của kỷ niệm.

Bích Xuân cũng còn là ca sĩ, nên trong phần văn nghệ phụ diễn cô cũng hát và ngâm thơ, cùng với các ca nhạc sĩ Văn Tấn Phát, Xuân Lôi, Phương Oanh, Thanh Hùng, v.v. Độc giả muốn có tập thơ "Bao Giờ Em Quên" xin liên lạc với tác giả: Bích Xuân, 21 avenue Stephen Pichon, 75013 Paris, France. (theo Từ Nguyên)

Nguyễn Cầm và "Những Khối Thầm"

Từ 20 tháng Mười tới 3 tháng Mười Hai 1994, **Nguyễn Cầm** trưng bày những tác phẩm mới của ông tại Galerie Bellint, 28 bis Bld de Sébastopol, Paris.

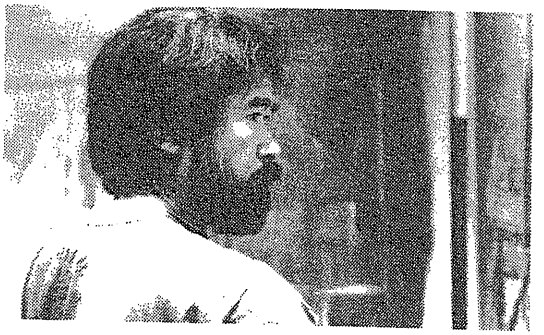

Nguyễn Cầm

Cuộc triển lãm không có tên, nhưng loạt tranh ông trưng bày kỳ này được nhà phê bình hội họa Martine Arnault viết trong tạp chí *Cimaise* đặt tên là "Những Khối Thầm" (*Des Blocs de Silence*).

Tranh Nguyễn Cầm 1994 đang ở thời kỳ trừu tượng và mầu lấn át là mầu nâu và vàng. Những thập niên 70 và 80 tranh ông có mầu đỏ chói bên cạnh mầu lục, sau đó ngả sang mầu xanh nhạt và xám.

Sinh năm 1944 tại Hải Phòng, Nguyễn Cầm tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Paris, đã triển lãm nhiều nơi trên thế giới, dự định trở về Việt Nam vào mùa đông năm nay, sau 30 năm rời khỏi quê hương. Vẫn theo Martine Arnault, tranh Nguyễn Cầm đạt tới mức "hoàn vũ" dù rằng ông được đào luyện trong lò Tây phương và đầy ắp những hoài niệm Á đông. Những tranh mới của ông có lẽ không cần đặt tên, vì những khối mầu nhạt nhòa, xếp đặt cạnh nhau có những "tiếng nói" phổ quát siêu biên cương.

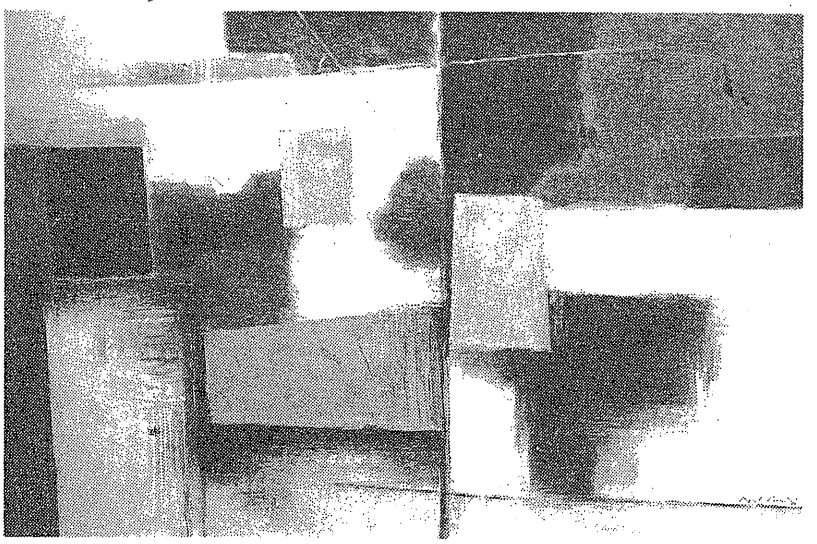

Tranh Nguyễn Cầm

Tại phòng triển lãm thường trực của Hội VAALA, California, có ba bức ấn tượng của Nguyễn Cầm, trong loạt tranh "Vết Chim Bay" của cuối thập niên 80. Hội đã ngỏ lời mời họa sĩ họ Nguyễn mang tranh sang cho bà con Cali được dịp thưởng ngoạn.

Đêm Phạm Duy tại Gainsville, Florida

Với sự tham dự của khoảng 100 người yêu nhạc Phạm Duy, tại Nhà hàng Empress of China, tối thứ Bẩy 5 tháng Mười Một, "Người Hát Rong Số Một" (tức Phạm Duy) đã xuất hiện và được vinh danh trong chương trình văn nghệ mở đầu những hoạt động của "Câu Lạc Bộ Phạm Duy Miền Đông Hoa Kỳ" (CLB PD MĐHK) do Nguyễn Đức An và một nhóm bạn văn nghệ sĩ thành lập. "Câu Lạc Bộ" quy tụ một số văn nghệ sĩ, tổ chức những sinh hoạt nhằm bảo vệ và phát huy văn hóa Việt Nam.

Đêm sinh hoạt mở đầu bằng phần trình diễn nhạc Phạm Duy, với ban nhạc *Tình Hồng* gồm các nhạc sĩ Phạm Hưng, Duy Tuấn và Nguyễn Đức An, các giọng ca Đan Phượng, Ngọc Hạnh, Tăng Di Linh, Nguyễn Dũng, Phương Nga, Mai Phương, Lê Cẩm, Bảo Côn, Phạm Hưng và Nguyễn Đức An. Sau đó, nhạc sĩ Phạm Duy đến từ Cali lên "diễn" Tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ*. Trong lời mở đầu, nhạc sĩ họ Phạm tuyên bố ông rất xúc động khi thấy những người hâm mộ hát cho ông nghe nhạc của ông "khi còn sinh thời, chứ không phải đợi đến 300 năm sau!"

Ông Nguyễn Đức An, bác sĩ y khoa, cũng là một người viết ca khúc và một nhạc sĩ sử dụng nhiều nhạc khí Tây và Đông phương, nhân danh "CLB PD MĐHK" trao tặng một Bảng Lưu Niệm cho nhạc sĩ Phạm Duy và chúc mừng sinh nhật thứ 73 của ông.

Được biết, CLB PD MĐHK còn tổ chức vào đêm thứ Bẩy 19 tháng Mười Một, tại Orlando, Florida, một buổi sinh hoạt mừng "thượng thọ bát tuần" nhà văn Phạm Cao Củng. TK 21 sẽ tường trình tin này trong số báo sau.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

NGUYÊN QUANG AN

Na Uy và Tôi, tập truyện của **Nguyễn Thị Vinh**. Nhà xuất bản được đặt tên rất dịu dàng và khiêm tốn: *Anh Em*. Trong kỳ trước, chúng tôi giới thiệu đến độc giả nhà xuất bản *Cái Đình* ở Hòa Lan. Như vậy là người Việt ở Bắc Âu từ nay có tới hai nhà xuất bản, chuyên chăm nom những tác phẩm có tính văn học, và đặc biệt là trân trọng với những quyển sách sẽ ra đời. Về phương diện mỹ thuật, Anh Em và Cái Đình vừa mới xuất hiện đã cho những người yêu sách một cảm giác tin tưởng. Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Thị Vinh, được chăm sóc bởi họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật, nên có một bề ngoài tuyệt mỹ. *Thế Kỷ 21* chân thành chúc nhà xuất bản Anh Em trường tồn với người Việt ly hương đang sinh sống ở Bắc Âu.

Na Uy và Tôi là những truyện mới nhất của nhà văn **Nguyễn Thị Vinh**. Sách dầy 200 trang, không thấy đề giá bán, địa chỉ liên lạc: Nguyễn Thị Vinh, Helgesensgt 72/0563 Oslo, Norway. Điện Thoại và fax 22 38 28 53.

Sách gồm 18 truyện ngắn và một bài thơ dài, thay lời bạt để đóng quyển sách lại. Nơi bìa bọc, ngay dưới tên tác giả *Nguyễn Thị Vinh* là một hàng chữ nhỏ *"Tự Lực Văn Đoàn"*. Hàng chữ này cho độc giả biết Nguyễn Thị Vinh là thành viên được thâu nhận cuối cùng của Tự Lực Văn Đoàn. Nơi bìa cuối của quyển sách là những phát biểu của một nhà văn, một nhà báo, một nhà giáo và một nhà hoạt động xã hội Na Uy. Những lời phát biểu này xuyên qua bản dịch sang tiếng Na Uy của nhà văn Dương Khoa.

Tuy quyển sách có cái tựa là "Na Uy và Tôi," Na Uy chỉ là cái cớ cho tác giả nói đến những suy nghĩ của mình về Việt Nam. Bằng văn phong Tự Lực Văn Đoàn, Nguyễn Thị Vinh cho người đọc thấy những biến chuyển trong nội tâm tác giả khi đối diện với đời sống ly hương nơi xứ người. Mọi cảnh đời nơi bà đang sống chỉ là một mặt hồ sáng như gương, đối chiếu với những cảnh đời trong hoàn cảnh tương tự ở Việt Nam.

Câu Chuyện của Lá Phong, tập truyện đầu tay của nhà thơ **Trần Mộng Tú**. Sách do nhà Thế Kỷ xuất bản, giá bán US$10.00. Sách dầy 200 trang với bìa của Khánh Trường, tựa của Nguyễn Xuân Hoàng, bạt của Nguyễn Mộng Giác, hai phụ bản của Võ Đình và chân dung tác giả qua ống kính của Lê Phúc. Liên lạc: Nhà xuất bản Thế Kỷ 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92640, ĐT (714) 638-9510.

Trần Mộng Tú bắt đầu viết từ khi còn trong nước. Thơ và văn của bà xuất hiện khá đều đặn nơi các tạp chí như *Văn Học, Văn, Thế Kỷ 21*. Năm 1990 nhà xuất bản Người Việt đã xuất bản một tập thơ Trần Mộng Tú. Với 15 truyện ngắn trong "Câu Chuyện Của Lá Phong," người đọc thấy hầu như Trần Mộng Tú là một nhà văn của cái đẹp, của lòng tử tế và nhân hậu.

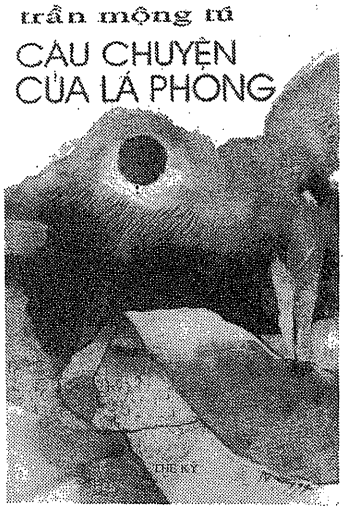

Bà chỉ muốn nói tới tính thiện của con người, mà không hề muốn nói tới tính ác cho dù xã hội hiện nay tính ác không phải là hiếm trong đời sống hàng ngày.

Cũng như Nguyễn Thị Vinh, cả hai cây bút nữ này, trong văn chương, đều muốn làm một cây cầu nối liền hai nền văn hóa Đông và Tây. Chi tiết hơn thì Trần Mộng Tú, qua đời sống riêng của bà, bà mong các con bà hiểu được cả hai cái gốc văn hóa của cha và mẹ đã tác hợp thành xương và thịt của các con. Các truyện *Mặt Ngọc Phương Đông*, *Hoa Táo* là hai viên gạch trong cây cầu tưởng tượng này. Truyện của Trần Mộng Tú cho người đọc cảm giác bâng khuâng giữa mới và cũ, giữa Đông và Tây.

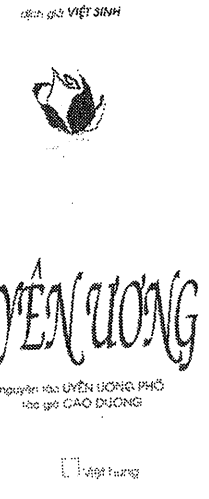

Trong lời đề bạt của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, ông ví Trần Mộng Tú là nhà văn thích *"vẽ người"*. Vẽ người khó hơn vẽ ma quỷ, đã thế bà lại còn chỉ muốn vẽ cái đẹp của con người do đó lại còn khó hơn một tầng. Tạp chí *Thế Kỷ 21* trân trọng giới thiệu truyện ngắn đầu tay của nhà văn Trần Mộng Tú.

Uyên Ương, tập truyện dịch, nguyên tác **Uyên Ương Phổ** của **Cao Dương**, dịch giả **Việt Sinh**, nhà xuất bản Việt Hưng. Sách đề giá US$10.00, ngoài

Hoa Kỳ giá US$15.00. Không có địa chỉ liên lạc.

Trong lời giới thiệu tác giả và dịch giả nơi trang cuối, độc giả được biết Cao Dương là một giáo sư đại học ở Hồng Kông. Đây là những truyện ngắn đầu tay của ông, và có lẽ cũng là những dịch phẩm đầu tay của dịch giả Việt Sinh. Trước tiên đây là một quyển truyện ngắn hay, bởi vì hồi nào tới giờ đối với văn học Trung Hoa, chúng ta chỉ được đọc những quyển sách cả ngàn năm cũ, truyện chưởng của Kim Dung, Cổ Long hay truyện tình của Quỳnh Dao. Chúng ta biết Lỗ Tấn, nhưng hình như sau Lỗ Tấn, chúng ta ít quan tâm tới những tác phẩm văn học hiện đại của Trung Hoa.

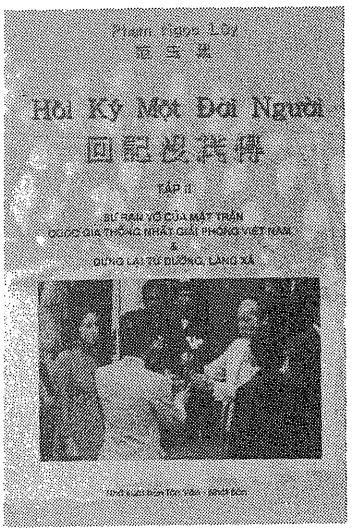

Truyện của Cao Dương cho độc giả một không khí hoài cổ. Hình như ông chuyên viết về con người và xã hội Trung Hoa, dưới thời nhà Thanh. Cả năm truyện ngắn trong tập truyện này đều viết về những nhân vật sống trước chúng ta một thời gian thật xa. Hai truyện *Người Trong Bao* và *Bà Mai Tuyết* là hai cốt truyện hay và linh động. Cao Dương có vẻ chú trọng tới chi tiết để dựng truyện nhiều hơn là văn phong. Truyện *Bài Ca Trinh Nữ* khiến cho độc giả bắt gặp lại xã hội Trung Hoa dưới thời cuối Minh và đầu Thanh. Những nhân vật trong truyện ngắn này đã biến mất trong xã hội Trung Hoa ngày nay. *Hồng Nương* và *Phượng Quay Về Tổ* cho chúng ta cảm giác bắt gặp được những nhân vật của Bồ Tùng Linh trong Liêu Trai Chí Dị. Chỉ khác một điều Bồ Tùng Linh sống dưới thời quân chủ phong kiến, nên nhân vật của Bộ phải "đội lốt" ma quỷ, hồ ly, chồn tinh. Cao Dương sống trong thời hiện tại, ông không có gì phải tránh né, kiêng cữ. Ông viết về những con người của thời cũ cũng như cái xã hội cách nay cả hai ba thế kỷ với một giọng văn đặc biệt cổ phong.

Riêng về dịch giả Việt Sinh, ông cũng là một nhà giáo, đã tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, ban Việt Hán. Cái vốn Hán học của ông giúp cho việc chuyển ngữ được chính xác. Nói chung đây là một tập truyện dịch có giá trị.

Hồi Ký Một Đời Người, tập 2, của **Phạm Ngọc Lũy**, nguyên Chủ Tịch Phong Trào Quốc Gia Yểm Trợ Kháng Chiến. Sách do nhà xuất bản Tân Văn thực hiện, dầy ngót 600 trang, giá US$25.00, trọn bộ hai cuốn. Địa chỉ liên lạc: Đỗ Thông Minh, 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku OI 1-11-4 Ogawaya Blgd. 2F Japan. Đại diện phát hành Trần Kim Xuyến 2654 Bonnie Dr, Santa Clara, CA 95051. Có thể mua sách qua Thế Kỷ, 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640.

Đây là hồi ký một chặng đời tranh đấu của tác giả. Cuốn sách khá dầy mà tác giả đã cho là một phần gia phả nhà họ Phạm (*Thay Lời Kết*), người đọc thấy rõ tác giả viết như là để công bố một sự thật, đã bị ém nhẹm trong một thời gian dài. Do mục đích đó, tác giả không chú trọng tới phần văn chương, ông chú trọng tới *sự thật*. Phong Trào Quốc Gia Yểm Trợ Kháng Chiến là một tổ chức hoạt động song song với Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam. Với tư cách Chủ tịch của Phong Trào, tác giả có cơ hội tham gia nhiều cuộc họp của các nhân vật lãnh đạo Mặt Trận như các ông Hoàng Cơ Minh, Phạm Văn Liễu, Trần Minh Công, Hoàng Cơ Định, Hoàng Cơ Long, Hoàng Cơ Trường, Nguyễn Xuân Nghĩa, Trần Xuân Ninh... Trong công cuộc vận động tài chánh, yểm trợ cho kháng chiến, tác giả cũng đã có cơ hội đi nhiều quốc gia có các xứ bộ của Mặt Trận tại Âu Châu, Á Châu và khắp nước Mỹ. Trong cương vị của một người đứng đầu một cơ chế song hành với Mặt Trận, tác giả trình bầy góc nhìn của ông về việc Mặt Trận vỡ ra thành nhiều mảnh.

Chỉ tiếc một điều, là trong cả ngàn trang sách (trọn bộ hai tập) người đọc chỉ bắt gặp những cọ sát, đấu đá có tính nội bộ. Rất hiếm có một đoạn nào đề cập tới chuyện đấu tranh trực diện với Cộng Sản. Tác giả cho thấy, ngay từ lúc mới thành lập, Mặt Trận đã chứa những mầm mống của sự chia rẽ, ngay trong thành phần lãnh đạo, chứ không phải giữa hàng ngàn đoàn viên. Có 120 tấm hình liên quan đến các hoạt động của Mặt Trận cũng như Phong Trào Yểm Trợ, nhưng không có một tấm nào ghi lại hình ảnh của những người về mò mẫm trong rừng, với ba lô súng đạn, trèo đèo vượt suối. Toàn là hình ảnh của những hội trường.

Không thể chối cãi toàn thể hải ngoại nao nức như nước vỡ bờ trong ngày Đại Hội Chính Nghĩa, do Mặt Trận tổ chức. Nào ngờ mầm chia rẽ đã có ngay từ trong những cái phất tay hô khẩu hiệu đoàn kết. Không đầy ba năm sau Mặt Trận chính thức vỡ làm hai. Hiện nay khối Cộng đang tan rã trên toàn thế giới, chúng ta cần một lực lượng quy tụ được đông đảo quần chúng hơn bao giờ hết, thì ảnh hưởng của Mặt Trận chỉ là những phản ứng hết sức thụ động. Vụ Mặt Trận vỡ hai khiến cho việc quy tụ một lực lượng tranh đấu ở hải ngoại này khó thêm một bậc.

Đây là một cuốn hồi ký cần cho những ai muốn tìm hiểu về một giai đoạn lịch sử của những người Việt sống lưu vong, và cả lịch sử dân tộc Việt nói chung.

Màng Lưới, tập I, truyện phóng tác của **Trần Hồng**, do nhà Đại Nam xuất bản, sách dầy 280 trang, giá bán US$10.00. Liên lạc: 551 Arden Ave., Glendale. ĐT (818) 242-0603.

Trần Hồng là một bút hiệu của nhà báo Nguyễn Thượng Hiệp, và "Màng Lưới" trước khi được in thành sách đã được đăng trên báo *Tin Việt*. Khi tờ báo bị đình bản thì quyển truyện khựng lại, mãi tới bây

giờ mới hoàn tất và gởi đến tay độc giả qua nhà xuất bản Đại Nam. Đây là một loại truyện đầy *action*. Những chuyện bắn giết, đâm chém, buôn lậu ma túy, thanh toán, những tưởng chỉ có trong xã hội của những tay anh chị giết người không ghê tay, nào ngờ trong chính trị cũng y chang như vậy. Truyện khởi đi từ vụ ám sát Tổng Thống Đại Hàn, ảnh hưởng của vụ ám sát này tạo thành những chuỗi phản ứng, như những vòng tròn lan rộng ra trên mặt ao khi một viên sỏi ném xuống. Đó là một phản ứng dây chuyền, liên hệ tới chính giới Mỹ, Đại Hàn, Mafia, tình báo CIA và KCIA. Ngoài ra còn có một cựu quân nhân đã chiến đấu ở Việt Nam, đang làm Phụ Tá Bộ Trưởng Tư Pháp Hoa Kỳ mầy mò trong "Màng Lưới" để tìm mọi bằng cớ truy tố một nhân viên tình báo Đại Hàn đội lốt nhà sư.

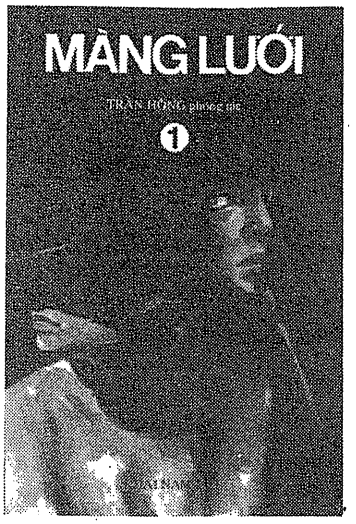

Loại văn chương bay mùi thuốc súng, và tanh máu người này kể từ Ngọc Thứ Lang dịch *The God Father*, và người chịu ảnh hưởng không thể chối cãi được của Ngọc Thứ Lang là Trường Sơn Lê Xuân Nhị trong loạt truyện dịch *The Untouchtable*, hầu như là một loại văn chương riêng. Với Trần Hồng, ông đã đẩy loại văn chương này đi xa thêm một đỗi. Không phải chỉ là bọn băng đảng, Mafia không mà thôi, những người làm chính trị tại Toà Bạch Ốc, Thanh Cung, Điện Cẩm Linh... cũng không khác nhau là mấy.

Đã mê "Bố Già" của Ngọc Thứ Lang thì phải đọc "Mạng Lưới" của Trần Hồng.

Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi, tập thơ của **Vi Khuê**. Nhà xuất bản Sao ấn hành. Sách dầy hơn 200 trang, giá US$15.00. Liên lạc: 5649 Mt Bunside Way, Burke VA 22015.

Đây không phải là một tập thơ thuần túy. Chính tác giả và nhà xuất bản đã xác nhận quyển sách như là: *"... một đánh dấu cho một giai đoạn sinh hoạt văn hóa - Cống hiến một tài liệu tham khảo về Thơ Văn hải ngoại."*

Sách chia làm hai phần rõ rệt. Một trăm trang đầu là thơ của Vi Khuê, mà trong đó bài thơ dài nhất của Vi Khuê, bài *Ta Đi* là một bài thơ tựa vào một bài thơ lớn của thi ca Việt Nam hiện đại. Đó là bài *Ta Về* của thi sĩ Tô Thùy Yên.

Trong một bài viết về buổi ra mắt sách của Vi Khuê ở Orange County, một nhà văn đã ngợi ca bài thơ *Ta Đi* của Vi Khuê và cho đây là bài thơ họa nguyên vận của bài *Ta Về*. Tôi không đồng ý vì đó không phải là họa nguyên vận, tôi dùng chữ tựa bởi vì có nhiều đoạn không hề có một liên hệ gì về vận giữa hai bài thơ. Chính Vi Khuê cũng không dùng chữ họa, trước khi vào bài thơ. Bà viết *Vọng Âm bài Ta Về của Tô Thùy Yên*. Tuy nhiên vọng như thế nào, đó là cảm nhận của mỗi người trước nguyên bản của Tô Thùy Yên và trước vọng âm của Vi Khuê.

Phần hai của quyển sách chiếm 100 trang còn lại, là những phát biểu của hơn 40 nhà văn, nhà thơ và thân hữu của tác giả. Chính phần hai này là một tài liệu cho những ai muốn tìm hiểu thi ca Việt Nam ở hải ngoại. Trong phần hai có tới hơn 60 bức ảnh chân dung những nhà văn, nhà thơ lừng lẫy của văn học Việt Nam như Vũ Hoàng Chương, Võ Phiến, Mai Thảo, Nguyên Sa, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Ngọc Ngạn, Cao Tần, Viên Linh,... Thật đúng là một quyển *album* các văn nghệ sĩ hiện đang sinh hoạt trong nhiều lãnh vực văn học nghệ thuật tại hải ngoại này.

Economic Development in Lao P.D.R.: Horizon 2000., biên khảo của nhiều tác giả và **Phạm Đỗ Chí** nhuận sắc. Sách do nhà xuất bản Vientiane ấn hành, dầy 322 trang, khổ lớn, không đề giá bán và địa chỉ liên lạc.

Đây là một tập biên khảo công phu về những viễn ảnh kinh tế của nước Lào bước sang thế kỷ 21. Lào là một quốc gia láng giềng của Việt Nam chúng ta, nằm sâu trong lục địa, không hề có một cây số đường biển. Dân tộc Lào là một dân tộc hiếu hòa, bị ảnh hưởng về chính trị, quân sự, văn hóa cũng như kinh tế của các nước láng giềng như Thái Lan, Việt Nam và Trung Hoa.

Sách viết bằng Anh Ngữ, gồm ba phần: 1. Nhìn lại kinh nghiệm quá khứ, cho thấy trong vòng năm năm, từ 1990 đến 1994, nước Lào đã "đổi mới" về mọi mặt để phát triển, cụ thể là giảm được lạm phát và ổn định kinh tế — trong khung cảnh chính trị đổi mới thực sự. 2. Nhìn về năm 2000 như một cột mốc để tiến tới, đưa nước Lào vào quỹ đạo phát triển quốc tế. 3. Quan điểm của những nước hoặc cơ quan quốc tế viện trợ cho Lào, cho thấy tinh thần hợp tác chân thành của chính phủ và nhân dân Lào đã đưa nước này đi lên.

Trong lời tựa của tập tài liệu, Bousbong Souvannavong, Thống đốc Ngân hàng Quốc gia Lào (Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào), cho biết người chủ biên, Tiến sĩ Phạm Đỗ Chí, là một chuyên viên thuộc Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), được Quỹ này cử đến Lào làm cố vấn cho chính phủ, và đã đóng vai trò

quan trọng trong toàn bộ công cuộc cải cách kinh tế tại đây.

Một cuốn sách cần có của những người quan tâm tới... Việt Nam — vì những bài toán kinh tế - chính trị của Lào cũng là những bài toán của Việt Nam. Lào đã có lời giải. Việt Nam?

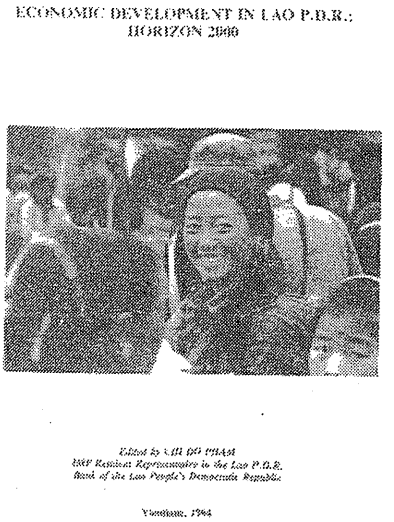

Nhận được và giới thiệu:

Trong tháng qua, TK 21 nhận được báo do các đồng nghiệp gửi tặng. Xin ghi nhận ở đây và xin cám ơn quý đồng nghiệp.

- Diễn Đàn, số 36, 37. BP 50, 92340 Bourg-la-Reine, France.
- Người Dân, số 44. PO Box 2674, Costa Mesa CA 92628.
- Cánh Én, số 38. Lotharstr 2, 90431 Nurnberg, Germany.
- Sinh Hoạt Cộng Đồng, số 10/94. Carlos-Grethe Weg 2, 7000 Stuttgart 1, Germany.
- Văn Học, số 103. PO Box 1359, Garden Grove CA 92642-1359.
- Thế Giới Ngày Nay (Wichita), số 126. 410 W 21st St., Wichita KS 67203.
- Dân Chúa (Âu Châu), số 142. Pfizerstr 5 D-70182 Stuttgart 107, Germany.
- Việt Luận, các số từ 939 đến 940. PO Box 99 Bankstown NSW 2200 Autralia.
- Dân Việt, các số từ 31 đến 33. PO Box 368 Cabramatta NSW 2166 Australia.
- Ngày Nay, các số từ 307 đến 309. 3121 San Jacinto, Houston TX 77004.
- Hiệp Nhất, số 23. PO Box 6521, Santa Ana CA 92706.
- Phật Giáo Việt Nam, số 90. 863 S Berendo St., Los Angeles CA 90005.
- Định Hướng, số 5. PO Box 2228-156, Westminster CA 92684. - Tin Nhà, số 15. 54 Léon Blum 92160, Antony, France.
- Horizons, Vol 2 #3-4. 3245 S White Rd #202, San Jose CA 95148-4056.
- Y Tế Phổ Thông, số 22. PO Box 4193, Mission Viejo CA 92690.
- Hợp Lưu, số 20. PO Box 277, Garden Grove CA 92642.
- Đối Thoại, số 2. PO Box 4692, Garden Grove CA 92642.
- Thông Luận, số 75. PO Box 672323, Houston TX 77267-2323.
- Người Việt Thế Giới, số 4. 14922 Moran St., Westminster CA 92683.
- Nắng Mới, số 36. CP 40 Côte des Neiges, MTL QUE H3S 2S4 Canada.
- Chân Nguyên, số 23. 424 S Ramona Ave., Monterey Park CA 91754.
- Giao Điểm, số 16. PO Box 2188, Garden Grove CA 92642.
- Lạc Việt, số 4. 4413 W Walnut St. #417, Garland TX 75042.
- Dân Chủ và Phát Triển, số 1. Postfach 2526-D, 58595 Iserlon, Germany.
- Tin Văn, số 1 và 2. 53 Amiral Mouchez, 75013 Paris, France.
- Phổ Thông, số 8. PO Box 16 Northlands WA 6021, Australia. ■

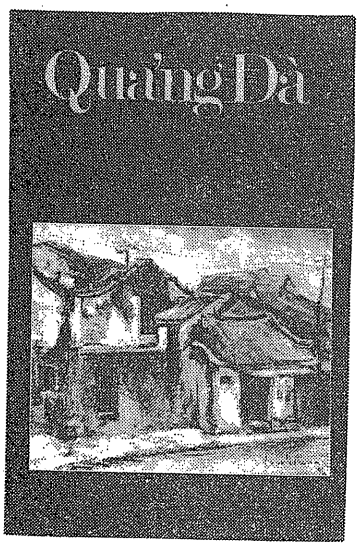

Thế Kỷ 21 hân hạnh giới thiệu:

QUẢNG ĐÀ

GIAI PHẨM MÙA THU 1994

Với bìa lọc mầu, một họa phẩm của Đinh Cường: "Mùa Thu Hội An," và văn, thơ, nhạc, họa và ảnh của hàng chục cây bút lừng lẫy, trải trên gần 350 trang báo, trình bày trang trọng, công phu...

Giá: US$10.00 (ngoài nước Mỹ US$12.00)
Liên lạc: **Giai phẩm QUẢNG ĐÀ**
PO BOX 428 ROSEMEAD CA 91770 USA
TEL (818) 286-1239 / 286-9798
FAX (818) 286-3293

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association

Nơi tụ hội của văn nghệ sĩ thuộc mọi bộ môn (nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật trình diễn, văn chương và học thuật):
Phòng triển lãm, quầy sách báo, phòng hội thảo, sân khấu bỏ túi...

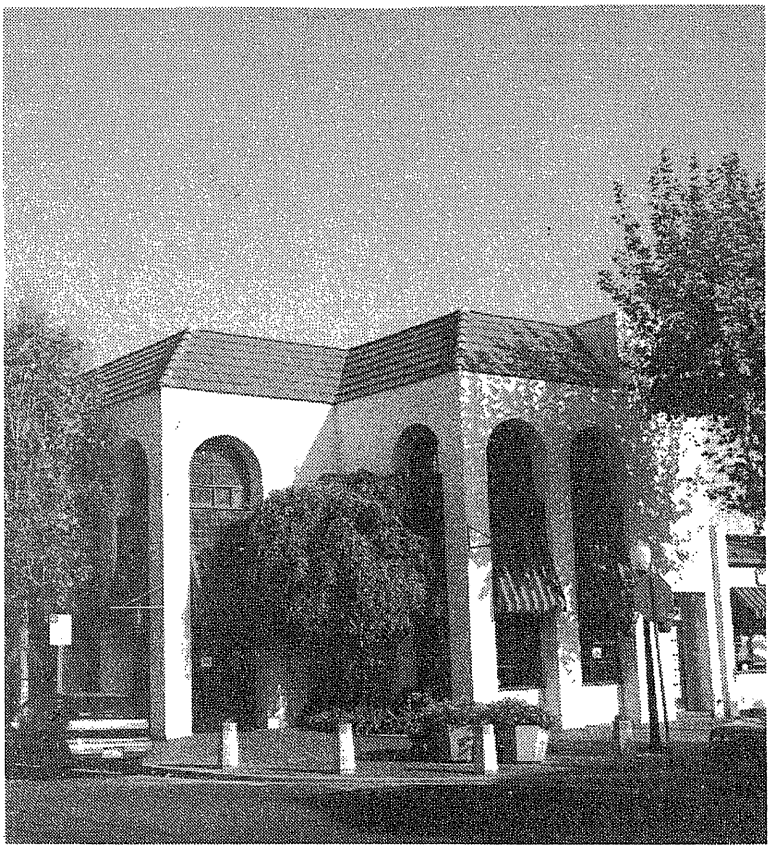

Hội viên* được đọc sách báo Việt, Anh, Pháp (tại chỗ) miễn phí; mua các sản phẩm và dịch vụ của Hội được bớt 10%. Uống cà-phê, nghe nhạc, và chuyện trò với bạn bè trong không khí văn nghệ, thanh lịch, và ấm cúng.

11022 ACACIA PARKWAY #A,
GARDEN GROVE CA 92640 USA
(góc đường Main, gần ngã tư Euclid và Garden Grove,
đậu xe ở Public Parking phía sau — vào lối đường Main.)

TEL (714) 537-8352

* Hội viên đóng niên liễm $30.00 (sinh viên và cao niên $20.00).
Độc giả dài hạn của Thế Kỷ 21 nhập Hội được trừ 10% trên tiền mua báo.

Bánh Mì Cali

$1.55/1 ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER

Hân hạnh giới thiệu các CD, Video, Băng Thơ, Băng Nhạc đã phát hành

Compact Disc:
CD 01: Nhạc Vàng Tuyển Chọn
CD 02: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
CD 03: Ave Maria
CD 04: Sao Chưa Thấy Hồi Âm
CD 05: Hòn Vọng Phu
CD 06: Cô Lái Đò
CD 07: Đêm Đông Chúa Sinh Ra Đời
CD 08: Dân Ca Ba Miền
CD 09: Chúa Là Nơi Con Nương Tựa
CD 10: Đi Trên Cỏ Non
CD 11: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển, Tỵ Nạn.
Video 1 Hai Vì Sao Lạc
Băng Thơ:
Băng Thơ 01: Tiếng Thơ
Băng Thơ 02: Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi
Băng Thơ 03: Đôi Bờ Nhớ Thương
Băng Thơ 04: Hai Sắc Hoa TyGôn
Băng Thơ 05: Chúng Ta Mất Hết Chỉ Còn Nhau
Băng Thơ 06: Thi Ca Cho Người Việt Nam Vượt Biển Tỵ Nạn
Băng Nhạc:
Hoàng Oanh 06: Dân Ca Ba Miền
Hoàng Oanh 07: Buồn Trong Kỷ Niệm
Hoàng Oanh 08: Ai Ra Xứ Huế
Hoàng Oanh 09: Thương Người Chiến Sĩ VNCH
Hoàng Oanh 10: Tuổi Học Trò
Hoàng Oanh 11: Về Đâu Mái Tóc Người Thương
Hoàng Oanh 12: Hòn Vọng Phu
Hoàng Oanh Xuân: Rước Xuân Về Nhà
Hoàng Oanh 14: Đi Trên Cỏ Non

GIÁ TIỀN:
* $US 7.00
1 Cassette
* $US12.00
1 CD
* $US 15.00
1 Video

P.O. Box 9541
Fountain Valley
CA 92728
(714)
964-7591

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
*Không bột ngọt
*Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

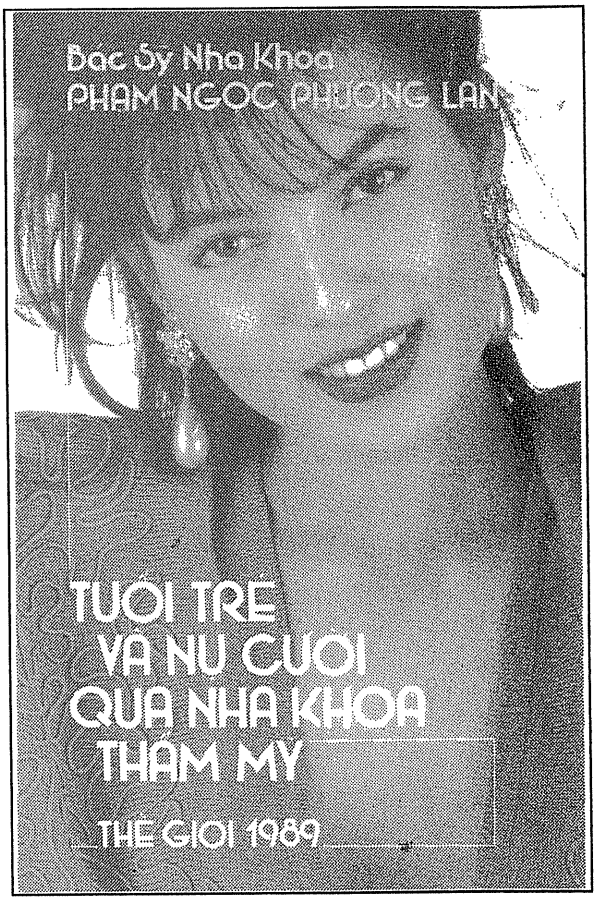

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL. (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME
ATM

California Lotters LOTTO
California Lotters DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM NHA KHOA EDINGER DENTAL

GRAND OPENING 30/10/1994

NHA SĨ LÝ QUỐC TUẤN, D.D.S.

GENERAL & COSMETIC DENTISTRY

TEL: 1-800-758-5538 HOẶC (714) 751-5538

616 W. Edinger, Santa Ana, CA 92707

(Giữa đường Bristol + Flower và Broadway + Main)

- *Giải thưởng đặc biệt về răng giả ĐHNK USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa USC.*
- *Giảng viên Khoa Chữa Răng và Nha Khoa Thẩm Mỹ USC.*
- *Tốt nghiệp Đại Học Nha Khoa Saigon.*
- *Nguyên Nha Sĩ Điều Trị Quận 5, Quận Gò Vấp.*
- *Phòng mạch cũ tại góc Vườn Chuối Phan Thanh Giản, Quận 3, Saigon.*

Chúng tôi có máy INTRA ORAL CAMERA để trình bày tường tận và trung thực về tình trạng sức khỏe răng miệng của quý vị, ngõ hầu giúp quý vị yên tâm lựa chọn chương trình điều trị riêng.

TRUNG TÂM NHA KHOA VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHỈNH NHA (NIỀNG RĂNG)

GIỜ MỞ CỬA:
Mon - Thur: 7AM - 7PM
Fri: Closed
Sat - Sun: 8 AM - 2 PM
(Xin lấy hẹn trước)

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

ĐẶC BIỆT CHÚNG TÔI CÓ PHÒNG LAB LÀM CÁC LOẠI RĂNG GIẢ TẠI CHỖ

Giá: US $ 3.00